#1 *NEW YORK TIMES* BESTSELLER

Proof *of* Heaven

Lời giới thiệu: **Giáo sư John Vu**

First News *dịch*

MINH CHỨNG THIÊN ĐƯỜNG

7 ngày trải nghiệm thế giới bên kia của một bác sĩ giải phẫu thần kinh

Eben Alexander, M.D.

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

First News

Duong Kobo's Book Club

Tủ sách Kỹ thuật số
dành cho
Kindle & Kobo

SCAN TO JOIN

Eben Alexander, M.D

Proof of Heaven

Minh chứng thiên đường

NHÀ XUẤT BẢN DÂN TRÍ

Số 9 - Ngõ 26 - Phố Hoàng Cầu - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

VPGD: Số 278 Tôn Đức Thắng - Q. Đống Đa - TP. Hà Nội

ĐT: (024). 66860751 - (024). 66860752

Email: nxbdantri@gmail.com

Website: nxbdantri.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản:

BÙI THỊ HƯƠNG

Chịu trách nhiệm nội dung:

LÊ QUANG KHÔI

Biên tập : xxxxxxxxxxxxxxx

Bìa & Trình bày : Phương Thảo

Thực hiện liên kết:

CÔNG TY TNHH VĂN HÓA SÁNG TẠO TRÍ VIỆT (First News)

Địa chỉ: 11H Nguyễn Thị Minh Khai, Q. 1, TP. HCM

XNĐKXB số 000-2022/CXBIPH/00-00/THTPHCM ngày 00/00/0000 -

QĐXB số 0000/QĐ-THTPHCM-EBOOK2023 cấp ngày 00/00/0000.

Lưu chiểu quý I/2023. ISBN: 978-604-000-000-0.

ISBN 978-604-335-535-2

GIÁ: **74.000** ĐỒNG

Lời giới thiệu của Giáo sư John Vu

Ở góc nhìn của khoa học thực nghiệm, mọi hiện tượng xảy ra đều có thể giải thích bằng các định luật khoa học; không thể có những hiện tượng "tâm linh" và đó chỉ là sự mê tín mà thôi. Như hầu hết các nhà khoa học, tiến sĩ Eben Alexander, một nhà phẫu thuật thần kinh nổi tiếng, cũng từng có suy nghĩ như thế. Ông đã tin rằng bộ óc chỉ là một cỗ máy siêu việt với những tế bào thần kinh hoạt động, nên cần được nghiên cứu và giải thích bằng các định luật vật lý và hóa học. Là một nhà khoa học tại Đại học Y khoa Harvard, ông đã nghiên cứu, giảng dạy và là tác giả của rất nhiều tài liệu nghiên cứu về thần kinh não bộ và được coi là một người có uy tín trong ngành này.

Khi trải qua một cơn bệnh hiểm nghèo rất ít ai có thể sống sót, tiến sĩ Eben đã mê man trong nhiều ngày và được coi như đã chết, nhưng ông lại hồi sinh (hiện tượng mà giới khoa học gọi là trải nghiệm cận tử - Near Death Experience - NDE). Với hiểu biết của một nhà khoa học, ông đã bối rối, nghi ngờ, và cố gắng tìm hiểu những gì đã xảy ra với chính mình. Ông đưa ra một số giả thuyết để tìm cách giải thích sự hồi sinh của mình bằng kiến thức khoa học nhưng không thể giải thích được điều này. Trải nghiệm cận tử này đã khiến ông chấp nhận và thay đổi thế giới quan khoa học mà ông đã áp dụng để nghiên cứu và giảng dạy trong bao năm qua. Sau đó, tiến sĩ Eben chuyển qua nghiên cứu các hiện tượng không thể giải thích bằng khoa học.

Là một bác sĩ phẫu thuật thần kinh có uy tín, ông đã đóng góp rất nhiều cho việc nghiên cứu về trải nghiệm cận tử. Công trình nghiên cứu của ông đã được các nhà khoa học có uy tín khen ngợi vì sự giản dị, đúng đắn và chân thật của nó.

Sau khi viết ra toàn bộ những gì đã xảy ra với mình trong bảy

ngày trải nghiệm giữa sự sống và sự chết, ông cũng đã tìm đọc về một số trải nghiệm cận tử đã được công bố và đối chiếu với trải nghiệm của chính mình để đưa ra những đúc kết mà ông đã đưa vào quyển sách *Minh Chứng Thiên Đường*. Tiến sĩ Eben tin rằng ông đã bước vào một thế giới rất mầu nhiệm và thật sự đã ở trong sự hiện diện của Thượng đế.

Bằng sự hồi tưởng của mình, tiến sĩ Eben Alexander nhận thức được rõ thế giới mà chúng ta sống thông qua trải nghiệm sự chuyển tiếp giữa sống và chết và tiếp đó đến một thế giới khác hoàn toàn tốt đẹp, an lạc mà chúng ta có thể gọi đó là "Thiên đường".

Ông viết: "Tôi không có một cơ thể - tức là một cái gì đó mà tôi ý thức được về sự hiện hữu của nó. Tôi chỉ đơn giản là đang... ở đó...".

Ông viết tiếp: "Tôi đã ở trong thế giới đó bao lâu? Tôi không biết. Khi bạn đến một nơi mà ở đó không có khái niệm thời gian như cách chúng ta trải nghiệm đời sống trong thế giới thông thường, thì việc miêu tả chính xác những điều bạn cảm nhận là gần như bất khả".

Ông diễn tả cảm nhận của mình khi vừa rời bỏ thân xác, đến Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất: "Đen tối, bẩn thỉu, nhầy nhụa, ghê rợn với những âm thanh máy móc, chát chúa như tiếng búa gõ..."; cho đến khi ông thấy một luồng ánh sáng từ xa xuất hiện: "Có cái gì đó xuất hiện trong bóng tối. Chầm chậm xoay vòng, tỏa ra những sợi ánh sáng mảnh như tơ màu vàng trắng, và những vòng xoay của nó khiến bóng tối xung quanh vỡ vụn... Rồi tôi nghe thấy một âm thanh mới: một âm thanh sống, như bản nhạc đẹp đẽ nhất, phức tạp nhất, phong phú nhất mà bạn từng nghe thấy. Trong khi thứ ánh sáng tinh khiết màu trắng đang phủ xuống, âm thanh này càng lúc càng lớn hơn và rồi lấn át hoàn toàn tiếng đập đơn điệu, máy móc... Ánh sáng đó càng lúc càng đến gần hơn, không ngừng xoay và không ngừng tạo ra những sợi tơ ánh sáng trắng tinh khiết mà giờ đây, tôi nhìn thấy thấp thoáng những sợi ánh vàng xen kẽ trong đó".

Ông diễn tả thế giới của bầu ánh sáng đó: "Rực rỡ, sống động, ngây ngất, choáng ngợp... Tôi có thể nghĩ ra rất nhiều từ để diễn tả thế giới đó trông như thế nào và cảm nhận của tôi ra sao, nhưng tất cả những từ đó đều không lột tả hết được. Tôi cảm thấy như mình đang được sinh ra. Không phải là tái sinh hay được sinh ra lần nữa. Chỉ là... được sinh ra".

Ông diễn đạt thông điệp phi ngôn từ mà ông đã cảm nhận được trong thế giới đó: "Nếu tôi phải sử dụng ngôn ngữ của loài người trên trái đất thì thông điệp đó đại khái là như thế này: 'Anh luôn được yêu thương và trân trọng, vô cùng, một tình yêu vĩnh cửu'; 'Không có gì phải sợ hãi'; 'Anh không thể làm điều gì sai'".

Ông tự đặt câu hỏi và tự mình đi đến câu trả lời: "Liệu có một sức mạnh siêu việt hay trí tuệ nào đó đang dõi theo tất cả chúng ta, quan tâm đến chúng ta bằng một tình yêu thật sự? Nếu tôi phải tóm gọn toàn bộ thông điệp này trong một câu, nó sẽ đơn giản chỉ là hai chữ 'Yêu Thương'".

Và tiến sĩ Eben Alexander đưa ra kết luận: "Rõ ràng, tình yêu thương là nền tảng của mọi thứ. Không phải là kiểu tình yêu trừu tượng, khó hiểu; là tình yêu thương mà ta thấy hằng ngày - tình yêu mà ta cảm thấy khi nhìn vợ hay chồng mình, hay các con, hay cả loài vật. Ở dạng thuần khiết và mạnh mẽ nhất, tình yêu ấy cũng không ghen tuông hay ích kỷ, mà vô điều kiện. Đây là thực tế của mọi thực tế, là chân lý của mọi chân lý, vượt trên mọi vẻ đẹp và sự hiểu biết của chúng ta. Tình yêu ấy sống và thở ở phần cốt lõi của vạn vật hiện hữu trong hiện tại và cả tương lai, và không một ai có thể đạt đến một sự hiểu biết rốt ráo rằng mình là ai và là gì, nếu không biết đến và không thể hiện tình yêu ấy trong mỗi hành động của họ".

Minh Chứng Thiên Đường là một quyển sách đặc biệt mà người đọc, dù tin hay không tin vào "Thiên đường", cũng sẽ ngạc nhiên, thích thú về sự diễn tả chi tiết hình thái duy vật của thế giới chúng ta đang sống trong sự đối chiếu với hình thái của một thế giới khác đẹp đẽ, rộng lớn, bao la, tràn đầy tình thương. Quyển sách này có thể giúp người đọc nhận ra được một thông điệp rằng "Trải nghiệm cận tử chính là một trải nghiệm về sự thức tỉnh trong một thế giới an lành bất tận với tình thương yêu vô điều kiện".

Quyển sách là một bằng chứng hiển nhiên rằng tất cả chúng ta đều là một phần của một ý thức vĩ đại, một phần của cái gì đó cao cả, siêu việt và trong đó không có sự chia rẽ cá nhân mà tất cả chỉ là một tình thương rộng lớn.

- Giáo sư John Vu

Nguyên Giám đốc Chương trình Đổi mới Công nghệ sinh học và Tính toán tại Đại học Carnegie Mellon, nguyên kỹ sư trưởng Boeing

Lời mở đầu

"Con người nên tìm kiếm sự thật,

chứ không phải sự thật mà mình mong muốn."

- Albert Einstein (1879-1955)

Lúc nhỏ, tôi thường mơ thấy mình biết bay.

Lần nào cũng vậy, tôi thấy mình đang đứng trong sân nhà vào ban đêm, ngước nhìn lên những vì sao, rồi bỗng nhiên tôi bắt đầu bay lơ lửng lên cao. Trong những xăng-ti- mét đầu tiên, tôi như được tự động nhấc bổng lên. Nhưng ngay sau đó, tôi nhận ra là càng lên cao, chuyển động bay lên của tôi càng phụ thuộc vào bản thân tôi - vào nhất cử nhất động của tôi. Nếu trở nên quá phấn khích hay quá chìm đắm vào trải nghiệm này, tôi sẽ lập tức rơi xuống không phanh... ngã oạch trên đất. Nhưng nếu tôi cứ giữ tinh thần thoải mái, điềm tĩnh đón nhận mọi chuyện xảy ra, thì tôi sẽ bay lên cao, càng lúc càng nhanh về phía bầu trời sao.

Có lẽ những giấc mơ đó là một phần lý do vì sao khi lớn lên, tôi dành nhiều tình yêu cho máy bay và tên lửa - những thứ có thể đưa tôi lên lại với thế giới ở trên cao kia, bên trên thế giới này. Trong những chuyến bay cùng với gia đình, tôi thường gí sát mặt vào cửa sổ máy bay từ lúc cất cánh cho đến khi hạ cánh. Vào mùa hè năm 1968, khi tôi mười bốn tuổi, tôi đã tiêu toàn bộ số tiền kiếm được từ công việc cắt cỏ vào lớp học lái tàu lượn với một anh tên là Gus Street ở Strawberry Hill, một "sân bay" nhỏ - thực chất là một dải cỏ - ở rìa phía tây của Winston-Salem thuộc bang Bắc Carolina, thị trấn nơi tôi lớn lên. Tôi vẫn còn nhớ như in cảm giác tim mình đập thình thịch khi kéo cái tay nắm cần lái to màu đỏ anh đào để tháo rời sợi dây nối giữa tôi và chiếc máy bay kéo, rồi cho chiếc tàu lượn chao nghiêng xuống phía cánh đồng. Đó là lần đầu tiên tôi có được cảm giác thật sự một mình và tự do. Đa số bạn

bè của tôi nếm trải cảm giác này khi lái xe ô-tô, nhưng với số tiền bỏ ra, tôi nghĩ cảm giác khi lái một chiếc tàu lượn ở độ cao trên 300 mét tuyệt hơn gấp trăm lần.

Vào những năm 1970, trong thời gian học đại học, tôi tham gia vào đội tuyển nhảy dù (skydiving) của trường Đại học Bắc Carolina. Tôi cảm thấy như thể mình là thành viên của một đội đặc nhiệm vậy - một nhóm người có kỹ năng đặc biệt và làm nên những kỳ tích. Cú nhảy đầu tiên của tôi thật sự hãi hùng; cú nhảy thứ hai thậm chí còn khiếp đảm hơn. Nhưng đến cú nhảy thứ mười hai, khi tôi bước ra khỏi cửa máy bay và phải rơi tự do hơn 300 mét trước khi bung dù (cú "bung dù chậm mười giây" đầu tiên của tôi), tôi đã có cảm giác bầu trời là nhà. Trong suốt thời đại học, tôi đã thực hiện 365 cú nhảy dù và tổng cộng hơn ba tiếng rưỡi rơi tự do, chủ yếu là trong đội hình gồm tối đa hai mươi lăm đồng đội. Cho dù tôi đã ngưng nhảy dù từ năm 1976, nhưng tôi vẫn không ngừng mơ những giấc mơ nhảy dù sống động, và những giấc mơ ấy luôn mang lại cho tôi cảm giác thật dễ chịu.

Thời gian nhảy dù tuyệt nhất thường là vào buổi chiều, khi mặt trời đang dần lặn xuống dưới đường chân trời. Thật khó để lột tả được cảm giác mà tôi nếm trải khi thực hiện những cú nhảy đó: cảm giác gần chạm đến một điều gì đó mà tôi chưa bao giờ gọi tên được, chỉ biết rằng mình phải có được trải nghiệm đó thêm nhiều lần nữa. Không hẳn là cảm giác một mình đơn độc, bởi cách thức mà chúng tôi nhảy dù thật ra không hoàn toàn đơn độc như nghĩa của từ này. Chúng tôi nhảy theo nhóm gồm năm, sáu, hoặc đôi khi mười hay mười hai người mỗi lần, tạo nên một đội hình rơi tự do. Đội hình càng lớn và mức độ thử thách càng cao thì trải nghiệm càng tuyệt vời.

Một ngày thứ Bảy đẹp trời vào mùa thu năm 1975, chúng tôi, gồm phần lớn các thành viên của đội tuyển nhảy dù trường Đại học Bắc Carolina cùng với một số bạn bè, tụ họp tại một trung tâm nhảy dù ở phía đông bang Bắc Carolina để lập ra một số đội nhảy theo đội hình. Ở cú nhảy áp chót của ngày hôm đó từ một chiếc D18 Beechcraft ở độ cao 3.200 mét, chúng tôi tạo thành một hình bông tuyết gồm mười người. Chúng tôi đã tạo được một hình hoàn chỉnh trước khi rơi qua độ cao 2.100 mét, và như thế, chúng tôi có đến trọn mười tám giây bay trong đội hình, rơi tự do xuống một khoảng không sâu thẳm giữa hai cột mây tích sừng sững trước khi tách đội hình ở độ cao hơn 1.000 mét và bắt đầu bung dù.

Mặt trời đã lặn hẳn khi chúng tôi chạm đất. Nhưng nhờ nhanh

chóng nhảy lên một chiếc máy bay khác và chiếc máy bay cất cánh ngay lập tức, chúng tôi vẫn kịp bay trở lại lên cao khi những tia nắng cuối cùng đang lịm tắt để thực hiện cú nhảy hoàng hôn thứ hai. Ở cú nhảy này, hai thành viên mới sẽ thực hiện cú nhảy đội hình đầu tiên của mình - có nghĩa là họ sẽ tham gia vào đội hình từ bên ngoài thay vì là người ở vị trí chốt (thì sẽ dễ dàng hơn vì nhiệm vụ của họ chỉ là rơi thẳng xuống trong khi những thành viên khác phải thực hiện những thao tác sao cho có thể bay về phía họ để tạo đội hình). Không chỉ hai thành viên mới rất phấn khích với thử thách này mà cả chúng tôi, những người có kinh nghiệm dày dạn hơn, cũng vậy, bởi chúng tôi đều mong muốn có thể xây dựng một đội, trong đó các thành viên mới ngày càng có thêm kinh nghiệm để sau này họ có thể cùng chúng tôi tạo nên những đội hình nhảy dù lớn hơn nữa.

Tôi là người nhảy cuối cùng trong sáu người với nỗ lực thực hiện tạo hình ngôi sao sáu cánh ở phía trên đường băng của một sân bay nhỏ nằm ở ngoại ô Roanoke Rapids, bang Bắc Carolina. Người nhảy ngay phía trước tôi là Chuck. Chuck có khá nhiều kinh nghiệm trong việc "liên kết đội hình" (*relative work - RW*), có nghĩa là tạo đội hình rơi tự do. Ở độ cao gần 2.300 mét, chúng tôi vẫn đang rơi trong ánh nắng chiều, nhưng ở độ cao bên dưới chúng tôi hơn 2.000 mét, đèn đường đã bắt đầu nhấp nháy sáng.

Những cú nhảy trong ánh chạng vạng lúc nào cũng tuyệt vời và chắc chắn sẽ tạo ra một cảnh tượng tuyệt đẹp.

Dù ra khỏi máy bay sau Chuck chỉ khoảng một giây, tôi vẫn phải di chuyển thật nhanh để theo kịp mọi người. Trong khoảng bảy giây đầu, tôi lao đầu thẳng xuống nhanh như tên bắn. Nhờ vậy, tôi sẽ có thể rơi ở vận tốc nhanh hơn các đồng đội khoảng 160 km/giờ để có thể gia nhập đội hình sau khi họ đã lập đội hình sơ khởi.

Theo quy trình thông thường cho những cú nhảy RW, tất cả các thành viên sẽ tách rời nhau ở độ cao hơn 1.000 mét và di chuyển ra khỏi đội hình xa nhất có thể. Mỗi người sẽ "vẫy chào tạm biệt" bằng cánh tay (báo hiệu chuẩn bị bung dù), ngước nhìn lên để đảm bảo không có ai ở phía trên mình rồi kéo dây dù.

"Ba, hai, một… nhảy!"

Bốn người đầu tiên đã rời khỏi máy bay, kế đến là Chuck và tôi ở ngay sau họ. Trong tư thế chúc đầu xuống và gần đạt đến vận tốc đầu cuối[1], tôi mỉm cười khi nhìn thấy mặt trời lặn lần thứ hai trong ngày. Sau khi lao nhanh về phía những người khác, kế

hoạch của tôi là sẽ thực hiện thao tác phanh gấp trên không bằng cách ném hai cánh tay ra (chúng tôi có những đôi cánh bằng vải từ cổ tay dài đến hông với sức cản gió rất lớn khi chúng căng phồng hết mức ở tốc độ cao) và hướng thẳng phần ống tay và ống quần hình chuông của bộ đồ bay của tôi vào luồng không khí đang thổi tới.

---

[1] Vận tốc đầu cuối là vận tốc cao nhất có thể đạt được bởi một vật thể rơi qua không khí hoặc nước. Khi đạt vận tốc đầu cuối, lực hấp dẫn hướng xuống bằng tổng của độ nổi của đối tượng và lực kéo.

Nhưng tôi đã không có cơ hội làm điều đó.

Trong lúc đang lao thẳng về hướng đội hình, tôi thấy một trong hai thành viên mới đang lao đến quá nhanh. Có lẽ vì rơi nhanh giữa những đám mây san sát nhau nên anh ta hơi hoảng - nó nhắc anh ta nhớ rằng mình đang lao đi với vận tốc khoảng 60 mét/giây xuống hành tinh khổng lồ bên dưới, đang dần bị che phủ từng phần bởi bóng tối đang buông xuống. Thay vì từ từ gia nhập đội hình ở vị trí rìa, cậu ta lao nhanh vào giữa đội hình, khiến cho tất cả mọi người bị tách rời khỏi nhau. Bây giờ thì cả năm người còn lại của đội hình ngôi sao đều lộn nhào ngoài khả năng kiểm soát.

Khoảng cách giữa họ cũng quá gần nhau. Mỗi người nhảy dù để lại phía sau mình một luồng khí áp thấp cực kỳ nhiễu loạn. Nếu bất kỳ một người nhảy dù nào rơi vào luồng không khí đó, anh ta sẽ bị tăng tốc đột ngột và có thể lao vào người ở phía dưới mình. Cú va này sẽ khiến cho cả hai cùng bị tăng tốc và sẽ va vào bất kỳ ai đang ở bên dưới họ. Tóm lại, đây chính là công thức tạo ra thảm họa.

Tôi liền gập người lại và di chuyển ra xa khỏi đội hình để tránh kết cục hỗn loạn xảy ra. Tôi cố gắng di chuyển nhanh nhất có thể cho tới khi tôi rơi đến ngay phía trên "điểm rơi", vị trí lý tưởng trên mặt đất mà từ ngay phía trên vị trí đó, chúng tôi sẽ bung dù và nhẹ nhàng đáp xuống trong vòng hai phút.

Tôi nhìn ra xung quanh và thật nhẹ nhõm khi thấy những thành viên còn lại cũng đang dần tách khỏi nhau, không còn tụ lại thành một cụm nguy hiểm chết người nữa.

Chuck cũng ở trong số đó. Đột nhiên, tôi sửng sốt khi thấy cậu ta đang tiến thẳng về phía mình. Cậu ta dừng lại ngay phía dưới tôi. Trong khi cả nhóm còn chưa thoát được những cú lộn nhào, chúng tôi đồng thời cũng đã rơi xuống qua khỏi độ cao 600 mét,

nhanh hơn Chuck dự tính. Có lẽ Chuck nghĩ cậu ta đã may mắn thoát ra và không cần phải tuyệt đối tuân thủ các quy tắc.

Cậu ta chắc hẳn đã không thấy mình. Ý nghĩ đó chỉ vừa kịp thoáng qua đầu tôi thì chiếc máng hoa tiêu[1] nhiều màu sặc sỡ của Chuck đã bung ra khỏi ba lô của cậu ta. Chiếc máng hoa tiêu của Chuck bắt lấy cơn gió mạnh hơn 190 km/giờ đang thổi đến chỗ cậu ta và bay thẳng về phía tôi, kéo theo sau nó là chiếc dù chính còn chưa bung.

Tôi chỉ có một phần mấy giây để phản ứng kể từ lúc tôi nhìn thấy chiếc máng hoa tiêu của Chuck bung ra, bởi vì sẽ mất gần một giây để tôi lộn người xuống, băng qua chiếc dù chính đang bung ra của Chuck, và - rất có khả năng - sẽ lao thẳng vào người cậu ta. Ở vận tốc đó, nếu tôi va vào chân hay tay của Chuck, tôi sẽ làm chúng đứt lìa, và bản thân tôi cũng bị một cú trời giáng chết người. Còn nếu tôi lao trực diện vào người cậu ta thì cả hai chúng tôi về cơ bản là sẽ nát thây.

---

[1] Máng hoa tiêu là một loại dù phụ nhỏ dùng để triển khai dù chính hoặc để dự bị.

Người ta nói mọi thứ chuyển động chậm hơn trong những tình huống như thế này, và họ nói đúng. Tâm trí tôi quan sát sự việc diễn ra trong vài phần triệu giây như thể đang xem một thước phim chiếu chậm vậy.

Ngay thời khắc trông thấy chiếc máng hoa tiêu của Chuck, tôi lập tức hạ hai cánh tay xuống dọc hai mạn sườn và duỗi thẳng người trong tư thế cắm đầu xuống, rồi cong người lại thật nhẹ nhàng ở phần hông. Tư thế thẳng đứng giúp tôi tăng tốc, còn độ cong của cơ thể khiến tôi trở thành một chiếc cánh hữu hiệu, để tôi có thể di chuyển sang phương ngang, hơi chậm lúc ban đầu, rồi khi có đà sẽ trượt vút qua Chuck, ngay trước chiếc dù Para-Commander sặc sỡ đang bung ra của cậu ta.

Tôi bay ngang qua Chuck với vận tốc hơn 240 km/giờ hay 67 mét/giây. Ở vận tốc đó, tôi không tin rằng Chuck có thể kịp nhìn thấy được biểu cảm trên gương mặt tôi. Nhưng nếu kịp, cậu ta sẽ thấy một vẻ sửng sốt tột độ. Bằng cách nào đó mà tôi đã phản ứng được với một tình huống như vậy chỉ trong vài phần triệu giây, một tình huống mà nếu có thời gian để suy nghĩ, tôi sẽ thấy là quá phức tạp để tôi có thể tự mình xử lý.

Vậy mà... tôi đã xử lý được nó, và cả hai chúng tôi đều đáp xuống an toàn. Cứ như thể là khi rơi vào một tình huống đòi hỏi khả năng đáp ứng cao hơn thông thường, bộ não của tôi trong một khoảnh khắc đã trở nên siêu việt.

Làm thế nào tôi lại làm được điều đó? Hơn hai mươi năm theo đuổi công việc nghiên cứu giải phẫu thần kinh theo hướng học thuật - tức là nghiên cứu bộ não, quan sát cách nó hoạt động, và thực hiện những cuộc giải phẫu - tôi đã có rất nhiều cơ hội để suy ngẫm về câu hỏi này. Cuối cùng, tôi đã đi đến kết luận rằng đó là nhờ bộ não, một cỗ máy thật sự phi thường, thậm chí phi thường hơn chúng ta nghĩ.

Tuy nhiên, bây giờ thì tôi nhận ra câu trả lời thật sự cho câu hỏi này sâu sắc hơn rất nhiều. Nhưng để hé mở được phần nào câu trả lời đó, tôi đã phải trải qua một giai đoạn mà cuộc sống và thế giới quan của tôi được chuyển hóa hoàn toàn. Quyển sách này viết về những sự kiện đã khiến tôi thay đổi quan điểm và nhận thức của mình về vấn đề đó. Những sự kiện này đã thuyết phục tôi rằng cho dù bộ não là một cỗ máy kỳ diệu đến thế nào, nhưng điều đã cứu sống tôi ngày hôm đó hoàn toàn không phải là bộ não của tôi. Thứ đã làm nảy sinh ra hành động vào thời khắc ngay khi chiếc dù của Chuck bắt đầu bung ra là một phần khác, nằm ở rất sâu bên trong tôi. Một phần có khả năng ứng phó rất nhanh, bởi nó không hề bị mắc kẹt trong thời gian, như bộ não và thân thể.

Thật ra, chính phần này trong tôi đã khiến tôi luôn nhớ nhung bầu trời khi mới chỉ là một đứa trẻ. Không chỉ là phần thông minh nhất, nó còn là phần sâu thẳm nhất của mỗi chúng ta. Ấy vậy mà trong phần lớn cuộc đời trưởng thành của mình, tôi đã không thể nhận ra để đặt niềm tin vào nó.

Nhưng bây giờ thì tôi đã tin, và những trang tiếp theo trong quyển sách này sẽ cho bạn biết tại sao.

*

Tôi là một nhà giải phẫu thần kinh học.

Tôi tốt nghiệp Đại học Bắc Carolina ở Chapel Hill, chuyên ngành hóa học vào năm 1976, sau đó tôi lấy bằng tiến sĩ y khoa tại trường Đại học Y khoa Duke vào năm 1980. Trong suốt mười một năm theo học ngành y và được đào tạo nội trú tại Đại học Y khoa Duke, Bệnh viện Đa khoa Massachusetts và Trường Y khoa Harvard, tôi tập trung nghiên cứu về nội tiết thần kinh, ngành

học nghiên cứu về mối tương quan giữa hệ thần kinh và hệ nội tiết - tức toàn bộ các tuyến giải phóng hoóc môn, chỉ đạo hầu hết các hoạt động trong cơ thể chúng ta. Trong mười một năm đó, tôi cũng dành ra hai năm để nghiên cứu cách phản ứng bệnh lý của các mạch máu trong một vùng của bộ não khi có hiện tượng chảy máu do phình mạch - một hội chứng mà chúng ta gọi là chứng co thắt mạch máu não.

Sau khi hoàn thành chương trình nghiên cứu sinh về giải phẫu mạch máu não tại Newcastle-Upon-Tyne, Anh quốc, tôi trở thành phó giáo sư ngoại khoa của Trường Y khoa Harvard, chuyên khoa giải phẫu thần kinh và làm việc ở đó trong mười lăm năm. Trong suốt những năm đó, tôi đã giải phẫu cho vô số bệnh nhân, phần lớn bị bệnh não ở mức nghiêm trọng, đe dọa mạng sống.

Công việc nghiên cứu của tôi chủ yếu tập trung phát triển những quy trình kỹ thuật tiên tiến chẳng hạn như xạ phẫu định vị lập thể, một kỹ thuật cho phép bác sĩ giải phẫu định hướng chính xác những chùm tia xạ vào những mục tiêu cụ thể sâu bên trong não mà không ảnh hưởng đến những vùng kế cận. Tôi cũng đóng góp vào việc phát triển quy trình giải phẫu thần kinh dựa trên độ chính xác của ảnh chụp cộng hưởng từ, là phương pháp chủ yếu để điều trị những căn bệnh nan y liên quan đến bộ não, chẳng hạn như những khối u hay rối loạn tuần hoàn. Trong những năm đó, tôi cũng làm việc trong vai trò tác giả và đồng tác giả của hơn 150 chương sách và bài nghiên cứu cho các tạp chí y khoa được thẩm định bởi các đồng nghiệp trong ngành; đồng thời, tôi cũng trình bày những kết quả nghiên cứu của mình tại hơn hai trăm hội thảo y khoa ở nhiều nơi trên thế giới.

Tóm lại, tôi đã dành cả đời mình cho khoa học. Tôi nhận ra sứ mệnh của đời mình là giúp đỡ và chữa bệnh cho con người bằng các phương tiện và phương pháp y khoa hiện đại, và đồng thời tìm hiểu sâu hơn về cơ chế vận hành của cơ thể và bộ não người. Tôi cảm thấy vô cùng may mắn khi đã nhận ra được sứ mệnh của mình. Một điều quan trọng hơn là tôi có một người vợ xinh đẹp cùng hai con đáng yêu, và tuy công việc chiếm phần lớn thời gian của tôi, tôi không hề bỏ bê gia đình. Công việc và gia đình là hai đặc ân mà tôi có được trong đời mình. Xét về nhiều mặt, tôi là một người rất may mắn, và tôi biết vậy.

Thế nhưng, vào ngày 10 tháng Mười Một năm 2008, khi tôi ở tuổi năm mươi bốn, vận may của tôi dường như dừng lại ở đó. Tôi đã mắc phải một căn bệnh hiếm gặp và rơi vào tình trạng hôn mê trong bảy ngày liền. Trong suốt thời gian đó, toàn bộ phần vỏ não

mới của tôi - tức bề mặt ngoài của não, phần não tạo nên nhận thức và tư duy con người của chúng ta - hoàn toàn ngưng hoạt động. Không một hoạt động nào diễn ra. Về cơ bản, tôi không hiện diện trong suốt thời gian đó.

Khi bộ não không hiện diện, chúng ta cũng không còn hiện hữu. Qua nhiều năm trong vai trò một bác sĩ giải phẫu thần kinh, tôi đã nghe nhiều câu chuyện về những trải nghiệm lạ thường mà nhiều người trải qua, thường là sau khi tim họ ngừng đập: những câu chuyện kể về trải nghiệm đi đến những nơi huyền bí có phong cảnh tuyệt vời; trò chuyện với những người thân đã qua đời trước họ, thậm chí có người đã gặp được đấng tối cao của họ.

Toàn là những trải nghiệm tuyệt vời - điều này không có gì phải bàn cãi. Nhưng tôi nghĩ tất cả chỉ đơn thuần là tưởng tượng. Điều gì đã tạo ra những hình thức trải nghiệm siêu nhiên mà quá nhiều người trải qua và kể lại như vậy? Tôi không tự nhận là mình biết, nhưng tôi biết rằng những trải nghiệm đó xuất phát từ bộ não. Toàn bộ nhận thức đều từ đó mà ra. Nếu bộ não của chúng ta không hoạt động, chúng ta không thể nhận thức.

Đó là vì bộ não vốn là một cỗ máy tạo ra ý thức. Khi cỗ máy này không may ngừng hoạt động, ý thức cũng ngừng theo. Thật ra bản chất của vấn đề cũng chỉ đơn giản như vậy thôi, dù cho cơ chế thật sự vận hành các quy trình của bộ não phức tạp và bí ẩn đến đâu đi chăng nữa. Rút phích cắm là ti-vi sẽ tắt. Chương trình cũng dừng tại đó, cho dù bạn đang xem nó say sưa đến mức nào.

Đó là những điều mà tôi hẳn đã nói với bạn trước khi bộ não của tôi ngừng hoạt động.

Trong suốt thời gian tôi hôn mê, bộ não của tôi không phải là hoạt động lỗi, mà chính xác là nó đã ngừng hoạt động hoàn toàn. Giờ thì tôi nghĩ có lẽ nhờ vậy mà khi đó tôi đã có được trải nghiệm cận tử sâu sắc và mạnh mẽ đến như vậy. Nhiều ghi chép về trải nghiệm cận tử cho thấy hiện tượng này xảy ra sau khi tim ngừng đập một thời gian. Trong những trường hợp này, vỏ não tạm ngưng hoạt động nhưng nhìn chung không bị thương tổn quá mức, miễn sao dòng máu chứa ôxy sớm được khôi phục nhờ vào thủ thuật hồi sức tim phổi hay tái kích hoạt chức năng tuần hoàn của tim trong vòng khoảng bốn phút. Nhưng trong trường hợp của tôi, vỏ não mới đã ngừng hoạt động hoàn toàn. Tôi đã bước vào thực tại của một thế giới ý thức tồn tại hoàn toàn độc lập khỏi những giới hạn của bộ não vật lý.

Có thể nói, trong trường hợp của tôi, thực tại đó là một loạt những trải nghiệm cận tử xảy ra theo một trình tự hoàn hảo. Là một bác sĩ giải phẫu thần kinh đang hành nghề và đã trải qua hàng chục năm nghiên cứu và trực tiếp thực nghiệm những kết quả nghiên cứu của mình trong phòng mổ, tôi tự xem mình có khả năng nhận định đúng đắn trên mức trung bình không chỉ đối với những sự việc thực tế mà cả những hàm ý đằng sau những gì đã xảy ra với tôi.

Những hàm ý này vượt xa ngoài khả năng mô tả. Những gì tôi đã trải qua giúp tôi nhận ra rằng cái chết của cơ thể và bộ não không đồng nghĩa với sự chấm dứt của ý thức, rằng trải nghiệm của con người vẫn tiếp tục diễn ra sau cái chết. Quan trọng hơn, sự trải nghiệm đó tiếp diễn dưới ánh mắt dõi theo của Thượng đế - đấng tối cao luôn tràn đầy tình yêu thương và quan tâm tới mỗi chúng ta, luôn quan tâm đến việc vũ trụ này và vạn vật ở bên trong nó rốt cuộc sẽ đi về đâu.

Nơi mà tôi đã đến là *thực*. *Thực* theo cách mà nó khiến cho cuộc sống hiện giờ và ở đây của chúng ta trở nên hoàn toàn như một giấc mộng nếu đem ra so sánh. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa là tôi không trân trọng cuộc sống mà tôi đang sống bây giờ. Thật ra, tôi còn trân trọng và yêu quý cuộc sống này hơn cả trước đây. Bởi vì giờ đây tôi nhìn cuộc sống trong bối cảnh thật sự của nó.

Cuộc sống này hoàn toàn không vô nghĩa. Nhưng chúng ta chẳng thể nào nhìn thấy được sự thật này từ vị trí hiện tại của chúng ta - ít nhất là không phải lúc nào cũng nhìn thấy được. Câu chuyện về những gì đã xảy đến với tôi trong thời gian tôi hôn mê sẽ luôn là câu chuyện quan trọng nhất mà tôi nên kể trong đời mình, tôi tin là như thế. Nhưng đó là câu chuyện không dễ dàng để kể, bởi nó quá khác lạ so với hiểu biết thông thường. Tôi không thể đơn giản cứ đứng rêu rao trước đám đông. Bên cạnh đó, những kết luận của tôi về trải nghiệm của bản thân đều dựa trên những phân tích y khoa, đồng thời dựa trên hiểu biết của tôi về những khái niệm tiên tiến nhất trong khoa học não bộ và những nghiên cứu về ý thức. Khi đã nhận ra sự thật đằng sau hành trình của mình, tôi biết rằng tôi nhất thiết phải kể lại. Và kể lại sự thật đó một cách chuẩn xác nhất đã trở thành nhiệm vụ trọng tâm của đời tôi.

Tôi không có ý nói rằng tôi sẽ từ bỏ công việc chuyên môn y khoa và cuộc sống của một bác sĩ giải phẫu thần kinh. Nhưng giờ đây, khi tôi đã có được đặc ân để hiểu được rằng cuộc sống của chúng ta không kết thúc đồng thời với cái chết của cơ thể hay não bộ, tôi

xem việc kể lại với mọi người những gì tôi đã nhìn thấy ở bên ngoài giới hạn của cơ thể và bên ngoài trái đất này là nhiệm vụ, là tiếng gọi bên trong tôi. Tôi đặc biệt háo hức muốn kể câu chuyện của mình cho những người có thể đã từng nghe những câu chuyện tương tự và muốn tin, nhưng vẫn chưa thể tin hoàn toàn.

Quyển sách này quả thật là dành cho những người đó, hơn bất kỳ ai khác, với thông điệp mà nó mang theo. Điều mà tôi cảm thấy nhất thiết phải chia sẻ với bạn sau đây là vô cùng quan trọng và nó là sự thật.

1

Cơn đau

Lynchburg, bang Virginia - ngày 10 tháng Mười Một, năm 2008

Tôi bất chợt mở mắt. Trong bóng tối của căn phòng ngủ, mắt tôi bị hút về phía ánh sáng đỏ của chiếc đồng hồ ở cạnh giường: 4 giờ 30 phút sáng - sớm hơn một tiếng so với giờ tôi thức dậy thường ngày để chuẩn bị lái xe suốt bảy mươi phút từ nhà ở Lynchburg, Virginia đến nơi làm việc, Viện Phẫu thuật Siêu âm Hội tụ ở Charlottesville. Holley, vợ tôi, vẫn đang ngon giấc kế bên tôi.

Sau gần hai mươi năm làm việc trong lĩnh vực nghiên cứu giải phẫu thần kinh tại vùng Boston, cách nay hai năm, vào năm 2006, tôi và Holley cùng cả gia đình chuyển đến vùng cao nguyên thuộc Virginia. Holley và tôi gặp nhau vào tháng Mười năm 1977, hai năm sau khi cả hai chúng tôi tốt nghiệp đại học. Vào thời điểm đó, Holley đang theo học thạc sĩ chuyên ngành mỹ thuật, còn tôi đang học trường y. Lúc đó Holley đang hẹn hò với Vic, bạn cùng phòng của tôi. Một ngày nọ, Vic đưa cô ấy đến giới thiệu với tôi, có lẽ để khoe. Khi họ sắp rời đi, tôi nói với Holley là cô ấy có thể trở lại thăm tôi bất cứ lúc nào, còn nhắn nhủ thêm rằng cô ấy không nhất thiết phải đến cùng Vic.

Trong buổi hẹn hò thật sự đầu tiên, chúng tôi lái xe đến một bữa tiệc ở Charlotte, Bắc Carolina, mỗi chiều đi và về mất hai tiếng rưỡi đồng hồ. Hôm đó, Holley đang bị viêm thanh quản nên tôi phải lãnh nhiệm vụ nói đến 99% thời gian, cả chuyến đi và về. Tôi thấy nhiệm vụ đó thật dễ dàng. Chúng tôi cưới nhau vào tháng Sáu năm 1980 tại Nhà thờ Giám nhiệm Thánh Thomas ở Windsor, Bắc Carolina và sau đó một thời gian, chúng tôi chuyển đến sống ở khu căn hộ Royal Oaks (tạm dịch: Cây sồi Hoàng gia) ở Durham, nơi tôi đang theo học chương trình nội trú chuyên

ngành phẫu thuật của trường Đại học Duke. Nơi ở của chúng tôi còn xa mới gọi là đầy đủ tiện nghi và tôi cũng không nhớ ở đó có cây sồi nào không. Chúng tôi thường xuyên cạn túi nhưng cả hai đều quá bận rộn, và quá hạnh phúc bên nhau, nên chẳng mấy bận tâm. Một trong những kỳ nghỉ đầu tiên của chúng tôi là một chuyến du lịch cắm trại vào mùa xuân tại các bờ biển của bang Bắc Carolina. Mùa xuân là mùa sinh sôi của ruồi "no-see- um" (có nghĩa là: không nhìn thấy chúng), một loài ruồi hút máu họ dĩn, ở khu vực Carolina, mà cái lều của chúng tôi thì chẳng ngăn chặn được chúng bao nhiêu. Tuy vậy, chúng tôi vẫn cảm thấy rất vui. Khi đang bơi cùng những con sóng vào một buổi chiều ở Ocracoke, tôi đã nghĩ ra một cách để bắt những con cua mai xanh đang chạy cuống cuồng tìm chỗ trốn dưới chân tôi. Chúng tôi mang một mẻ cua đầy ắp về nhà nghỉ Pony Island, nơi chúng tôi đang ở cùng mấy người bạn, và đem nướng chúng trên vỉ. Số cua đủ cho tất cả mọi người ăn thoải mái. Mặc dù luôn chi tiêu dè sẻn, chẳng bao lâu sau chúng tôi đã cạn túi. Lúc đó, chúng tôi đang ở cùng hai người bạn thân là Bill và Patty Wilson. Vào một đêm nọ, trong một phút cao hứng, chúng tôi quyết định theo họ đến chỗ chơi lô tô. Trong suốt mười năm, cứ vào mùa hè và mỗi thứ Năm, Bill đều đi chơi trò này nhưng cậu ấy chưa bao giờ thắng. Đó là lần đầu tiên Holley chơi lô tô. Có thể vì người mới chơi lần đầu thường gặp may, hoặc cũng có thể nhờ thánh nhân phù hộ mà cô ấy đã thắng được hai trăm đô-la. Đối với chúng tôi lúc đó, số tiền này như năm ngàn đô vậy. Nhờ vận may này mà chuyến đi được kéo dài hơn và chúng tôi cũng được vui chơi thoải mái hơn.

Tôi lấy bằng tiến sĩ y khoa vào năm 1980; Holley cũng lấy bằng thạc sĩ cùng năm đó và bắt đầu sự nghiệp với nghề giáo viên và cả họa sĩ. Lần đầu tiên tôi phụ trách mổ chính là trong một ca phẫu thuật não ở Đại học Duke vào năm 1981. Đứa con đầu lòng của chúng tôi, Eben IV, chào đời vào năm 1987 tại Bệnh viện Phụ sản Princess Mary ở Newcastle-Upon-Tyne, ở miền bắc xứ Anh (Anh quốc) khi tôi đang theo học chương trình nghiên cứu sinh về mạch máu não. Con trai thứ hai của chúng tôi, Bond, ra đời tại Bệnh viện Brigham & Women's ở vùng Boston vào năm 1998.

Mười lăm năm làm việc tại Trường Y khoa Harvard và Bệnh viện Brigham & Women's là quãng đời đáng nhớ đối với tôi. Gia đình tôi trân trọng những năm tháng sống tại vùng Boston đó. Nhưng đến năm 2005, Holley và tôi đồng ý với nhau rằng đã đến lúc chúng tôi nên chuyển về lại miền nam. Chúng tôi muốn được sống gần đại gia đình hơn và tôi cũng thấy đó là một cơ hội tốt để tôi phần nào có quyền tự chủ hơn so với cuộc sống ở Harvard. Vì vậy, vào mùa xuân năm 2006, chúng tôi bắt đầu lại cuộc sống mới

ở Lynchburg, thuộc vùng cao nguyên của bang Virginia. Chúng tôi sớm ổn định và nhanh chóng thích nghi trở lại với một cuộc sống thư thái hơn mà cả hai chúng tôi đều từng được tận hưởng khi trải qua thời niên thiếu ở miền nam.

*

Tôi cứ nằm yên trên giường thêm một lúc, vừa mơ màng vừa cố nghĩ xem điều gì đã khiến tôi thức giấc sớm. Ngày hôm trước - một ngày Chủ nhật - là một ngày nắng, quang đãng và khá hanh khô - kiểu thời tiết cuối thu điển hình của vùng Virginia. Tôi cùng Holley và Bond (mười tuổi) sang nhà hàng xóm để dự một bữa tiệc nướng. Tối hôm đó, chúng tôi trò chuyện điện thoại với Eben IV (hai mươi tuổi), khi đó đang là sinh viên năm đầu của trường Đại học Delaware. Điều khó chịu duy nhất trong ngày hôm ấy là một cơn cảm cúm nhẹ kéo dài từ tuần trước khiến cả Holley, Bond và tôi đều bị ảnh hưởng. Ngay trước giờ đi ngủ, lưng tôi đã bắt đầu đau nhức nên tôi chỉ tắm sơ qua, và hình như nhờ vậy mà cơn đau dịu xuống. Tôi tự hỏi có phải tôi tỉnh giấc quá sớm như vậy là do con virus cúm này vẫn còn lẩn quất trong cơ thể mình hay không.

Tôi trở mình thật khẽ trên giường và nghe đau nhói ở cột sống - đau hơn gấp nhiều lần so với đêm hôm trước. Rõ ràng con virus cúm vẫn còn ở đó, và ắt hẳn là không chỉ có một con. Tôi càng tỉnh táo, cơn đau càng rõ rệt. Vì không thể ngủ tiếp mà lại còn một tiếng nữa mới bắt đầu ngày làm việc, tôi quyết định đi tắm nước ấm lần nữa. Tôi ngồi dậy trên giường, đưa hai chân xuống sàn, rồi đứng dậy.

Ngay lập tức, cơn đau quặn lên hẳn một nấc - một cảm giác đau nhức khó tả gây điếng người xuyên thấu qua phần cuối cột sống của tôi. Để không đánh thức Holley, tôi nhón từng bước đi dọc hành lang về phía phòng tắm chính ở lầu trên.

Tôi để nước chảy một lúc rồi nhẹ nhàng ngâm mình vào bồn tắm, tự trấn an rằng nước ấm sẽ phần nào làm dịu cơn đau. Nhưng tôi đã phán đoán sai. Khi nước chảy được đến nửa bồn thì tôi biết mình đã lầm to. Cơn đau không chỉ tệ hơn mà nó trở nên dữ dội đến nỗi tôi e rằng mình sẽ phải hét to lên gọi Holley để cô ấy đỡ tôi ra khỏi bồn tắm.

Nghĩ rằng mình đang ở trong tình cảnh hơi kỳ cục, tôi bèn rướn người, với lấy cái khăn tắm treo trên giá ngay phía trên đầu tôi. Tôi nhích chiếc khăn sang một bên để tránh làm bung cái giá ra khỏi tường rồi nhẹ nhàng tự kéo mình dậy.

Một cơn đau buốt khác chạy dọc sống lưng tôi, đến nỗi tôi phải thở dốc. Chắc chắn đây không phải là bệnh cảm cúm. Nhưng tôi bị gì mới được chứ? Sau một hồi chật vật và bước ra được khỏi cái bồn tắm trơn ướt rồi mặc vào người cái áo choàng tắm bằng vải bông xù màu đỏ, tôi chậm rãi đi về phòng ngủ và ngồi phịch xuống giường. Người tôi ướt đẫm mồ hôi.

Holley cựa mình, trở người lại và hỏi: "Chuyện gì vậy? Mấy giờ rồi anh?". Tôi trả lời: "Anh không biết. Lưng anh đau quá".

Holley bắt đầu xoa lưng tôi. Thật ngạc nhiên, tôi thấy đỡ đau hơn một chút. Các bác sĩ nói chung đều xem nhẹ việc mình bị ốm. Tôi cũng không phải là ngoại lệ. Trong một lúc, tôi liên tục tự nhủ rằng cơn đau, cùng với bất kỳ nguyên nhân gì gây ra nó, sẽ từ từ biến mất. Nhưng cho đến 6 giờ 30 phút sáng, tôi vẫn oằn mình trong cơn đau đớn và gần như nằm bất động.

Bond đi vào phòng ngủ của chúng tôi lúc 7 giờ 30 phút, thắc mắc tại sao giờ này tôi vẫn còn ở nhà.

"Chuyện gì xảy ra vậy ạ?"

"Cha con không khỏe, con trai à", Holley đáp.

Tôi vẫn nằm yên trên giường, kê cao đầu trên gối. Bond lại gần, rướn người tới và đưa tay xoa thật nhẹ hai bên thái dương của tôi.

Khi Bond vừa chạm tay vào đầu tôi, tôi cảm thấy như thể một tia chớp giáng xuống đầu mình - cơn đau dữ dội nhất từ trước đến giờ. Tôi thét lên. Bất ngờ trước phản ứng của tôi, Bond nhảy lùi về phía sau.

"Không sao đâu", Holley nói với Bond, nhưng cô ấy rõ ràng không nghĩ như thế. "Không phải tại con đâu. Cha chỉ đau đầu khủng khiếp thôi." Rồi sau đó tôi nghe cô ấy nói: "Em có nên gọi xe cứu thương không nhỉ?", như thể cô ấy đang nói với chính mình hơn là nói với tôi.

Điều các bác sĩ ghét nhất, còn hơn cả việc bị bệnh, là phải ở trong phòng cấp cứu trong vai trò một bệnh nhân. Tôi hình dung ra trong đầu cảnh những nhân viên cấp cứu đến đầy nhà, phải trả lời họ hàng chục câu hỏi, rồi nằm trên xe cứu thương, rồi làm thủ tục nhập viện... Tôi nghĩ tới lúc mình sẽ cảm thấy khá hơn và phải hối tiếc vì đã quá vội gọi xe cấp cứu.

"Không, không sao đâu", tôi nói. "Hiện giờ anh còn đau lắm nhưng

một lát nữa sẽ đỡ hơn. Em cứ lo cho Bond đi học đi."

"Eben à, em thật sự nghĩ là..."

"Anh sẽ ổn thôi", tôi ngắt lời vợ, trong khi vẫn vùi mặt vào gối. Cơn đau vẫn khiến tôi nằm bất động. "Thật mà, đừng gọi cấp cứu. Anh không bị gì nghiêm trọng đâu. Chỉ là một cơn co thắt ở phần cơ thắt lưng và anh bị đau đầu thôi."

Sau một chút lưỡng lự, Holley đưa Bond xuống dưới nhà, cho thằng bé ăn sáng, rồi thằng bé sẽ đi bộ đến nhà một đứa bạn cùng lớp ở cùng con phố để cùng bắt xe đi đến trường. Khi Bond bước ra đến cửa, tôi chợt nghĩ nếu tôi bị bệnh gì đó nghiêm trọng và cuối cùng phải đi bệnh viện, tôi có thể sẽ không gặp được thằng bé khi nó đi học về chiều hôm đó. Tôi ráng hết sức và thều thào: "Chúc con một ngày vui vẻ ở trường, Bond".

Khi Holley trở lên lầu để xem tôi thế nào thì tôi đã chìm vào trạng thái hôn mê. Nghĩ rằng chắc tôi đang ngủ, cô ấy để cho tôi nằm nghỉ, rồi đi xuống dưới nhà gọi điện cho vài đồng nghiệp của tôi để nghe ý kiến của họ xem may ra có biết được chuyện gì đang xảy ra với tôi không.

Hai tiếng sau, có lẽ nghĩ rằng tôi đã nghỉ đủ lâu, cô ấy lại đi trở lên để xem tôi ra sao. Khi vừa đẩy cửa phòng ngủ, cô ấy thấy tôi vẫn nằm trên giường y như trước đó. Nhưng khi nhìn gần hơn, cô ấy thấy cơ thể tôi không thả lỏng như trước mà cứng đơ như một tấm ván. Cô ấy bật đèn lên và thấy tôi đang bị co cứng dữ dội. Hàm dưới của tôi đưa ra một cách bất thường, còn mắt tôi thì mở to và trợn ngược.

"Eben, nói gì đi anh!", Holley thét lên. Khi không thấy tôi phản ứng gì, cô ấy liền gọi cấp cứu. Đội cấp cứu đến trong vòng mười phút. Họ nhanh chóng khiêng tôi lên xe cứu thương, đến thẳng phòng cấp cứu của Bệnh viện Đa khoa Lynchburg.

Giá như lúc đó tôi vẫn còn ý thức, tôi đã có thể nói với Holley đích xác chuyện gì đang diễn ra với tôi khi tôi nằm trên giường trong suốt những phút giây kinh hoàng mà cô ấy đã phải trải qua trong khi chờ xe cứu thương đến: một cơn co giật toàn thân, hay còn gọi là *động kinh nặng*, chắc chắn là do một tình trạng sốc rất nghiêm trọng ở não.

Nhưng dĩ nhiên, tôi đã không thể làm điều đó.

Trong bảy ngày sau đó, đối với Holley và mọi người trong gia đình,

tôi chỉ còn là một thân xác thuần túy. Giờ đây tôi chẳng có ký ức gì về những chuyện đã xảy ra trong thế giới này trong suốt một tuần đó, nên đành phải lượm lặt từ những gì mọi người kể lại để liên kết các phần thành diễn tiến những sự việc đã xảy ra trong suốt thời gian tôi hôn mê. Tâm trí tôi, linh hồn tôi - nói chung là phần cốt lõi, phần người của tôi, bạn thích gọi là gì cũng được - thì đã không hiện diện ở đó.

2

Bệnh viện

Phòng cấp cứu của Bệnh viện Đa khoa Lynchburg là phòng cấp cứu đông bệnh nhân thứ nhì bang Virginia, và giờ cao điểm thường là khoảng 9 giờ 30 phút vào buổi sáng các ngày trong tuần. Sáng thứ Hai đó cũng không phải là ngoại lệ. Mặc dù chủ yếu làm việc ở Charlottesville trong các ngày thường, tôi vẫn tiến hành nhiều ca mổ tại Bệnh viện Đa khoa Lynchburg và tôi quen hầu như tất cả mọi người ở đó.

Buổi sáng hôm ấy, Laura Potter, một bác sĩ của khoa cấp cứu mà tôi biết và đã cùng sát cánh làm việc suốt gần hai năm, nhận được một cuộc điện thoại từ xe cứu thương, thông báo rằng bệnh nhân là một người đàn ông da trắng năm mươi bốn tuổi, đang trong *trạng thái động kinh* và sắp được đưa đến phòng cấp cứu của cô. Khi cửa xe cứu thương vừa được mở ra, cô ấy liền điểm nhanh qua danh sách những nguyên nhân có thể gây ra tình trạng của bệnh nhân được chuyển đến. Nếu ở vị trí của cô ấy, tôi cũng sẽ làm việc này trước tiên, và danh sách bao gồm: hội chứng cai rượu, dùng ma túy quá liều, hạ natri huyết (nồng độ natri trong máu giảm một cách bất thường), đột quỵ, khối u tiên phát hoặc di căn ở não, xuất huyết não (hiện tượng máu chảy vào bên trong các mô não), áp xe não... và viêm màng não.

Khi đội cấp cứu đẩy cáng cứu thương đưa tôi vào trong Khu chính 1 của phòng cấp cứu, tôi vẫn đang co giật dữ dội, thỉnh thoảng lại rên rỉ và chân tay vung loạn xạ.

Nhìn những biểu hiện mê sảng và quằn quại của tôi, tiến sĩ Potter xác định ngay rằng não của tôi đang bị tấn công nghiêm trọng. Một y tá đẩy xe đựng dụng cụ cấp cứu đến, một người khác lấy mẫu máu, và một người thứ ba thay túi đựng dịch truyền tĩnh mạch, thay cho chiếc túi đã được đội cấp cứu truyền cho tôi từ lúc

ở nhà, trước khi tôi được đưa lên xe cứu thương. Trong lúc họ thực hiện các bước cấp cứu cho tôi, tôi vẫn tiếp tục quằn quại như một con cá dài hơn một mét tám khi bị lôi lên khỏi nước. Tôi thốt ra một tràng những âm thanh vô nghĩa, lộn xộn, và những tiếng nghe như tiếng kêu của những con thú. Điều khiến Laura lo ngại không chỉ là những cơn co giật của tôi, mà còn là hiện tượng bất cân xứng trong những cử động cơ thể của tôi. Điều này có thể có nghĩa là không chỉ não của tôi đang bị tấn công mà có nhiều khả năng đã có những tổn thương nghiêm trọng và có lẽ đó là những tổn thương không thể cứu vãn.

Vì đã trải qua nhiều năm làm việc ở phòng cấp cứu nên Laura đã chứng kiến mọi tình huống có thể xảy ra với bệnh nhân trong trường hợp này. Tuy nhiên, cô ấy chưa bao giờ gặp tình huống một bác sĩ đồng nghiệp của mình được đưa vào phòng cấp cứu trong tình trạng tương tự, và khi nhìn kỹ hơn bệnh nhân đang la hét, quằn quại trên cáng, cô ấy nói, gần như là kêu lên với chính mình: “Eben”.

Rồi cô nói to hơn, để thông báo với các bác sĩ và y tá khác đang ở gần đó: “Đây là Eben Alexander”.

Nghe thấy thế, các nhân viên ở gần đó xúm lại quanh cáng của tôi. Holley đi theo xe cứu thương từ nhà đến đây và đang đứng bên cáng của tôi cùng mọi người, trong khi Laura điểm qua danh sách các câu hỏi bắt buộc của phòng cấp cứu để tìm ra những nguyên nhân khả dĩ nhất gây ra tình trạng của tôi - Tôi có đang cai rượu không? Gần đây tôi có dùng chất ma túy gây ảo giác mạnh nào không? - Rồi cô ấy bắt tay vào việc cố gắng làm ngừng cơn co giật của tôi.

Trong mấy tháng gần đây, Eben IV bắt tôi tham gia vào một chương trình rèn luyện thể lực để chuẩn bị cho hành trình leo núi sắp tới của hai cha con, chinh phục đỉnh Cotopaxi cao 5.897 mét ở Ecuador, đỉnh núi mà Eben IV đã leo hồi tháng Hai vừa rồi. Chương trình tập luyện đã làm tăng thể lực của tôi lên đáng kể, khiến cho những người hộ lý gặp khó khăn hơn rất nhiều để đè tôi xuống. Sau năm phút và 15 miligam thuốc diazepam tiêm vào tĩnh mạch, tôi vẫn mê sảng và vùng vẫy, cố đẩy mọi người ra khỏi mình, nhưng tiến sĩ Potter thì cảm thấy nhẹ nhõm vì ít ra, tôi đang chống cự bằng cả hai bên cơ thể mình. Holley kể với Laura rằng tôi đã bị đau đầu trầm trọng trước khi bắt đầu co giật, nên tiến sĩ Potter quyết định chọc dò tủy sống của tôi - một quy trình trích một lượng nhỏ dịch não tủy từ phần đốt sống thắt lưng.

Dịch não tủy là một chất dịch lỏng, trong suốt, chạy dọc theo bề mặt của cột sống và trong mô bao quanh não, bảo vệ não khỏi những tác động bên ngoài. Cơ thể của một người khỏe mạnh bình thường sản xuất ra khoảng nửa lít dịch mỗi ngày, và bất kỳ sự suy giảm độ trong suốt ở mức độ nào của chất dịch cũng là dấu hiệu cho thấy bệnh nhân đã bị nhiễm trùng hoặc xuất huyết.

Hiện tượng nhiễm trùng như vậy được gọi là viêm màng não: đó là tình trạng sưng lên của màng não, tức những lớp màng lót dọc phần bên trong của cột sống và hộp sọ và tiếp xúc trực tiếp với dịch não tủy. Bốn trong năm trường hợp viêm màng não là do virus. Viêm màng não do virus có thể khiến tình trạng bệnh nhân trở nên nghiêm trọng, nhưng chỉ 1% trường hợp dẫn đến tử vong. Tuy nhiên, một trong năm trường hợp viêm màng não là do vi khuẩn gây ra. Vi khuẩn có thể còn nguy hiểm hơn bởi nó nguyên thủy hơn virus. Những trường hợp viêm màng não do vi khuẩn nếu không được chữa trị đều sẽ gây tử vong. Thậm chí, ngay cả khi được nhanh chóng chữa trị bằng các kháng sinh phù hợp, tỷ lệ tử vong vẫn cao, từ 15% đến 40%.

Một trong số những thủ phạm ít gặp nhất gây ra bệnh viêm màng não ở người lớn là một loại vi khuẩn lâu năm và rất mạnh có tên gọi *Escherichia coli* - tên thường gọi là *E. coli*. Không ai biết chính xác *E. coli* đã có từ bao giờ, nhưng số năm được ước lượng là trong khoảng giữa ba và bốn tỷ năm. Sinh vật này không có nhân tế bào và tái sinh sản thông qua một quá trình nguyên thủy nhưng cực kỳ hữu hiệu được biết đến dưới tên gọi sự sinh sản phân đôi vô tính (hay nói cách khác là tự phân đôi). Hãy tưởng tượng một tế bào chủ yếu chứa đầy ADN và có thể hấp thụ các chất dinh dưỡng (thường là từ các tế bào khác mà nó tấn công và hút lấy dưỡng chất) trực tiếp qua thành tế bào. Rồi hãy tưởng tượng rằng nó có thể đồng thời sao chép một vài chuỗi ADN rồi cứ khoảng mỗi hai mươi phút lại phân đôi thành hai tế bào con. Như vậy, trong vòng một giờ sẽ có 8 tế bào được tạo ra từ mỗi tế bào. Trong mười hai tiếng đồng hồ sẽ có 69 tỷ tế bào được sản sinh. Sau mười lăm tiếng, con số sẽ là 35 ngàn tỷ. Sự phát triển bùng nổ này chỉ chậm lại khi nguồn thức ăn cho nó bắt đầu cạn.

E. coli cũng rất bừa bãi trong sinh hoạt. Chúng có thể trao đổi gien với các loài vi khuẩn khác thông qua một quá trình được gọi là tiếp hợp vi khuẩn, cho phép *E. coli* nhanh chóng tiếp nhận thêm những đặc tính mới (ví dụ như tính kháng kháng sinh đối với những kháng sinh mới) khi cần. Phương thức đơn giản này đã giúp cho *E. coli* thành công trong việc duy trì đời sống của nó trên hành tinh này từ những ngày đầu của sự sống đơn bào. Tất cả

chúng ta đều có vi khuẩn *E. coli* sống trong cơ thể, chủ yếu ở đường tiêu hóa. Trong những điều kiện bình thường thì chúng vô hại, nhưng khi các chủng *E. coli* đa dạng đã sao chép được những chuỗi ADN khiến chúng trở nên đặc biệt táo tợn, xâm nhập vào dịch não tủy ở xung quanh cột sống và trong não thì các tế bào nguyên thủy này ngay lập tức ngấu nghiến đường glucose trong dịch và bất cứ thứ gì chúng có thể ăn được, kể cả bộ não.

Cho đến thời điểm đó, không ai trong phòng cấp cứu nghĩ rằng tôi bị viêm màng não do khuẩn *E. coli*. Họ không có lý do gì để nghi ngờ điều đó. Căn bệnh này cực kỳ hiếm khi xảy ra đối với người lớn. Trẻ sơ sinh là đối tượng có nguy cơ mắc bệnh này nhiều nhất, nhưng trường hợp trẻ trên ba tháng tuổi mắc bệnh này là vô cùng hiếm. Mỗi năm chỉ có chưa đến một trong số mười triệu người lớn mắc phải con vi khuẩn này một cách ngẫu nhiên.

Trong các ca viêm màng não do vi khuẩn, vi khuẩn tấn công lớp ngoài của não, tức vỏ não, trước tiên. Từ *vỏ não* (cortex) xuất phát từ một từ La-tinh có nghĩa là "vỏ trái cây" hay "vỏ cây". Nếu bạn hình dung ra một quả cam, bạn sẽ thấy vỏ của nó là một mô hình khá giống với cách mà vỏ não bao quanh những phần nguyên thủy hơn của não. Vỏ não chịu trách nhiệm về trí nhớ, ngôn ngữ, cảm xúc, nhận thức hình ảnh và âm thanh, và tư duy logic. Vì vậy, khi một sinh vật như *E. coli* tấn công vào bộ não, những vùng não dễ dàng bị tổn thương trước hết sẽ là những phần đảm trách những chức năng quan trọng nhất trong việc duy trì các phẩm chất đặc trưng của người. Nhiều bệnh nhân viêm màng não do vi khuẩn chết trong vòng vài ngày sau khi nhiễm bệnh. Chỉ có 10% số người được đưa đến phòng cấp cứu trong tình trạng chức năng thần kinh đang suy giảm nhanh chóng, như trường hợp của tôi, là may mắn sống sót. Tuy nhiên, cơ may của họ cũng có giới hạn, vì nhiều người trong số đó sẽ sống đời sống thực vật trong suốt quãng đời còn lại.

Dù không nghi ngờ tôi nhiễm khuẩn *E. coli*, tiến sĩ Potter nghĩ rằng có lẽ tôi đã mắc phải một dạng nhiễm trùng não nào đó, nên cô ấy quyết định tiến hành chọc dò tủy sống cho tôi. Ngay khi cô ấy yêu cầu một trong các y tá mang khay dụng cụ chọc dò tủy sống lại và thực hiện các bước chuẩn bị cần thiết trên người tôi thì người tôi giật nẩy lên như thể chiếc cáng cứu thương của tôi có điện. Với luồng năng lượng mới nhận được, tôi phát ra một tiếng rên dài đau đớn, lưng oằn lên và hai cánh tay vung lên. Mặt tôi đỏ bừng và các mạch máu ở cổ phình lên một cách khác lạ. Laura la lên, gọi thêm người trợ giúp và chỉ một lát sau, hai, bốn, và cuối cùng là sáu hộ lý chạy đến, cố tìm mọi cách đè tôi xuống để Laura

có thể thực hiện việc chọc dò. Họ ép tôi vào tư thế nằm nghiêng co người như tư thế của thai nhi trong khi Laura tiêm thêm cho tôi một vài mũi an thần. Cuối cùng họ cũng giữ được tôi nằm yên, đủ để Laura chọc mũi kim vào đốt sống thắt lưng của tôi.

Khi vi khuẩn tấn công, cơ thể ngay lập tức chuyển sang cơ chế phòng vệ, gửi các đội quân bạch cầu xung kích từ các doanh trại ở lá lách và tủy xương đến để đánh đuổi những kẻ xâm lược. Đó là đội quân chịu thương vong đầu tiên trong cuộc chiến tranh tế bào trên diện rộng, nổ ra bất cứ khi nào cơ thể bị một nhân tố sinh học ngoại lai xâm nhập, và tiến sĩ Potter biết rằng nếu có hiện tượng dịch tủy không trong suốt thì chính là do các tế bào bạch cầu của tôi.

Tiến sĩ Potter cúi xuống và nhìn chăm chú vào áp kế - một cái ống thẳng đứng trong suốt trong đó dịch tủy não sẽ chảy vào. Điều đầu tiên khiến Laura bất ngờ là dịch không chảy nhỏ giọt vào ống mà tuôn vào - do áp suất cao ở mức báo động. Điều ngạc nhiên thứ hai là màu sắc của dịch. Màu sắc chỉ cần hơi đục là đã dấu hiệu cho biết tôi đang gặp nguy; đằng này, thứ chất lỏng bắn vào trong áp kế là một chất dịch sền sệt màu trắng, hơi ngả màu xanh lá.

Dịch tủy sống của tôi đầy mủ.

3

Không rõ nguyên nhân

Tiến sĩ Potter gọi cho tiến sĩ Robert Brennan, một đồng nghiệp của cô tại Bệnh viện Đa khoa Lynchburg và là một chuyên gia về bệnh nhiễm trùng. Trong khi chờ thêm kết quả xét nghiệm từ những phòng thí nghiệm ở kế bên, họ xem xét mọi khả năng chẩn đoán và tất cả các phương án điều trị.

Từng phút trôi qua, khi kết quả xét nghiệm được chuyển đến, tôi vẫn đang tiếp tục rên rỉ và quằn quại dưới những đai trói trên cáng. Các kết quả khiến cho tình trạng của tôi càng khó chẩn đoán hơn. Kết quả nhuộm Gram (một quy trình xét nghiệm hóa học được đặt theo tên nhà vật lý người Đan Mạch đã sáng chế ra phương pháp này, cho phép các bác sĩ phân loại một vi khuẩn xâm nhập thành gram dương hoặc gram âm) của tôi cho thấy có vi khuẩn que gram âm - một trường hợp rất bất thường.

Trong khi đó, kết quả chụp cắt lớp (CT) não cho thấy lớp màng não của tôi đang bị viêm và sưng phồng nghiêm trọng. Một ống thở được đặt vào trong khí quản để giúp tôi thở bằng máy - chính xác mỗi phút mười hai hơi thở - và một dãy những màn hình theo dõi được đặt quanh giường tôi để ghi lại mọi chuyển động bên trong cơ thể và bộ não dường như đã bị hủy hoại hoàn toàn của tôi.

Trong số rất ít những người trưởng thành mắc phải bệnh viêm màng não do vi khuẩn *E. coli* gây ra mỗi năm một cách ngẫu nhiên (tức là họ chưa từng trải qua phẫu thuật não hay bị chấn thương ở đầu gây tổn thương não), hầu hết là do một nguyên nhân rõ ràng nào đó, chẳng hạn như tình trạng suy giảm hệ miễn dịch (thường do HIV hay AIDS). Nhưng trong trường hợp của tôi, những nguyên nhân đó đều được loại trừ. Các vi khuẩn khác có thể gây ra bệnh viêm màng não bằng cách xâm nhập từ các xoang mũi kế cận hay tai giữa, nhưng *E. coli* thì không. Vùng não tủy gần như

hoàn toàn tách biệt khỏi phần còn lại của cơ thể, nên việc này rất khó xảy ra. Trừ khi cột sống hay hộp sọ bị đâm thủng (ví dụ như khi các bác sĩ giải phẫu thần kinh sử dụng một máy kích thích não sâu bị nhiễm trùng hay thực hiện phẫu thuật đặt ống dẫn lưu não thất), các vi khuẩn thường chỉ sống trong ruột như *E. coli* không thể nào tiếp cận được với vùng não này. Bản thân tôi cũng đã đặt hàng trăm ống dẫn lưu não thất và máy kích thích não sâu cho bệnh nhân, và nếu tôi có thể thảo luận vấn đề của tôi với các đồng nghiệp đang rối bời của mình lúc đó, tôi cũng sẽ đồng ý với họ rằng, nói một cách đơn giản, tôi đang mang trong mình một căn bệnh mà gần như không thể mắc phải.

Vì vẫn không thể hoàn toàn chấp nhận các chứng cứ được đưa ra từ các kết quả xét nghiệm, hai bác sĩ đồng nghiệp của tôi đã gọi điện cho các chuyên gia trong lĩnh vực bệnh nhiễm trùng ở các trung tâm y khoa học thuật lớn. Tất cả đều nhất trí rằng các kết quả đều dẫn đến một chẩn đoán khả dĩ duy nhất.

Nhưng việc mắc phải căn bệnh viêm màng não nghiêm trọng do vi khuẩn *E. coli* gây ra một cách bí ẩn không phải là kỳ tích y học lạ thường duy nhất mà tôi đạt được trong ngày đầu tiên đó ở bệnh viện. Trong những phút cuối cùng trước khi rời khỏi phòng cấp cứu và sau hai giờ liền rên rỉ và gầm lên như một con thú, tôi đột nhiên yên lặng. Sau đó, chẳng hiểu vì sao, tôi bỗng hét lên bốn tiếng. Bốn tiếng đó được phát âm rất rõ ràng. Tất cả các bác sĩ và y tá đang có mặt trong phòng đều nghe thấy, trong đó có cả Holley, khi ấy đang đứng cách đó vài bước, ngay sau tấm rèm.

"Chúa ơi, cứu con!"

Mọi người lao đến bên chiếc cáng nhưng khi họ đến nơi, tôi đã hoàn toàn không phản ứng gì nữa.

Tôi không có ký ức nào về quãng thời gian tôi nằm trong phòng cấp cứu, kể cả bốn tiếng tôi đã kêu lên. Nhưng đó là những từ cuối cùng tôi nói ra trong suốt bảy ngày từ lúc đó.

4

Eben IV

Trong lúc ở Khu chính 1, sức khỏe của tôi tiếp tục suy giảm. Nồng độ glucose trong dịch não tủy (DNT) của một người khỏe mạnh bình thường là khoảng 80 miligram trong mỗi một phần mười lít. Đối với một người ở trong tình trạng rất nặng và có nguy cơ tử vong bởi căn bệnh viêm màng não do vi khuẩn, nồng độ này có thể xuống thấp đến 20 miligram trong mỗi một phần mười lít.

Nồng độ glucose trong DNT của tôi là 1. Thang điểm hôn mê Glasgow của tôi là 8/15, cho thấy căn bệnh viêm màng não đang ở mức đáng lo ngại, và tiếp tục giảm hơn nữa trong vài ngày sau đó. Thang điểm APACHE II (Acute Physiology and Chronic Health Evaluation, thang điểm đánh giá tình trạng sức khỏe lâu dài và các thông số sinh lý trong giai đoạn cấp) của tôi khi ở trong phòng cấp cứu là 18/71, cho thấy khả năng tử vong của tôi trong suốt thời gian ở đó là khoảng 30%. Cụ thể hơn, nếu căn cứ vào chẩn đoán về bệnh viêm màng não cấp tính do vi khuẩn gram âm và sự suy giảm chức năng thần kinh nhanh chóng của tôi lúc mới nhập viện, tôi chỉ có khoảng gần 10% cơ hội sống sót khi được đưa vào khoa cấp cứu. Nếu thuốc kháng sinh không có tác dụng, nguy cơ tử vong sẽ tăng dần trong vài ngày kế tiếp, cho đến khi nó đạt tới 100% - một tỷ lệ vô phương.

Các bác sĩ tiêm vào tĩnh mạch của tôi ba loại kháng sinh mạnh trước khi chuyển tôi lên nhà mới của mình: một phòng riêng rộng rãi, phòng số 10, thuộc khoa Chăm sóc Tích cực (Medical Intensive Care Unit - ICU), nằm ở ngay tầng trên khoa cấp cứu.

Tôi đã vào khoa ICU này nhiều lần trong vai trò bác sĩ giải phẫu. Đây là khoa dành cho những bệnh nhân nguy kịch nhất, những người cận kề cái chết, nơi cùng một lúc nhiều y bác sĩ có thể đồng thời hỗ trợ hay điều trị cho họ. Cảnh tượng một đội ngũ gồm

nhiều người lao vào phối hợp nhịp nhàng và chặt chẽ với nhau, cùng chiến đấu trong một cuộc chiến gần như tuyệt vọng để giữ lại mạng sống cho bệnh nhân luôn là một cảnh tượng khó quên. Tôi luôn có cả cảm xúc tự hào tột bậc và thất vọng nặng nề mỗi khi ở trong khoa này, cung bậc cảm xúc tùy vào kết quả điều trị - bệnh nhân mà chúng tôi hết lòng cứu chữa vượt qua được cơn nguy kịch hay ngừng thở trong tay chúng tôi.

Trong hoàn cảnh như vậy, tiến sĩ Brennan cùng cả đội ngũ bác sĩ cố gắng tỏ ra lạc quan hết mức có thể đối với Holley, trong khi hoàn cảnh này thật khó để mà lạc quan. Sự thật là tôi đang gần kề với cái chết, rất gần. Ngay cả nếu như tôi không chết, thì những con vi khuẩn tấn công não của tôi có lẽ cũng đã ngốn hết phần lớn vỏ não, đủ để não của tôi không thể khôi phục lại bất kỳ hoạt động thần kinh bậc cao nào. Thời gian bất tỉnh càng kéo dài, tôi càng có khả năng trải qua phần đời còn lại của mình trong trạng thái thực vật mạn tính.

Thật may là, không chỉ đội ngũ y bác sĩ của Bệnh viện Đa khoa Lynchburg mà cả những người khác cũng sẵn sàng xúm vào giúp. Michael Sullivan, vị mục sư tại nhà thờ Giám nhiệm[1] ở nơi tôi sống và là hàng xóm của chúng tôi, đến phòng cấp cứu sau Holley một giờ. Ngay khi Holley vừa chạy ra khỏi cửa để đi theo xe cứu thương thì điện thoại di động của cô ấy đã reo. Đó là cuộc gọi của một người bạn lâu năm của cô ấy, Sylvia White. Một cách thật kỳ lạ, Sylvia luôn xuất hiện ngay khi có điều gì đó quan trọng xảy ra. Holley tin rằng Sylvia là một bà đồng (tôi thì chọn cách lý giải nghe có vẻ có lý và an toàn hơn, rằng cô ấy là người có trực giác tốt). Holley nói vắn tắt cho Sylvia nghe chuyện gì đang xảy ra và họ chia nhau gọi cho những người thân gần nhất của tôi: em gái tôi, Betsy, sống gần đó, Phyllis, em gái út của tôi, bốn mươi tám tuổi, hiện đang sống ở Boston, và Jean, chị cả của tôi.

---

[1] *Hay còn gọi là Anh giáo, là một truyền thống Kitô giáo Tây phương.*

Vào buổi sáng thứ Hai đó, Jean đang lái xe về hướng nam từ nhà mình ở Delaware và đang trên đường đi ngang qua Virginia. Thật trùng hợp là chị ấy đang đi đến chỗ mẹ chúng tôi ở Winston-Salem để giúp mẹ việc gì đó. Điện thoại của Jean reo. David, chồng của Jean gọi.

“Em đã đi qua Richmond chưa?”, David hỏi.

“Chưa”, Jean trả lời. “Em đang ở ngay phía bắc Richmond, trên

đường cao tốc I-95."

"Bây giờ em rẽ sang đường 60 West, rồi đi đường 24 để xuống Lynchburg. Holley vừa gọi điện. Eben đang ở phòng cấp cứu. Cậu ấy bị co giật sáng nay và giờ đang bất tỉnh."

"Ôi, Chúa ơi! Họ có biết tại sao không?"

"Họ không chắc, nhưng hình như là viêm màng não."

Jean rẽ hướng ngay, vừa kịp đi vào con đường nhựa 60 West gồm hai làn đường, xuyên qua những đám mây thấp đang lướt nhanh, hướng về đường 24 và Lynchburg.

Chính Phyllis là người gọi điện cho Eben IV vào lúc ba giờ chiều ngày đầu tiên đó. Khi chuông điện thoại reng, Eben đang ở ký túc xá của trường Đại học Delaware. Thằng bé đang ở ngoài hiên, làm bài tập khoa học (cha tôi trước đây là một bác sĩ giải phẫu thần kinh, và Eben cũng muốn theo nghiệp này). Phyllis kể nhanh tình hình cho Eben và nói thằng bé đừng quá lo, rằng mọi việc đang ở trong tầm kiểm soát của các bác sĩ.

"Họ có biết đó là bệnh gì không?", Eben hỏi.

"À, họ có nói đến vi khuẩn gram âm và căn bệnh viêm màng não."

"Con có hai bài kiểm tra trong mấy ngày tới. Con sẽ gửi e-mail để xin phép các thầy cô dạy bộ môn đó", Eben nói.

Sau này, Eben nói với tôi rằng ban đầu thằng bé cũng lưỡng lự chưa muốn tin rằng tôi đang ở trong tình trạng nguy cấp như Phyllis nói, vì Phyllis và Holley thường hay "phóng đại mọi chuyện", và nhất là tôi hầu như chưa bao giờ bị ốm cả. Nhưng khi Michael Sullivan gọi điện một tiếng sau đó, thằng bé biết mình cần phải lái xe về, *ngay lập tức*.

Khi Eben lái xe về hướng Virginia, một con mưa đá bắt đầu trút xối xả. Phyllis đã rời Boston từ lúc sáu giờ, và khi Eben đang lái xe đến gần cầu I-495 băng qua sông Potomac để vào địa phận Virginia thì Phyllis đang đi ngang qua chỗ những đám mây thấp bay trên đầu. Đến Richmond, cô thuê một chiếc ô-tô và đi vào đường 60.

Khi chỉ còn cách Lynchburg vài cây số, Eben gọi cho Holley.

"Em Bond thế nào, mẹ?"

“Em đang ngủ”, Holley trả lời.

“Vậy thì con sẽ đi thẳng đến bệnh viện luôn”, Eben nói.

“Con có chắc là mình không muốn về nhà trước không?”

“Không mẹ à”, Eben trả lời. “Con chỉ muốn nhìn thấy cha.”

Eben dừng xe trước khoa ICU vào lúc 11 giờ 15 phút tối. Lối đi bộ vào bệnh viện đã bắt đầu đóng băng và khi Eben bước vào chỗ sáng đèn của khu lễ tân, thằng bé chỉ thấy một y tá trực đêm. Cô ấy đưa Eben đến giường của tôi, loại giường ICU dành riêng cho bệnh nhân cần được chăm sóc đặc biệt.

Trước đó, tất cả những người trực ca sớm hơn đã về nhà. Những âm thanh duy nhất vang lên trong căn phòng rộng, lờ mờ sáng chỉ là những tiếng kêu tít tít và tiếng rít rất khẽ của những chiếc máy đang cố duy trì sự sống cho cơ thể tôi.

Eben đứng lặng người ở cửa khi trông thấy tôi. Cậu con trai đang ở tuổi hai mươi của tôi chưa từng thấy tôi bị bệnh gì nghiêm trọng ngoài những cơn cảm cúm. Giờ đây, cho dù tất cả những máy móc và trang thiết bị đang làm hết khả năng để giúp làm cho tình hình trông có vẻ khả quan, nhưng thằng bé vẫn biết cái mà nó đang nhìn thấy về cơ bản là một cái xác. Cơ thể vật lý của tôi đang ở ngay trước mắt thằng bé, nhưng người cha mà nó từng biết không còn ở đó nữa.

Hay có lẽ nên dùng một từ khác: đang ở một nơi nào khác.

5
Thế giới bên dưới

Bóng tối, nhưng là bóng tối có thể nhìn qua được - giống như khi bị nhấn chìm trong bùn lầy nhưng chúng ta vẫn có thể nhìn xuyên qua nó. Hay có lẽ nếu miêu tả nó như một cục thạch bị bám bẩn thì sẽ dễ hình dung hơn. Có thể nhìn xuyên qua được, nhưng lờ mờ, mọi thứ như nhòe đi, cảm giác như ở trong một không gian hẹp, mù sương, ngột ngạt đến khó thở.

Ý thức, nhưng là một ý thức không hồi ức và không danh tính - giống như bạn đang ở trong một giấc mơ, vẫn biết chuyện gì đang xảy ra xung quanh mình, nhưng lại không có ý niệm đời thực nào về việc mình là ai hay là gì.

Cả âm thanh nữa: một tiếng đập đều đặn và như từ sâu thẳm, xa văng vẳng nhưng mạnh, tạo cảm giác như từng nhịp đập xuyên thẳng qua bạn. Giống như nhịp đập của tim? Cũng giống một chút, nhưng nghe tối tăm hơn, máy móc hơn - như tiếng kim loại đánh vào kim loại, như có một gã thợ rèn khổng lồ ở đâu đó xa xa dưới lòng đất đang nện lên cái đe: mỗi nhát nện mạnh đến nỗi tiếng động nó gây ra làm rúng động bên trong lòng đất, hay trong bùn lầy, hay nói đúng hơn là *nơi tôi đang ở lúc đó*.

Tôi không có một cơ thể - tức là một cái gì đó mà tôi ý thức được về sự hiện hữu của nó. Tôi chỉ đơn giản là đang... *ở đó*, trong không gian bóng tối đang vang lên những tiếng đập thình thịch như nhịp tim này. Vào thời điểm đó, lẽ ra tôi có thể gọi nó là một nơi "ban sơ", nhưng tôi đã không biết từ này. Thật ra là, khi ấy tôi không hề biết một từ nào cả. Những từ tôi đang dùng để mô tả trải nghiệm này thì phải đến mãi về sau, khi đã trở về lại thế giới này và viết lại những gì đã xảy ra dựa theo trí nhớ của mình, tôi mới nghĩ đến. Ngôn ngữ, cảm xúc và logic: những thứ này khi ấy đều không hiện hữu, như thể tôi đã đi lùi lại, trở về một trạng thái

hiện hữu nào đó từ thuở sơ khai của sự sống; tôi cứ tiếp tục lùi như thế, có lẽ là đến khi những con vi khuẩn nguyên thủy chiếm lấy và đánh sập bộ não của tôi.

Tôi đã ở trong thế giới đó bao lâu? Tôi không biết. Khi bạn đi đến một nơi mà ở đó không có khái niệm thời gian như cách mà chúng ta trải nghiệm đời sống trong thế giới thông thường, thì việc miêu tả chính xác những điều bạn cảm nhận là gần như không thể. Khi nó đang xảy ra, khi tôi đang ở đó, tôi cảm thấy như mình (dù lúc đó *mình* là gì đi chăng nữa) từ trước đến nay vẫn luôn ở đó và sẽ ở đó mãi mãi.

Mà tôi cũng chẳng bận tâm về điều này, ít ra là lúc đầu. Rốt cuộc thì tại sao tôi phải bận tâm, bởi chẳng phải đây là trạng thái hiện hữu duy nhất mà tôi từng biết đó sao? Vì không có ký ức nào tốt đẹp hơn thế, nên việc tôi đang ở đâu chẳng phải là điều khiến tôi thật sự bận tâm lúc ấy. Mặc dù tôi nhớ mình có đặt dấu hỏi rằng liệu mình có thể sống sót được hay không, nhưng việc tôi không xem đó là điều cấp thiết lại càng khiến tôi cảm thấy mình bất khả xâm hại. Tôi chẳng có manh mối nào để biết thế giới mà tôi đang hiện hữu này được vận hành theo những quy tắc gì, nhưng tôi cũng không nóng lòng phải biết. Rốt cuộc, điều đó có quá quan trọng đâu?

Đến một thời điểm, tôi không thể nói đích xác là sau đó bao lâu, tôi bắt đầu có ý thức hơn về những thứ ở xung quanh mình. Chúng vừa hơi giống rễ cây, vừa hơi giống như những mạch máu bên trong một tử cung chứa đầy bùn lầy khổng lồ. Ánh lên một thứ ánh sáng màu đỏ xỉn bẩn và u tối, từ đâu đó ở xa lắm bên trên, chúng đi một khoảng xa không kém, đến một nơi nào đó ở sâu bên dưới. Trong hồi ức của tôi về khoảnh khắc đó, tôi như một con chuột chũi hay con giun đất đang nhìn vào những thứ đó, tuy ở sâu trong lòng đất nhưng bằng cách nào đó vẫn nhìn thấy những cây và rễ ngoằn ngoèo, rối rắm như ma trận ở xung quanh nó.

Đó là lý do tại sao sau này, khi nghĩ lại về nơi đó, tôi gọi đó là Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất. Trong một thời gian dài, tôi đã ngờ rằng ký ức mà tôi đã có về nơi này có thể xuất phát từ ảo giác của bộ não của tôi trong giai đoạn bị những con vi khuẩn bắt đầu xâm chiếm.

Nhưng càng nghĩ về cách lý giải này, tôi càng thấy nó vô lý (và tôi cũng cần nhắc lại rằng hoạt động suy nghĩ này của tôi phải rất lâu sau đó mới diễn ra). Bởi vì - dù thật khó để hình dung thật rõ nếu chính bạn chưa từng ở đó - ý thức của tôi hoàn toàn không mù

mịt hay méo mó khi tôi ở đó. Chỉ là ý thức khi đó... *có giới hạn*. Tôi không phải là con người khi tôi ở nơi đó. Tôi thậm chí cũng không phải là động vật. Tôi là một sự hiện hữu nào đó từ trước, và ở bên dưới vạn vật. Tôi chỉ đơn thuần là một điểm ý thức đơn độc giữa một đại dương màu nâu-đỏ bên ngoài giới hạn thời gian.

Càng ở lâu nơi này, tôi càng trở nên khó chịu. Ban đầu, tôi đắm chìm sâu trong nó đến nỗi không có sự khác biệt nào giữa "tôi" và thành phần nửa gây cảm giác rờn rợn, nửa thân thuộc đang bao bọc lấy tôi. Nhưng dần dần, thứ cảm giác chìm sâu, phi thời gian và phi biên giới này nhường chỗ cho một cảm giác khác: cảm giác khi chợt nhận ra mình hoàn toàn không phải là một phần của thế giới dưới lòng đất này, mà chỉ đang bị mắc kẹt trong nó.

Những gương mặt thú quái dị trồi lên trên mặt bùn lầy nhớp nhúa, khi thì rên rỉ, khi rít lên tiếng rít khó nghe, rồi lại mất tăm. Thỉnh thoảng, tôi lại nghe một tiếng gầm mờ đục. Đôi khi, những tiếng gầm này nghe như tiếng tụng rất khẽ và du dương, những tiếng tụng vừa gây cảm giác rờn rợn vừa thân quen một cách khó hiểu - như thể tôi đã từng biết và tại một thời điểm nào đó chính tôi đã từng thốt ra những lời tụng đó.

Vì tôi không có ký ức nào về sự tồn tại trước đó nên thời gian trong cõi giới này của tôi cứ kéo dài, dài thêm nữa. Bao nhiêu tháng? Bao nhiêu năm? Vô tận? Bất kể câu trả lời là gì thì cuối cùng tôi cũng đã đến một điểm mà cảm giác rờn rợn hoàn toàn lấn át cảm giác dễ chịu và thân thuộc thường có của tôi. Tôi càng bắt đầu cảm nhận về *mình* rõ hơn - một sự hiện hữu tách biệt khỏi những gì lạnh lẽo, ẩm thấp và tối tăm xung quanh, thì những gương mặt thú trồi lên từ bóng tối đó càng trở nên xấu xí và đáng sợ. Những tiếng đập nhịp nhàng từ xa cũng càng lúc càng rõ rệt và mạnh hơn - nghe như một đội quân lao động nào đó ở dưới lòng đất đang làm một công việc đơn điệu đến vô vọng, dường như không bao giờ dứt. Những chuyển động ở xung quanh tôi bắt đầu trở nên khó nhìn thấy hơn bằng mắt thường nhưng dễ cảm nhận hơn bằng xúc giác, như thể một đàn bò sát đang nối đuôi nhau bò ngang qua tôi, chốc chốc lại cọ vào người tôi bằng lớp da trơn nhẵn hay đầy lông gai của chúng.

Rồi tôi cảm thấy một mùi: vừa hơi giống mùi phân, vừa hơi tanh như mùi máu, lại có cả mùi ói mửa. Nói cách khác, đó là một mùi *sinh học*, nhưng là mùi sinh học của sự chết, chứ không phải sự sống. Khi ý thức của tôi càng nhạy bén hơn, tôi càng tiến gần đến nỗi sợ hơn. Dù tôi có là ai hay là gì, tôi cũng không thuộc về nơi này. Tôi cần phải thoát ra.

Nhưng tôi sẽ về đâu?

Ngay trong khi tôi đang tự hỏi mình như vậy, một thứ gì đó mới mẻ hiện lên từ bóng tối ở bên trên: một thứ gì đó không lạnh lẽo, không chết chóc, không tối tăm, mà hoàn toàn ngược lại. Cho dù tôi có cố gắng trong suốt phần đời còn lại của mình, tôi cũng sẽ chẳng bao giờ miêu tả được hết sức chân thực thực thể đang tiến đến gần tôi lúc ấy... không bao giờ lột tả hết được vẻ đẹp của nó.

Nhưng dù sao tôi cũng sẽ cố.

6
Cái neo vào sự sống

Phyllis lái xe vào bãi đỗ xe của bệnh viện chỉ gần hai tiếng sau khi Eben IV đến, vào khoảng một giờ sáng. Khi bước vào phòng ICU của tôi, cô nhìn thấy Eben IV đang ngồi bên giường tôi, ôm một cái gối của bệnh viện ở trước ngực để giữ cho mình khỏi ngủ gật.

"Mẹ đang ở nhà với Bond", Eben nói, bằng giọng vừa mệt mỏi, căng thẳng, vừa vui mừng khi thấy Phyllis.

Phyllis bảo Eben rằng thằng bé cần phải về nhà, rằng nếu thức cả đêm sau khi vừa lái xe cả đoạn đường từ Delaware như thế thì ngày mai thằng bé sẽ chẳng giúp được gì cho ai, kể cả việc chăm sóc cha mình. Rồi Phyllis gọi điện thoại cho Holley và Jean đang ở nhà, nói rằng Eben IV sẽ về ngay và cô ấy sẽ túc trực ở bệnh viện đêm hôm đó.

"Bây giờ con đi về nhà với mẹ, cô Jean và em con", cô nói với Eben IV sau cuộc gọi. "Họ cần con. Cha con và cô vẫn sẽ ở đây khi con trở lại vào ngày mai."

Eben IV nhìn lại khắp người tôi: nhìn cái ống thở bằng nhựa trong suốt thông qua lỗ mũi xuống khí quản; nhìn đôi môi mỏng đang trở nên khô nứt nẻ; nhìn đôi mắt nhắm nghiền và các cơ mặt hơi xệ xuống của tôi.

Phyllis đọc được suy nghĩ của thằng bé.

"Về nhà đi, Eben. Cố gắng đừng lo nghĩ quá. Cha con vẫn còn ở đây với chúng ta. Và cô sẽ không để cha con đi đâu."

Nói rồi, Phyllis đi đến bên giường tôi, cầm lấy bàn tay tôi và bắt

đầu xoa bóp. Phyllis ngồi như vậy suốt đêm; chẳng có ai ngoài những cái máy và cô y tá trực đêm vào kiểm tra các thông số mỗi giờ, cô ấy nắm tay tôi, duy trì một sự kết nối - sự kết nối mà cô ấy biết rõ là vô cùng cần thiết để giúp tôi vượt qua biến cố này.

Một điều cũ rích nhưng tôi thấy rất đúng, đó là người miền nam luôn nhắc đi nhắc lại rằng gia đình là quan trọng. Khi tôi vào học Trường Y khoa Harvard vào năm 1988, điều đầu tiên tôi nhận thấy ở người miền bắc là họ có phần dè dặt hơn trong việc thừa nhận một thực tế mà nhiều người miền nam xem là hiển nhiên: gia đình bạn cho biết *bạn là ai*.

Trong suốt cuộc đời mình, mối quan hệ của tôi với gia đình mình - cha mẹ và các chị em, và sau này là Holley, Eben IV và Bond - đã luôn là một nguồn mang lại sức mạnh và sự vững vàng thiết yếu đối với tôi, và tôi càng thấy rõ điều này hơn trong những năm gần đây. Gia đình là nơi tôi luôn tìm được sự hỗ trợ vô điều kiện trong một thế giới mà, dù ở miền bắc hay miền nam, điều này luôn luôn thiếu.

Thỉnh thoảng, tôi vẫn cùng Holley và bọn trẻ đi đến nhà thờ Giám nhiệm. Nhưng thật ra thì đã nhiều năm nay, tôi hầu như chỉ có mặt ở nhà thờ vào dịp lễ Giáng sinh và Phục sinh. Tôi cũng khuyến khích các con cầu nguyện hằng đêm, nhưng tôi không phải là người dẫn dắt tâm linh của gia đình. Tôi chưa bao giờ thoát ra được cảm giác hoài nghi, rằng làm sao tất cả những điều đó có thể là thật được. Dù cho khi càng trưởng thành, tôi càng muốn tin vào Chúa, Thiên đàng và cả kiếp sau, nhưng nhiều thập niên sống trong thế giới khoa học giải phẫu thần kinh đã khiến tôi hoài nghi sâu sắc về sự tồn tại của những điều này. Khoa học thần kinh hiện đại khẳng định rằng bộ não là khởi nguồn của ý thức - của tâm trí, linh hồn, tâm linh, của cái phần vô hình, không dễ nắm bắt hay mô tả chính xác của mỗi chúng ta, tạo nên con người thật sự của chúng ta - và tôi không nghi ngờ gì về điều này.

Giống như hầu hết những người làm trong ngành y tế, luôn làm việc trực tiếp với những bệnh nhân ở giữa ranh giới của sự sống và cái chết cùng gia đình của họ, trong nhiều năm, tôi đã nghe, và cả chứng kiến, về một số những sự việc xảy ra không giải thích được. Tôi ghi nhận lại những sự việc này vào danh mục "chưa giải thích được" và đến nay vẫn chưa có ghi nhận mới nào cho những trường hợp đó. Tôi chỉ có thể đưa ra một cách lý giải hợp lý nhất cho mỗi sự việc.

Không phải là tôi phản đối những niềm tin vào thế giới siêu

nhiên. Là một bác sĩ phải thường xuyên chứng kiến những đau khổ tột cùng, cả về mặt thân thể lẫn cảm xúc, tôi hoàn toàn không muốn phủ nhận niềm tin của bất cứ ai, phủ nhận niềm an ủi và hy vọng mà đức tin mang đến cho họ. Thật ra, bản thân tôi cũng nghĩ giá như mình cũng có được một đức tin như thế.

Tuy vậy, càng lớn tuổi, dường như tôi càng xa rời điều đó hơn. Như một đại dương xâm lấn dần bờ biển, qua nhiều năm, một cách nhẹ nhàng nhưng bền bỉ, thế giới quan khoa học đã làm xói mòn khả năng tôi tin vào một điều gì đó lớn lao hơn. Khoa học dường như cứ liên tục đưa ra những chứng cứ mạnh mẽ để đẩy dần vai trò quan trọng của con người chúng ta trong vũ trụ xuống gần bằng không. Niềm tin hẳn đã khiến cho cuộc sống của chúng ta trở nên dễ chịu. Nhưng khoa học không quan tâm đến điều đó. Nó quan tâm đến *sự thật*.

Tôi là người có xu hướng học hỏi thông qua hành động, nói một cách dễ hiểu, tôi học cái gì bằng cách làm cái đó. Nếu tôi không tự mình cảm nhận hay xúc chạm vào nó, tôi khó lòng nảy sinh sự say mê. Bên cạnh mong muốn được giống như cha mình, chính niềm mong muốn được xắn tay lên và chạm vào bất kỳ điều gì tôi muốn hiểu đã đưa tôi đến với ngành học giải phẫu thần kinh. Bộ não con người rất trừu tượng và bí ẩn nhưng cũng vô cùng rõ ràng và chặt chẽ. Khi còn là một sinh viên y khoa ở trường Đại học Duke, tôi háo hức khi tận mắt thấy được qua kính hiển vi các sợi tế bào thần kinh mỏng manh tạo ra sự kết nối giữa các khớp thần kinh, từ đó sinh ra nhận thức. Tôi yêu sự kết hợp giữa kiến thức trừu tượng và tính chất vật lý đơn thuần của bộ môn giải phẫu não. Để tiếp cận được bộ não, các bác sĩ giải phẫu phải mở nhiều lớp da và mô bao bọc phần sọ và sử dụng một thiết bị khí nén tốc độ cao có tên gọi là khoan Midas Rex. Đây là một công cụ rất tinh vi, có giá hàng ngàn đô la. Nhưng nghĩ cho cùng, đó cũng chỉ là... một cái khoan.

Tương tự, việc sửa chữa bộ não bằng phẫu thuật tuy là một công việc cực kỳ phức tạp nhưng thật ra cũng không khác mấy so với việc sửa chữa một bộ máy chạy bằng điện vô cùng tinh vi. Bộ não thật sự là như vậy: một bộ máy sản xuất ra hiện tượng ý thức, điều này tôi biết rất rõ. Tất nhiên là các nhà khoa học vẫn chưa khám phá ra chính xác bằng cách nào các neuron thần kinh của bộ não có thể làm được như thế, nhưng việc tìm ra câu trả lời cũng chỉ là vấn đề thời gian. Điều này được chứng minh ở trong phòng mổ mỗi ngày. Một bệnh nhân đến bệnh viện với triệu chứng đau đầu và ý thức suy giảm. Bạn cho chụp MRI (chụp cộng hưởng từ) cho bộ não của cô ấy và phát hiện ra một khối u. Bạn gây mê toàn thân cho bệnh nhân, cắt bỏ khối u và vài giờ sau, cô ấy tỉnh lại.

Không còn những cơn đau đầu. Không còn vấn đề về ý thức. Mọi việc dường như khá đơn giản.

Tôi ngưỡng mộ sự đơn giản này - tính trung thực tuyệt đối và *tính trong sạch* của khoa học. Tôi kính trọng nó bởi vì trong bộ môn này không có chỗ cho vọng tưởng hay suy nghĩ viển vông. Nếu một dữ kiện có thể được chứng minh là xác thực và đáng tin cậy, nó được chấp nhận. Nếu không, nó bị gạt đi.

Với cách tiếp cận này, hầu như không còn chỗ cho linh hồn, cho sự tiếp tục tồn tại của nhân cách sau khi bộ não hỗ trợ nó đã ngừng hoạt động. Thậm chí còn có ít chỗ hơn cho những từ mà tôi từng nghe đi nghe lại trong nhà thờ: "sống mãi muôn đời".

Đó là lý do mà tôi nương tựa vào gia đình mình - Holley và hai con trai của chúng tôi, chị và hai em gái của tôi, và dĩ nhiên, cha và mẹ tôi - nhiều người để tôi nương tựa đến thế. Một thực tế rất rõ ràng là, tôi đã chẳng thể nào làm tốt nghề nghiệp của mình - làm những việc tôi làm mỗi ngày và nhìn thấy được những điều tôi đã nhìn thấy - nếu không có sự hỗ trợ mang tính nền tảng là tình yêu và sự thấu hiểu mà gia đình đã dành cho tôi.

Đó là lý do tại sao em gái út Phyllis (sau khi hỏi ý kiến của Betsy, em gái kế tôi, qua điện thoại) đã quyết định tối hôm đó thay mặt toàn thể gia đình, hứa với tôi một chuyện. Cô ấy ngồi bên tôi, nắm lấy bàn tay gần như không còn sức sống của tôi, và nói với tôi rằng từ bây giờ, cho dù có chuyện gì xảy ra đi nữa, sẽ luôn có một ai đó ở ngay đây, nắm lấy tay tôi.

"Gia đình sẽ không để cho anh đi đâu, Eben", Phyllis nói. "Anh cần một cái neo để giữ anh ở lại đây, ở lại thế giới này, nơi tất cả mọi người trong gia đình đều cần anh. Và gia đình sẽ làm mọi thứ hết sức có thể cho điều đó."

Cô ấy không biết rằng trong những ngày sắp tới, cái neo này cho thấy nó quan trọng ra sao.

7

Giai Điệu Xoay Vòng và Lối Vào

Có cái gì đó xuất hiện trong bóng tối.

Vừa chầm chậm xoay vòng, nó vừa tỏa ra những sợi ánh sáng mảnh như tơ màu vàng trắng, và những vòng xoay của nó khiến bóng tối xung quanh tôi bắt đầu vỡ vụn thành từng mảnh.

Rồi tôi nghe thấy một âm thanh mới: một âm thanh *sống*, cảm giác như đó là bản nhạc đẹp đẽ nhất, phức tạp nhất, phong phú nhất mà bạn từng nghe thấy. Trong khi một thứ ánh sáng tinh khiết màu trắng đang phủ xuống, âm thanh này càng lúc càng lớn hơn và rồi lấn át hoàn toàn tiếng đập thình thịch đơn điệu, máy móc mà cho đến lúc ấy là bạn đồng hành duy nhất của tôi, trong suốt một khoảng thời gian mà tôi tưởng như hàng niên đại.

Ánh sáng đó càng lúc càng đến gần hơn, không ngừng xoay và không ngừng tạo ra những sợi tơ ánh sáng trắng tinh khiết mà giờ đây, tôi nhìn thấy thấp thoáng những sợi ánh vàng xen kẽ trong đó.

Và rồi, ở ngay giữa luồng ánh sáng này, một thứ gì đó khác lại xuất hiện. Tôi tập trung toàn bộ ý thức, cố gắng đoán xem nó là gì.

Một khoảng trống. Tôi hoàn toàn không còn nhìn *vào* luồng ánh sáng đang chầm chậm xoay vòng đó nữa, mà nhìn *xuyên qua* nó.

Ngay khi hiểu ra điều này, tôi bắt đầu di chuyển lên trên. Rất nhanh. Nghe một âm thanh vút qua, rồi vụt một cái, tôi đã đi xuyên qua khoảng trống đó và thấy mình đang ở trong một thế giới hoàn toàn mới. Một thế giới kỳ lạ nhất, đẹp đẽ nhất mà tôi từng nhìn thấy.

Rực rỡ, sống động, ngây ngất, choáng ngợp... Tôi có thể nghĩ ra hàng đống tính từ để diễn tả thế giới đó trông như thế nào và cảm nhận của tôi ra sao, nhưng tất cả những tính từ đó đều không lột tả hết được. Tôi cảm thấy như mình đang được sinh ra. Không phải là tái sinh hay được sinh ra lần nữa. Chỉ là... được sinh ra.

Phía dưới tôi là một miền đồng quê. Xanh mướt, tốt tươi và nhìn giống như trái đất. Nó *là* trái đất... nhưng đồng thời lại không phải là trái đất. Giống như là cha mẹ bạn đưa bạn trở lại nơi bạn đã sống một vài năm khi còn rất nhỏ. Bạn chưa biết gì về nơi đó. Hay ít ra là bạn nghĩ thế.

Nhưng khi bạn nhìn ra xung quanh, có thứ gì đó khiến bạn chú ý, và bạn nhận ra rằng một phần bên trong bạn - phần sâu thẳm bên trong - cuối cùng đã nhớ ra nơi này, và hân hoan khi được trở lại đây.

Tôi đang bay, bay qua những ngọn cây và cánh đồng, những con suối và thác nước, và ở một vài nơi bên dưới có cả người. Có cả trẻ con đang chơi đùa và cười vang. Những người ở đó hát và nhảy thành những vòng tròn và thi thoảng, tôi nhìn thấy một chú chó đang chạy nhảy cùng với họ; cả người và vật đều ngập tràn niềm vui. Trang phục của họ đơn giản nhưng trông rất đẹp, và tôi thấy màu sắc của những bộ trang phục dường như cũng có cùng thứ hơi ấm của sự sống tỏa ra từ cây cối và những bông hoa đồng nội đang nở rộ xung quanh.

Một thế giới trong mơ đẹp đẽ và tuyệt vời...

Nhưng đây không phải là một giấc mơ. Cho dù tôi không biết mình đang ở đâu hay thậm chí là cái gì, nhưng có một điều tôi hoàn toàn chắc chắn: nơi mà bỗng nhiên tôi thấy mình đang có mặt hoàn toàn là *thực*.

Từ *thực* thường diễn tả điều gì đó trừu tượng, và mặc dù tôi rất cố gắng thì cũng đành bất lực một cách tức tối vì nó không truyền tải được những gì tôi đang cố diễn đạt ra đây. Hãy tưởng tượng bạn là một đứa trẻ và bạn đang đi xem một bộ phim vào một ngày hè. Có lẽ bộ phim khá hay và bạn thích thú ngồi xem từ đầu đến cuối. Nhưng khi bộ phim kết thúc, bạn xếp hàng đi ra khỏi rạp và trở lại với buổi chiều hè tràn đầy hơi ấm rực rỡ và vô cùng thân thuộc đang mời gọi bạn. Và ngay khi bạn cảm nhận được bầu không khí và ánh mặt trời đó, bạn tự hỏi tại sao bạn lại có thể phí hoài một ngày rực rỡ như thế này để ngồi trong một rạp phim tối om như vậy chứ.

Nhân cái cảm giác đó lên một ngàn lần, bạn sẽ vẫn không thể hình dung được những gì tôi đã cảm thấy ở nơi đây.

Tôi không biết chính xác mình đã bay như vậy bao lâu. (Thời gian ở nơi này khác với thời gian tuyến tính đơn giản mà chúng ta trải nghiệm trên trái đất, và miêu tả về nó cũng vô vọng như miêu tả về mọi khía cạnh khác của nơi này.) Nhưng đến một lúc, tôi nhận ra rằng tôi không ở đó một mình.

Có ai đó ở kế bên tôi: một cô gái xinh đẹp có gò má cao và đôi mắt xanh sâu thẳm. Cô ấy mặc bộ quần áo trông giống như nông dân, giống như trang phục của những người mà tôi thấy ở ngôi làng bên dưới. Những lọn tóc màu nâu vàng ôm lấy gương mặt khả ái. Chúng tôi đang lướt đi bên cạnh nhau, trên một bề mặt có hoa văn phức tạp và trông sống động với những màu sắc rực rỡ và khó tả - đó là cánh của một con bướm. Thật ra, có hàng triệu con bướm ở khắp xung quanh chúng tôi - như những con sóng lớn dập dờn, lao xuống thảm thực vật bên dưới rồi bay vút lên trở lại xung quanh chúng tôi. Thì ra không phải là một cánh bướm đơn độc, riêng lẻ, mà là tất cả những con bướm xuất hiện cùng nhau, như một dòng sông của màu sắc và sự sống đang bay qua trên không trung. Chúng tôi nhàn nhã bay trong những đội hình vòng tròn, ngang qua những bông hoa nở rộ và những nụ hoa trên cây hé nở khi chúng tôi tiến lại gần.

Trang phục của cô gái giản đơn thôi, nhưng màu sắc của nó - màu thiên thanh, chàm, và cam đào nhạt - cũng mang cùng một sức sống vô cùng sinh động đến choáng ngợp như tất cả mọi vật ở xung quanh. Cô ấy nhìn tôi bằng ánh mắt mà chỉ cần nhìn thấy trong giây lát, bạn cũng sẽ cảm thấy như toàn bộ cuộc sống của mình cho đến thời điểm đó là vô cùng đáng sống, mặc cho chuyện gì đã xảy ra trước đó. Không phải là một cái nhìn lãng mạn. Không phải là một cái nhìn bằng hữu. Nó là một cái nhìn mà, bằng cách nào đó, vượt lên trên tất cả những thứ đó... vượt lên trên tất cả những dạng thức tình yêu thương mà con người chúng ta trên trái đất từng biết đến. Nó là thứ gì đó cao cả hơn, bao hàm trong nó tất thảy mọi kiểu tình yêu còn lại, đồng thời vừa chân thực, vừa thuần khiết hơn tất thảy.

Cô ấy nói chuyện với tôi, nhưng không phải bằng ngôn từ. Thông điệp của cô ấy đi xuyên qua tôi như một làn gió, và ngay lập tức tôi biết nó là thật. Tôi biết điều đó, giống như cách mà tôi biết thế giới xung quanh chúng tôi là *thực* - chứ không phải là một thứ ảo tưởng thoáng qua và mong manh nào đó.

Thông điệp đó gồm ba phần, và nếu tôi phải dịch nó ra ngôn ngữ của loài người trên trái đất, nó sẽ đến tai tôi đại khái như thế này:

“Anh luôn được yêu thương và trân trọng, vô cùng, một tình yêu vĩnh cửu.”

“Không có gì phải sợ hãi.”

“Anh không thể làm điều gì sai.”

Thông điệp làm dâng lên trong tôi một cảm giác nhẹ nhõm vô hạn khiến tôi lâng lâng. Giống như ai đó đang trao cho tôi các quy luật của một trò chơi mà tôi đã chơi trong suốt quãng đời trước đó nhưng chưa bao giờ hiểu về nó một cách đầy đủ.

“Chúng tôi sẽ cho anh xem nhiều thứ ở đây”, cô gái nói và lần này, vẫn không dùng ngôn từ mà bằng cách truyền trực tiếp đến tôi tinh thần cốt tủy của những ý niệm đó. “Nhưng cuối cùng, anh cũng sẽ trở lại.”

Với câu nói đó, tôi chỉ có một câu hỏi.

Trở lại đâu?

Đừng quên người đang trò chuyện với bạn là ai nhé. Tôi không phải là một kẻ ủy mị hay chưa từng trải qua điều gì. Tôi biết cái chết trông ra sao. Tôi biết cảm giác thế nào khi một người đang sống, chuyện trò và bông đùa cùng bạn trong những ngày người đó còn khỏe mạnh, bỗng trở thành một cái xác bất động nằm trên bàn mổ sau hàng giờ đồng hồ bạn nỗ lực để giữ cho bộ máy, tức cơ thể của người đó, tiếp tục hoạt động. Tôi biết sự đau khổ trông ra sao, và nỗi đau đớn không có câu trả lời trên khuôn mặt của những người thân đã mất đi một người mà họ không thể tưởng tượng nổi là sẽ có ngày rời bỏ họ ra đi. Tôi biết cơ chế sinh học của mình, và dù tôi không phải là một nhà vật lý, hiểu biết của tôi cũng không xoàng về lĩnh vực này. Tôi biết phân biệt giữa tưởng tượng và thực tế, và tôi biết rằng trải nghiệm mà tôi đang cố gắng hết sức nhưng vẫn chỉ giúp bạn hình dung được một bức tranh rất mờ nhạt về nó, hoàn toàn không khiến tôi thỏa mãn, là trải nghiệm thật nhất mà tôi đã có trong cuộc đời mình.

Thật ra, điều duy nhất có thể khiến trải nghiệm trên trở nên xác thực, giải tỏa mọi sự nghi hoặc, là điều sắp xảy đến tiếp theo sau đây.

8

Israel

Tám giờ sáng ngày hôm sau, Holley quay trở vào bệnh viện với tôi. Cô ấy thay phiên cho Phyllis, ngồi vào chiếc ghế ở đầu giường tôi và nắm chặt lấy bàn tay vẫn không có phản ứng gì của tôi. Vào khoảng 11 giờ sáng, Michael Sullivan đến và mọi người đứng thành vòng tròn xung quanh tôi, Betsy nắm tay tôi để tôi cũng là một phần của vòng tròn. Michael dẫn lời cầu nguyện. Khi họ vừa kết thúc một bài kinh, một bác sĩ chuyên về bệnh nhiễm trùng bước vào, cầm trên tay báo cáo mới toanh từ tầng dưới. Mặc dù các bác sĩ đã điều chỉnh các loại thuốc kháng sinh cho tôi trong đêm qua, lượng tế bào bạch cầu của tôi vẫn tiếp tục tăng cao. Các vi khuẩn vẫn tiếp tục ăn não của tôi mà không gặp bất cứ trở ngại nào.

Trước thực tế là chưa một ai biết chính xác chuyện gì đang xảy ra với tôi, các bác sĩ một lần nữa kiểm tra lại chi tiết các hoạt động của tôi trong những ngày vừa qua với Holley. Rồi họ mở rộng phạm vi rà soát bằng cách đặt thêm câu hỏi về cả vài tuần trước đó; liệu có điều gì đó - *bất cứ điều gì* - trong cụ thể từng việc mà tôi đã làm có thể giúp họ hiểu được chính xác tình trạng của tôi hay không.

"À", Holley nói, "vài tháng trước anh ấy có một chuyến công tác đến Israel."

Bác sĩ Brennan ngẩng đầu lên trong khi đang nhìn vào cuốn sổ.

Các tế bào khuẩn *E. coli* có thể trao đổi ADN không chỉ với các vi khuẩn *E. coli* khác mà còn với các vi khuẩn gram âm khác nữa. Điều này có rất nhiều hàm ý trong thời đại của chúng ta, thời đại mà con người đi khắp toàn cầu, thời đại của việc sử dụng tràn lan thuốc kháng sinh, và của các loại bệnh gây ra bởi các chủng vi

khuẩn mới đang đột biến nhanh chóng. Nếu những vi khuẩn *E. coli* nào đó được đặt vào trong một môi trường sinh học khắc nghiệt cùng với nhiều loại sinh vật nguyên thủy khác có khả năng thích nghi cao hơn chúng, thì các vi khuẩn *E. coli* này sẽ có khả năng sao chép ADN từ những vi khuẩn có khả năng thích nghi hơn này và tích hợp chúng vào chính nó.

Vào năm 1996, các bác sĩ khám phá ra một chủng vi khuẩn mới chứa các ADN dùng để tạo mã gien cho *Klebsiella pneumoniae carbapenemase*, hay KPC, một loại enzyme trao đổi khả năng kháng thuốc kháng sinh với vi khuẩn chủ của nó. Chủng vi khuẩn mới này được tìm thấy trong dạ dày của một bệnh nhân qua đời tại một bệnh viện ở Bắc Carolina. Nó ngay lập tức thu hút sự chú ý của các bác sĩ trên toàn thế giới khi người ta khám phá ra rằng KPC có khả năng khiến cho vi khuẩn nào hấp thụ nó có khả năng kháng lại không chỉ một vài mà *toàn bộ* các loại kháng sinh hiện thời.

Nếu một chủng vi khuẩn độc hại (mà những anh em họ hàng vô hại của nó có mặt ở khắp nơi trong cơ thể của chúng ta) miễn nhiễm với thuốc kháng sinh được phát tán trong dân chúng, chúng sẽ có một khoảng thời gian tha hồ khám phá cơ thể loài người. Không có loại kháng sinh mới nào được phát triển trong ngành dược trong vòng mười năm trở lại có khả năng đánh bại được chúng để cứu loài người.

Bác sĩ Brennan biết chỉ vài tháng trước đó, một bệnh nhân nhập viện trong tình trạng nhiễm khuẩn nặng và được điều trị bằng nhiều loại kháng sinh mạnh khác nhau nhằm kiểm soát tình trạng nhiễm khuẩn *Klebsiella pneumoniae* của anh ta. Nhưng bệnh tình của bệnh nhân này càng lúc càng nặng. Các kết quả kiểm tra cho thấy bệnh nhân vẫn bị nhiễm khuẩn *Klebsiella pheumoniae* và các loại kháng sinh đều đã không có tác dụng. Các kết quả kiểm tra sâu hơn cho thấy loại vi khuẩn sống trong ruột già của bệnh nhân đã tiếp nhận gien KPC qua sự chuyển giao plasmid trực tiếp từ vi khuẩn *Klebsiella pneumoniae* có khả năng kháng kháng sinh này. Hay nói cách khác, cơ thể bệnh nhân này đã trở thành một phòng thí nghiệm, nơi tạo ra một chủng vi khuẩn mà nếu được phát tán trong dân chúng thì hậu quả có thể sánh ngang với *Cái chết Đen*, đại dịch đã giết chết phân nửa dân số châu Âu vào thế kỷ 14.

Bệnh viện nơi diễn ra tất cả những chuyện này là Trung tâm Y tế Sourasky ở Tel Aviv, Israel, và sự kiện này mới chỉ cách đó vài tháng. Thật ra, nó đã xảy ra vào khoảng thời gian tôi đang đi công

tác ở đó, và một phần công việc của tôi là điều phối thực hiện một sáng kiến nghiên cứu toàn cầu về giải phẫu thần kinh bằng sóng siêu âm hội tụ. Tôi đến Jerusalem vào lúc 3 giờ 15 phút sáng và sau khi tìm được khách sạn, tôi ngẫu hứng nảy ra ý định đi bộ tới khu phố cổ. Cuối cùng, tôi đã một mình thực hiện một chuyến đi bộ trước bình minh vòng quanh khu phố cổ, trong đó có Con Đường Khổ Nạn (Via Dolorosa Street)[1] và địa điểm được cho là nơi diễn ra Bữa ăn tối cuối cùng của Chúa Jesus. Chuyến đi bộ gây cho tôi một niềm xúc động lạ kỳ, và khi trở về Mỹ, tôi vẫn thường nhắc tới nó với Holley. Nhưng lúc đó, tôi không hay biết gì về bệnh nhân ở Trung tâm Y tế Sourasky hay về việc loại vi khuẩn mà bệnh nhân đó mắc phải đã tiếp nhận gien KPC. Loại vi khuẩn mới đó chính là một chủng của *E. coli*.

---

[1] Con Đường Khổ Nạn là con đường được đặt tên theo những chặng đường khổ nạn của Chúa Jesus tại thành cổ Jerusalem, mô tả con đường mà Chúa Jesus đã vác thập giá và đi đến nơi bị đóng đinh và cuối cùng, Ngài sống lại ba ngày sau đó.

Liệu có phải, bằng cách nào đó, tôi đã bị nhiễm loại vi khuẩn chứa KPC kháng thuốc kháng sinh trong thời gian công tác ở Israel? Điều này khó có khả năng xảy ra. Nhưng nó có thể là một lời giải thích cho tình trạng kháng thuốc rõ rệt của căn bệnh nhiễm khuẩn của tôi, và các bác sĩ bắt tay vào việc xác định xem liệu có đúng là loại vi khuẩn đó đang tấn công vào não của tôi không. Đây là lý do trước nhất trong nhiều lý do mà trường hợp của tôi sắp được ghi nhận trong lịch sử y khoa.

9
Cốt Lõi

Trong lúc mọi chuyện bên ngoài đang diễn ra như thế, tôi đang ở một nơi toàn mây.

Những đám mây lớn, xốp phồng, màu trắng ráng hồng hiện lên nổi bật, tương phản với nền trời màu xanh đen thăm thẳm.

Cao hơn những đám mây ấy - cao đến vô cùng - là những quả cầu ánh sáng trong suốt, những sinh vật lấp lánh tụ lại thành từng đám, di chuyển thành hình vòng cung trên bầu trời, để lại phía sau chúng những vệt dài tựa như những dải cờ hiệu.

Là chim ư? Hay các thiên thần? Những từ này nảy ra trong khi tôi viết lại theo trí nhớ của mình. Nhưng chẳng từ nào là đủ để miêu tả những sinh vật ấy - những sinh vật đơn giản là hoàn toàn khác biệt so với bất kỳ thực thể nào mà tôi đã từng biết đến trên hành tinh này. Chúng tiên tiến hơn. Ở một bậc *cao hơn*.

Một thanh âm lớn, ngân vang như một khúc ca huy hoàng, vọng xuống từ bên trên, và tôi tự hỏi liệu có phải những thanh âm này được phát từ những sinh vật có cánh kia. Sau này nghĩ lại, tôi nhận ra rằng niềm hân hoan của những sinh vật ấy khi chúng được tung cánh trên bầu trời cao là quá đỗi lớn lao đến nỗi chúng *không thể không* thốt ra những âm thanh như thế - vì nếu niềm hân hoan dâng tràn đó không được tuôn ra bên ngoài theo cách này, thì chúng không thể nào chất chứa hết nổi niềm hân hoan ấy. Âm thanh đó chân thực như có thể xúc chạm được, gần như là một dạng vật chất, giống như một cơn mưa mà bạn có thể cảm nhận là đang rơi trên làn da của mình nhưng lại không hề làm ướt bạn.

Không có sự khác biệt giữa nghe và thấy ở nơi này. Tôi có thể *nghe*

thấy vẻ đẹp của những hình thù óng ánh bạc của những sinh vật rất đỗi hân hoan ở trên cao kia, và tôi có thể *nhìn thấy* được sự hoàn mỹ đầy niềm hân hoan đang trào dâng trong lời ca của chúng. Dường như bạn không thể *nhìn thấy* hay *nghe thấy* bất kỳ sự hiện hữu nào trong thế giới này nếu không trở thành một phần của nó - nếu không hòa vào nó theo một cách huyền bí nào đó. Đến đây, tôi cần nhắc lại, từ góc nhìn hiện tại của mình, tôi nghĩ rằng bạn không thể nhìn *vào* bất kỳ một thực thể nào trong thế giới ấy cả, bởi bản thân từ *vào* đã ngụ ý một sự phân tách vốn không tồn tại ở đó. Mọi thứ ở đó đều riêng biệt nhưng đồng thời, mọi thứ đều là một phần của mọi thứ khác, như những thiết kế đan xen phức tạp và phong phú trên một chiếc thảm Ba Tư... hay trên một cánh bướm.

Một làn gió ấm thổi qua, giống như loại gió thường xuất hiện vào những ngày hè hoàn hảo nhất, lay động những chiếc lá trên ngọn cây và tràn qua như một dòng nước Thiên đường. Một làn gió nhẹ của xứ Thiên đường. Nó làm thay đổi mọi thứ, nâng thế giới xung quanh tôi lên thậm chí cao hơn một quãng tám, lên một tần số rung động mới.

Mặc dù chức năng ngôn ngữ của tôi vẫn hầu như không hoạt động, ít nhất là theo cách mà chúng ta vẫn hiểu trên trái đất, nhưng tôi đã bắt đầu đặt ra những câu hỏi không lời với ngọn gió này, và với những sinh vật thiên thần mà tôi cảm giác được rằng làn gió đến từ đằng sau hay từ bên trong chúng.

Nơi đây là đâu?

Tôi là ai?

Tại sao tôi lại ở đây?

Mỗi khi một trong những câu hỏi này nảy sinh trong tôi dưới hình thức phi ngôn từ, câu trả lời lập tức đến theo dưới dạng một sự bùng nổ của ánh sáng, màu sắc, tình yêu thương và vẻ đẹp, thổi xuyên qua tôi như một con sóng đang ầm ào lao tới. Điều quan trọng đáng nói là những cơn bùng nổ này không chỉ tràn qua, lấn át mọi câu hỏi của tôi và khiến chúng phải im lặng. Những cơn bùng nổ này *trả lời* những câu hỏi của tôi, nhưng không bằng ngôn từ. Những ý nghĩ đi thẳng vào bên trong tôi. Nhưng không phải dạng ý nghĩ mà chúng ta có trên trái đất. Không mơ hồ, phi vật chất hay trừu tượng. Những ý nghĩ này rắn, đặc và tức thời - nóng hơn cả lửa và ướt hơn cả nước - và khi tôi nhận được chúng, tôi hiểu được một cách dễ dàng và ngay lập tức những khái niệm

mà lẽ ra tôi sẽ phải mất hàng năm trời để hiểu được trong cuộc sống của tôi ở trên trái đất.

Tôi tiếp tục di chuyển về phía trước và thấy mình đang đi vào một khoảng trống bao la, tối mịt, vô hạn về kích thước, nhưng cũng cho một cảm giác dễ chịu vô cùng. Khoảng trống ấy dù tối đen như mực nhưng lại ngập tràn ánh sáng: một thứ ánh sáng dường như tỏa ra từ một quả cầu rực rỡ mà lúc này đây, tôi cảm thấy nó đang ở gần bên tôi. Một quả cầu chứa đựng sự sống và gần như là chất rắn, tựa như những khúc hoan ca của các thiên thần mà tôi đã nghe.

Một điều lạ là, tôi trong tình thế hiện tại giống hệt như một bào thai đang ở trong tử cung. Cái bào thai này bồng bềnh trong tử cung cùng với người bạn đồng hành không lời là nhau thai, người bạn nuôi dưỡng nó và làm trung gian trong mối quan hệ của nó với người mẹ mà nó cảm nhận vừa như hiện diện ở khắp mọi nơi, lại vừa không nhìn thấy được. Trong trường hợp này, người "mẹ" chính là Chúa, là Đấng Sáng Tạo, là Nguồn Sống, chịu trách nhiệm kiến tạo ra vũ trụ và vạn vật bên trong nó. Đấng này gần gũi đến mức dường như tôi không cảm thấy chút khoảng cách nào giữa tôi và Người. Nhưng đồng thời, tôi cũng có thể cảm thấy được sự bao la vô tận của Người, cảm thấy được mình là một thực thể bé nhỏ đến nhường nào nếu mang ra so sánh. Tôi sẽ thỉnh thoảng dùng từ *Om*, là đại từ khi nói về Người vì tôi đã dùng tên này trong những gì tôi viết ra sau khi tỉnh dậy. "Om" là âm thanh gắn liền với Chúa đầy tình yêu thương vô điều kiện, đấng toàn năng, toàn trí mà tôi nhớ mình đã nghe thấy, nhưng mọi sự diễn đạt bằng ngôn từ đều không đủ.

Tôi nhận ra rằng, sự bao la thuần khiết ngăn cách Om và tôi chính là nguyên do tại sao tôi có Quả Cầu Ánh Sáng là bạn đồng hành của mình. Bằng một cách mà tôi không hoàn toàn hiểu được nhưng lại cảm thấy chắc chắn, Quả Cầu Ánh Sáng là một kiểu "thông dịch viên" giữa tôi và sự hiện hữu phi thường đang bao trùm xung quanh mình.

Như thể tôi đang được sinh vào một thế giới rộng lớn hơn, và vũ trụ giống như một cái tử cung vĩ đại, bao la, và Quả Cầu Ánh Sáng (thứ mà bằng cách nào đó vẫn còn kết nối với Cô Gái Trên Cánh Bướm - thật ra *chính là* cô ấy) đang dẫn lối cho tôi đi xuyên suốt quá trình này.

Về sau, khi quay lại thế giới này, tôi đã tìm thấy một câu trích dẫn của một nhà thơ Thiên Chúa giáo sống ở thế kỷ 17, Henry

Vaughan, miêu tả khá đúng về nơi đó - phần cốt lõi bao la, đen như mực, chính thật là nhà của Đấng Thiêng Liêng.

"Người ta nói, nơi ở bên trong Chúa là bóng tối sâu thẳm nhưng sáng lòa..."

Chính xác là nó: một bóng tối đen như mực nhưng cũng lại đầy ắp ánh sáng.

Những câu hỏi và câu trả lời cứ nối đuôi nhau. Dù không hiện ra ở dạng ngôn ngữ như cách mà chúng ta biết, "giọng nói" của Đấng Thiêng Liêng này vẫn ấm áp và - dù nghe có vẻ kỳ quặc, tôi biết - mang tính cá nhân. Giọng nói đó hiểu rõ loài người và mang những phẩm chất mà con người chúng ta sở hữu, chỉ là theo một chuẩn mực đo lường lớn hơn vô kể. Giọng nói đó hiểu tôi sâu sắc và chứa đựng vô vàn những phẩm chất mà cả cuộc đời mình, tôi đã luôn gán cho loài người, và chỉ loài người mà thôi, đó là: sự ấm áp, lòng từ bi, lòng trắc ẩn... thậm chí cả khả năng châm biếm và óc hài hước.

Thông qua Quả Cầu Ánh Sáng, Om nói với tôi rằng không chỉ có một mà có nhiều vũ trụ - thật ra là nhiều hơn tôi có thể hình dung - nhưng tình yêu thương mà chúng ta nói đến nằm ở trung tâm của tất cả các vũ trụ. Cái ác cũng tồn tại ở tất cả mọi vũ trụ khác nữa, nhưng chỉ với một lượng vô cùng nhỏ. Cái ác là cần thiết bởi nếu không có nó thì ý chí tự do không tồn tại, và nếu không có ý chí tự do thì sẽ không có sự phát triển - không có sự dịch chuyển về phía trước, không có cơ hội để chúng ta trở thành điều mà Chúa mong mỏi đối với chúng ta. Đôi khi cái ác trở nên kinh khủng và dường như chiến thắng tất cả trong một thế giới như thế giới của chúng ta, nhưng nhìn tổng thể thì tình yêu vẫn chiếm ưu thế, và cuối cùng tình yêu sẽ luôn chiến thắng.

Tôi đã thấy được sự phong phú của sự sống qua hằng hà sa số vũ trụ, bao gồm cả những vũ trụ nơi trí tuệ đã vượt xa trí tuệ của loài người. Tôi đã thấy được rằng có vô số những chiều không gian ở tầng cao hơn, nhưng cách duy nhất để biết được những chiều không gian này là tự mình bước vào và trực tiếp trải nghiệm. Không thể biết, hay hiểu được một không gian ở tầng cao từ một không gian ở tầng thấp hơn. Nhân và quả tồn tại trong những cõi giới cao hơn này, nhưng nằm ngoài ý niệm của con người trên trái đất. Thế giới của thời gian và không gian trên trái đất mà chúng ta đang sống này được đan xen một cách chặt chẽ và tinh vi bên trong những thế giới cao hơn ấy. Nói cách khác, những thế giới đó không hoàn toàn tách biệt khỏi thế giới của chúng ta, bởi mọi thế

giới đều là một phần của cùng một Thực Tại Thiêng Liêng bao trùm tất cả. Từ những thế giới cao hơn này, một thực thể nào đó có thể tiếp cận bất kỳ thời gian hay không gian nào trong thế giới của chúng ta.

Tôi sẽ phải mất cả phần đời còn lại của mình, và thêm một vài kiếp sống nữa, mới lĩnh hội hết những gì tôi đã học được ở nơi đó. Lượng kiến thức đó không được "truyền dạy" cho tôi theo cách mà người ta dạy một bài học lịch sử hay một định lý toán học. Từng sự khai mở nhận thức xảy đến với tôi trực tiếp thay vì phải đi qua bước thuyết giảng hay tiếp thu. Kiến thức được tích lũy ngay lập tức và vĩnh viễn mà không cần ghi nhớ. Chúng không phai nhòa đi như những thông tin thông thường được lưu giữ trong trí nhớ và cho đến hôm nay, những kiến thức đó vẫn là nhận thức của tôi, vẫn sáng rõ hơn nhiều so với những thông tin mà tôi đã tích lũy trong suốt quãng đời đi học của mình.

Nói như vậy không có nghĩa là tôi có thể cứ thế tiếp cận được với những kiến thức ấy. Bởi vì bây giờ, khi đã trở lại với thế giới này, tôi phải xử lý chúng thông qua bộ não và thân thể vật lý hữu hạn của mình. Nhưng những nhận thức đó luôn ở đó. Tôi luôn cảm thấy nó, luôn hiện hữu ở ngay bên trong tôi. Đối với một người như tôi, dành cả cuộc đời mình để tích lũy kiến thức và học hỏi theo cách thức truyền thống, chỉ riêng việc khám phá ra sự tồn tại của một tầng hiểu biết cao hơn cũng đã cung cấp cho tôi một nguồn "thức ăn cho tư duy" đủ dùng trong nhiều niên kỷ tới...

Thật không may là đối với gia đình và các bác sĩ của tôi ở trái đất, tình cảnh của tôi hoàn toàn không khả quan như vậy.

10

Điều thật sự quan trọng

Holley nhận thấy ngay rằng các bác sĩ đã tỏ ra đặc biệt quan tâm khi cô ấy đề cập đến chuyến đi đến Israel của tôi. Nhưng dĩ nhiên, cô ấy không hiểu *tại sao* chuyện đó lại quan trọng đến thế. Nghĩ lại, thật may là cô ấy đã không biết tại sao. Chỉ riêng việc phải đối mặt với khả năng rằng tôi có thể không qua khỏi đã là một gánh nặng rồi, nói gì đến khả năng rằng tôi có thể trở thành ca đầu tiên được ghi nhận mắc phải một loại bệnh truyền nhiễm của thế kỷ 21, tương đương với bệnh dịch hạch đã gây ra Cái chết Đen.

Trong lúc đó, những cuộc gọi báo tin cho bạn bè và người thân vẫn tiếp tục.

Bao gồm cả những người thân ruột thịt của tôi.

Khi còn là một cậu bé, tôi tôn thờ cha mình. Ông là người quản lý của Trung tâm Y tế Wake Forest của Hội thánh Báp-tít ở Winston-Salem trong hai mươi năm. Tôi chọn theo ngành giải phẫu thần kinh theo hướng học thuật vì muốn đi theo con đường mà cha mình đã đi, học hỏi ở ông nhiều nhất có thể, dù tôi biết rằng mình sẽ chẳng bao giờ có thể được như ông.

Cha tôi là một người có đời sống tâm linh sâu sắc. Ông phục vụ trong Lực lượng Không quân với vai trò một bác sĩ giải phẫu tại những khu rừng rậm ở New Guinea và Philippines trong Thế chiến thứ hai. Ông đã chứng kiến sự tàn bạo và những nỗi đau, và bản thân ông cũng trải qua nhiều đau đớn. Ông kể cho tôi nghe về những đêm thức trắng để mổ cho những người lính bị thương trong những căn lều xiêu vẹo dưới cơn mưa gió mùa, về những ngày cực kỳ oi bức và ẩm ướt ngột ngạt, đến nỗi các bác sĩ giải phẫu phải cởi bỏ quần áo, chỉ chừa lại đồ lót mới có thể chịu đựng

được.

Cha đã cưới tình yêu đích thực của đời mình (là con gái của vị sĩ quan chỉ huy của ông), Betty, vào tháng Mười năm 1942, khi ông đang tham gia một khóa huấn luyện ở Mặt trận Thái Bình Dương. Ở giai đoạn cuối của cuộc chiến, ông ở trong lực lượng tiên phong của quân Đồng minh chiếm đóng Nhật Bản sau khi Hoa Kỳ thả bom hạt nhân xuống Hiroshima và Nagasaki. Là bác sĩ giải phẫu thần kinh duy nhất trong quân đội Mỹ ở Tokyo, một cách nghiễm nhiên, ông trở thành một người không thể thiếu. Ông được công nhận là bác sĩ giải phẫu cả ba chuyên khoa - tai, mũi, và họng.

Tất cả những năng lực được công nhận này đảm bảo rằng ông sẽ chẳng thể đi được bất kỳ đâu trong một thời gian dài. Vị sĩ quan chỉ huy mới của ông sẽ không cho phép ông quay về Mỹ cho đến khi tình hình "ổn định hơn". Vài tháng sau khi người Nhật chính thức đầu hàng trên chiến hạm Missouri ở Vịnh Tokyo, cuối cùng cha tôi cũng nhận được quân lệnh cho phép ông được về nhà. Tuy nhiên, ông biết rằng vị sĩ quan chỉ huy trực tiếp thể nào cũng sẽ bãi bỏ quân lệnh này nếu ông ta nhìn thấy nó. Vì vậy, cha tôi đợi đến cuối tuần, khi vị sĩ quan chỉ huy đi nghỉ phép ở ngoài doanh trại, để đưa quân lệnh này cho người sĩ quan chỉ huy tạm quyền duyệt. Cuối cùng, ông cũng đáp được chuyến tàu về nhà vào tháng Mười Hai năm 1945, rất lâu sau khi những đồng đội của ông đã về với gia đình họ.

Sau khi trở về Mỹ vào đầu năm 1946, cha tôi tiếp tục hoàn tất chương trình huấn luyện về giải phẫu thần kinh của mình cùng với một người bạn, đồng thời cũng là bạn cùng lớp với ông ở Trường Y khoa Harvard, Donald Matson, người đã phục vụ ở Mặt trận châu Âu. Họ trải qua thời gian huấn luyện tại Bệnh viện Peter Bent Brigham và Bệnh viện Nhi ở Boston (những bệnh viện hàng đầu của Trường Y khoa Harvard) dưới sự hướng dẫn của tiến sĩ Franc D. Ingraham, một trong những bác sĩ nội trú cuối cùng được đào tạo bởi tiến sĩ Harvey Cushing, người được biết đến trên toàn thế giới với vai trò là cha đẻ của bộ môn giải phẫu thần kinh hiện đại. Vào những thập niên 1950 và 1960, toàn bộ đội ngũ bác sĩ giải phẫu thần kinh "3131C" (theo cách phân loại chính thức của Lực lượng Không quân), những người đã mài giũa tay nghề của mình trên các mặt trận ở châu Âu và Thái Bình Dương, đã đặt ra chuẩn mực mới cho các bác sĩ giải phẫu thần kinh trong nửa thế kỷ tiếp theo, bao gồm cả những người thuộc thế hệ của tôi.

Cha mẹ tôi lớn lên trong Thời kỳ Suy thoái và buộc phải làm việc vất vả. Cha tôi luôn về nhà vừa kịp giờ cơm tối vào lúc bảy giờ.

Ông thường dùng cơm tối khi vẫn còn đang mặc bộ đồ vest và thắt cà vạt, đôi khi ông còn mặc nguyên bộ đồ phẫu thuật. Rồi ông quay lại bệnh viện, và thường cho một trong chúng tôi đi theo, ngồi làm bài tập về nhà trong văn phòng của ông trong khi ông đi thăm bệnh nhân. Đối với cha tôi, cuộc sống và công việc về cơ bản là như nhau, và ông cũng nuôi dạy chúng tôi theo cách này. Ông thường bắt mấy chị em tôi làm việc ngoài vườn vào những ngày Chủ nhật. Nếu chúng tôi nói với ông rằng chúng tôi muốn đi xem phim, ông sẽ đáp: "Nếu các con đi xem phim thì ai đó khác sẽ phải làm việc thay các con". Ông cũng là một người có tính ganh đua quyết liệt. Khi ở trên sân bóng quần, ông xem mỗi trận đấu như một "trận tử chiến", và ngay cả khi đã ngoài tám mươi, ông vẫn luôn tìm kiếm những đối thủ mới, nhiều khi trẻ hơn ông mấy chục tuổi.

Ông là một người cha luôn yêu cầu cao nhưng là một người cha tuyệt vời. Ông đối xử với mỗi người ông gặp với thái độ tôn trọng và luôn mang theo trong túi áo choàng trắng của mình một chiếc tuốc-nơ-vít để có thể siết lại những chiếc đinh ốc mà ông thấy bị lỏng trong khi đi thăm bệnh nhân trong bệnh viện. Các bệnh nhân của ông, các bác sĩ đồng nghiệp, y tá và toàn bộ nhân viên bệnh viện đều quý mến ông. Dù cho đó là việc giải phẫu cho bệnh nhân, giúp đỡ ý kiến để phát triển việc nghiên cứu, huấn luyện bác sĩ giải phẫu thần kinh (niềm đam mê đặc biệt của ông), hay biên tập tạp chí *Thần kinh học giải phẫu* (công việc mà ông làm trong nhiều năm), cha tôi luôn nhìn nhận rõ ràng vị trí của những công việc đó trên lộ trình mà ông đang đi trong cuộc đời mình. Ngay cả khi ông đã bảy mươi mốt tuổi, không còn ở độ tuổi có thể thực hiện những cuộc giải phẫu nữa, ông vẫn tiếp tục cập nhật những phát triển mới nhất trong lĩnh vực của mình. Sau khi ông mất vào năm 2004, cộng sự lâu năm của ông, tiến sĩ David L. Kelly, đã ghi lại dòng lưu niệm: "Tiến sĩ Alexander sẽ luôn luôn được nhớ đến bởi lòng nhiệt huyết và tài năng, sự bền bỉ, tỉ mỉ, lòng trắc ẩn, tính trung thực, và sự xuất sắc trong tất cả những việc ông làm". Cũng không có gì đáng ngạc nhiên khi, cũng như bao nhiêu người khác, tôi tôn thờ ông.

Cách nay đã rất lâu, lâu đến nỗi tôi không nhớ được là khi nào, cha mẹ tôi đã nói với tôi rằng tôi là con nuôi (hay, như cách cha mẹ nói để trấn an tôi, tôi "được chọn", bởi vì ngay lúc nhìn thấy tôi, họ đã biết tôi chính là con của họ). Họ không phải là cha mẹ ruột của tôi, nhưng họ thương yêu tôi vô cùng, như thể tôi là máu mủ của họ. Từ nhỏ, tôi đã biết rằng mình được nhận nuôi vào tháng Tư năm 1954, lúc bốn tháng tuổi, và mẹ ruột của tôi lúc đó mười sáu tuổi - là một học sinh năm thứ hai ở trường trung học - và chưa kết hôn

khi bà sinh ra tôi vào năm 1953. Bạn trai của bà là một học sinh năm cuối và tương lai trước mắt không cho thấy triển vọng là có khả năng nuôi nấng một đứa con, nên dù không muốn nhưng ông cũng đồng ý cho tôi làm con nuôi. Tôi sớm được biết những việc này nên nó đơn thuần là một phần của chính tôi. Tôi chấp nhận và không hề thắc mắc, cũng như về việc tóc của tôi màu đen tuyền và tôi thích ăn bánh mì kẹp thịt chứ không thích ăn súp lơ. Tôi yêu cha mẹ nuôi như cha mẹ ruột của mình, và rõ ràng họ cũng thương yêu tôi như vậy.

Jean, chị của tôi, cũng được nhận nuôi, nhưng năm tháng sau khi tôi được nhận nuôi, mẹ lại có khả năng thụ thai. Bà sinh một bé gái - là em gái Betsy của tôi - và năm năm sau, em gái út Phyllis ra đời. Chúng tôi là anh chị em một cách trọn vẹn, với mọi ý nghĩa và mục đích. Tôi biết rằng dù tôi có xuất thân từ đâu đi chăng nữa, tôi luôn là anh-em trai của họ và họ luôn là chị-em gái của tôi. Tôi lớn lên trong một gia đình không chỉ thương yêu tôi, mà còn tin tưởng và ủng hộ tôi thực hiện những ước mơ của mình. Trong đó có cả giấc mơ mà tôi đã ôm ấp từ khi học trường trung học và tôi chưa bao giờ có ý định từ bỏ cho đến khi ước mơ đó biến thành sự thật: trở thành một bác sĩ giải phẫu thần kinh giống như cha tôi.

Tôi không nghĩ gì về việc tôi được nhận nuôi trong suốt những năm ở trường đại học và trường y - ít nhất là trong suy nghĩ thoáng qua. Tôi có một vài lần tìm đến Hiệp hội Mái nhà cho trẻ (Children's Home Society) của bang Bắc Carolina để tìm hiểu xem liệu mẹ ruột của tôi có chút mong muốn nào về việc đoàn tụ với tôi không. Nhưng Bắc Carolina có những luật lệ nghiêm ngặt nhất nước Mỹ về việc bảo vệ bí mật danh tính của những người được nhận nuôi và cha mẹ ruột của họ, dù họ có tha thiết mong muốn liên lạc lại với cha mẹ mình đến đâu đi nữa. Khi sắp bước vào độ tuổi ba mươi, tôi ngày càng ít khi nghĩ về việc này. Rồi khi tôi gặp Holley và chúng tôi bắt đầu xây dựng gia đình riêng của mình, thắc mắc của tôi về việc này lại càng trôi xa khỏi tôi.

Hay việc đi sâu hơn vào bên trong.

Năm 1999, khi chúng tôi vẫn đang sống ở Massachusetts và Eben IV được mười hai tuổi, thằng bé tham gia vào một dự án nhỏ về dòng dõi gia đình ở trường Charles River, nơi nó đang học lớp sáu. Thằng bé biết tôi được nhận nuôi, và như vậy là nó có những người họ hàng cùng huyết thống sống trên trái đất này mà nó chưa từng gặp mặt, hoặc thậm chí là không biết tên. Dự án này khơi dậy điều gì đó ở bên trong Eben IV - một sự tò mò sâu sắc mà cho đến thời điểm đó, thằng bé không hề biết là nó luôn có ở bên

trong mình.

Eben IV hỏi tôi rằng liệu chúng tôi có thể tìm cha mẹ đẻ của tôi không. Tôi nói với con rằng trong suốt những năm qua, tôi vẫn thỉnh thoảng nghĩ đến việc này, liên lạc với Hiệp hội Mái nhà cho trẻ ở Bắc Carolina và dò hỏi xem liệu họ có tin tức gì không. Nếu cha hay mẹ ruột của tôi có ý muốn liên lạc, hiệp hội sẽ biết. Nhưng tôi chưa từng nghe được tin tức gì cả.

Tôi không buồn vì điều đó. "Trong hoàn cảnh như thế này thì đây là việc hoàn toàn bình thường", tôi nói với Eben.

"Điều này không có nghĩa là mẹ ruột của cha không yêu thương cha, không có nghĩa là bà sẽ không yêu thương con nếu nhìn thấy con đâu. Nhưng bà không muốn, rất có thể vì bà cảm thấy rằng cha con mình đã có gia đình riêng của mình và bà không muốn xen vào."

Dù vậy, Eben vẫn không chịu từ bỏ, nên cuối cùng tôi nghĩ mình nên giúp con. Tôi viết một lá thư cho một nhà hoạt động xã hội tên là Betty ở Hiệp hội Mái nhà cho trẻ, người đã từng giúp tôi giải đáp những yêu cầu và thắc mắc của tôi trước đây. Vài tuần sau, một buổi chiều thứ Sáu tuyết rơi vào tháng Hai năm 2000, khi tôi và Eben IV đang chạy xe từ Boston đến Maine để trượt tuyết cuối tuần thì tôi chợt nhớ ra là tôi phải gọi điện cho Betty để hỏi xem mọi chuyện tiến triển đến đâu. Tôi gọi di động cho Betty và cô ấy nhấc máy.

"Ừm, thật ra", Betty nói, "đúng là tôi có vài tin cho anh. Anh có đang ngồi ở đâu đó không?"

Đúng là tôi đang ngồi, vì vậy tôi trả lời là có mà không nói đến việc tôi đang lái xe qua một cơn bão tuyết.

"Tiến sĩ Alexander ạ, hóa ra là cha mẹ ruột của anh thật ra đã *kết hôn với nhau*."

Tim tôi đập mạnh trong lồng ngực, và con đường trước mặt bỗng nhiên trở nên hư ảo và xa vời vợi. Dù đã biết rằng cha mẹ ruột của tôi yêu nhau, từ trước đến nay tôi vẫn nghĩ rằng khi họ quyết định cho tôi đi thì cuộc sống của họ cũng chia hai ngả. Ngay lập tức trong đầu tôi hiện ra một hình ảnh. Hình ảnh cha mẹ ruột của tôi và một mái nhà mà họ đã cùng dựng nên ở đâu đó. Một mái nhà mà tôi đã không hề biết tới. Một mái nhà - nơi mà tôi không thuộc về.

Betty cắt ngang dòng suy nghĩ của tôi. “Tiến sĩ Alexander?”

“Vâng”, tôi nói chậm rãi, “tôi đây.”

“Còn nữa.”

Trước sự ngạc nhiên của Eben, tôi dừng xe lại bên lề đường và nói Betty hãy tiếp tục.

“Cha mẹ anh có thêm ba người con nữa: hai gái và một trai. Tôi đã liên lạc với người chị và cô ấy nói rằng em gái của cô ấy đã mất cách đây hai năm. Cha mẹ anh vẫn còn đau khổ về mất mát ấy.”

“Vậy có nghĩa là...?”. Tôi hỏi sau một hồi lâu im lặng, vẫn sững sờ, tiếp nhận mọi thông tin mà không thật sự tiếp thu được gì.

“Tôi lấy làm tiếc, tiến sĩ Alexander, nhưng đúng là như vậy - có nghĩa là họ từ chối yêu cầu liên lạc của anh.”

Eben di chuyển ở băng ghế sau lưng tôi; thằng bé biết chắc có chuyện gì đó quan trọng vừa xảy ra nhưng không đoán được là chuyện gì.

“Chuyện gì vậy cha?”, thằng bé hỏi sau khi tôi cúp máy.

“Cũng không có gì”, tôi đáp. “Họ vẫn không biết gì nhiều, nhưng họ đang cố gắng. Có thể phải đợi thêm một thời gian nữa. Có lẽ vậy...”

Nhưng giọng tôi nhỏ dần. Bên ngoài, cơn bão đang mạnh lên rõ rệt. Tầm nhìn của tôi chỉ còn trong khoảng chín mươi mét ở phía trước, nơi cánh rừng cây thấp tuyết phủ trắng xóa trải ra xung quanh chúng tôi. Tôi gài số, nheo mắt nhìn thật kỹ vào kính chiếu hậu và lui xe trở lại đường chính.

Trong khoảnh khắc, cái nhìn của tôi về chính mình đã hoàn toàn thay đổi. Sau cuộc nói chuyện điện thoại đó, dĩ nhiên, tôi vẫn là mình trước đây trong mọi mặt: vẫn là một nhà khoa học, một bác sĩ, một người cha, một người chồng. Nhưng, lần đầu tiên trong đời, tôi cũng thấy mình là một đứa trẻ mồ côi nữa. Một người đã bị cho đi. Một người hoàn toàn không được mong muốn.

Trước cuộc điện thoại đó, tôi chưa khi nào từng nghĩ về mình theo cách đó - là một người bị cắt lìa khỏi nguồn cội của mình. Tôi chưa từng bao giờ định nghĩa mình trong một bối cảnh mà tôi là người mất đi một thứ mà không có cách nào lấy lại được. Nhưng đột

nhiên, nó lại là điều duy nhất mà tôi có thể nhìn thấy về bản thân mình.

Trong vài tháng sau đó, trong tôi luôn tràn ngập một nỗi buồn: nỗi buồn như một con sóng lớn luôn đe dọa sẽ ào tới, nhấn chìm tất cả những gì tôi đã nỗ lực hết sức để gầy dựng cả cuộc đời mình cho đến thời điểm đó.

Tình huống này của tôi càng tệ hơn khi tôi cảm thấy bất lực vì không thể hiểu được tường tận nguyên do của điều này. Bản thân tôi trước đây cũng từng đối mặt với những vấn đề - những khiếm khuyết, như cách tôi nhìn nhận - và tôi đã sửa chữa chúng. Ví dụ như khi ở trường y và trong thời gian đầu khi mới trở thành bác sĩ giải phẫu, tôi đã từng theo truyền thống đạo đức khi cho rằng dù trong những hoàn cảnh thích đáng thì uống rượu vẫn là hành vi đáng bị chê cười. Nhưng vào năm 1991, tôi bắt đầu nhận ra rằng tôi thường trông ngóng đến ngày nghỉ để có dịp uống vài ly, và mong muốn đó có phần thôi thúc. Tôi quyết định rằng đã đến lúc tôi phải ngừng hẳn việc uống rượu. Việc này chưa bao giờ là dễ dàng - tôi đã trở nên lệ thuộc vào cảm giác thoải mái mà những giờ phút nghỉ ngơi đó mang lại, nhiều hơn tôi biết - và tôi chỉ có thể vượt qua được tình trạng nghiện đó khi chưa quá muộn nhờ vào sự hỗ trợ của gia đình mình. Vậy nên, tình huống tôi đang gặp cũng là một vấn đề, rõ ràng là tôi phải chịu trách nhiệm. Nếu chọn cách nhờ vả, tôi có thể được giúp đỡ. Tại sao tôi lại không giải quyết nó ngay từ đầu? Thật vô lý khi chỉ một mẩu thông tin về quá khứ của mình - một mẩu thông tin mà tôi hoàn toàn không thể kiểm soát - lại có thể khiến tôi lạc lối cả trong cảm xúc và sự nghiệp đến vậy.

Thế là tôi bắt đầu cố gắng tìm lối thoát. Tôi quan sát và không ngờ rằng vai trò bác sĩ, người cha, người chồng của tôi lại có lúc trở nên khó hoàn thành đến thế. Thấy tôi đang trên đà xuống dốc, Holley thu xếp để chúng tôi tham gia vào một khóa tư vấn dành cho các cặp đôi. Dù chỉ phần nào hiểu được nguyên nhân của chuyện này, cô ấy vẫn tha thứ cho việc tôi để mình rơi vào hố sâu tuyệt vọng và làm tất cả những gì có thể để kéo tôi ra khỏi nó. Tình trạng trầm cảm của tôi ảnh hưởng tới công việc. Tất nhiên là cha mẹ tôi cũng nhận thấy sự thay đổi này, và dù tôi biết rằng họ sẽ bỏ qua chuyện đó, nhưng điều đau lòng nhất với tôi là sự nghiệp của tôi trong ngành giải phẫu thần kinh học thuật đang tụt dốc - và tất cả những gì họ có thể làm là chỉ đứng ngoài quan sát. Nếu tôi không chủ động vượt ra khỏi hoàn cảnh của mình, gia đình tôi dù muốn giúp tôi cũng đành bất lực.

Và cuối cùng, tôi quan sát khi nỗi buồn mới này phơi bày rồi lại cuốn phăng đi một thứ khác: niềm hy vọng cuối cùng của tôi, niềm hy vọng mà tôi không hoàn toàn thừa nhận, về sự tồn tại của một yếu tố riêng tư, gần gũi nào đó trong vũ trụ này - một sức mạnh nào đó vượt lên trên những sức mạnh khoa học đã biết mà tôi đã dành hàng năm trời để nghiên cứu. Nếu nói theo một cách không quá học thuật và khô khan thì nỗi buồn này đã cuốn phăng đi niềm tin cuối cùng của tôi rằng, ở ngoài kia có thể có một Hữu Thể nào đó thật sự yêu thương và quan tâm đến tôi - và rằng những lời cầu nguyện của tôi sẽ được nghe thấy, và thậm chí được hồi đáp. Sau cuộc điện thoại trong trận bão tuyết đó, một ý niệm hằng có trong tôi hoàn toàn tan biến; ý niệm về một Đức Chúa gần gũi, đầy tình yêu thương - ở một mức độ nào đó, vốn dĩ là đặc quyền khi sinh ra đời của tôi, một giáo dân ngoan đạo và theo truyền thống một lòng tôn kính Chúa.

Liệu có một sức mạnh hay trí tuệ nào đó đang dõi theo tất cả chúng ta, quan tâm đến chúng ta bằng một tình yêu thật sự? Thật kinh ngạc khi cuối cùng phải thừa nhận rằng mặc cho mọi nền tảng đào tạo và kinh nghiệm y khoa của mình, rõ ràng là tôi vẫn quan tâm sâu sắc đến câu hỏi này, dù chỉ ngấm ngầm, y như tôi đã từng ngấm ngầm tò mò về cha mẹ ruột của mình, hơn rất nhiều so với những gì tôi biểu hiện ra.

Thật không may, câu trả lời cho cả hai câu hỏi, về sự tồn tại của một Hữu Thể yêu thương hay liệu cha mẹ ruột của tôi có thể nào mở rộng cuộc đời và trái tim của họ ra cho tôi một lần nữa không.

Câu trả lời là không.

11

Kết thúc vòng xoáy đi xuống

Trong suốt bảy năm tiếp theo, cả sự nghiệp và cuộc sống gia đình của tôi tiếp tục chịu nhiều hệ lụy. Suốt một thời gian dài, những người quanh tôi - kể cả những người gần gũi tôi nhất - vẫn không rõ được nguyên nhân vấn đề của tôi là gì. Nhưng dần dà, qua những câu nói bất chợt của tôi, Holley và các chị em gái của tôi cũng liên kết lại và nghiệm ra được.

Cuối cùng, trong một dịp cả gia đình đi nghỉ vào tháng Bảy năm 2007, trong một buổi đi dạo sớm đón bình minh trên một bờ biển ở bang Nam Carolina, Betsy và Phyllis đề cập đến chuyện này. "Anh có nghĩ rằng nên viết thêm một lá thư nữa cho gia đình ruột thịt của mình không?", Phyllis hỏi.

"Đúng đó", Betsy góp thêm vào. "Có khi mọi chuyện bây giờ đã khác trước, anh không biết được đâu." Gần đây, Betsy có chia sẻ với chúng tôi rằng cô ấy cũng muốn nhận nuôi một đứa trẻ, vì vậy tôi cũng không quá ngạc nhiên khi chủ đề này được khơi ra. Tuy vậy, phản ứng tức thời của tôi, chỉ trong đầu chứ không nói ra, là: *Ôi, lại nữa rồi!* Tôi còn nhớ bảy năm trước, khi tôi đối mặt với sự chối bỏ ấy, mặt đất dưới chân tôi như nứt gãy, lộ ra một vực thẳm sâu hun hút. Nhưng tôi biết Betsy và Phyllis đều có ý tốt. Họ biết tôi đang đau khổ; rốt cuộc họ cũng thấy ra được nguyên nhân tại sao và họ mong muốn, một mong muốn chính đáng, rằng tôi phải bước lên trước và tìm cách giải quyết vấn đề. Họ trấn an tôi rằng họ sẽ ở cạnh tôi trên chặng đường khó khăn này, rằng tôi sẽ không phải chịu đựng một mình, như đã từng trước đây. Chúng tôi là một đội.

Vì vậy, vào đầu tháng Tám năm 2007, tôi viết một lá thư không để tên người gửi cho cô em ruột của mình, người đóng vai trò then chốt trong vấn đề này, và nhờ Betty ở Hiệp hội Mái nhà cho trẻ của

bang Bắc Carolina chuyển hộ:

Em gái thân mến,

Anh mong có thể liên lạc với em, em trai và cha mẹ của chúng ta. Sau một cuộc nói chuyện dài với các chị em và mẹ nuôi của anh, sự ủng hộ và nhiệt tâm của họ khơi dậy lại trong anh niềm mong mỏi được biết nhiều hơn về gia đình ruột thịt của mình.

Hai con trai của anh, một đứa chín tuổi và một đứa mười chín tuổi, cũng muốn được biết về cội nguồn của chúng. Cả ba cha con anh và chị dâu của em sẽ rất biết ơn em nếu em cảm thấy đủ thoải mái để chia sẻ bất kỳ thông tin nào về gia đình mình với anh. Về phần mình, những điều anh muốn biết là về cha mẹ ruột của mình, về cuộc sống của họ từ thời còn trẻ cho đến bây giờ. Anh cũng muốn biết về mọi người trong gia đình, tính cách và sở thích mỗi người ra sao.

Vì tất cả chúng ta đều đang già đi, hy vọng của anh là sớm được gặp mặt mọi người. Việc gặp mặt có thể được sắp xếp theo sự đồng thuận của tất cả mọi người. Anh muốn em biết rằng anh vô cùng tôn trọng mức độ riêng tư mà mọi người muốn giữ gìn. Anh đã có một gia đình với cha mẹ nuôi tuyệt vời và anh biết ơn quyết định của cha mẹ ruột của mình khi họ còn trẻ. Mong ước của anh là chân thành và anh sẽ thuận theo bất cứ giới hạn nào mà cha mẹ và các em cho là cần thiết.

Anh vô cùng biết ơn sự cân nhắc của em về vấn đề này.

Chân thành,

Anh trai của em

Vài tuần sau đó, tôi nhận được một lá thư từ Hiệp hội Mái nhà cho trẻ từ em gái ruột của tôi.

“Vâng, cả nhà đều rất muốn gặp anh”, cô ấy viết. Luật của bang Bắc Carolina cấm cô ấy tiết lộ bất kỳ thông tin nào khiến tôi có thể xác định danh tính của cô, nhưng bằng cách khéo léo để không vi phạm những tham số, cô ấy đã cho tôi những manh mối thật sự đầu tiên về gia đình ruột thịt mà tôi chưa từng gặp mặt của mình.

Khi cô ấy nói với tôi rằng cha ruột của tôi từng là một phi công hải quân ở Việt Nam, tôi gần như choáng váng: hèn gì mà tôi đã luôn

yêu thích môn nhảy dù và lái tàu lượn. Tôi càng sửng sốt hơn nữa khi biết rằng cha ruột của tôi cũng là một phi hành gia được NASA đào tạo trong giai đoạn thực hiện các sứ mệnh Apollo vào giữa thập niên 1960 (bản thân tôi cũng từng cân nhắc việc tham gia khóa huấn luyện chuyên gia cho hành trình tàu con thoi vào năm 1983). Sau này, cha ruột của tôi làm phi công cho hai hãng hàng không Pan Am và Delta.

Vào tháng Mười năm 2007, cuối cùng tôi cũng gặp được cha mẹ ruột của mình, Ann và Richard, và các em ruột, Kathy và David. Mẹ ruột Ann kể cho tôi nghe toàn bộ câu chuyện vào năm 1953, khi bà trải qua ba tháng tại Mái ấm Florence Crittenden dành cho các bà mẹ chưa kết hôn, ở kế bên Bệnh viện Tưởng niệm Charlotte. Tất cả các cô gái ở đó đều có mật danh, và vì yêu thích lịch sử nước Mỹ nên bà chọn tên Virginia Dare - là tên gọi của đứa trẻ đầu tiên được sinh ra ở Tân Thế Giới bởi những người định cư đến từ Anh. Hầu hết các cô gái khác chỉ gọi bà là Dare. Khi đó bà chỉ mới mười sáu tuổi và là cô gái nhỏ tuổi nhất ở đó.

Bà kể cho tôi nghe rằng cha của bà sẵn lòng làm bất cứ điều gì để giúp đỡ bà, khi ông biết về "vấn đề nan giải" của bà. Ông sẵn lòng đưa cả gia đình chuyển đi nơi khác sống nếu cần thiết. Ông đã thất nghiệp một thời gian, nên việc mang một đứa trẻ về nhà nuôi nấng sẽ là một gánh nặng lớn về tài chính, chưa kể vô số vấn đề khác nữa.

Một người bạn thân của ông thậm chí còn gợi ý một bác sĩ mà ông ấy biết ở Dillon, bang Nam Carolina, người có thể "xử lý mọi chuyện". Nhưng mẹ của bà không muốn nghe về *cách đó*.

Ann kể cho tôi nghe rằng bà từng ngước nhìn lên những vì sao nhấp nháy đến hoa cả mắt trong những cơn gió mạnh của đợt không khí lạnh mới ùa về vào cái đêm tháng Mười Hai giá rét năm 1953 ấy, rằng bà đã đi bộ qua bao nhiêu con phố vắng bên dưới những đám mây thấp rải rác đang lướt băng băng qua. Trong giờ phút đó, bà chỉ muốn được ở một mình, với mặt trăng và những vì sao, và với đứa con sắp sửa chào đời của bà - là tôi.

"Vầng trăng khuyết vẫn còn lơ lửng ở phía tây bầu trời. Sao Mộc chỉ vừa ló lên, sáng rực và dõi theo chúng ta suốt đêm. Richard yêu khoa học và thiên văn học, và sau này ông ấy nói với mẹ rằng sao Mộc ở vị trí xung đối vào đêm đó, và phải gần chín năm sau, nó mới lại chiếu sáng rực. Trong suốt chín năm đó, nhiều việc đã xảy đến trong cuộc đời của cha mẹ, trong đó có sự ra đời của hai đứa trẻ nữa.

“Nhưng trong giờ phút đó, mẹ chỉ nhìn lên bầu trời và nghĩ rằng Vua Của Các Hành Tinh hiện ra đẹp đẽ và rực rỡ làm sao, và đang dõi theo chúng ta từ bên trên.”

Khi bà bước vào tiền sảnh của bệnh viện, một ý nghĩ kỳ diệu chợt nảy ra trong trí bà. Các cô gái thường ở lại Mái ấm Crittenden hai tuần sau khi sinh em bé, rồi sau đó sẽ trở về nhà để tiếp tục cuộc sống của mình như trước kia. Nếu quả thật bà sẽ hạ sinh tôi vào đêm hôm ấy, bà và tôi sẽ về nhà vào dịp Giáng sinh - nếu họ thật sự để cho bà về sau hai tuần. Sẽ là một điều kỳ diệu nếu mọi chuyện diễn ra đúng như vậy: bà được mang tôi về nhà đúng vào ngày Giáng sinh.

“Bác sĩ Crawford chỉ vừa mới đỡ đẻ xong cho một ca nên trông ông mệt mỏi kinh khủng”, Ann kể với tôi. Ông ấy đặt lên mặt bà một miếng gạc thấm ête để gây tê nhưng vẫn giữ cho bà tỉnh táo và cuối cùng, vào lúc 2 giờ 42 phút sáng, bà đã hạ sinh đứa con đầu lòng sau đợt rặn cuối cùng.

Ann kể với tôi rằng bà đã tha thiết muốn được ôm ấp và âu yếm tôi đến thế nào, và bà sẽ không bao giờ quên rằng bà đã nghe tiếng khóc của tôi cho đến khi cơn mệt mỏi cùng với tác dụng của thuốc gây mê cuối cùng cũng làm bà lịm đi.

Trong bốn giờ tiếp theo đó, đầu tiên là sao Hỏa, rồi sao Thổ, sao Thủy, và cuối cùng là sao Kim sáng rực, lần lượt mọc lên ở phía đông bầu trời, chào đón tôi đến với thế giới này. Trong lúc đó, Ann đã có một giấc ngủ thật sâu, giấc ngủ sâu nhất bà có được trong nhiều tháng.

Cô y tá đánh thức bà dậy trước khi mặt trời mọc.

“Có một người mà tôi muốn cô gặp”, cô ấy nói rất hào hứng rồi đưa tôi, lúc đó được quấn trong chiếc chăn màu xanh da trời, cho bà ngắm.

“Tất cả các y tá đều đồng ý rằng con là đứa trẻ xinh đẹp nhất bệnh viện. Mẹ vô cùng sung sướng và hãnh diện.”

Dù rất muốn được giữ tôi bên mình, nhưng bà nhanh chóng phải đối diện với thực tế phũ phàng. Richard luôn mơ được đi học đại học, nhưng để nuôi dưỡng được những giấc mơ đó, họ sẽ không thể nào nuôi nổi tôi. Có lẽ vì cảm nhận được nỗi đau của Ann nên tôi bỏ ăn. Khi được mười một ngày tuổi, tôi phải nhập viện với chẩn đoán “không tăng trưởng”, và tôi phải trải qua Giáng sinh đầu tiên của mình và chín ngày tiếp theo trong bệnh viện ở

Charlotte.

Sau khi tôi nhập viện, Ann bắt chuyến xe buýt hai tiếng về phía bắc để về nhà mình ở một thị trấn nhỏ. Bà đón Giáng sinh cùng với cha mẹ, các chị em của bà và bạn bè, những người bà đã không gặp suốt ba tháng. Tất cả, ngoại trừ tôi.

Lúc tôi bắt đầu ăn được trở lại, cuộc đời riêng của tôi cũng bắt đầu. Ann cảm thấy bà đang bị mất đi quyền kiểm soát và rằng họ sẽ chẳng để bà giữ tôi. Khi bà gọi đến bệnh viện ngay sau ngày đầu năm mới, người ta nói với bà rằng họ đã gửi tôi đến Hiệp hội Mái nhà cho trẻ ở Greensboro.

"Gửi đi cùng với một tình nguyện viên? Thật không thể hiểu nổi!", bà nói.

Ba tháng sau đó, tôi ở trong một ký túc xá dành cho trẻ nhỏ cùng với một vài đứa trẻ sơ sinh khác không được ở cùng mẹ. Chiếc cũi của tôi được đặt ở trên tầng hai của một căn nhà thời Victoria màu xám xanh nhạt được hiến tặng cho hiệp hội. "Mái ấm đầu tiên của con là một nơi thật dễ chịu", Ann nói với tôi và cười, "mặc dù nơi đó chỉ là một ký túc xá dành cho trẻ sơ sinh." Trong vài tháng tiếp đó, Ann đến thăm tôi sáu lần, bằng cách bắt chuyến xe buýt ba tiếng đồng hồ; lần nào bà cũng cố vắt óc nghĩ ra một kế hoạch để giữ tôi lại cùng bà. Một lần bà đến cùng với mẹ mình và lần khác thì đến cùng Richard (dù các y tá chỉ cho phép ông nhìn tôi qua cửa sổ - họ không để ông cùng vào phòng, và tất nhiên là không cho ông được bế tôi).

Nhưng rồi đến cuối tháng Ba năm 1954, mọi sự đã rõ ràng, rằng bà sẽ không có được điều mình mong muốn. Bà sẽ phải từ bỏ tôi. Bà và mẹ bà bắt chuyến xe buýt để đến Greensboro thăm tôi lần cuối.

"Mẹ phải ôm con và nhìn vào mắt con, cố giải thích mọi chuyện cho con hiểu", Ann nói với tôi. "Mẹ biết con sẽ cười khúc khích và nói bập bẹ, sẽ phì bong bóng, rồi tạo ra những âm thanh vui tai bất kể mẹ nói gì, nhưng mẹ vẫn cảm thấy mình nợ con một lời giải thích. Mẹ ôm con thật chặt lần cuối, hôn vào tai con, ngực con, mặt con. Mẹ nhớ mình đã hít một hơi thật sâu, tận hưởng mùi thơm tuyệt diệu của trẻ nhỏ khi vừa được tắm, như thể nó chỉ vừa mới xảy ra hôm qua.

"Mẹ gọi con bằng tên mà mẹ đặt cho con lúc mới sinh và nói với con rằng: 'Mẹ yêu con nhiều lắm, nhiều đến mức con không thể

hình dung được. Và mẹ sẽ yêu con mãi mãi, cho đến ngày mẹ chết đi'.

"Rồi mẹ nói: 'Lạy Chúa, xin Người hãy cho thằng bé biết mình được yêu thương nhiều đến thế nào, rằng con yêu con của mình, và tình yêu đó là mãi mãi'. Nhưng mẹ không có cách nào để biết lời cầu nguyện của mẹ có được Người nghe thấy hay không. Những thủ tục trao và nhận con nuôi vào những năm 1950 là chính thức và phải cam kết giữ bí mật. Không có chuyện đổi ý, không có chuyện tìm gặp để giải thích. Đôi khi người ta thay đổi cả ngày tháng năm sinh trên giấy tờ chỉ để ngăn cản bất kỳ ai muốn vén màn sự thật về nguồn gốc của một đứa trẻ. Không để lại bất kỳ dấu vết nào. Các thỏa thuận được bảo vệ bởi luật lệ nghiêm ngặt của tiểu bang. Luật lệ đặt ra là bạn hãy quên tất cả những gì đã xảy ra liên quan đến vụ việc này và sống tiếp cuộc sống của bạn. Và rồi, hy vọng rằng bạn sẽ học được bài học từ chuyện này.

"Mẹ hôn con lần cuối, rồi nhẹ nhàng đặt con xuống cũi. Mẹ quấn con lại trong chiếc chăn màu xanh da trời, nhìn lần cuối vào đôi mắt xanh của con, rồi mẹ hôn lên ngón tay mình rồi đặt lên trán của con.

"'Tạm biệt, Richard Michael. Mẹ yêu con', là những lời cuối cùng mẹ nói với con, ít ra là cho nửa thế kỷ sau."

Ann tiếp tục kể cho tôi nghe rằng sau khi bà và Richard cưới nhau và những đứa con khác của họ ra đời, bà càng lúc càng cảm thấy thôi thúc muốn biết những gì đã xảy ra với tôi. Ngoài việc là một phi công hải quân và phi công lái máy bay dân dụng, Richard còn là một luật sư, và Ann nghĩ rằng với vai trò này, ông ấy sẽ có được một số quyền hạn để tìm hiểu về thân phận sau khi được nhận nuôi của tôi. Nhưng là một người trọng danh dự, Richard không muốn đi ngược lại những thỏa thuận khi trao con nuôi vào năm 1954, vì vậy ông đứng ngoài chuyện này. Vào đầu thập niên 1970, khi cuộc chiến tại Việt Nam vẫn còn khốc liệt, Ann không thể nào ngừng nghĩ đến ngày đã sinh ra tôi. Tháng Mười Hai năm 1972, tôi sẽ bước sang tuổi mười chín. Liệu tôi có phải tham gia cuộc chiến không? Nếu vậy thì chuyện gì sẽ xảy đến với tôi? Dự định ban đầu của tôi là đăng ký vào thủy quân lục chiến để được bay. Thị lực của tôi là 20/100, và Lực lượng Không quân yêu cầu thị lực 20/20 khi không mang kính. Tôi nghe thông tin ngoài lề rằng thủy quân lục chiến sẽ nhận cả những thanh niên có thị lực 20/100 như chúng tôi và sẽ dạy chúng tôi bay. Nhưng rồi sau đó, họ bắt đầu cắt giảm quân lực ở Việt Nam, nên tôi đã chẳng bao giờ

được gọi. Thay vào đó, tôi nộp đơn vào trường y. Nhưng Ann không biết việc này. Mùa xuân năm 1973, họ nhìn thấy cảnh những tù binh chiến tranh sống sót từ nhà tù Hỏa Lò bước ra khỏi những chiếc máy bay trở về từ miền Bắc Việt Nam. Tim họ như vỡ tan khi không nhìn thấy nhiều phi công mà họ biết bước ra khỏi những chiếc máy bay kia; trong số những người mà họ cho là đã mất tích đó, có hơn một nửa là bạn cùng khóa huấn luyện hải quân của Richard, và Ann đinh ninh rằng tôi cũng đã bỏ xác ở chiến trường rồi.

Cảnh tượng đó ghi dấu ấn sâu đậm trong trí bà đến nỗi trong nhiều năm sau đó, bà luôn hình dung cảnh tôi nằm chết một cách thảm thương giữa cánh đồng lúa ở Việt Nam. Chắc là bà sẽ vô cùng kinh ngạc nếu biết được rằng trong suốt khoảng thời gian đó, tôi sống ở Chapel Hill, cách bà chỉ vài cây số!

Vào mùa hè năm 2008, tôi gặp cha ruột của mình, anh trai ông, Bob, và anh rể của ông, cũng tên là Bob, ở bãi biển Litchfield, bang Nam Carolina. Anh trai ông, Bob, là một anh hùng được tặng thưởng huy chương của lực lượng hải quân trong Chiến tranh Triều Tiên và là một phi công thử nghiệm ở China Lake (trung tâm thử nghiệm vũ khí của hải quân ở sa mạc California, nơi ông hoàn thiện hệ thống tên lửa Sidewinder và lái những chiếc máy bay F-104 Starfighters). Trong khi đó, anh rể của Richard, Bob, đã lập nên một kỷ lục về tốc độ trong Chiến dịch Đua Cùng Mặt Trời (Operation Sun Run) năm 1957, một cuộc đua tiếp sức "nhanh hơn mặt trời", bay vòng quanh trái đất bằng máy bay chiến đấu phản lực F-101 Voodoo với vận tốc trung bình trên 1.600 km/giờ.

Tôi có cảm giác như đây là một Tuần Trở Về Nguồn.

Những buổi gặp cha mẹ đẻ đã đánh dấu sự chấm hết cho cái mà gần đây tôi gọi là Những Năm Tháng Không Biết của tôi. Những năm tháng, mà cuối cùng tôi đã được biết, đã được tạo nên từ nỗi đau kinh khủng, đối với cả tôi lẫn cha mẹ ruột của mình.

Chỉ có một vết thương không thể lành: cái chết cách nay mười năm, năm 1998, của người em gái ruột của tôi, Betsy (đúng vậy, trùng tên với em gái tôi trong gia đình cha mẹ nuôi, và họ đều cưới chồng tên Rob, nhưng đó là một câu chuyện khác). Mọi người kể với tôi rằng em ấy có một trái tim rộng lớn, và những khi không làm việc ở trung tâm hỗ trợ nạn nhân bị cưỡng hiếp, nơi mà em ấy dành phần lớn thời gian của mình, mọi người thường thấy em chăm sóc và cho một bầy chó và mèo hoang ăn. Ann gọi em ấy là "một thiên thần đích thực". Kathy hứa gửi cho tôi một

tấm ảnh của em ấy. Betsy cũng đã từng vật lộn với chứng nghiện rượu như tôi, và khi biết về cái chết của em ấy, một phần là do hậu quả của việc nghiện rượu, một lần nữa tôi nhận ra mình may mắn ra sao vì đã vượt qua được vấn đề của mình. Giá như tôi được gặp Betsy, để an ủi em ấy - để nói với em ấy rằng những vết thương đều có thể lành, và mọi việc đều sẽ ổn.

Bởi vì, thật kỳ lạ, khi gặp được gia đình ruột của mình, lần đầu tiên trong đời, có điều gì đó khiến tôi cảm thấy rằng mọi việc *thật sự* ổn. Gia đình là quan trọng, và tôi đã tìm lại được gia đình của mình. Đây là sự "thực học" đầu tiên của tôi, rằng việc ai đó biết được nguồn cội của mình có thể hàn gắn sâu sắc vết thương lớn trong đời họ và theo những cách mà chúng ta không ngờ tới. Biết được mình đến từ đâu, nguồn gốc huyết thống của mình, cho phép tôi thấy và chấp nhận những khía cạnh của bản thân mà tôi chưa bao giờ mơ rằng mình có thể. Qua việc gặp mặt những người thân ruột thịt, cuối cùng tôi cũng dứt bỏ được mối nghi ngờ dai dẳng đã từ lâu đeo bám mình một cách vô thức: mối nghi ngờ rằng, cho dù tôi có nguồn gốc từ đâu, về mặt huyết thống, tôi cũng đã không được yêu thương và quan tâm. Trong tiềm thức, tôi đã tin rằng mình *không xứng đáng* được yêu, hay thậm chí là được tồn tại. Việc biết được rằng mình đã được yêu thương, ngay từ giây phút chào đời, bắt đầu chữa lành cho tôi theo một cách sâu sắc nhất mà ta có thể hình dung. Tôi cảm thấy một sự trọn vẹn mà trước đây mình chưa bao giờ được biết đến.

Tuy nhiên, đó không chỉ là điều duy nhất mà tôi khám phá được ở phương diện này. Một câu hỏi khác mà tôi tưởng rằng mình đã nhận được câu trả lời khi tôi ngồi trong xe cùng với Eben ngày hôm đó - câu hỏi liệu rằng thật sự có một Thượng đế đầy tình yêu thương luôn ở ngoài kia hay không. Câu hỏi vẫn còn đó, và câu trả lời trong tâm trí tôi vẫn là không.

Mãi cho đến sau khi tôi trải qua bảy ngày hôn mê, tôi mới nhìn nhận lại câu hỏi này. Tôi cũng đã khám phá ra một câu trả lời hoàn toàn bất ngờ...

12
Cốt Lõi

Có thứ gì đó kéo tôi. Không phải giống như ai đó đang tóm lấy cánh tay tôi, mà cái gì đó khó hình dung hơn, phi vật chất hơn. Hơi giống như khi mặt trời ngụp xuống sau một đám mây và như một phản xạ, bạn cảm thấy tâm trạng mình lập tức đổi khác.

Tôi đang trở lại, rời xa khỏi Cốt Lõi. Bóng tối đen như mực nhưng sáng lòa nhòa dần vào khung cảnh xanh mượt, rạng ngời ánh sáng của Lối Vào. Nhìn xuống bên dưới, tôi lại được thấy những người dân làng, cây cối và những con suối và thác nước lấp lánh, cả những sinh vật-thiên thần đang bay thành hình vòng cung trên bầu trời nữa.

Bạn đồng hành của tôi cũng ở đó. Tất nhiên là cô ấy đã luôn ở đó, trong suốt hành trình vào bên trong Cốt Lõi của tôi, trong hình dạng quả cầu ánh sáng đó. Nhưng bây giờ thì, một lần nữa, cô ấy lại ở trong hình dạng con người.

Cô ấy vẫn mặc chiếc váy tuyệt đẹp ấy, và việc nhìn thấy lại cô ấy cho tôi cảm giác mình giống như một đứa trẻ bị lạc ở một thành phố xa lạ và rộng lớn đột nhiên bắt gặp một gương mặt thân quen. Cô ấy quả thật là một món quà! “Chúng tôi sẽ cho anh xem nhiều thứ ở đây, nhưng anh sẽ quay trở lại.” Tôi nhớ lại thông điệp ấy, thông điệp phi ngôn từ đã được truyền tải đến tôi khi tôi chuẩn bị đi vào bóng tối bao la của Cốt Lõi. Giờ thì tôi đã hiểu “trở lại” là trở lại đâu.

Trở lại Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất, nơi tôi đã bắt đầu chuyến phiêu lưu kỳ bí này.

Nhưng trải nghiệm lần này đã khác. Khi tôi đã biết được đầy đủ về những thứ ở bên trên, việc đi vào bóng tối không còn gây cho tôi

cảm giác run sợ như lần đầu đi vào nữa. Khi khúc ca huy hoàng của Lối Vào phai dần và tiếng đập thình thịch như nhịp tim của tầng bên dưới vang lên trở lại, tôi nghe và thấy những điều này như cái cách mà một người lớn nhìn thấy một nơi mà họ đã từng sợ phát khiếp khi lần đầu đặt chân đến, nhưng bây giờ thì không có gì phải lo sợ nữa. Bùn lầy và bóng tối, những gương mặt trồi lên rồi mờ dần đi, những rễ cây trông như mạch máu cắm xuống từ bên trên, không còn làm tôi kinh hãi nữa, bởi tôi hiểu - không thông qua ngôn từ, như cách tôi hiểu mọi thứ lúc đó - rằng tôi không còn thuộc về nơi này, mà chỉ đang ghé thăm thôi.

Nhưng *tại sao* tôi lại trở lại ghé thăm nơi này?

Câu trả lời đến với tôi một cách tức thì và không thông qua ngôn từ, giống như cách mà những câu hỏi của tôi được trả lời khi tôi còn ở thế giới rực rỡ bên trên. Tôi bắt đầu nhận ra rằng toàn bộ chuyến phiêu lưu này là một kiểu đi tham quan - một chuyến đi để có một tầm nhìn bao quát về khía cạnh tâm linh, không hữu hình của sự hiện hữu. Và cũng như mọi chuyến tham quan lý thú, nó bao gồm mọi tầng và cấp bậc.

Khi trở lại với những tầng bên dưới, tôi trở lại với sự chuyển đổi thời gian thất thường ở các thế giới này, ngoài hiểu biết của tôi về thời gian ở trái đất. Để hình dung được một chút - dù chỉ một chút xíu - điều này là như thế nào, bạn hãy nghĩ về cách mà thời gian diễn ra trong những giấc mơ. Trong giấc mơ, "trước" và "sau" trở thành những định danh khó lường. Bạn có thể đang ở một phần của giấc mơ mà lại biết được chuyện gì sắp xảy đến, ngay cả khi bạn chưa từng trải qua chuyện này. Khái niệm "thời gian" của tôi ở xa tắp bên ngoài này cũng giống như vậy - dù tôi cũng nên nhấn mạnh rằng những gì đã xảy đến với tôi hoàn toàn không rối rắm như trong những giấc mơ của chúng ta ở trên trái đất, chỉ trừ khoảng thời gian ngay lúc đầu khi tôi vừa mới đến thế giới bên dưới.

Lần này tôi đã ở đó bao lâu? Cũng như lần trước, tôi không có ý niệm gì về điều này - không có cách gì để đo đếm được. Nhưng có một điều tôi biết là sau khi quay trở lại thế giới ở tầng thấp hơn này, phải mất một lúc lâu tôi mới khám phá ra rằng thật ra tôi có thể kiểm soát phần nào hành trình của mình - rằng tôi không còn bị kẹt trong thế giới bên dưới này nữa. Nếu tôi nỗ lực một cách có chủ đích, tôi có thể di chuyển trở lại lên những tầng bên trên. Có lúc, khi tôi đang loay hoay trong những tầng sâu bên dưới tăm tối mịt mùng này, tôi ước rằng Giai Điệu Xoay Vòng quay trở lại với tôi. Sau sự chật vật ban đầu khi cố nhớ lại các nốt nhạc, thứ âm

nhạc diệu kỳ và quả cầu ánh sáng xoay vòng phát ra nó lại hiện ra huy hoàng trong ý thức của tôi. Lại một lần nữa, những giai điệu ánh sáng cắt xuyên qua bóng tối đặc quánh này, và tôi bắt đầu bay lên cao.

Tôi dần nhận ra rằng trong những thế giới ở bên trên, biết và tích cực nghĩ về một thứ gì đó là tất cả những gì chúng ta cần làm để có thể tiến đến gần thứ ấy. Nghĩ về Giai Điệu Xoay Vòng, chúng ta làm cho nó hiện ra, và khi khao khát nghĩ về những thế giới ở tầng bên trên, chúng ta đưa chính mình đến những thế giới đó. Càng trở nên quen thuộc với thế giới ở bên trên, tôi càng có thể dễ dàng quay trở lại thế giới đó. Trong suốt thời gian ở bên ngoài cơ thể, không biết bao nhiêu lần tôi đã thực hiện thành công việc di chuyển qua lại giữa bóng đêm lầy lội của Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất và quang cảnh xanh mướt rạng ngời của Lối Vào, dẫn vào bên trong bóng tối đen như mực nhưng chính là Cốt Lõi Thiêng Liêng. Tôi không thể nói cụ thể là bao nhiêu lần - như tôi đã nói, bởi vì thời gian ở đó không thể được hiểu theo khái niệm thời gian của chúng ta trên trái đất này. Nhưng mỗi lần đến Cốt Lõi, tôi lại tiến vào sâu hơn, và lĩnh hội được nhiều hơn, theo lối phi ngôn từ, nhiều hơn so với cách trên-cả-ngôn-từ mà vạn vật ở những thế giới bên trên thế giới này vẫn giao tiếp với nhau.

Điều này không có nghĩa là tôi đã nhìn thấy toàn thể vũ trụ, cả trong chuyến đi đầu tiên của tôi từ Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất đến Cốt Lõi, hay trong những chuyến đi tiếp theo. Thật ra, một trong những sự thật mà tôi mang về được cho mình sau mỗi lần trở về Cốt Lõi là: thấu hiểu tất cả mọi sự hiện hữu quả là điều không thể - cho dù ở khía cạnh vật chất/hữu hình hay là khía cạnh tinh thần/không hữu hình (là phần lớn hơn, hơn rất nhiều), đó là chưa kể đến hằng hà sa số những vũ trụ khác đã và đang tồn tại.

Nhưng những điều này không quan trọng, bởi tôi đã được dạy một điều - điều duy nhất mà xét cho cùng mới là điều thật sự quan trọng. Lần đầu tiên tôi được dạy điều này là từ người bạn đồng hành đáng yêu trên cánh bướm, trong lần đầu tiên tôi đi qua Lối Vào. Nó được truyền tải thành ba phần, và nếu tôi lại một lần nữa cố gắng diễn đạt nó thành lời (vì dĩ nhiên, nó vốn không được truyền đạt bằng cách phi ngôn ngữ), thì nó sẽ như thế này:

Anh được yêu thương và trân trọng.

Không có gì phải sợ hãi.

Anh không thể làm điều gì sai.

Nếu tôi phải tóm gọn toàn bộ thông điệp này trong một câu, nó sẽ như thế này:

Anh được yêu thương.

Và nếu phải cô đúc hơn nữa, thì (dĩ nhiên rồi) nó sẽ đơn giản là:

Yêu thương.

Rõ ràng, tình yêu thương là nền tảng của mọi thứ. Không phải là kiểu tình yêu trừu tượng, khó hiểu; là tình yêu thương mà ta thấy hằng ngày - tình yêu mà ta cảm thấy khi nhìn vợ hay chồng mình, hay các con, hay cả loài vật. Ở dạng thuần khiết và mạnh mẽ nhất, tình yêu ấy cũng không ghen tuông hay ích kỷ, mà *vô điều kiện*. Đây là thực tế của mọi thực tế, là chân lý của mọi chân lý, vượt trên mọi vẻ đẹp và sự hiểu biết của chúng ta. Tình yêu ấy sống và thở ở phần cốt lõi của vạn vật hiện hữu trong hiện tại và cả tương lai, và không một ai có thể đạt đến một sự hiểu biết rốt ráo rằng mình là ai và là gì, nếu không biết đến và không thể hiện tình yêu ấy trong mỗi hành động của họ.

Không có vẻ là một khám phá khoa học ư? Vậy thì, tôi xin phép không đồng ý với bạn. Tôi đã trở về từ nơi đó, và không một điều gì có thể khiến tôi nghĩ khác đi, rằng đây không chỉ là chân lý về cảm xúc quan trọng nhất trong vũ trụ, mà còn là chân lý *khoa học* quan trọng nhất.

Trong nhiều năm qua, tôi vẫn đang chia sẻ về những trải nghiệm của mình, cũng như gặp gỡ những người đã thực hiện những nghiên cứu hoặc bản thân đã có trải nghiệm cận tử. Tôi biết rằng thuật ngữ *tình yêu vô điều kiện* được bàn đến rất nhiều trong những người quan tâm đến lĩnh vực này. Bao nhiêu người trong chúng ta hiểu được nó thật sự là gì?

Tất nhiên, tôi biết tại sao thuật ngữ này lại được nhắc đến nhiều như thế. Đó là vì rất rất nhiều người khác cũng đã thấy và trải qua những gì tôi đã trải qua. Nhưng cũng như tôi, khi họ quay trở về tầng của trái đất, họ bị kẹt trong từ ngữ, và họ chỉ có mỗi từ ngữ để truyền tải những trải nghiệm và hiểu biết vốn hoàn toàn vượt ra ngoài khả năng của ngôn từ. Giống như bạn cố viết một cuốn tiểu thuyết với chỉ một nửa bảng chữ cái.

Rào cản lớn nhất mà hầu hết những người từng có trải nghiệm cận tử phải vượt qua không phải là làm sao để thích nghi trở lại

với những giới hạn của thế giới trên trái đất - mặc dù chắc chắn đây cũng có thể là một thách thức - mà là làm sao để truyền tải được một cách trọn vẹn thứ tình yêu mà họ đã thật sự cảm nhận được ở nơi đó.

Ở sâu thẳm bên trong, chúng ta đều đã biết. Cũng giống như Dorothy trong truyện *Phù thủy xứ Oz* luôn có khả năng quay về nhà, chúng ta luôn có khả năng tái lập sự kết nối của mình với cảnh giới tuyệt vời đó. Chỉ là chúng ta quên rằng mình có khả năng đó thôi, bởi vì trong suốt cái phần hiện hữu có giới hạn dựa trên bộ não và thân thể của chúng ta, bộ não của chúng ta ngăn chặn, như tấm màn ngăn che, tầm nhìn của chúng ta khỏi cái nền vũ trụ rộng lớn hơn kia, giống như ánh sáng mặt trời ngăn chúng ta nhìn thấy những vì sao vào mỗi buổi sáng. Hãy tưởng tượng tầm nhìn vũ trụ của chúng ta sẽ còn bị giới hạn đến đâu nếu chúng ta chưa bao giờ nhìn thấy bầu trời đêm chi chít sao.

Chúng ta chỉ có thể nhìn thấy những gì mà bộ lọc của bộ não của chúng ta cho phép. Bộ não - đặc biệt là phần ngôn ngữ/lý luận ở bên trái, phần tạo ra lý trí và cảm giác về một bản ngã hay cái tôi rõ nét - là một rào cản ngăn chúng ta đạt tới những tri thức và sự trải nghiệm ở mức cao hơn.

Tôi tin rằng giờ đây chúng ta đang đối mặt với một thời điểm quyết định trong sự tồn tại của mình. Chúng ta cần phải khôi phục nhiều hơn những tri thức lớn lao hơn đó ngay khi *đang sống trên trái đất này*, khi bộ não của chúng ta (tức bao gồm cả những phần phân tích ở bên trái) đang hoạt động với đầy đủ chức năng của nó. Khoa học - khoa học ở khía cạnh mà tôi đã dành phần lớn cuộc đời của mình để cống hiến - không mâu thuẫn với những gì tôi đã học được ở trên kia. Nhưng có quá nhiều, quá nhiều người tin rằng nó mâu thuẫn, bởi vì một số thành viên nào đó trong cộng đồng khoa học, những người đã nguyện trung thành với thế giới quan duy vật, đã cương quyết khẳng định nhiều lần rằng khoa học và tâm linh không thể đồng thời tồn tại.

Họ đã lầm. Làm cho sự thật cổ xưa nhưng cơ bản tột cùng này được biết đến rộng rãi hơn là lý do tôi viết quyển sách này, và nó khiến cho tất cả những khía cạnh khác trong câu chuyện của tôi - nguyên nhân bí ẩn của việc tôi mắc bệnh, làm thế nào tôi lại có thể vẫn có ý thức ở một chiều thế giới khác trong suốt một tuần bị hôn mê, và làm thế nào tôi lại bình phục được hoàn toàn - đều hoàn toàn trở nên thứ yếu.

Tình yêu và sự chấp nhận vô điều kiện mà tôi đã nếm trải trong

hành trình của mình là khám phá quan trọng nhất của tôi cho đến bây giờ và mãi về sau, và dù tôi biết rằng việc truyền đạt lại những bài học khác mà tôi đã học được khi ở thế giới đó sẽ khó khăn ra sao, nhưng trong trái tim mình, tôi cũng biết được rằng chia sẻ thông điệp vô cùng nền tảng này - một thông điệp đơn giản đến nỗi hầu hết trẻ con đều lĩnh hội được ngay - là nhiệm vụ quan trọng nhất của mình.

13
Thứ Tư

Trong hai ngày sau đó, "thứ Tư" trở thành từ cửa miệng của các bác sĩ - đó là ngày mà họ nói đến khi nói về cơ hội sống sót của tôi. Chẳng hạn như khi họ nói: "Chúng tôi hy vọng tới thứ Tư, tình trạng anh ấy sẽ có tiến triển tốt". Và giờ thì thứ Tư đã đến, mà tình trạng của tôi thì không có chút dấu hiệu chuyển biến nào.

"Khi nào con lại được gặp cha?"

Câu hỏi này - câu hỏi tự nhiên của một đứa trẻ mười tuổi có cha đang nằm viện - đã được Bond nhắc đi nhắc lại kể từ khi tôi bất tỉnh vào hôm thứ Hai. Holley đã tránh né câu hỏi này được hai ngày, nhưng tới sáng thứ Tư, cô ấy quyết định rằng đã đến lúc phải nói sự thật.

Vào tối hôm thứ Hai, khi Holley nói với Bond rằng tôi chưa thể xuất viện về nhà bởi vì tôi vẫn đang "ốm", thằng bé liên tưởng ngay đến những gì mà từ "ốm" vốn dĩ vẫn khiến một đứa trẻ, khi ấy chỉ mới mười tuổi, nghĩ đến: những cơn ho, chứng viêm họng, hay có lẽ là cơn đau đầu. Cứ cho là vậy thì những gì Bond đã chứng kiến vào buổi sáng thứ Hai đã cho thằng bé một cái nhìn mở rộng hơn rất nhiều về việc một cơn đau đầu có thể thật sự nghiêm trọng đến đâu. Nhưng khi Holley rốt cuộc cũng đưa thằng bé đến bệnh viện vào chiều thứ Tư hôm đó, nó vẫn hy vọng một điều gì khác hơn đang chào đón nó, chứ không phải là những gì nó nhìn thấy trên giường bệnh của tôi.

Bond nhìn thấy một thân hình mà giờ chỉ còn trông hao hao giống người cha mà nó từng biết. Khi một người đang ngủ, bạn nhìn họ và biết rằng trong cơ thể đó vẫn có một con người đang sống. Có một sự hiện hữu. Nhưng hầu hết các bác sĩ đều sẽ nói với bạn rằng có một sự khác biệt khi một người nằm trong trạng thái

hôn mê (dù họ không thể nói được chính xác khác như thế nào). Vẫn là một thân thể đang nằm đó, nhưng có một cảm giác kỳ lạ, gần như nhìn thấy được, rằng người đó đang vắng mặt. Rằng phần tinh cốt của họ, dù không thể lý giải được, đã ở một nơi nào khác.

Eben IV và Bond luôn rất gắn bó với nhau, kể từ khi Bond vừa lọt lòng được vài phút và Eben chạy ùa vào phòng sinh để ôm lấy em trai mới chào đời của mình. Eben gặp Bond tại bệnh viện vào ngày thứ ba từ khi tôi hôn mê và cố gắng giải thích tình hình hiện tại một cách tích cực nhất cho em trai của mình hiểu. Và, vì bản thân cũng chẳng trưởng thành hơn em trai là mấy, Eben đã nghĩ ra một cảnh tượng mà nó nghĩ là Bond sẽ dễ dàng chấp nhận: một trận chiến.

“Chúng ta hãy vẽ một bức tranh về những gì đang diễn ra để cha xem khi tỉnh dậy nhé”, Eben nói với Bond.

Thế là chúng trải một tờ giấy lớn màu cam ra trên chiếc bàn ở khu vực căn-tin của bệnh viện rồi vẽ ra những hình ảnh để miêu tả những gì đang xảy ra bên trong thân thể đang hôn mê của tôi. Chúng vẽ những tế bào bạch cầu, khoác áo choàng và đeo gươm, đang bảo vệ lãnh thổ đang bị xâm chiếm là bộ não của tôi. Rồi chúng vẽ những tên xâm lược *E. coli*, cũng đeo gươm và mặc quân phục hơi khác một chút. Có cả cảnh đánh giáp lá cà, và cả hai bên đều có thương vong, xác chết nằm la liệt.

Bức tranh mô tả khá chính xác những gì đang diễn ra, theo cách riêng của nó. Điều duy nhất không chính xác - đã xét đến việc bọn trẻ đang đơn giản hóa sự việc hơn nhiều so với thực tế phức tạp đang xảy ra bên trong cơ thể tôi - là thế trận của cuộc chiến. Theo cách diễn giải của Eben và Bond thì trận đấu đang ác liệt và ở trong giai đoạn cao trào, vì cả hai bên đều quyết chiến và chưa phân thắng bại, mặc dù đương nhiên là các tế bào bạch cầu cuối cùng sẽ thắng. Nhưng ngay trong khi Eben ngồi với Bond, cùng những cây bút màu rải khắp trên bàn, cố gắng diễn giải sự việc theo phiên bản ngây thơ này, thằng bé cũng đã biết rằng thực tế là cuộc chiến không còn ác liệt hay bất phân thắng bại nữa.

Và nó biết rằng phe nào đang thắng.

14

Một dạng trải nghiệm cận tử đặc biệt

"Giá trị thật của một con người chủ yếu được quyết định bởi mức độ mà anh ta đã giải phóng mình khỏi bản ngã và ý thức của anh ta về việc này."

- Albert Einstein (1879-1955)

Khi vừa mới đến Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất, tôi không thật sự có một trung tâm nhận thức. Tôi không biết mình là ai hay là gì, hay thậm chí liệu tôi có thật *hay không*. Tôi chỉ đơn giản là... *đang ở đó*, một ý thức đơn lẻ tồn tại giữa một hư vô nhầy nhụa, tối tăm, lầy lội, không có khởi đầu và, dường như, cũng không có kết thúc.

Nhưng bây giờ thì tôi biết. Tôi hiểu rằng mình là một phần của Sự Hiện Hữu Thiêng Liêng và rằng không gì - tuyệt đối không một thứ gì - có thể tách tôi ra khỏi đó được. Mối hoài nghi (sai lầm) rằng chúng ta có thể bằng cách nào đó bị tách rời khỏi Đấng Thiêng Liêng chính là nguồn gốc của mọi mối lo âu trong vũ trụ, và phương thuốc chữa lành - mà tôi đã nhận được một phần ở Lối Vào và sau đó tôi nhận được toàn bộ khi đã vào trong Cốt Lõi - là việc nhận biết được rằng không gì, không bất kỳ điều gì, có thể tách lìa chúng ta khỏi Chúa. Hiểu biết này - cho đến nay vẫn là hiểu biết quan trọng nhất mà tôi từng học được - đã đẩy lùi nỗi sợ hãi ra khỏi Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất và cho phép tôi nhìn thấy cõi giới đó thật sự là gì: một phần không hoàn toàn dễ chịu nhưng chắc chắn là cần thiết của vũ trụ.

Nhiều người đã đi qua những cảnh giới mà tôi đã đi qua, nhưng kỳ

lạ là, hầu hết họ đều nhớ danh tính lúc còn ở trên trái đất của mình cho dù đã lìa xa thân thể. Họ biết họ là John Smith hay George Johnson hay Sarah Brown. Họ chưa bao giờ quên mất rằng họ đã từng sống trên trái đất. Họ ý thức được rằng những người thân đang còn sống của mình vẫn đang ở trên trái đất, đang mong chờ và hy vọng họ sẽ quay lại. Nhiều người trong số họ cũng gặp lại những bạn bè và người thân đã qua đời trước họ, và khi gặp thì họ nhận ra những người này ngay tức khắc.

Nhiều người trải qua trải nghiệm cận tử đã kể lại việc họ tham gia vào quá trình xem lại cuộc đời mình, trong đó họ thấy lại sự tương tác của mình với nhiều người khác nhau, cũng như những hành động tốt hay xấu trong suốt cuộc đời họ.

Tôi không có bất cứ trải nghiệm nào như vậy cả, và tất cả những điều này thể hiện một khía cạnh bất thường nhất trong trải nghiệm cận tử của tôi. Tôi hoàn toàn thoát khỏi danh tính gắn với thân xác mình, vì vậy mà bất kỳ trải nghiệm cận tử nào có thể liên quan đến việc tôi nhớ mình đã từng là ai trên trái đất, như mọi trường hợp trải nghiệm cận tử kinh điển, đều hoàn toàn vắng bóng trong trải nghiệm cận tử của tôi.

Tôi biết là đến thời điểm đó trong hành trình mà tôi vẫn không có ý niệm gì về việc mình là ai hay mình từ đâu đến thì nghe có vẻ khó hiểu. Rốt cuộc thì, làm thế nào tôi có thể học được tất cả những điều phức tạp và đẹp đẽ đáng kinh ngạc này, làm thế nào tôi có thể nhìn thấy cô gái ở kế bên mình, và cả những cái cây đang trổ hoa cùng những thác nước và dân làng mà vẫn không biết rằng chính tôi, Eben Alexander, là người đang trải qua những điều này chứ? Làm thế nào tôi hiểu được tất cả những điều tôi đã hiểu, trong khi vẫn không biết rằng ở trên trái đất, tôi đã là một bác sĩ, một người chồng, và một người cha? Một người chỉ cảm thấy đây không phải lần đầu mình nhìn thấy cây cối, những con sông và những đám mây khi tôi đi qua Lối Vào, trong khi đã nhìn thấy những cảnh vật đó nhiều hơn bất cứ ai khi trải qua thời thơ ấu ở một vùng đất cụ thể và gắn liền với trái đất - Winston-Salem ở Bắc Carolina?

Cách lý giải hợp lý nhất tôi có thể nghĩ đến là khi ấy, tôi ở trong một trạng thái tương tự như một người bị chứng mất trí nhớ một phần, nhưng việc này xem ra lại có ích. Có nghĩa là, một người *đã quên một khía cạnh chủ chốt nào đó về bản thân*, nhưng lại *được hưởng lợi từ sự lãng quên đó*, dù chỉ trong một phút chốc ngắn ngủi.

Làm sao tôi lại có được lợi ích từ việc không nhớ ra thân phận ở trái đất của mình? Việc này cho phép tôi đi sâu vào những cảnh giới vượt ra khỏi cõi trần mà không cần bận tâm lo nghĩ gì về những thứ mình bỏ lại phía sau. Trong suốt thời gian tôi ở các thế giới ấy, tôi là một linh hồn không có gì để mất. Không có nơi nào để nhớ nhung, không có ai để thương tiếc. Tôi chẳng đến từ đâu và không có quá khứ, vì vậy tôi chấp nhận trọn vẹn hoàn cảnh của mình - kể cả khi ở một nơi tối tăm mù mịt và hỗn loạn như Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất - với sự bình thản.

Và bởi tôi đã hoàn toàn quên đi danh tính con người đã chết của mình, nên tôi đã có được sự tiếp cận hoàn toàn với bản thể vũ trụ của mình - là tôi đích thực (là bản thể đích thực của tất cả chúng ta). Như tôi đã nói ở trên, những gì tôi đã trải qua có phần nào giống như một giấc mơ mà trong đó ta chỉ nhớ những khía cạnh nào đó về bản thân trong khi hoàn toàn quên những khía cạnh khác. Tuy nhiên, đây chỉ là một phép so sánh hữu ích ở một phần nào đó, bởi vì, như tôi đã nhấn mạnh nhiều lần, Lối Vào và Cốt Lõi không giống chút nào với những giấc mơ mà thật vô cùng - càng không phải là ảo ảnh. Dùng từ *bị xóa bỏ* thì nghe có vẻ như tình trạng không nhớ gì về con người ở trái đất của tôi khi ở Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất, Lối Vào và Cốt Lõi là có chủ ý. Giờ đây tôi ngờ rằng đúng là như vậy. Bằng việc nhìn nhận quá đơn giản về những gì đang diễn ra - với những rủi ro nhất định, tôi đã cho phép mình chết sâu hơn, và đi vào sâu hơn so với hầu hết bất kỳ người nào đã trải qua trải nghiệm cận tử trước đó.

Nghe có vẻ ngạo mạn nhưng tôi không có ý đó khi nói như vậy. Những tài liệu phong phú về trải nghiệm cận tử thật sự đã cung cấp cho tôi những hiểu biết quan trọng, giúp tôi nhận thức sâu sắc về những gì xảy ra trong hành trình cận tử của mình. Tôi không thể khẳng định rằng mình biết lý do tại sao tôi lại có những trải nghiệm này, nhưng giờ đây (ba năm sau), nhờ đọc các tài liệu trải nghiệm cận tử khác, tôi biết rằng việc thâm nhập vào những thế giới cao hơn này thường là một quá trình diễn tiến dần và đòi hỏi người trải nghiệm phải dứt bỏ những "sợi dây luyến ái" trói buộc mình ở bất kỳ tầng nào mà họ đang tồn tại để có thể lên đến tầng cao hơn hay đi vào sâu hơn.

Chuyện này không gây trở ngại cho tôi, bởi vì trong suốt hành trình này, tôi không có ký ức nào về mình trên trái đất, và cả cảm giác đau lẫn cơn nhức đầu chỉ quay trở lại với tôi khi đến lúc tôi phải trở về trái đất, nơi tôi đã từ đó xuất hành.

15

Món quà của sự lãng quên

"Chúng ta phải tin vào ý chí tự do. Chúng ta không còn lựa chọn nào khác."

- Isaac B. Singer (1902-1991)

Quan điểm về ý thức con người của phần lớn các nhà khoa học hiện nay là nó có thành phần là những thông tin kỹ thuật số - tức là một dạng dữ liệu, về cơ bản giống như những dữ liệu trong máy tính. Cho dù những phần nào đó của dữ liệu này - chẳng hạn khi ta ngắm cảnh hoàng hôn rực rỡ, lần đầu tiên nghe một bản giao hưởng thật đẹp, hay kể cả khi phải lòng một ai đó - có thể với chúng ta là những cảm xúc sâu sắc hay đặc biệt hơn tất cả những phần khác của dữ liệu được tạo ra và lưu giữ trong bộ não của chúng ta, nhưng thật sự điều này chỉ là ảo tưởng. Thật ra, tất cả mọi phần của dữ liệu về chất là như nhau. Bộ não của chúng ta nhận thức thực tế bên ngoài bằng cách tiếp nhận thông tin qua các giác quan rồi biến tất cả thành một tấm thảm dệt kỹ thuật số phức tạp. Nhưng nhận thức của chúng ta chỉ là một khuôn thức chứ không phải là một thực tế nguyên vẹn. Là một *ảo tưởng*.

Tất nhiên, tôi cũng từng có quan điểm như vậy. Tôi nhớ trong những năm học ở trường y và thi thoảng trong những cuộc tranh luận, tôi vẫn nghe một số lập luận cho rằng ý thức chẳng qua chỉ là một chương trình máy tính vô cùng phức tạp. Những lập luận này cho rằng khoảng mười tỷ neuron thần kinh đang bùng cháy liên tục bên trong bộ não chúng ta có khả năng tạo ra ý thức và bộ nhớ cho cả đời người.

Để hiểu được làm thế nào bộ não có thể thật sự ngăn cản chúng ta tiếp cận tầng nhận thức của những thế giới cao hơn, chúng ta cần

phải chấp nhận - ít ra là tạm thời và một cách giả định - rằng bản thân bộ não không tạo ra ý thức. Rằng thay vào đó, giống như một cái van giảm áp hay bộ lọc, nó chuyển đổi ý thức phi vật chất rộng lớn mà chúng ta vốn sở hữu trong những thế giới phi vật chất xuống thành một dung lượng hạn chế cho thời hạn sử dụng là cuộc đời hữu hạn của chúng ta. Nhìn từ góc độ cuộc sống ở thế gian thì điều này mang lại một lợi ích rõ rệt. Bộ não của chúng ta làm việc cật lực mỗi phút giây chúng ta thức tỉnh trong đời sống để từ lượng thông tin ồ ạt mà các giác quan mang đến từ thế giới hữu hình xung quanh, chọn lọc ra những "nguyên liệu" mà chúng ta thật sự cần cho sự sống còn, thì cũng như vậy, việc chúng ta quên đi những danh tính khi đi qua những kiếp sống của mình cho phép chúng ta hiện diện "tại đây và bây giờ" một cách hữu hiệu hơn rất nhiều. Giống như phần lớn cuộc sống thường ngày mang quá nhiều thông tin mà ta không thể tiếp nhận ngay lập tức nhưng vẫn có thể hoàn thành việc này hay việc khác, thì việc ý thức quá mức về những thế giới ở bên ngoài thực tại "tại đây và bây giờ" sẽ làm chậm lại rất nhiều bước tiến của chúng ta. Nếu lúc này chúng ta đã biết quá nhiều về cõi giới tâm linh đó, việc định hướng cuộc sống của chúng ta trên trái đất này, vốn đã khó khăn, sẽ còn trở nên thách thức hơn nữa. (Nói như vậy không có nghĩa là hiện tại chúng ta không nên hiểu biết về những thế giới đó - mà chỉ là nếu chúng ta quá ý thức về sự vĩ đại và bao la của chúng, chúng có thể ngăn cản chúng ta hành động khi ta vẫn còn đang ở trên trái đất này.) Nhìn từ góc độ hướng đến mục đích (và bây giờ tôi tin rằng nếu không có mục đích, vũ trụ sẽ không là gì cả), việc đưa ra những quyết định đúng đắn thông qua ý chí tự do khi chúng ta đối diện với cái ác và sự bất công trên trái đất sẽ mất đi rất nhiều ý nghĩa nếu chúng ta có thể nhớ được, trong khi vẫn còn đang ở đây, vẻ đẹp toàn vẹn và sự huy hoàng của những gì đang đón chờ ta ở phía trước.

Tại sao tôi lại chắc chắn như vậy về những điều này ư? Có hai lý do. Thứ nhất là tôi đã được chỉ cho thấy và giúp lĩnh hội (từ những sinh vật ở Lối Vào và Cốt Lõi), và thứ hai là bản thân tôi đã thật sự trải nghiệm. Khi ở bên ngoài thân thể mình, tôi đã tiếp thu được kiến thức về thiên nhiên và cấu trúc của vũ trụ, vượt xa hiểu biết của tôi rất nhiều. Bằng cách nào đó tôi đã lĩnh hội được những kiến thức này, phần lớn, bởi vì khi tôi ở ngoài những mối bận tâm của thế giới trần tục, tâm thức tôi được rộng mở để tiếp thu. Giờ đây khi tôi đã quay trở về trái đất và nhớ lại danh tính gắn với thân thể mình, hạt mầm kiến thức vượt-ra-ngoài- trần-thế này bị che lấp trở lại. Nhưng nó vẫn ở đó. Tôi có thể cảm thấy nó, từng giây phút. Trong môi trường trần thế này, sẽ phải mất nhiều năm

để hạt mầm ấy lại đơm hoa kết trái. Có nghĩa là, tôi sẽ phải mất nhiều năm, bằng bộ não vật chất hữu hạn này của tôi, để lĩnh hội được những điều mà tôi đã hiểu một cách tức thì và dễ dàng khi tôi ở những tầng thế giới ở bên trên, khi không sử dụng bộ não. Thế nhưng tôi vẫn tự tin rằng với nỗ lực tự thân của mình, phần lớn những tri thức này sẽ tiếp tục được khai mở.

Nếu nói rằng vẫn còn cả một vực thẳm ngăn cách giữa những hiểu biết khoa học hiện nay của chúng ta về vũ trụ và sự thật về vũ trụ mà tôi đã thấy, thì đó là một cách nói giảm đáng kể. Tôi vẫn yêu vật lý và khoa học vũ trụ; tôi vẫn yêu việc tìm hiểu và khám phá vũ trụ bao la và diệu kỳ của chúng ta. Chỉ là giờ đây tôi có một ý niệm rộng mở hơn rất nhiều về cái gọi là "bao la" và "diệu kỳ". Khía cạnh vật lý của vũ trụ chỉ là một hạt cát nhỏ bé so với phần vô hình và tâm linh của nó. Theo quan điểm trước đây của mình, *tâm linh* là từ mà tôi sẽ chẳng bao giờ dùng đến trong các cuộc thảo luận khoa học. Nhưng bây giờ thì tôi tin rằng đó là từ mà chúng ta không thể không nói đến.

Từ Cốt Lõi, hiểu biết của tôi về cái mà chúng ta gọi là "năng lượng tối" và "vật chất tối" dường như đã có được những cách lý giải rõ ràng, cũng như vậy đối với những thành phần tinh tế hơn tạo thành vũ trụ mà con người chúng ta sẽ còn lâu mới nhận thức được.

Nhưng điều này không có nghĩa là tôi có thể giải thích những điều đó với bạn. Bởi vì, nghe có vẻ nghịch lý, bản thân tôi vẫn còn trong quá trình nhận thức về chúng. Có lẽ cách tốt nhất để truyền đạt phần kinh nghiệm đó của tôi là đơn giản nói với bạn rằng tôi đã được nếm trước hương vị của một loại tri thức khác rộng lớn hơn: một loại tri thức mà tôi tin rằng sẽ ngày càng nhiều người trong nhân loại chúng ta có khả năng tiếp cận được. Nhưng cố truyền tải tri thức ấy ngay bây giờ sẽ chẳng khác nào một chú tinh tinh được làm người chỉ trong một ngày, nếm trải tất cả sự diệu kỳ của kiến thức loài người, và rồi khi trở về với đám bạn tinh tinh của mình, chú cố tả cho chúng bạn hiểu được cảm giác như thế nào khi biết nói vài ngôn ngữ La-tinh, biết làm những phép tính, và thấy được sự bao la của vũ trụ.

Khi tôi còn ở trên kia, mỗi khi một câu hỏi dấy lên trong tâm trí tôi, thì câu trả lời cũng hiện ra cùng một lúc, giống như một bông hoa hiện ra ngay bên cạnh. Có thể ví như việc không một phân tử vật lý nào trong vũ trụ thật sự tách rời khỏi những phân tử còn lại, và cũng như vậy, không một câu hỏi nào lại không có câu trả lời đi kèm. Những câu trả lời này cũng không chỉ đơn giản là "có"

hay "không". Chúng là những cấu trúc khái niệm vô cùng rộng lớn, những kiến trúc tư duy cuộc sống gây choáng ngợp, phức tạp tựa như kiến trúc đô thị. Những tư tưởng này rộng lớn, mênh mông đến nỗi lẽ ra tôi đã phải mất nhiều kiếp sống mới có thể lĩnh hội được, nếu tôi vẫn còn bị giới hạn trong lối suy nghĩ của thế gian. Nhưng tôi đã không còn ở trong giới hạn đó. Tôi đã thoát ra khỏi lối suy nghĩ trần thế ấy như một con bướm phá vỡ lớp kén rồi thoát ra.

Tôi nhìn thấy trái đất tựa như một chấm màu xanh nhạt giữa một màu đen bao la của không gian vật lý. Tôi có thể thấy trái đất là một nơi mà cái thiện và cái ác lẫn lộn, và điều này tạo nên một trong những đặc tính mà chỉ riêng nó có. Dù ở trên trái đất, cái thiện chiếm phần nhiều hơn cái ác, nhưng trái đất lại là nơi mà cái ác có thể chiếm ưu thế theo một cách mà hoàn toàn không thể xảy ra ở những tầng hiện hữu cao hơn. Cái ác ấy đôi khi thắng thế và điều này được Đấng Tạo Hóa biết và cho phép bởi Ngài xem nó là một hệ quả cần thiết khi trao cho những sinh vật như chúng ta món quà ý chí tự do.

Những phần tử cái ác nhỏ xíu rải rác ở khắp nơi trong vũ trụ, nhưng tất cả những phần tử cái ác đó cộng lại chỉ như là một hạt cát trên một bãi biển mênh mông cái thiện, sự giàu có, niềm hy vọng và tình yêu vô điều kiện tràn đầy khắp vũ trụ. Chất liệu tạo nên chiều không gian tồn tại luân phiên này là tình yêu thương và sự chấp nhận, và bất cứ sự tồn tại nào không có những phẩm chất này sẽ ngay lập tức hiển lộ ra và rõ ràng là lạc lõng ở đó.

Nhưng cái giá phải trả để có được ý chí tự do chính là sự mất mát hay rời xa tình yêu thương và sự chấp nhận. Chúng ta tự do; nhưng chúng ta là những sinh vật tự do sống trong một môi trường bao quanh luôn tìm cách khiến chúng ta cảm thấy mình không tự do. Ý chí tự do là điều quan trọng cốt yếu để chúng ta thực hiện chức năng của mình trên cõi trần thế: một chức năng mà một ngày kia tất cả chúng ta rồi sẽ khám phá ra rằng nó phục vụ cho một mục đích cao hơn, đó là cho phép chúng ta tiến lên tầng cao hơn trong chiều không gian song song vĩnh hằng kia. Cuộc sống của chúng ta ở bên dưới, trên trái đất này có vẻ như tầm thường, bởi nó vô cùng bé nhỏ trong vô vàn kiếp sống và thế giới khác cũng đang chen chúc trong những vũ trụ hữu hình và vô hình. Nhưng nó chẳng kém phần quan trọng, bởi vai trò của chúng ta ở nơi này là phát triển hướng đến Sự Hiện Hữu Thiêng Liêng, và hành trình phát triển này luôn được dõi theo sát sao bởi các sinh vật ở các thế giới bên trên - những linh hồn và những quả cầu ánh sáng rực rỡ (mà lúc đầu tôi đã trông thấy từ xa ở trên cao

khi ở Lối Vào, mà tôi tin chính là nguồn gốc của khái niệm thiên thần trong nền văn hóa của chúng ta).

Chúng ta - những thực thể tâm linh đang tồn tại bên trong những bộ não và thân thể hữu hạn đang trong quá trình tiến hóa, là sản phẩm của trái đất và là những tác nhân tạo ra những vấn đề bức thiết trên trái đất, mới thật sự là người đưa ra lựa chọn. Cái thật sự là tư duy vốn không phải là việc của bộ não. Nhưng chúng ta đã được huấn luyện quá thường xuyên - một phần bởi chính bộ não - để gắn bộ não với việc chúng ta là ai và với những suy tư của chúng ta, đến nỗi chúng ta đã mất đi khả năng nhận biết rằng chúng ta luôn lớn hơn bộ não và thân xác hữu hình của mình rất nhiều - bộ não và thân xác mà vốn chỉ, hoặc nên chỉ, làm theo sự chỉ đạo của chúng ta.

Tư duy đích thực xảy ra trước tư duy vật lý. Đây là "tư duy đằng sau tư duy", thật sự chịu trách nhiệm về mọi lựa chọn nhân-quả của chúng ta trong thế giới này. Tư duy này không phụ thuộc vào suy luận tuyến tính, mà di chuyển nhanh như chớp, tạo ra những kết nối ở nhiều tầng khác nhau, mang chúng lại với nhau. Khi đối diện với trí thông minh nội tại tự do này, tư duy thông thường của chúng ta trở nên chậm chạp và vụng về đến vô vọng. Đó là loại tư duy giúp chúng ta kịp bắt quả bóng khi nó được sút tới, truyền cảm hứng để chúng ta nảy ra một phát kiến khoa học hay viết một ca khúc. Là loại tư duy từ tiềm thức vốn vẫn luôn ở đó, khi chúng ta thật sự cần đến nó, nhưng chúng ta đã quá thường xuyên để mất khả năng tiếp cận cũng như lòng tin vào nó. Bạn hẳn đã nhận ra, nó chính là loại tư duy đã giúp tôi hành động trong tức khắc vào buổi chiều hôm đó, khi mà chiếc dù của Chuck đột ngột bung ra bên dưới tôi.

Trải nghiệm việc tư duy bên ngoài bộ não, chúng ta bước vào trong một thế giới của những kết nối tức thì, những kết nối khiến cho tư duy thông thường (tức là những khía cạnh tư duy bị giới hạn bởi bộ não vật lý và tốc độ ánh sáng) trở thành một việc buồn tẻ và mệt mỏi vô cùng. Bản thể chân thật, sâu thẳm nhất của chúng ta thì hoàn toàn tự do. Nó không bị làm cho què quặt hay thoái hóa bởi những hành động trong quá khứ hay mối bận tâm về danh tính hay địa vị. Nó biết rằng nó không cần phải sợ hãi thế giới trần tục và bởi vậy, nó không có nhu cầu phải khiến bản thân lớn mạnh hơn bằng danh tiếng, của cải hay sự chinh phục.

Đây là bản thể tâm linh đích thực mà một ngày nào đó, tất cả chúng ta đều sẽ được vận mệnh dẫn dắt để tìm lại được. Nhưng cho đến ngày đó, tôi cảm thấy rằng chúng ta nên làm mọi điều

trong khả năng của mình để kết nối với khía cạnh diệu kỳ này trong bản thân mình - để nuôi dưỡng nó và nhận thức về nó. Đây chính là thực thể sống ở bên trong tất cả chúng ta ngay lúc này và thật ra, chính là bản thể mà chúng ta đều sẽ trở thành, như thánh ý Chúa.

Làm thế nào để chúng ta đến được gần hơn với bản thể tâm linh đích thực này? Bằng cách thể hiện tình yêu và lòng trắc ẩn. Tại sao? Bởi tình yêu và lòng trắc ẩn gần gũi với chúng ta hơn rất nhiều, không phải là những ý niệm trừu tượng mà phần lớn chúng ta gán cho chúng. Chúng là thật. Chúng cụ thể. Và chúng là chất liệu cơ bản tạo nên cõi giới tâm linh.

Để tìm về với cõi giới đó, chúng ta phải trở lại *tương đồng* với cõi giới đó, dù cho chúng ta đang bị mắc kẹt, và lê bước khó nhọc trong thế giới này.

Một trong những sai lầm lớn nhất mà nhiều người thường mắc phải khi nghĩ về Chúa là việc họ hình dung Chúa là một đấng nào đó không gần gũi với con người. Vì Chúa đứng sau những con số mà khoa học luôn dựa vào để đo lường sự hoàn hảo của vũ trụ và không ngừng tìm cách để hiểu. Nhưng - một lần nữa, nghe có vẻ nghịch lý - Om cũng rất "người", thậm chí còn *người* hơn cả bạn và tôi. Om hiểu và thông cảm với hoàn cảnh của loài người chúng ta một cách sâu sắc và gần gũi hơn chúng ta có thể hình dung, bởi Om biết rằng chúng ta đã lãng quên điều gì, và hiểu rằng sống mà lãng quên Sự Hiện Hữu Thiêng Liêng, dù chỉ trong một khoảnh khắc, là một gánh nặng kinh khủng ra sao.

16
Cái giếng

Lần đầu tiên Holley gặp Sylvia, cô bạn chung của cả hai chúng tôi, khi cả hai đang dạy tại trường Ravenscroft ở Raleigh, Bắc Carolina vào những năm 1980. Trong thời gian ở đó, Holley cũng chơi thân với Susan Reintjes. Susan là một người có trực giác mạnh - điều này hoàn toàn không ảnh hưởng gì đến suy nghĩ của tôi về cô ấy. Với tôi, cô ấy là một người rất đặc biệt, dù rằng công việc của cô ấy, nói một cách giảm nhẹ nhất, nằm ngoài quan điểm giải phẫu thần kinh có nguyên tắc, "một là một, hai là hai" của tôi. Cô ấy cũng là một người dẫn dắt tâm linh và đã từng viết một quyển sách có tên là *Third Eye Open* (tạm dịch: Khai mở con mắt thứ ba), quyển sách mà Holley rất thích. Một trong những hoạt động chữa lành tâm linh thường xuyên của Susan là giúp chữa lành cho các bệnh nhân bị hôn mê bằng cách liên lạc ngoại cảm với họ. Hôm thứ Năm, tức là ngày thứ tư tôi bị hôn mê, Sylvia nảy ra ý tưởng để Susan thử cố liên lạc với tôi xem sao.

Sylvia gọi điện tới nhà Susan ở Chapel Hill, giải thích cho cô ấy chuyện gì đang xảy ra với tôi và hỏi liệu cô ấy có thể "bắt sóng" được với tôi không. Susan trả lời là có và hỏi thêm vài chi tiết về bệnh tình của tôi. Sylvia cung cấp cho cô ấy những thông tin cơ bản: tôi đã hôn mê bốn ngày và đang ở trong tình trạng nguy kịch.

"Đó là tất cả những gì mình cần biết," Susan nói. "Tối nay mình sẽ cố liên lạc với anh ấy xem sao."

Theo quan điểm của Susan, một bệnh nhân hôn mê tức là đang tồn tại ở dạng lưng chừng. Không hoàn toàn ở đây (cõi giới trái đất) mà cũng không hoàn toàn ở đó (cõi giới tâm linh), những bệnh nhân này thường cảm nhận một bầu không khí bí ẩn kỳ lạ xung quanh. Như đã nói ở trên, đây là hiện tượng mà tôi đã nhìn thấy nhiều lần, mặc dù dĩ nhiên là tôi chưa bao giờ gán cho nó bất

kỳ niềm tin siêu nhiên nào như Susan cả.

Theo kinh nghiệm của Susan, một trong những đặc điểm khu biệt của các bệnh nhân hôn mê là khả năng tiếp nhận sự giao tiếp thần giao cách cảm. Cô ấy tự tin rằng một khi đã đi vào trạng thái thiền định, cô ấy sẽ nhanh chóng kết nối được với tôi.

Sau này cô ấy kể lại với tôi: "Việc liên lạc với một bệnh nhân hôn mê có phần nào giống như ném một sợi dây thừng xuống một cái giếng sâu. Sợi dây phải xuống sâu bao nhiêu phụ thuộc vào độ sâu của tình trạng hôn mê của bệnh nhân. Khi tôi cố liên lạc với anh, điều đầu tiên khiến tôi ngạc nhiên là sợi dây đã xuống sâu đến mức nào. Càng đi sâu xuống dưới, tôi càng sợ hãi rằng anh đã đi quá xa, rằng nếu vậy, tôi sẽ không thể nào chạm tới anh được vì anh sẽ không trở lại".

Sau trọn năm phút đi xuống trong tâm thức bằng "sợi dây" thần giao cách cảm, cô ấy cảm nhận một chuyển động nhẹ, giống như một dây câu nằm sâu dưới mặt nước bị giật một cú nhẹ nhưng dứt khoát.

"Tôi chắc chắn đó là anh", sau này cô ấy kể với tôi, "và tôi kể lại từng chi tiết cho Holley. Tôi nói với cô ấy rằng thời điểm của anh chưa tới, và cơ thể của anh sẽ biết phải làm gì. Tôi khuyên Holley ghi nhớ và lặp đi lặp lại hai điều này cho anh nghe trong lúc ngồi bên giường anh."

17
N bằng 1

Vào hôm thứ Năm, các bác sĩ khẳng định rằng chủng *E, coli* của tôi không giống với chủng siêu-đề-kháng mà không hiểu sao đã xuất hiện ở Israel vào đúng thời điểm tôi đang ở đó. Nhưng điều này chỉ khiến cho trường hợp của tôi càng khó xác định hơn. Dù dĩ nhiên là việc tôi không mang trong mình một chủng vi khuẩn có khả năng xóa sổ một phần ba dân số của một quốc gia là một tin tốt lành, nhưng đối với khả năng bình phục của cá nhân tôi, việc này chỉ càng khẳng định thêm điều mà các bác sĩ đã nghi ngờ ngay từ đầu: rằng về cơ bản, trường hợp của tôi là chưa có tiền lệ.

Tình thế cũng nhanh chóng chuyển từ tuyệt vọng sang vô vọng. Các bác sĩ đơn giản là không có câu trả lời cho việc làm sao tôi lại rơi vào tình trạng này, hay làm thế nào để khiến tôi tỉnh lại. Họ chỉ biết chắc một điều: họ chưa từng biết một ai bị bệnh viêm màng não do vi khuẩn gây ra có thể phục hồi hoàn toàn sau khi đã hôn mê vài ngày. Và hôm đó đã là ngày thứ tư tôi hôn mê.

Tình trạng căng thẳng bắt đầu khiến mọi người kiệt quệ. Phyllis và Betsy đã quyết định từ hôm thứ Ba rằng không ai được phép nói về khả năng tử vong của tôi khi ở bên giường bệnh của tôi, vì họ nghĩ rằng một phần nào đó trong tôi vẫn có ý thức để nghe được những câu trao đổi đó. Sáng sớm hôm thứ Năm, Jean hỏi một y tá trong phòng ICU về cơ hội sống sót của tôi. Ở phía bên kia giường của tôi, Betsy nghe thấy liền nói: "*Làm ơn* đừng nói về chuyện đó trong phòng này".

Jean và tôi rất thân nhau. Chúng tôi là một phần của gia đình mình, cũng như hai cô em gái do chính cha mẹ chúng tôi sinh ra, nhưng việc hai chúng tôi "được cha mẹ lựa chọn", như cách cha mẹ vẫn nói, khiến giữa hai chúng tôi như có một sợi dây liên kết

đặc biệt. Chị ấy lúc nào cũng quan tâm đến tôi, và cảm giác bức bối vì bất lực, không làm gì được cho tôi trong tình trạng hiện tại khiến chị ấy gần như muốn nổ tung.

Jean rớm nước mắt. “Chị phải về nhà một lúc”, chị ấy nói.

Sau khi nhìn lại và thấy rằng đã có dư người thức trông bên giường tôi, tất cả đều đồng ý rằng các y tá có lẽ sẽ vui hơn khi số người trong phòng tôi có thể bớt đi được một người.

Jean đi về nhà của chúng tôi, gói ghém hành lý, rồi lái xe về nhà mình ở Delaware ngay chiều hôm đó. Khi rời đi như vậy, chị ấy là người đầu tiên thể hiện ra bên ngoài cái cảm xúc mà tất cả mọi người trong gia đình đều đang bắt đầu cảm thấy: sự bất lực. Hầu như không có việc gì khiến người ta bức bối hơn là nhìn thấy một người thân yêu của mình ở trong tình trạng hôn mê. Bạn muốn giúp, nhưng không thể. Bạn mong người đó mở mắt, nhưng mắt họ vẫn nhắm nghiền. Những người trong gia đình của bệnh nhân hôn mê thường phải dùng đến cách tự tay mở mắt bệnh nhân ra. Đó là một cách để thúc ép tình huống - ra lệnh cho bệnh nhân phải tỉnh dậy. Dĩ nhiên là chẳng có kết quả, mà còn có thể gây thêm tổn thương về tâm lý. Bệnh nhân hôn mê sâu mất khả năng điều phối mắt và con ngươi. Khi mở mí mắt của một bệnh nhân trong tình trạng ấy, bạn thường sẽ thấy hai mắt họ đang hướng về hai hướng khác nhau. Đó là một cảnh tượng gây lo sợ, và trong tuần đó, cảnh tượng này đã khoét sâu thêm nỗi đau của Holley sau vài lần cô ấy mở mí mắt của tôi ra và nhìn thấy thực chất là hai nhãn cầu xiên xẹo của một xác chết.

Sau khi Jean rời đi, mọi việc bắt đầu khó khăn hơn. Giờ thì Phyllis bắt đầu biểu hiện hành vi mà tôi đã vô số lần nhìn thấy ở những người nhà bệnh nhân khi tôi còn làm việc. Cô ấy bắt đầu bực tức với các bác sĩ của tôi.

“Tại sao họ không cho chúng ta thêm thông tin gì vậy?”, cô ấy tức giận hỏi Betsy. “Em thề, nếu Eben mà ở đây, anh ấy chắc chắn sẽ nói cho chúng ta biết chuyện gì đang xảy ra.”

Sự thật là các bác sĩ của tôi đang làm mọi điều có thể cho tôi. Dĩ nhiên là Phyllis biết điều đó. Nhưng nỗi đau và sự bất lực trong tình cảnh hiện tại đơn giản là đang làm cho những người thân yêu của tôi kiệt sức.

Vào thứ Ba, Holley gọi cho tiến sĩ Jay Loeffler, người trước đây đã cùng tôi phát triển chương trình xạ phẫu định vị lập thể (phương

pháp điều trị cho các bệnh lý não) tại Bệnh viện Brigham & Women ở Boston. Lúc đó, Jay đang là trưởng khoa xạ trị ung thư tại Bệnh viện Đa khoa Massachusetts, và Holley nghĩ rằng anh ấy là người có thể cho cô vài câu trả lời.

Khi Holley mô tả tình trạng của tôi, Jay nghĩ rằng cô ấy hẳn đã nhầm lẫn một vài chi tiết nào đó về bệnh tình của tôi. Theo những gì anh ấy biết thì những gì cô ấy diễn tả hầu như không thể nào xảy ra. Nhưng sau khi Holley cuối cùng cũng đã thuyết phục được Jay rằng tôi thật sự đang hôn mê và nguyên nhân là do bệnh viêm màng não gây ra bởi một chủng *E. coli* hiếm gặp mà không ai có thể giải thích được nó đến từ đâu, thì Jay bắt đầu gọi điện cho các chuyên gia về bệnh nhiễm khuẩn trên khắp cả nước. Không một ai trong số họ từng nghe nói về trường hợp như của tôi. Lục tìm trong y văn đến tận năm 1991, anh ấy cũng không tìm thấy bất kỳ một ca viêm màng não do khuẩn *E. coli* nào ở người lớn mà bệnh nhân trước đó chưa từng trải qua phẫu thuật não.

Từ hôm thứ Ba, Jay gọi điện thoại ít nhất mỗi ngày một lần để cập nhật tình hình của tôi từ Phyllis hay Holley và nói cho họ biết những nhận định của mình từ những kết quả mà anh ấy thấy ra được. Steve Tatter, một người bạn tốt khác của tôi và là một bác sĩ giải phẫu thần kinh, cũng hằng ngày gọi điện để cho lời khuyên và an ủi. Nhưng ngày qua ngày, điều duy nhất họ nhận ra là trường hợp của tôi là trường hợp đầu tiên trong lịch sử y khoa. Viêm màng não ngẫu nhiên do vi khuẩn *E. coli* hiếm gặp ở người lớn. Mỗi năm chỉ có dưới một phần mười triệu người trên thế giới mắc phải. Và, giống như tất cả mọi biến thể của vi khuẩn gram âm gây ra bệnh viêm màng não, con vi khuẩn này đặc biệt hung hăng. Hung hăng đến nỗi những người nhiễm bệnh bị suy giảm thần kinh sớm ngay từ đầu, như trường hợp của tôi, có khả năng tử vong đến hơn 90%. Và đó là tỷ lệ tử vong khi tôi mới được đưa vào phòng cấp cứu. Con số 90% ảm đạm đó tăng dần đến con số 100% khi tuần đó cứ thế trôi qua trong khi cơ thể tôi không phản ứng gì với các loại thuốc kháng sinh. Những người hiếm hoi sống sót khỏi tình trạng nghiêm trọng như của tôi thường phải được chăm sóc 24/7 trong suốt phần đời còn lại. Như vậy là tình trạng của tôi đã chính thức được xác định là "N bằng 1", một thuật ngữ dùng để chỉ những nghiên cứu y khoa mà trong đó, chỉ một bệnh nhân duy nhất đại diện cho toàn bộ nghiên cứu đó. Đơn giản là chẳng có ai khác để các bác sĩ có thể đưa vào để so sánh với trường hợp của tôi cả.

Bắt đầu từ thứ Tư, Holley đưa Bond đến thăm tôi mỗi chiều sau khi tan học. Nhưng đến thứ Sáu thì cô ấy bắt đầu tự hỏi liệu

những chuyến viếng thăm này có thể có hại nhiều hơn là có lợi chăng. Những hôm đầu tuần đó, thỉnh thoảng tôi có cử động. Người tôi vung loạn xạ. Một y tá xoa đầu tôi rồi cho tôi thêm thuốc an thần, rồi cuối cùng tôi cũng yên trở lại. Chứng kiến cảnh này khiến cho cậu con trai mười tuổi của tôi bối rối và đau lòng. Việc nhìn vào một cơ thể hầu như không còn trông giống cha mình chút nào nữa đã đủ tồi tệ rồi, lại còn phải nhìn thấy cái cơ thể ấy chuyển động một cách máy móc, đến nỗi không tài nào nhận ra nổi là của cha mình, càng làm cho mọi việc thêm khó khăn đối với nó. Ngày qua ngày, tôi càng ít giống hơn với người cha mà nó biết, và càng trở thành một thân thể khó nhận ra là ai trên giường bệnh: một người anh em sinh đôi xa lạ và hung ác của người cha mà nó từng biết.

Đến cuối tuần, những cử động loạn xạ kiểu này đã ngưng hẳn. Tôi không cần thêm thuốc an thần nữa, bởi khả năng cử động - ngay cả những cử động phản xạ vô thức gây ra bởi những vòng phản xạ sơ khai của phần dưới cuống não và tủy sống của tôi - đã suy giảm xuống gần như không còn gì.

Thêm nhiều bạn bè và người thân trong gia đình gọi điện hỏi xem họ có nên đến thăm không. Đến thứ Năm, mọi người đã quyết định rằng họ không nên đến. Đã có quá nhiều sự huyên náo trong phòng ICU của tôi rồi. Các y tá yêu cầu một cách dứt khoát rằng bộ não của tôi cần được nghỉ ngơi - càng yên lặng càng tốt.

Cũng có một sự khác đi thấy rõ trong âm sắc giọng nói của những người gọi đến. Những giọng nói chuyển dần từ hy vọng sang vô vọng. Thi thoảng, khi nhìn ra xung quanh, Holley cảm thấy như cô ấy đã mất tôi rồi.

Chiều thứ Năm, Michael Sullivan nghe có tiếng gõ cửa. Đó là thư ký của ông ấy ở Nhà thờ Giám nhiệm St. John.

“Có người gọi đến từ bệnh viện”, cô ấy nói. “Một trong những y tá đang chăm sóc cho Eben muốn nói chuyện với ông. Cô ấy nói là việc gấp.”

Michael nhấc máy.

“Michael”, cô y tá nói với ông, “ông cần phải đến ngay. Eben sắp đi rồi.”

Là mục sư, Michael đã từng gặp tình huống như thế này trước đây. Các mục sư chứng kiến cái chết và những dư chấn mà nó để lại cũng nhiều gần như các bác sĩ. Tuy vậy, Michael vẫn sốc khi nghe

từ “đi” mà cô y tá dùng để nói về tôi. Ông gọi điện cho vợ mình, bà Page, và dặn bà cầu nguyện: vừa cho tôi, vừa cho ông, có sức mạnh để đương đầu với tình huống này. Rồi ông lái xe trong cơn mưa giá lạnh kéo dài đến bệnh viện, cố gắng nhìn đường đi qua màn nước mắt.

Khi ông đến phòng tôi, cảnh tượng giống hệt như lần trước ông ghé thăm. Phyllis vẫn đang ngồi bên giường tôi, thức canh và cầm tay tôi - như thể cô ấy đã ngồi như thế mà không nghỉ ngơi phút nào suốt từ đêm thứ Hai, khi cô ấy đến đây. Lồng ngực của tôi nâng lên rồi hạ xuống mười hai lần một phút nhờ máy thở, và cô y tá trực ICU đang lặng lẽ làm việc của mình như thường lệ, đi qua đi lại giữa những cái máy đặt xung quanh giường tôi và ghi chép lại các thông số.

Một y tá khác bước vào, và Michael hỏi có phải cô ấy là người đã gọi điện cho thư ký của ông không.

“Không ạ”, cô ấy đáp. “Tôi đã ở đây suốt buổi sáng, và tình trạng của anh ấy không chuyển biến gì từ tối hôm qua. Tôi không biết ai đã gọi cho ông.”

Đến 11 giờ, Holley, mẹ tôi, Phyllis và Betsy đều đang ở trong phòng tôi. Michael đề nghị mọi người cùng cầu nguyện. Tất cả mọi người, kể cả hai cô y tá, nắm tay nhau đứng quanh giường tôi, và Michael một lần nữa cầu nguyện với tất cả lòng thành cho sức khỏe của tôi được hồi phục.

“Chúa ơi, xin ngài hãy mang Eben trở lại với chúng con. Con biết điều đó thuộc quyền năng của ngài.”

Vẫn không ai biết người nào đã gọi cho Michael. Nhưng dù đó là ai đi chăng nữa, thì cuộc gọi đó cũng là một việc tốt lành. Bởi những lời cầu nguyện hướng về tôi từ thế giới bên dưới này - thế giới nơi tôi đã bắt đầu cuộc hành trình của mình - cuối cùng đã bắt đầu đến được với tôi.

18

Nhớ và quên

Ý thức của tôi bây giờ đã rộng lớn hơn. Rộng lớn đến nỗi nó dường như chứa cả vũ trụ. Bạn đã bao giờ nghe một bài hát trên radio bị nhiễu sóng chưa? Bạn quen dần với âm thanh đó. Rồi ai đó điều chỉnh nút vặn và bạn nghe được cũng bài hát đó nhưng rõ hơn bao giờ hết. Làm sao bạn lại không nhận thấy được âm thanh trước đó khàn đục, không rõ tiếng, và hoàn toàn không đúng với nguyên bản như thế?

Tất nhiên, đó là cách mà tâm trí hoạt động. Con người sinh ra để thích nghi. Tôi đã giải thích với các bệnh nhân của mình nhiều lần rằng mọi cảm giác đau hay khó chịu rồi sẽ bớt đi, hay ít ra là họ sẽ cảm thấy bớt đi, khi mà cơ thể và bộ não của họ thích nghi với tình trạng mới. Nếu một điều gì đó diễn ra đủ lâu, bộ não của bạn sẽ học được cách phớt lờ nó đi, hoặc tìm cách thích nghi với nó, hay chỉ đơn giản xem nó là bình thường.

Nhưng nhận thức thế gian hữu hạn của chúng ta thì không thể vẫn bình thường, và minh họa đầu tiên mà tôi thấy được về điều này là khi đi vào sâu hơn, đến tận trung tâm của Cốt Lõi. Tôi vẫn không nhớ gì về quá khứ trên trái đất của mình nhưng dù vậy, tôi vẫn là tôi nguyên vẹn. Mặc dù tôi đã quên cuộc sống của mình ở đây nhưng khi ở ngoài kia, tôi vẫn nhớ mình thật sự là ai. Tôi là công dân của một vũ trụ luôn khiến ta ngỡ ngàng bởi sự bao la và phức tạp của nó và trong vũ trụ đó, tình yêu hoàn toàn thống trị.

Theo một cách gần như kỳ lạ, những khám phá của tôi bên ngoài thân thể này cũng chính là những bài học mà tôi vừa học được chỉ một năm trước đây khi tìm lại được sự kết nối với gia đình ruột thịt của mình. Suy cho cùng, không ai trong chúng ta là trẻ mồ côi. Tất cả chúng ta đều ở vào vị thế giống như của tôi, tức là chúng ta có *một gia đình khác*: là những sinh vật luôn luôn dõi

theo và quan tâm đến chúng ta - những sinh vật mà chúng ta chỉ tạm thời lãng quên nhưng nếu mở rộng lòng mình để đón nhận sự hiện diện của họ, chúng ta sẽ nhận ra họ luôn ở đó để giúp chúng ta định hướng hành trình của mình trong thời gian chúng ta ở đây, trên trái đất này. Không một ai trong chúng ta không được yêu thương. Mỗi một người trong chúng ta đều được Đấng Tạo Hóa hiểu biết và quan tâm một cách sâu sắc và tình yêu thương đó vượt trên những gì chúng ta có thể nhận thức được. Đã đến lúc không nên để điều này tiếp tục là một bí mật.

19
Chỉ còn cách đối mặt

Đến thứ Sáu, cơ thể tôi vẫn không phản ứng mặc dù đã được tiêm qua đường tĩnh mạch ba loại thuốc kháng sinh trong bốn ngày liên tiếp. Gia đình và bạn bè từ khắp nơi đến thăm, và những ai chưa đến cũng đã bắt đầu tổ chức những nhóm cầu nguyện cho tôi ở nhà thờ của họ. Chị vợ của tôi, Peggy, và bạn thân của Holley, Sylvia, đến vào chiều hôm ấy. Holley đón họ với vẻ tươi tỉnh hết mức có thể. Betsy và Phyllis tiếp tục kiên trì với quan điểm *anh-ấy-sẽ-ổn* - duy trì tinh thần lạc quan bằng mọi giá. Nhưng mỗi ngày trôi qua, việc tin vào điều đó càng khó hơn. Ngay cả Betsy cũng đã bắt đầu tự hỏi, liệu cái mệnh lệnh *không nói điều tiêu cực ở trong phòng* của mình thật ra phải chăng có nghĩa là *không nói về hiện thực ở trong phòng* không.

“Nếu đổi vai trò, chị có nghĩ là Eben sẽ làm như vậy cho chúng ta không?”, Phyllis hỏi Betsy vào sáng hôm đó, sau thêm một đêm dài gần như mất ngủ nữa.

“Ý em là gì?”, Betsy hỏi.

“Ý em là nếu là chúng ta, chị có nghĩ rằng anh ấy sẽ dành trọn thời gian ở đây với chúng ta, gần như cắm trại trong phòng ICU không?”

Betsy đã có một câu trả lời đơn giản và tuyệt vời nhất, dưới dạng một câu hỏi: “Em có hình dung được là mình có thể ở nơi nào khác ngoài ở đây không?”.

Cả hai đều đồng ý rằng nếu là họ thì tôi sẽ xuất hiện ngay khi cần, nhưng thật vô cùng khó để hình dung ra cảnh tôi có thể ngồi yên một chỗ hàng giờ liền. Sau này, Phyllis đã kể với tôi: “Mọi người chưa từng cảm thấy nó như một nghĩa vụ hay một việc gì đó

mình buộc phải làm - tất cả đều cảm thấy mình muốn có mặt ở đó thôi".

Điều khiến Sylvia bối rối nhiều nhất là chân và tay tôi bắt đầu co quắp, giống như những chiếc lá trên một cái cây bị thiếu nước. Điều này là bình thường đối với các bệnh nhân bị đột quỵ hay hôn mê, do các cơ chính ở tứ chi bắt đầu co lại. Nhưng việc nhìn thấy điều này không bao giờ là dễ dàng đối với gia đình và những người thân yêu của họ. Nhìn tôi, Sylvia cứ tự nhủ rằng hãy kiên định với linh cảm ban đầu của mình. Nhưng ngay cả với cô ấy, việc này cũng càng lúc càng khó hơn.

Holley đã bắt đầu tự trách mình càng lúc càng nhiều hơn (giá như cô đã đi lên lầu sớm hơn, giá như..., và giá như...) và mọi người cố gắng hết mức để giúp cô ấy tránh xa chủ đề này.

Cho đến lúc bấy giờ, mọi người đều biết rằng dù tôi có phục hồi đi chăng nữa thì từ "phục hồi" cũng không thể có được ý nghĩa tối đa của nó. Tôi sẽ cần ít nhất ba tháng cho sự phục hồi chức năng chuyên sâu, sẽ gặp vấn đề kinh niên về phát âm (nếu não tôi còn đủ khả năng để tôi có thể nói được chút gì), và tôi sẽ cần phải có một y tá chăm sóc thường trực trong suốt phần đời còn lại của mình. Đây là viễn cảnh khả quan nhất, và dù nghe có vẻ ảm đạm và đáng buồn, nó vẫn chỉ là một viễn cảnh trong mơ. Cơ may để tôi thậm chí có thể đạt được viễn cảnh đáng buồn đó cũng đang dần trở thành không.

Mọi người đã tránh để Bond không nghe đầy đủ chi tiết về tình trạng của tôi. Nhưng vào hôm thứ Sáu, sau khi tan học và đến bệnh viện, thằng bé tình cờ nghe một trong các bác sĩ của tôi đang tóm lược lại cho Holley những điều mà cô ấy đã biết.

Đã đến lúc phải đối diện sự thật, rằng hầu như chẳng còn hy vọng.

Tối hôm đó, khi đến giờ phải về nhà, Bond không chịu rời phòng tôi. Theo quy định thông thường, chỉ hai người được phép ở trong phòng cùng một lúc để các bác sĩ và y tá có thể làm việc. Vào khoảng sáu giờ, Holley nhẹ nhàng nhắc nhở Bond là đã muộn và đến giờ phải về nhà. Nhưng Bond không chịu đứng lên. Thằng bé cứ ngồi thừ ở chiếc ghế mà ngay trên bức tường phía sau là bức vẽ trận chiến giữa đội quân tế bào bạch cầu và quân xâm lược *E. coli*.

"Dù sao thì cha cũng đâu có biết là con đang ở đây", Bond nói, giọng nửa cay đắng nửa khẩn nài. "Sao con lại không ở lại được chứ?"

Vậy là trong suốt thời gian còn lại của buổi tối, lần lượt từng người một vào thăm để Bond có thể vẫn ở nguyên đó.

Nhưng đến sáng hôm sau, tức thứ Bảy, Bond đổi ý. Lần đầu tiên trong cả tuần đó, khi Holley vừa ló đầu vào phòng Bond để gọi thằng bé dậy, Bond nói với cô ấy rằng nó không muốn đi đến bệnh viện.

“Sao vậy con?”, Holley hỏi.

“Vì con sợ”, thằng bé trả lời.

Lời thừa nhận đó, Bond đã nói thay cho mọi người.

Holley quay xuống bếp và ở đó trong vài phút. Rồi cô ấy thử lại một lần nữa, hỏi thằng bé rằng nó có chắc là mình không muốn đi gặp cha không.

Thằng bé im lặng một lúc lâu, nhìn chằm chằm vào cô ấy.

“Thôi được”, cuối cùng nó cũng đồng ý.

Thứ Bảy trôi qua, mọi người vẫn tiếp tục túc trực bên giường tôi. Tất cả giống như một nỗ lực nửa vời để tiếp tục nuôi hy vọng. Sức lực của mọi người đã cạn hơn so với ngày trước đó.

Vào đêm thứ Bảy, sau khi đưa mẹ tôi, Betty, về lại phòng khách sạn, Phyllis ghé qua nhà tôi. Nhà tối om, không ô cửa sổ nào có ánh sáng đèn, và thật khó để bước trúng những phiến đá lát trong khi cô ấy lội qua khoảng sân bùn lầy ướt nhẹp. Cho tới lúc đó, trời đã mưa liên tục trong năm ngày, kể từ buổi chiều tôi được đưa vào phòng ICU. Mưa không ngớt như thế này là điều rất bất thường đối với vùng cao nguyên Virginia, nơi mà vào tháng Mười Một, thời tiết thường hanh khô, trời trong và có nắng, như hôm Chủ nhật tuần trước, ngay trước ngày tôi bị hôn mê. Giờ thì ngày hôm đó dường như đã xa lắm rồi, và có cảm giác như thể bầu trời luôn mưa xối xả như thế này. Liệu cơn mưa này có ngừng không?

Phyllis mở khóa cửa và bật sáng các đèn trong nhà. Kể từ đầu tuần, mọi người cứ ghé qua đưa đồ ăn, và dù thức ăn vẫn tiếp tục được đưa tới, bầu không khí nửa hy vọng nửa lo âu khi mọi người cùng xúm lại, chung tay đương đầu với một tình trạng khẩn cấp tạm thời giờ đã trở nên u tối và tuyệt vọng hơn. Cũng như gia đình tôi, những người bạn của chúng tôi cũng bắt đầu biết rằng khoảng thời gian mà mọi người còn một chút hy vọng dành cho tôi đang gần kết thúc.

Trong một khoảnh khắc, Phyllis nghĩ tới việc đốt lò sưởi lên, nhưng theo ngay sau ý nghĩ đó là một ý nghĩ khác, khó chịu hơn. *Để làm gì chứ?* Đột nhiên cô ấy cảm thấy kiệt quệ và nản lòng hơn bao giờ hết. Cô ấy nằm xuống chiếc ghế dài trong phòng làm việc được lát sàn gỗ và chìm vào một giấc ngủ thật sâu.

Nửa tiếng sau, Sylvia và Peggy về đến, nhón chân thật khẽ đi ngang qua phòng làm việc và thấy Phyllis đang nằm ngủ như chết ở đó. Sylvia đi xuống tầng hầm và phát hiện ai đó đã để cửa tủ đông mở. Nước đọng thành vũng trên sàn, và thức ăn bắt đầu rã đông, trong đó có mấy miếng bít-tết có vẻ ngon.

Khi Sylvia báo với Peggy về chuyện nước rỉ ra ở tầng hầm, cả hai quyết định tận dụng cơ hội này. Họ gọi điện cho những người còn lại trong gia đình và một vài người bạn rồi bắt tay vào việc. Peggy ra ngoài, mang về thêm một vài món phụ nữa, rồi họ nhanh chóng bày ra một bữa tiệc ngẫu hứng. Chỉ một lát sau, Betsy cùng con gái Kate và chồng mình, Robbie, đến cùng tham gia với họ, và có cả Bond nữa. Mọi người chuyện trò với tâm trạng lo âu, cứ vòng vo quanh một chủ đề mà mọi người đều nghĩ tới: rằng tôi - vị khách danh dự vắng mặt - rất có thể sẽ không bao giờ quay lại căn nhà này nữa.

Holley đã trở lại bệnh viện để tiếp tục túc trực bên tôi, một việc mà không biết khi nào mới chấm dứt. Cô ấy ngồi bên giường tôi, cầm tay tôi, và liên tục lẩm nhẩm những câu niệm chú mà Susan Reintjes đã chỉ dẫn, cố tập trung vào ý nghĩa của những câu đó và đặt niềm tin vào đó bằng tất cả lòng thành.

“Hãy đón nhận những lời nguyện cầu.”

“Anh đã chữa lành cho những người khác. Bây giờ là lúc anh được chữa lành.”

“Rất nhiều người yêu thương anh.”

“Cơ thể anh biết phải làm gì. Anh chưa tới lúc phải chết.”

20
Cánh cổng đang đóng

Mỗi khi tôi thấy mình bị kẹt trong sự thô ráp của Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất, tôi lại có thể nhớ lại Giai Điệu Xoay Vòng rạng rỡ, đưa tôi đi qua Lối Vào và vào Cốt Lõi. Tôi đã nán lại thêm nhiều khoảng thời gian - mà như nghịch lý, có cảm giác rằng thời gian không tồn tại - để ở bên thiên thần hộ mệnh của mình trên cánh bướm và một khoảng thời gian dường như vô tận để học những bài học từ Đấng Tạo Hóa và Quả Cầu Ánh Sáng ở tận sâu bên trong Cốt Lõi.

Có một lúc, tôi ra đến rìa Lối Vào và nhận ra mình không thể vào lại bên trong. Giai Điệu Xoay Vòng, cho đến lúc ấy vẫn là chiếc vé cho phép tôi vào được những tầng cao hơn, giờ đã không còn hữu hiệu. Cánh cổng Thiên đường đã khép.

Một lần nữa, việc miêu tả trải nghiệm này lại trở nên đầy thách thức, bởi sự hạn hẹp của ngôn ngữ tuyến tính trên trái đất mà chúng ta buộc phải dùng để biểu đạt mọi thứ, giống như tất cả phải đi qua một nút cổ chai, và việc chúng ta "cào bằng" mọi trải nghiệm bằng những khái niệm chung khi chúng ta ở trong thân xác. Hãy nghĩ đến mỗi lần bạn trải qua nỗi thất vọng. Có một phạm trù ý nghĩa mà trong đó mọi nỗi mất mát chúng ta trải qua trên trái đất này thật ra chỉ là những dạng thức khác nhau của một sự mất mát quan trọng nhất theo nghĩa tuyệt đối: sự mất đi Thiên đường. Vào cái ngày mà cánh cổng Thiên đường khép lại với tôi, tôi cảm thấy một nỗi buồn không giống bất kỳ nỗi buồn nào mà tôi đã biết trước đây. Ở trên này, cảm xúc không giống như ở trái đất. Mọi cảm xúc của con người vẫn tồn tại, nhưng ở một chiều sâu hơn, một phạm vi rộng lớn hơn - không chỉ ở bên trong mà còn ở bên ngoài nữa. Hãy tưởng tượng rằng mỗi khi tâm trạng của bạn thay đổi ở đây, trên trái đất này, thì thời tiết cũng lập tức thay đổi theo; rằng những giọt nước mắt của bạn có thể tạo thành

một cơn mưa xối xả và những niềm vui của bạn có thể ngay lập tức xua tan những đám mây. Điều này có thể giúp bạn phần nào hình dung được rằng những thay đổi của tâm trạng ở thế giới trên kia rộng lớn hơn và gây ảnh hưởng nhiều hơn đến thế nào, và giúp bạn nhận ra rằng, một cách kỳ lạ và mạnh mẽ, cái mà chúng ta nghĩ là "bên trong" và "bên ngoài" thật ra không hề tồn tại.

Cứ như vậy, trong niềm đau khổ, tôi chìm vào một thế giới càng lúc càng buồn thảm, một thế giới u ám đồng thời cũng đang thật sự chìm xuống như tâm trạng của tôi.

Tôi di chuyển xuống dưới, xuyên qua những bức tường mây mênh mông. Xung quanh tôi là những tiếng rầm rì mà tôi không tài nào hiểu được. Rồi tôi nhận thấy có vô số sinh vật ở xung quanh mình, đang quỳ gối thành những vòng cung trải dần ra xa. Bây giờ nhìn lại, tôi mới nhận ra những sinh vật đó đang làm gì - những sinh vật mà tôi nửa nhìn thấy, nửa cảm nhận được, xếp theo thứ bậc và thành những vòng cung trải rộng ra lên trên và xuống dưới vào trong bóng tối.

Những sinh vật đó đang cầu nguyện cho tôi.

Sau này tôi nhớ ra được hai gương mặt trong số đó là Michael Sullivan và vợ của ông, bà Page. Tôi nhớ là mình chỉ nhìn thấy khuôn mặt nhìn nghiêng của họ thôi, nhưng tôi nhận ra được họ một cách rõ ràng sau khi tôi đã trở về và ngôn ngữ trở lại với tôi. Michael đã rất nhiều lần đến tận phòng ICU để dẫn dắt những buổi cầu nguyện cho tôi, nhưng bà Page thì chưa bao giờ đến đó (dù bà ấy cũng đã cầu nguyện cho tôi).

Những lời cầu nguyện này đã tiếp cho tôi năng lượng. Đó có lẽ là nguyên do tại sao mặc dù buồn đến thế, tôi vẫn có một cảm giác tự tin kỳ lạ rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn. Những sinh vật này biết rằng tôi đang trải qua một sự chuyển tiếp, và *họ* hát lên và cầu nguyện để giúp tôi giữ vững tinh thần. Tôi đang di chuyển hướng về một thế giới xa lạ nhưng cho đến thời điểm đó, tôi có một niềm tin và một đức tin hoàn toàn rằng mình sẽ được chăm sóc, như người bạn đồng hành của tôi trên cánh bướm và Đấng Tối Cao đầy tình thương yêu vô hạn đã hứa - rằng ở bất cứ nơi nào tôi đến, Thiên đường sẽ theo chân tôi. Thiên đường có thể đến trong hình dạng của Đấng Sáng Tạo, Om, hay trong hình dáng một thiên thần - thiên thần của tôi - Cô Gái Trên Cánh Bướm.

Tôi đang trên đường trở về, nhưng tôi không đơn độc - và tôi biết rằng tôi sẽ không bao giờ lại cảm thấy đơn độc nữa.

21
Cầu vồng

Sau này, khi nghĩ về một tuần đáng nhớ đó, Phyllis nói rằng có một thứ mà cô ấy nhớ nhất, nhớ hơn tất cả mọi thứ khác, đó là mưa. Trận mưa tầm tã, lạnh giá, trút xuống từ những đám mây thấp như chẳng bao giờ nhẹ đi và chẳng bao giờ để cho ánh mặt trời lọt qua. Nhưng rồi, sáng Chủ nhật hôm đó, khi cô ấy lái xe vào trong bãi đỗ xe của bệnh viện, một điều kỳ lạ đã xảy ra. Phyllis đọc một tin nhắn vừa được gửi đến từ một người trong các nhóm cầu nguyện ở Boston, nói rằng: "Hãy chờ đợi một phép màu". Vừa nghĩ ngợi rằng liệu mình nên trông chờ ở phép màu nhiều đến mức nào đây, cô ấy vừa đỡ mẹ chúng tôi xuống xe, rồi cả hai cùng thốt lên rằng trận mưa cuối cùng cũng đã dứt. Ở phía đông, mặt trời đang chiếu những tia nắng qua một khe hở giữa đám mây phủ, làm bừng sáng những rặng núi già cỗi tuyệt đẹp ở phía tây và cả đám mây ở bên trên, và phủ lên những đám mây xám những ánh vàng.

Và rồi, nhìn về hướng những mỏm núi ở xa xa, đối diện với mặt trời giữa tháng Mười Một đang bắt đầu dâng lên cao, nó xuất hiện.

Một cầu vồng hoàn hảo.

Sylvia lái xe đến bệnh viện cùng với Holley và Bond để gặp bác sĩ chính của tôi, tiến sĩ Scott Wade, theo lịch hẹn. Tiến sĩ Wade vừa là một người bạn, vừa là hàng xóm, và là người một tuần nay đang đấu tranh với quyết định khó khăn nhất mà các bác sĩ phải đối mặt khi đương đầu với những căn bệnh nguy hiểm đến tính mạng. Càng hôn mê lâu, tôi càng có khả năng phải trải qua suốt phần đời còn lại của mình trong "trạng thái thực vật kéo dài" hay đời sống thực vật. Mặc dù có khả năng rất cao là tôi sẽ phải chịu thua căn bệnh viêm màng não này nếu họ đơn giản là cho ngừng các loại thuốc kháng sinh, nhưng việc ngừng sử dụng kháng sinh

có lẽ vẫn hợp lý hơn cả, còn hơn là tiếp tục điều trị trong hoàn cảnh gần như chắc chắn là tôi sẽ hôn mê cả đời. Xét trên thực tế rằng căn bệnh viêm màng não của tôi chẳng đáp ứng chút nào với việc điều trị, họ đang đối mặt với rủi ro rằng dù cho cuối cùng họ có thể loại trừ được căn bệnh này của tôi đi chăng nữa, thì tôi cũng sẽ chỉ có thể sống được một vài tháng, hay một vài năm, trong một cơ thể đã từng một thời đầy sức sống mà giờ đây bất động, với chất lượng cuộc sống là bằng không.

"Xin mời ngồi", tiến sĩ Wade nói với Sylvia và Holley bằng giọng trìu mến, nhưng vẻ buồn bã rõ rệt.

"Tiến sĩ Brennan và tôi đều đã hội chẩn qua điện thoại với các chuyên gia ở Đại học Duke, Đại học Virginia, Trường Y khoa Bowman Gray, và tôi buộc phải nói với chị rằng tất cả mọi người đều đồng ý rằng mọi chuyện không thật khả quan. Nếu Eben không có dấu hiệu cải thiện nào đáng kể trong vòng mười hai giờ đồng hồ tới, có lẽ chúng tôi sẽ phải đề nghị thảo luận về việc ngừng các loại thuốc kháng sinh. Một tuần hôn mê với căn bệnh viêm màng não nghiêm trọng do vi khuẩn gây ra đã là quá giới hạn khả dĩ của bất kỳ khả năng hồi phục nào. Trong hoàn cảnh này, có lẽ tốt hơn hết là chúng ta nên để mọi thứ diễn ra một cách tự nhiên."

"Nhưng mà, hôm qua tôi nhìn thấy mí mắt của anh ấy động đậy", Holley phản đối. "Thật mà, rõ ràng là mí mắt anh ấy có cử động. Gần như là anh ấy đang cố mở mắt ra. Tôi tin chắc vào những gì mình nhìn thấy."

"Tôi không nghi ngờ điều chị vừa nói", tiến sĩ Wade nói. "Lượng tế bào bạch cầu của anh ấy cũng đã giảm xuống. Đó là những dấu hiệu tốt, và tôi không bao giờ muốn bỏ qua một dấu hiệu tốt nào. Nhưng chị cần xem xét tình hình trong một bối cảnh tổng thể. Chúng tôi đã cắt giảm một lượng đáng kể thuốc giảm đau cho Eben, và cho đến thời điểm này thì lẽ ra kết quả kiểm tra chức năng thần kinh của anh ấy phải cho thấy nhiều hoạt động thần kinh hơn là hiện tại. Phần não dưới của anh ấy đang phần nào hoạt động, nhưng điều chúng ta cần là những hoạt động chức năng của não phải ở mức độ cao hơn, và điều này thì chúng ta không hề thấy. Ở hầu hết những bệnh nhân hôn mê sau một thời gian, chúng ta sẽ thấy một sự tiến triển nhất định về độ tỉnh táo biểu hiện ra bên ngoài. Cơ thể của họ có những biểu hiện khiến chúng ta thấy như họ sắp tỉnh lại. Nhưng không phải thế. Chỉ đơn giản là phần cuống não đang đi vào trong một trạng thái được gọi là *hôn mê thao thức*, một kiểu trạng thái chờ đợi có thể kéo dài

hàng tháng, hoặc có khi hàng năm. Rất có khả năng đó chính là lý do tại sao mí mắt của anh ấy động đậy. Và tôi đành phải nói với chị một lần nữa rằng bảy ngày hôn mê là một khoảng thời gian quá dài đối với bệnh nhân bị viêm màng não do vi khuẩn."

Tiến sĩ Wade đang dùng rất nhiều từ ngữ với nỗ lực làm giảm nhẹ cú sốc mà thông báo này mang lại, vì tình huống này lẽ ra chỉ cần một câu duy nhất để diễn đạt.

Đã đến lúc phải để cho cơ thể tôi được chết.

22

Sáu gương mặt

Tôi càng xuống phía dưới, càng nhiều gương mặt nổi lên từ vũng bùn, hệt như mỗi khi tôi di chuyển xuống vào Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất. Nhưng có điều gì đó khác lạ ở những gương mặt tôi nhìn thấy lần này. Đó là những mặt người chứ không phải của thú vật.

Và rõ ràng là *họ* đang nói điều gì đó.

Tôi không hiểu được những gương mặt đó nói gì. Cảnh này hơi giống như trong truyện tranh của Charlie Brown thời xưa - khi những nhân vật người lớn nói chuyện thì bạn chỉ nghe thấy toàn những âm thanh bí ẩn. Sau này, khi nhìn lại thời điểm đó, tôi nhận ra rằng thật ra trong những gương mặt mà tôi đã thấy đó, tôi có thể nhận diện được sáu người. Trong đó có Sylvia, vợ tôi Holley và chị của cô ấy, Peggy. Có cả Scott Wade, và Susan Reintjes. Trong số những gương mặt này, người duy nhất không thật sự có mặt bằng thân thể vật lý bên cạnh giường của tôi trong những giờ phút cuối cùng đó là Susan. Nhưng theo cách riêng của mình, cô ấy cũng dĩ nhiên là đã ở bên giường tôi, bởi vì đêm hôm đó, cũng như đêm hôm trước nữa, cô ấy đã ngồi tại nhà mình ở Chapel Hill và có mặt ở bên tôi bằng ý nguyện của mình.

Về sau, khi biết được điều này, tôi thấy thật khó hiểu khi mẹ Betty và các chị em của tôi, những người đã ở đó suốt cả tuần, nắm tay tôi đầy yêu thương hàng giờ liền, lại không xuất hiện trong dãy gương mặt mà tôi đã thấy. Mẹ tôi bị một vết rạn ở xương bàn chân, phải dùng gậy để đi lại, nhưng bà không khi nào chịu vắng mặt khi đến phiên trực của mình ở bên cạnh tôi. Phyllis, Betsy và Jean, tất cả đều thay phiên túc trực ở bên tôi. Sau đó, tôi biết được rằng họ đã không có mặt vào đêm cuối cùng đó. Những gương mặt mà tôi nhớ được là những người đã ở đó bằng cơ thể vật lý vào buổi

sáng ngày thứ bảy từ khi tôi hôn mê, hoặc đêm trước đó.

Tuy vậy, như tôi đã nói ở trên, ngay vào lúc tôi đang đi xuống đó, tôi không nhớ được một cái tên hay danh tính nào gắn với những gương mặt ấy. Tôi chỉ biết, hay cảm nhận được, rằng theo một cách nào đó, họ là những người quan trọng với tôi.

Có một gương mặt thu hút tôi với một sức mạnh đặc biệt. Nó bắt đầu kéo mạnh tôi. Một cú giật mạnh đến nỗi có thể dội vang cả cái giếng mà tôi đang đi xuống, một cái giếng khổng lồ chứa đầy mây và những sinh vật thiên thần đang cầu nguyện mà tôi đang đi xuyên qua. Tôi chợt nhận ra rằng những sinh vật ở Lối Vào và Cốt Lõi - mà tôi hằng biết, hằng yêu thương, một tình yêu dường như vĩnh cửu - không phải là những sinh vật duy nhất mà tôi biết. Tôi cũng biết, và yêu thương, cả những sinh vật ở bên dưới tôi nữa - ở cõi giới mà tôi đang lao nhanh xuống đến. Những sinh vật mà cho đến thời điểm đó, tôi đã hoàn toàn lãng quên.

Nhận thức này của tôi chỉ tập trung vào sáu gương mặt, đặc biệt là gương mặt thứ sáu. Gương mặt đó trông quen lắm. Tôi nhận ra với một cảm giác sốc mà thật ra là sợ hãi tột bậc, rằng dù đó là ai đi chăng nữa thì gương mặt đó là của một người cần đến tôi. Người mà sẽ không thể nào gượng dậy được nếu tôi bỏ đi. Nếu tôi bỏ rơi người đó thì sự mất mát sẽ là không chịu nổi - tựa như cảm giác dấy lên trong tôi khi cánh cổng Thiên đường đóng lại. Đó là một sự phản bội mà tôi không thể nào tránh được.

Cho đến thời điểm đó, tôi đã được tự do. Tôi đã du ngoạn qua các thế giới theo cách hữu hiệu nhất mà các nhà thám hiểm thực hiện những chuyến đi khám phá của mình: chẳng thật sự bận tâm rằng số phận sẽ dẫn dắt mình đến đâu. Kết quả rốt cuộc không thành vấn đề, bởi thậm chí cả khi tôi đang ở trong Cốt Lõi, tôi vẫn không có một chút lo âu hay mặc cảm tội lỗi nào về việc khiến cho ai đó thất vọng. Dĩ nhiên, đó là một trong những điều đầu tiên mà tôi học được khi tôi ở cạnh Cô Gái Trên Cánh Bướm. Cô ấy nói với tôi: "Anh không thể làm điều gì sai".

Nhưng giờ đây mọi việc đã khác. Khác nhiều đến nỗi, lần đầu tiên trong suốt chuyến du hành của mình, tôi cảm thấy thật sự sợ hãi. Không phải là sợ hãi cho chính mình, mà cho những gương mặt kia - nhất là gương mặt thứ sáu. Một gương mặt mà tôi vẫn không xác định được là ai, nhưng tôi biết rằng nó là của một người vô cùng quan trọng đối với tôi.

Gương mặt này càng lúc càng hiện ra chi tiết hơn, cho đến khi

cuối cùng tôi nhận ra mình đã biết gương mặt ấy - một cậu bé - đang tha thiết khẩn nài tôi quay lại: rằng tôi chấp nhận những rủi ro tồi tệ nhất, đi xuống thế giới bên dưới để trở về bên cậu ấy. Tôi vẫn không hiểu những lời nói của cậu ấy, nhưng bằng cách nào đó những lời nói này được truyền đạt tới tôi rằng một phần của tôi vẫn còn ở thế giới bên dưới này, rằng như người ta vẫn thường nói, tôi "có chân trong trò chơi".

Quan trọng là tôi đã trở lại. Tôi có những mối dây ràng buộc ở nơi đây - những mối ràng buộc mà tôi phải rất trân trọng. Gương mặt trên càng hiện rõ, tôi càng nhận thức rõ điều này hơn. Và tôi cũng càng lúc càng nhận ra gương mặt ấy là của ai.

Gương mặt của một cậu bé.

23

Đêm cuối cùng, sáng đầu tiên

Trước khi đi vào gặp tiến sĩ Wade, Holley bảo Bond đợi ở bên ngoài vì cô ấy không muốn thằng bé phải nghe điều mà mình đang lo sợ rằng sẽ là tin rất xấu. Nhưng vì đã cảm thấy được điều này nên Bond nán lại ở ngoài cửa và nghe được vài lời của tiến sĩ Wade. Những điều nghe thấy đủ để thằng bé hiểu được tình hình thực tế. Để hiểu được rằng thật ra cha nó sẽ không quay trở lại. Không bao giờ.

Bond chạy bổ vào phòng ICU và leo lên giường tôi. Vừa nức nở, thằng bé vừa hôn lên trán tôi vừa xoa hai vai tôi. Rồi nó kéo hai mí mắt của tôi lên, nhìn thẳng vào đôi mắt vô định, trống rỗng của tôi và nói: "Cha sẽ ổn thôi, cha à. Cha sẽ ổn thôi". Thằng bé lặp đi lặp lại những lời đó, nhiều lần. Theo cách riêng của một đứa trẻ, nó tin rằng nếu nó lặp lại những lời đó đủ nhiều, thì chắc chắn điều nó mong ước sẽ trở thành hiện thực.

Trong khi đó, trong một căn phòng ở cuối hành lang, Holley đang nhìn chằm chằm vào khoảng không, cố gắng hết sức để hiểu những lời tiến sĩ Wade muốn nói.

Cuối cùng, cô ấy nói: "Tôi nghĩ điều này có nghĩa là tôi nên gọi điện thoại cho Eben đang ở trường và gọi thằng bé về".

Tiến sĩ Wade trả lời ngay câu hỏi này, không cần suy nghĩ: "Vâng, tôi nghĩ đó là việc nên làm".

Holley bước tới khung cửa kính lớn của phòng hội thảo, nhìn ra những ngọn núi vùng Virginia vẫn còn ướt đẫm sau cơn bão nhưng đang bừng sáng trở lại. Rồi cô rút điện thoại di động ra và bấm số của Eben.

Ngay khi ấy, Sylvia chồm đứng lên khỏi ghế.

“Khoan đã, Holley, đợi mình một phút”, Sylvia nói. “Mình vào trong đó xem một lần nữa.”

Sylvia đi vào phòng ICU và đứng ở cạnh giường tôi, kế bên Bond, khi thằng bé đang ngồi yên lặng, xoa bàn tay tôi. Sylvia đặt tay mình lên cánh tay tôi và vỗ nhè nhẹ. Như mọi khi trong cả tuần đó, đầu tôi hơi nghiêng sang một bên. Trong cả tuần, mọi người chỉ nhìn mặt tôi, thay vì *nhìn vào* cả khuôn mặt. Lần duy nhất mắt tôi mở ra là khi các bác sĩ kiểm tra độ giãn của đồng tử khi có ánh sáng chiếu vào (là một trong những cách đơn giản mà hiệu quả nhất để kiểm tra chức năng cuống não), hay khi Holley hoặc Bond không nghe lời dặn dò liên tục của các bác sĩ mà cứ khăng khăng muốn mở mắt tôi ra, để rồi lại chỉ bắt gặp hai tròng mắt trừng trừng, bất động như đã chết, xiên lệch y như mắt của một con búp bê bị hỏng.

Nhưng lúc này, khi Sylvia và Bond đang nhìn chằm chằm vào gương mặt vô hồn của tôi, cương quyết không chấp nhận sự thật vừa nghe từ các bác sĩ, thì một điều kỳ lạ xảy đến.

Đôi mắt tôi mở ra.

Sylvia hét lên. Sau này cô ấy nói với tôi rằng cú sốc lớn nhất tiếp theo, gần bằng khi tôi mở mắt ra, là việc mà tôi lập tức bắt đầu đảo mắt nhìn xung quanh. Lên, xuống, ngay đây, đằng kia... Biểu hiện của tôi khiến cô ấy liên tưởng tới một đứa trẻ sơ sinh - một đứa trẻ vừa mới chào đời, đưa mắt nhìn thế giới xung quanh mình, cố lĩnh hội mọi thứ lần đầu tiên, chứ không phải một người lớn vừa tỉnh dậy sau bảy ngày hôn mê.

Theo một cách nào đó thì cảm nhận của cô ấy đúng.

Khi bình tâm lại, Sylvia nhận ra rằng có gì đó đang làm tôi khó chịu. Cô ấy chạy ra khỏi phòng, tới chỗ Holley lúc đó vẫn đang đứng nhìn ra ô cửa sổ kính và nói chuyện với Eben IV.

“Holley... Holley!”, Sylvia la lên. “Anh ấy tỉnh lại rồi. Tỉnh rồi! Nói với Eben rằng cha nó đang tỉnh lại.”

Holley nhìn chằm chằm vào Sylvia. “Eben”, cô nói vào điện thoại, “mẹ sẽ gọi lại cho con sau. Cha con... cha con đang... sống lại.”

Holley đi nhanh vài bước, rồi chạy thẳng vào phòng ICU, theo ngay sau cô là tiến sĩ Wade. Hiển nhiên là lúc đó tôi đang vùng

vẫy trên giường. Không phải là theo một cách máy móc, vì tôi đang tỉnh, và rõ ràng là có cái gì đó đang gây phiền toái cho tôi. Tiến sĩ Wade ngay lập tức hiểu ra nó là gì: cái ống thở vẫn còn ở trong họng tôi. Cái ống mà giờ tôi không còn cần đến nữa, vì bây giờ trí não của tôi, cùng với toàn bộ phần cơ thể còn lại của tôi, đã sống lại. Tiến sĩ Wade nhoài người tới, cắt miếng băng dán cố định cái ống, rồi cẩn thận rút nó ra.

Cổ họng tôi hơi bị nghẹt một chút, rồi lần đầu tiên sau bảy ngày, tôi hớp vào một hơi không khí cho đầy lá phổi mà không cần đến một sự trợ giúp nào, và tôi cũng nói những tiếng đầu tiên sau suốt một tuần đó:

"Cảm ơn."

Phyllis vừa ra khỏi thang máy và vẫn đang nghĩ về cảnh cầu vồng mà cô ấy đã nhìn thấy mới đây. Cô ấy đang đẩy chiếc xe đẩy mà mẹ chúng tôi đang ngồi. Họ đi vào phòng, và Phyllis gần như ngã ra sau vì không tin nổi vào mắt mình. Tôi ngồi trên giường, nhìn mọi người đang chằm chằm nhìn vào tôi. Betsy thì đang nhảy cẫng lên. Cô ấy ôm chầm lấy Phyllis. Cả hai cùng giàn giụa nước mắt. Phyllis đi lại gần và nhìn sâu vào mắt tôi.

Tôi nhìn lại cô ấy, rồi nhìn quanh từng người còn lại.

Khi gia đình yêu thương của tôi và các hộ lý đứng vây quanh giường tôi và vẫn còn chết lặng bởi sự chuyển biến không thể lý giải này, tôi nở một nụ cười thật tươi và tĩnh tại.

"Mọi sự đều ổn", tôi nói, và gương mặt tôi cũng bừng sáng thông điệp phúc lành này chẳng kém lời nói của mình. Tôi nhìn vào từng người một, nhìn thật sâu, cảm nhận sự diệu kỳ thiêng liêng của chính sự hiện hữu này.

"Đừng lo… mọi sự đều ổn", tôi nhắc lại, để trấn an bất kỳ ai đang còn chút hoài nghi. Sau này, Phyllis nói với tôi rằng lúc ấy, tôi cứ như thể đang truyền đạt một thông điệp tối quan trọng nào đó từ thế giới ở bên trên vậy, rằng thế giới này đang vận hành một cách đúng đắn, rằng chúng ta không việc gì phải sợ hãi. Phyllis nói cô ấy vẫn thường hồi tưởng giây phút đáng nhớ này mỗi khi cô ấy bận tâm vì một mối lo đời thường nào đó - để tìm thấy niềm an ủi khi biết rằng chúng ta không bao giờ đơn độc.

Khi tôi quan sát mọi người đang ở quanh mình, tôi dường như đã trở về với cuộc sống trần thế của mình.

“Mọi người đang làm gì ở đây vậy?”, tôi hỏi.

“Còn *anh* đang làm gì ở đây vậy?”, Phyllis đáp.

24
Trở lại

Theo mường tượng của Bond, người cha trước đây của nó khi tỉnh dậy sẽ nhìn xung quanh một lượt, rồi chỉ cần một chút thời gian để cập nhật về những gì đã xảy ra là sẽ lại có thể trở lại với vai trò người cha mà nó từng biết.

Nhưng rồi thằng bé đã nhanh chóng phát hiện ra rằng mọi việc chẳng dễ dàng đến thế. Tiến sĩ Wade đã cảnh báo trước với Bond hai điều: Thứ nhất là, thằng bé không nên kỳ vọng vào trí nhớ của tôi trong bất kỳ điều gì tôi nói sau khi tỉnh lại. Anh ấy giải thích rằng quá trình ghi nhớ đòi hỏi rất nhiều ở khả năng hoạt động của não, mà bộ não của tôi thì chưa đủ hồi phục để có thể hoạt động ở mức độ tinh vi ấy. Thứ hai là, thằng bé không nên bận tâm quá nhiều về những điều tôi nói trong những ngày đầu tiên sau khi tỉnh dậy, bởi vì phần nhiều những điều đó sẽ nghe có vẻ điên rồ.

Tiến sĩ Wade đã nói đúng cả hai điều này.

Buổi sáng đầu tiên sau khi tôi tỉnh lại, Bond tự hào khoe với tôi "tác phẩm" của nó và Eben IV - bức vẽ các tế bào bạch cầu của tôi đang tấn công các vi khuẩn *E. Coli*.

"Chà, tuyệt quá", tôi nói.

Mắt Bond ánh lên niềm tự hào và phấn khích.

Rồi tôi tiếp tục: "Thời tiết bên ngoài thế nào? Các thông số trên máy tính hôm nay ra sao? Con nhích sang một bên nhé, cha chuẩn bị nhảy đây!".

Mặt Bond xìu xuống. Khỏi cần phải nói, thằng bé hoàn toàn không mong đợi một sự tỉnh lại như thế này của tôi.

Tôi đang có những ảo giác hưng phấn, sống lại những khoảnh khắc lý thú nhất trong đời mình, một cách sinh động nhất.

Khi ấy, tôi trong tâm trí mình đang chuẩn bị một cú nhảy dù và đang sẵn sàng bước ra khỏi chiếc DC3 ở độ cao 4.828 mét so với mặt đất... sẽ là người nhảy cuối cùng, vị trí nhảy yêu thích của tôi. Đó là cú nhảy cao nhất của tôi.

Lao thẳng vào trong ánh mặt trời rực rỡ bên ngoài cửa máy bay, tôi lập tức ở vào tư thế cắm đầu xuống, hai cánh tay khép chặt sau lưng (trong trí tưởng tượng của tôi), cảm nhận được sự rung chuyển quen thuộc khi tôi rơi xuống dưới ngang qua luồng không khí được đẩy ra từ cánh quạt máy bay, nhìn ở tư thế lộn ngược bụng chiếc máy bay khổng lồ màu bạc đang bắt đầu lao thẳng lên phía bầu trời, hai cánh quạt to lớn của nó đang quay như trong một đoạn phim quay chậm, mặt đất và những đám mây bên dưới phản chiếu lên bụng máy bay. Tôi trầm ngâm nghĩ ngợi về cảnh tượng kỳ lạ khi hai cánh và bánh xe của máy bay mở xuống dưới (như đang hạ cánh) trong lúc nó vẫn đang ở độ cao hàng ngàn mét so với mặt đất (tất cả là để làm chậm lại và giảm thiểu sức gió cho những người nhảy dù đang ra khỏi máy bay).

Tôi kẹp sát hơn nữa hai cánh tay vào phía sau hông trong tư thế cắm đầu xuống để nhanh chóng tăng tốc lên đến hơn 354 km/giờ. Không trang bị gì ngoài chiếc nón bảo hiểm màu xanh có đốm nhỏ và hai vai của tôi đang đón đầu tầng không khí mỏng trên cao để chống lại lực hút của hành tinh khổng lồ bên dưới, tôi lao đi với tốc độ nhanh hơn chiều dài của một sân bóng mỗi giây, khiến cho cơn gió thổi qua nhanh gấp ba lần vận tốc của một cơn bão và tiếng gầm rít của nó to hơn bất cứ thứ gì trên đời.

Tôi lao vút như tên lửa xuyên qua khoảng trống ở giữa đỉnh của hai đám mây trắng xốp khổng lồ, hướng về phía quả địa cầu màu xanh lục và đại dương xanh thẫm lấp lánh ở sâu bên dưới, trong cú lao mình xuống đầy hưng phấn và thích thú để gia nhập cùng những người bạn đang ở thấp thoáng bên dưới, tạo đội hình thành một bông tuyết sặc sỡ. Đội hình lớn dần lên mỗi giây khi có thêm những người nhảy dù khác tham gia vào đội hình đang di chuyển xuống ngày càng sâu bên dưới...

Tôi đang đi lại giữa hai nơi - ở đây, trong phòng ICU, và ở ngoài tâm trí, trong những ảo ảnh về một cú nhảy dù huy hoàng, thấm đẫm chất adrenaline.

Tôi đi lại giữa hai trạng thái: mơ màng và tỉnh táo.

Trong hai ngày liền, tôi huyên thiên đủ thứ về chuyện nhảy dù, máy bay, và về Internet với tất cả những ai chịu ngồi nghe. Khi bộ não vật lý của tôi dần hồi phục các chức năng của nó, tôi bước vào một vũ trụ hoang tưởng lạ thường và sự hoang tưởng khiến tôi kiệt sức. Tôi bắt đầu bị ám ảnh bởi một nền cảnh xấu xí đầy những "tin nhắn Internet", những tin nhắn cứ hiện lên bất cứ lúc nào tôi nhắm mắt lại và đôi khi xuất hiện cả trên trần nhà khi tôi mở mắt. Khi nhắm mắt, tôi nghe thấy những âm thanh cầu nguyện lạc điệu, buồn tẻ, nghiến rít, và tất cả im bặt khi tôi mở mắt ra lại. Tôi cứ liên tục đưa ngón tay lên không trung, chỉ vào không khí, như một chuyên viên kỹ thuật đang cố điều khiển những dòng chữ Internet lướt qua trước mắt, bằng tiếng Nga, rồi tiếng Trung.

Tóm lại là tâm trí tôi đang hơi không bình thường.

Tất cả gần giống như trong Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất, nhưng ghê rợn hơn, bởi những gì tôi nghe và nhìn thấy được đan xen với những điều liên quan đến cuộc sống con người trong quá khứ của tôi (tôi nhận ra các thành viên trong gia đình mình, ngay cả khi tôi không nhớ được tên của họ, chẳng hạn như với trường hợp của Holley).

Nhưng đồng thời, nó lại hoàn toàn thiếu vắng sự sáng rõ tột cùng và sự phong phú rực rỡ - tính chất siêu thực - của Lối Vào và Cốt Lõi. Tôi chắc chắn đã trở về lại bộ não của mình.

Mặc dù giây phút đầu tiên khi mới mở mắt ra, tôi cảm thấy dường như đã hoàn toàn sáng suốt, nhưng một lần nữa, tôi lại nhanh chóng nhận ra mình đã chẳng còn nhớ cuộc sống con người của mình trước khi hôn mê. Ký ức duy nhất tôi có là về những nơi mà tôi vừa từ ở đó trở về: Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất xấu xí và thô thiển, Lối Vào thơ mộng và Cốt Lõi - chốn Thiên đường tuyệt diệu. Tâm trí của tôi - bản ngã thật sự của tôi - đang cố co lại để chui vừa vào bộ đồ quá chật chội và gò bó của sự tồn tại vật lý với những giới hạn về không gian và thời gian, với tư duy tuyến tính, và với giới hạn của việc giao tiếp bằng ngôn ngữ. Những điều mà cho đến trước cách đây một tuần, tôi vẫn nghĩ là dạng tồn tại duy nhất trong vũ trụ, nhưng giờ đây lại cho thấy những giới hạn vô cùng đáng kể.

Đặc trưng của đời sống vật lý là tính tự vệ, trong khi đời sống tâm linh thì hoàn toàn ngược lại. Đây là cách lý giải duy nhất mà tôi có thể nghĩ ra khi cố tìm hiểu lý do tại sao sự hồi tỉnh của tôi lại mang theo một sự hoang tưởng mạnh mẽ đến thế. Suốt một thời gian dài, tôi cứ đinh ninh là Holley (một cái tên xa lạ nhưng bằng

cách nào đó, tôi đã nhận ra đó là vợ mình) và các bác sĩ của tôi đang cố giết mình. Tôi lại có những giấc mơ và ảo giác về những chuyến bay và nhảy dù - một vài giấc mơ và ảo giác kéo dài rất lâu và rất sống động. Trong một giấc mơ dài nhất, gây xúc cảm mãnh liệt nhất và có những chi tiết gần như quái đản trong số đó, tôi thấy mình đang ở một bệnh viện ung thư ở Nam Florida, nơi có những thang cuốn ngoài trời. Ở đó, tôi bị Holley, hai cảnh sát Nam Florida và hai nhiếp ảnh gia người châu Á, ăn mặc như ninja, rượt đuổi theo trên những chiếc ròng rọc bằng cáp.

Thật ra tôi đang trải qua cái gọi là "chứng rối loạn tâm thần ICU". Điều này là bình thường, thậm chí thường được dự đoán sẽ xảy ra đối với hầu hết các bệnh nhân khi bộ não của họ hồi phục sau một thời gian dài ngừng hoạt động. Tôi đã nhìn thấy nhiều trường hợp bị chứng rối loạn này, nhưng chưa bao giờ nhìn từ bên trong. Từ bên trong, nó thật sự rất khác.

Sau này suy ngẫm lại, tôi nhận ra điều thú vị nhất về những cơn ác mộng và hoang tưởng này là tất cả thật ra đúng là như thế: là ảo tưởng. Những phần nào đó - đặc biệt là cơn ác mộng kéo dài về những cuộc rượt đuổi của ninja ở Nam Florida - mãnh liệt, và thậm chí là gây khiếp đảm khi giấc mơ đang xảy ra. Nhưng khi nhìn lại - đúng vậy, gần như ngay lập tức sau khi giai đoạn này kết thúc - tôi dễ dàng nhận ra những ác mộng hay ảo giác đó là gì: những thứ do bộ não đang khủng hoảng của tôi xào nấu ra trong khi cố gắng khôi phục lại các chức năng của nó. Một vài giấc mơ trong giai đoạn này sống động đến kinh ngạc và đáng sợ. Nhưng cuối cùng, chúng chỉ giúp tôi hiểu một cách rõ ràng rằng trạng thái mơ màng của tôi và thực tế siêu thực mà tôi đã trải qua khi đang bị hôn mê sâu khác nhau đến nhường nào.

Còn về những giấc mơ có chủ đề là tên lửa, máy bay, và nhảy dù mà trí tưởng tượng của tôi luôn nghĩ ra một cách nhất quán, thì về sau tôi nhận ra là chúng khá chính xác, nếu xét về tính biểu trưng. Bởi sự thật là tôi đang thực hiện một chuyến trở về từ vũ trụ đầy mạo hiểm, từ một nơi rất xa đi vào lại nơi này, vào lại một trạm không gian đã từng bị bỏ hoang và bây giờ hoạt động trở lại - chính là bộ não của tôi. Khó lòng mà tìm ra được một hình ảnh so sánh nào ở trần thế này đúng hơn hình ảnh một tên lửa được phóng lên để miêu tả những gì đã diễn ra với tôi trong suốt một tuần ở bên ngoài cơ thể của mình.

25

Chưa trở lại hoàn toàn

Bond không phải là người duy nhất cảm thấy khó lòng chấp nhận được tình trạng dở dở ương ương không thể phủ nhận của tôi trong suốt những ngày đầu khi tôi mới tỉnh lại. Một ngày sau hôm tôi tỉnh lại - là thứ Hai - Phyllis gọi và nói chuyện với Eben IV trên máy tính qua Skype.

“Eben, cha của cháu đây”, Phyllis vừa nói vừa điều chỉnh camera về hướng tôi.

“Chào cha! Cha thế nào rồi ạ?”, thằng bé vui vẻ nói.

Trong một phút sau đó, tôi chỉ nhe răng cười rồi nhìn chằm chằm vào màn hình. Nhưng cuối cùng, khi tôi bắt đầu mở miệng thì Eben lại càng bối rối hơn. Tôi nói chậm kinh khủng, và những lời tôi nói ra đều chẳng có nghĩa. Về sau, Eben kể lại với tôi: “Cha nói nghe như xác sống - giống như một người nghiện ma túy đang bị hoang tưởng nặng”.

Thật không may, vì thằng bé đã không được báo trước về khả năng tôi có thể bị chứng rối loạn tâm thần ICU.

Dần dần, chứng hoang tưởng của tôi giảm bớt, suy nghĩ và lời nói của tôi cũng trở nên rõ ràng hơn. Hai ngày sau khi tỉnh lại, tôi được chuyển về Khu Chăm sóc Thần kinh Giảm nhẹ. Các y tá ở đó đưa cho Phyllis và Betsy mấy cái giường xếp nhỏ để họ có thể ngủ bên cạnh tôi. Tôi chẳng tin ai ngoại trừ hai người này - họ khiến tôi cảm thấy an toàn, gắn kết tôi với thực tại mới của mình.

Vấn đề duy nhất là tôi không ngủ. Cả đêm tôi không để họ ngủ, huyên thiên đủ thứ chuyện, về Internet, về các trạm không gian, về những gián điệp hai mang của Nga, và những thứ nhảm nhí

tương tự. Phyllis cố thuyết phục các y tá rằng tôi bị ho, hy vọng họ sẽ cho tôi một ít xi-rô ho để cả ba có thể ngủ yên trong ít nhất một, hai tiếng. Tôi giống như một đứa trẻ sơ sinh chưa thể ngủ đúng giờ giấc vậy.

Những lúc yên ắng hơn, Phyllis và Betsy giúp kéo tôi từ từ về lại với cuộc sống trên trái đất. Họ nhắc lại đủ thứ chuyện từ thời thơ ấu của chúng tôi, và mặc dù chuyện nào tôi cũng nghe như thể mới nghe lần đầu, những chuyện đó vẫn khiến tôi thích thú. Họ càng nói, tôi càng cảm thấy một điều gì đó quan trọng bắt đầu le lói bên trong tôi - đó là sự nhận ra rằng bản thân tôi thật sự đã ở đó và trải nghiệm những sự kiện này.

Hai em gái của tôi sau này kể lại rằng chẳng mất bao lâu, họ đã có thể nhìn thấy lại người anh trai mà họ từng biết, qua màn sương mù dày đặc của hàng tràng những lời hoang tưởng của tôi.

"Thật kỳ diệu", sau này Betsy kể lại. "Anh chỉ vừa mới tỉnh khỏi cơn hôn mê, vẫn chưa hoàn toàn nhận thức được là mình đang ở đâu hay chuyện gì đang xảy ra, vẫn nói những chuyện điên khùng hết một nửa thời gian, nhưng khiếu hài hước của anh thì vẫn không chê vào đâu được. Rõ ràng anh vẫn là *anh*. Anh đã quay trở lại!"

Về sau Phyllis kể thêm: "Một trong những việc đầu tiên anh làm là pha trò về việc anh muốn tự ăn. Tụi em đã chuẩn bị tinh thần là sẽ đút anh ăn từng muỗng đến bao lâu thì tùy. Nhưng không lần nào anh để tụi em làm việc đó. Anh nhất quyết tự xúc ăn từng miếng thạch Jell-O màu cam đó".

Khi bộ máy trí não bị ngưng hoạt động tạm thời của tôi hồi phục được nhiều hơn, tôi quan sát thấy mình đang nói hoặc làm một điều gì đó và ngạc nhiên tự hỏi: cái đó từ đâu ra vậy? Trước đó, một người bạn từ Lynchburg tên là Jackie ghé thăm. Holley và tôi biết rõ Jackie và chồng của cô ấy, Ron, vì chúng tôi đã mua căn nhà hiện tại của mình từ họ. Không có sự chuẩn bị nào trước đó, phong cách quảng giao của người miền nam của tôi tự động phát huy. Vừa nhìn thấy Jackie, tôi lập tức hỏi: "Ron thế nào?".

Sau đó vài ngày, tôi bắt đầu có những cuộc hội thoại thi thoảng vô cùng mạch lạc với các vị khách đến thăm và lại một lần nữa, thật đáng kinh ngạc khi thấy những sự kết nối này bộc phát ra một cách tự động mà không cần chút nỗ lực nào từ tôi. Như một chiếc máy bay phản lực đang ở chế độ lái tự động, bộ não của tôi, như có một sự thỏa thuận nào đó, đã thích nghi được với những khung

cảnh thuộc về đời sống con người đang càng lúc càng trở nên quen thuộc này. Tôi đang tận mắt chứng kiến một chân lý mà tôi đã biết quá rõ khi còn là một bác sĩ giải phẫu thần kinh: bộ não là một cơ chế thật sự kỳ diệu.

Tất nhiên, câu hỏi không nói ra trong tâm trí của tất cả mọi người (trong đó có tôi, trong những lúc tỉnh táo hơn) là: Tôi sẽ hồi phục đến mức nào? Tôi có thật sự sẽ trở lại hoàn toàn như trước không, hay có phải vi khuẩn *E. coli* đã làm tổn thương ít nhất là một phần nào đó của bộ não của tôi, như sự tiên đoán chắc chắn của tất cả các bác sĩ? Sự chờ đợi ngày này qua ngày khác hành hạ tất cả mọi người, đặc biệt là Holley - với nỗi lo sợ rằng tiến trình hồi phục kỳ diệu của tôi sẽ đột nhiên dừng lại, và cô ấy chỉ còn lại bên mình một phần của "tôi" mà cô ấy từng biết.

Nhưng ngày qua ngày, "tôi" càng lúc càng trở về nhiều phần hơn. Ngôn ngữ. Ký ức. Nhận thức. Cái cá tính hay đùa nghịch mà mọi người đã luôn nhìn thấy ở tôi cũng quay trở về. Và dù mọi người đều mừng khi thấy óc hài hước của tôi quay trở lại, hai em gái của tôi thì không phải lúc nào cũng mừng rỡ đón nhận cách mà tôi sử dụng nó. Chiều thứ Hai, Phyllis sờ tay lên trán tôi và tôi giật nẩy người.

"Á", tôi thét lên. "Đau!"

Rồi, sau khi khoái chí nhìn vẻ kinh hãi của mọi người, tôi mới nói: "Giỡn thôi mà".

Tất cả mọi người đều kinh ngạc trước tốc độ hồi phục của tôi, trừ chính tôi. Tôi, cho đến lúc này, không có manh mối nào để xác định liệu tôi đã thật sự gần kề với cái chết đến mức nào. Khi lần lượt từng người trong gia đình và bạn bè trở lại với cuộc sống của họ, tôi chúc họ mạnh khỏe và vẫn vô tư chẳng biết gì về bi kịch mà mình vừa thoát được chỉ trong gang tấc. Tôi sôi nổi, hào hứng đến độ một trong các bác sĩ thần kinh, khi đưa ra đánh giá về việc có nên cho tôi vào khu phục hồi chức năng hay không, đã khẳng định rằng tôi "quá hưng phấn", và rằng có lẽ não của tôi đã bị tổn thương. Vị bác sĩ này, cũng giống như tôi, là một người thích đeo nơ bướm, và sau khi anh ta rời đi, tôi đáp lại chẩn đoán đầy thiện chí của anh ta bằng cách nói với các em tôi rằng anh ta "thể hiện sự vô cảm khác thường so với một kẻ mê đeo nơ bướm".

Ngay cả khi đó, tôi vẫn biết một điều mà càng lúc càng nhiều người xung quanh tôi cũng dần chấp nhận. Dù theo hay không theo nhận định của các bác sĩ, tôi chẳng ốm đau hay bị một tổn

thương nào ở não cả. Tôi hoàn toàn ổn.

Thực chất - dù cho đến thời điểm ấy chỉ có mình tôi biết điều này - đây là lần đầu tiên trong suốt cuộc đời của mình, tôi hoàn toàn và thật sự "ổn".

26

Loan tin

"Thật sự ổn" - dù đúng là tôi vẫn còn nhiều việc phải làm ở phương diện "phần cứng" của mọi thứ. Một vài ngày sau khi được chuyển vào khu điều trị phục hồi chức năng ngoại trú, tôi gọi điện tới trường cho Eben IV. Thằng bé có nói đến việc nó đang viết một bài luận cho một trong các khóa học về thần kinh của mình. Tôi tình nguyện giúp, nhưng ngay sau đó đã thấy hối hận vì quyết định này. Việc tập trung vào chủ đề khó hơn tôi tưởng nhiều, và các thuật ngữ mà tôi tưởng là đã hoàn toàn trở lại lúc này đột nhiên lại chẳng chịu hiện ra trong đầu tôi. Tôi bàng hoàng nhận ra rằng mình vẫn còn phải đi một quãng đường dài.

Nhưng dần dần, phần đó cũng quay về với tôi. Một ngày kia, tôi thức dậy và thấy mình sở hữu cả một địa cầu kiến thức khoa học và y học mà một ngày trước đó tôi hoàn toàn mù tịt. Đây là một trong những khía cạnh kỳ lạ nhất trong những trải nghiệm đã qua của tôi: mở mắt ra vào buổi sáng và thấy mình lại sở hữu đầy đủ và thậm chí nhiều hơn trước các kiến thức căn bản và kinh nghiệm thực tiễn của cả một đời học hành và nghiên cứu.

Trong khi kiến thức về khoa học thần kinh của tôi len lỏi quay về một cách chậm rãi và e dè, thì ký ức về những gì đã xảy ra trong một tuần tồn tại bên ngoài cơ thể của tôi trở lại trong trí nhớ của tôi với một sự quả quyết và sáng tỏ lạ thường. Những gì đã xảy ra bên ngoài thế gian có sự liên quan mật thiết với cảm giác an lạc tột cùng mà tôi đã có lúc tỉnh dậy, và trạng thái đầy ân phúc mà cho đến giờ phút này vẫn còn nguyên vẹn trong tôi. Tâm trạng hưng phấn cuồng nhiệt của tôi là do tôi đã trở về với những người mình yêu thương, nhưng cũng là vì - nói một cách dễ hiểu nhất có thể - đây là lần đầu tiên trong đời tôi hiểu mình thật sự là ai, và thế giới mà chúng ta đang sống này là gì.

Một cách mê say - và vô tư - tôi hăng hái chia sẻ những trải nghiệm này với mọi người, đặc biệt là với các bác sĩ đồng nghiệp. Rốt cuộc thì, những gì tôi trải qua đã làm thay đổi những niềm tin bấy lâu của tôi về khái niệm bộ não, về ý thức, thậm chí về cuộc sống - nó bao hàm ý nghĩa gì, và không bao hàm ý nghĩa gì. Ai mà lại không nóng lòng muốn nghe những khám phá này của tôi chứ?

Nhưng hóa ra lại có khá nhiều người không muốn nghe. Đặc biệt là những người có bằng cấp y khoa.

Xin đừng hiểu lầm, các bác sĩ rất vui mừng cho tôi. "Điều đó thật tuyệt, Eben à", họ nói, hệt như cái cách mà trong quá khứ tôi đã phản hồi với vô số bệnh nhân của mình khi họ cố nói cho tôi nghe về những trải nghiệm ở những thế giới khác khi họ đang trải qua cuộc phẫu thuật. "Anh đã bị ốm rất nặng. Não của anh chứa toàn mủ. Chúng tôi còn không tin nổi là anh lại có thể ở đây và nói về chuyện này. Chính anh cũng biết là bộ não có thể có những hoang tưởng khó lường khi nó bị tổn thương đến thế."

Tóm lại là thật khó để họ hiểu được những gì mà tôi đang cố hết sức để chia sẻ.

Nhưng mà, làm sao tôi có thể trách họ được? Xét cho cùng thì trước đây, ngay cả tôi cũng chẳng thể nào hiểu được.

27
Về nhà

Tôi về nhà vào ngày 25 tháng Mười Một năm 2008, hai ngày trước lễ Tạ ơn, trở về một căn nhà tràn ngập lòng biết ơn. Eben IV lái xe suốt đêm để kịp làm tôi bất ngờ vào sáng hôm sau. Lần gần nhất thằng bé ghé thăm tôi là khi tôi vẫn còn chìm sâu trong cơn hôn mê, và nó vẫn còn chưa thể chấp nhận được việc cha mình còn sống trong tình trạng như thế. Thằng bé phấn khích đến nỗi bị nhận một vé phạt vì vượt quá tốc độ cho phép ở đoạn đi qua Nelson County, vừa ra khỏi Lynchburg về phía bắc.

Tôi đã thức giấc vài tiếng trước, ngồi trên chiếc ghế bành cạnh lò sưởi trong phòng làm việc lát sàn gỗ ấm cúng, nghĩ về mọi thứ mình đã trải qua. Eben bước qua cánh cửa ngay sau khi đồng hồ điểm 6 giờ sáng. Tôi đứng dậy và ôm lấy thằng bé một lúc lâu. Thằng bé vẫn còn bàng hoàng. Lần sau cùng nó nhìn thấy tôi qua Skype khi còn ở bệnh viện, tôi còn chưa thể nói được một câu hoàn chỉnh. Còn bây giờ, ngoại trừ thân hình vẫn còn gầy gò và vẫn còn một ống truyền tĩnh mạch trên cánh tay, tôi đã quay trở lại với vai trò mà tôi yêu thích nhất trong cuộc đời mình - cha của Eben và Bond.

Thật ra thì, chỉ là gần giống như xưa. Eben cũng đã nhận ra một điều gì đó khác lạ ở tôi. Sau này, Eben kể với tôi rằng khi trông thấy tôi lần đầu tiên vào ngày hôm đó, thằng bé ngay lập tức bị ấn tượng bởi tôi trông quá "hiện hữu".

"Cha trông rất sáng rõ, rất tập trung", thằng bé nói. "Như thể bên trong người cha có một thứ ánh sáng nào đó đang tỏa ra vậy."

Tôi chia sẻ ngay những suy nghĩ của mình không một chút chần chừ.

“Cha rất nóng lòng muốn đọc tất cả những tài liệu viết về điều này”, tôi nói với Eben. “Mọi thứ đều quá đỗi thật, Eben à, gần như *quá thật* để có thể là sự thật, nếu con hiểu ý cha muốn nói gì. Cha muốn viết những trải nghiệm đó ra cho các nhà khoa học thần kinh khác được biết. Và cha muốn tìm hiểu thật kỹ lưỡng về các trải nghiệm cận tử và những gì mà những người khác đã trải qua. Cha không thể tin được là trước kia cha đã không bao giờ nhìn nhận nghiêm túc về những điều này, chưa bao giờ lắng nghe những gì mà chính những bệnh nhân của cha kể lại. Cha chưa bao giờ đủ tò mò để chịu tìm đọc những tài liệu nghiên cứu.”

Ban đầu, Eben không nói gì, nhưng rõ ràng là thằng bé đang nghĩ xem làm cách nào để đưa ra lời khuyên tốt nhất cho cha mình. Thằng bé ngồi xuống đối diện với tôi, và thuyết phục tôi nhìn ra những điều lẽ ra là hiển nhiên.

“Con tin cha, cha à”, thằng bé nói. “Nhưng cha nghĩ mà xem. Nếu cha muốn điều này trở nên có giá trị cho những người khác, thì cha đừng nên vội đọc những điều mà người khác đã nói.”

“Vậy cha nên làm gì?”, tôi hỏi.

“Viết ra. Ghi lại tất cả mọi việc - tất cả những ký ức, chính xác hết mức có thể. Nhưng cha đừng đọc bất kỳ quyển sách hay bài báo nào về trải nghiệm cận tử của những người khác, hay về vật lý, hay về vũ trụ học. Cho đến khi cha đã viết ra hết những gì đã xảy ra với cha. Cũng đừng nói gì với mẹ hay bất kỳ ai khác về những gì cha đã trải qua trong thời gian đang hôn mê - ít ra là cha hãy tránh hết mức có thể. Cha có thể làm tất cả những điều này sau, đúng không nào? Cha hãy nhớ rằng cha đã luôn dạy con rằng sự quan sát đến trước, rồi sau đó mới đến sự diễn giải. Nếu cha mong muốn những gì đã xảy đến với mình mang lại những giá trị về mặt khoa học, cha cần phải ghi lại những trải nghiệm đó một cách nguyên vẹn và chính xác nhất có thể trước khi bắt đầu so sánh với những gì đã xảy ra với những người khác.”

Có lẽ đây là lời khuyên thông thái nhất mà ai đó từng nói với tôi, và tôi đã nghe theo. Eben cũng rất đúng khi nói rằng điều tôi thật lòng mong muốn, hơn bất cứ điều gì khác, là dùng những kinh nghiệm của mình với hy vọng có thể giúp ích cho những người khác. Càng nhiều phần nhận thức khoa học của tôi quay trở lại và tôi càng thấy rõ hơn một nghịch lý rằng những gì tôi đã học được trong nhiều thập niên ở trường học và trong thực hành y khoa thật khác với những gì tôi vừa trải nghiệm, thì tôi càng hiểu rằng tâm trí và nhân cách (hoặc tâm hồn hay linh hồn, như một số

người thường gọi) vẫn tiếp tục tồn tại bên ngoài cơ thể. Tôi phải kể câu chuyện của mình cho thế giới biết.

Trong khoảng sáu tuần tiếp theo, hầu hết mỗi ngày đều như mọi ngày. Tôi thức dậy vào khoảng 2 giờ hay 2 giờ 30 phút sáng với tâm trạng tĩnh tại tột cùng và tràn đầy năng lượng bởi đơn giản thấy mình đang sống, đến nỗi tôi muốn nhảy ra khỏi giường. Tôi đốt lò sưởi ở trong phòng làm việc, ngồi vào chiếc ghế bọc da cũ của mình, rồi viết. Tôi cố gắng nhớ lại thật chi tiết những hành trình của mình, đi vào và đi ra khỏi Cốt Lõi, và tôi đã có những cảm nhận gì khi học được những bài học làm thay đổi cuộc sống của mình.

Nhưng dùng từ *cố gắng* thì không đúng lắm. Những ký ức, sắc nét và rõ ràng, vẫn ở ngay đó, tại nơi tôi rời bỏ chúng.

28

Siêu thực

"Có hai cách để chính mình bị lừa dối. Một là tin vào điều không có thật; hai là không muốn tin vào điều có thật."

- Søren Kierkegaard (1813-1855)

Trong tất cả những gì tôi đang viết ra đây, có một từ dường như cứ thường xuyên xuất hiện trong tâm trí tôi.

Thực.

Trước khi bị hôn mê, tôi chưa bao giờ nhận ra rằng một từ có thể đánh lừa chúng ta đến thế nào. Theo cái cách mà tôi đã được dạy để hiểu từ này, ở trường y và cả trong trường học dạy những lẽ thường mà chúng ta vẫn gọi là cuộc đời, thì nó là một điều gì đó hoặc là có thật (một vụ tai nạn ô-tô, một trận bóng đá, một cái bánh mì kẹp thịt ở trên bàn ngay trước mắt bạn), hoặc là không. Trong những năm còn là một bác sĩ phẫu thuật thần kinh, tôi đã nhìn thấy vô số người trải qua ảo giác. Tôi đã nghĩ rằng mình hiểu được họ cảm thấy hãi hùng ra sao khi trải qua các hiện tượng phi thực. Và trong vài ngày bị chứng loạn thần ICU, tôi cũng đã có cơ hội nếm trải một vài cơn ác mộng nhưng thật vô cùng. Nhưng khi những cơn ác mộng ấy qua đi, tôi nhanh chóng nhận ra chúng chỉ là những ảo giác: những ảo giác thần kinh được khơi dậy từ mạng lưới neuron trong não đang cố gắng hoạt động trở lại.

Nhưng trong thời gian hôn mê, bộ não của tôi không phải đang hoạt động một cách sai lệch, mà thực chất *nó hoàn toàn không hoạt động.* Phần não mà những năm tháng ở trường y đã dạy cho tôi để có thể chịu trách nhiệm tạo ra cái thế giới mà tôi sống và tham gia vào, và tiếp nhận những dữ liệu thô qua các giác quan,

rồi kiến tạo chúng thành một vũ trụ có ý nghĩa: phần não đó của tôi đã bị sập hoàn toàn. Song bất chấp tất cả những điều này, tôi vẫn sống, và có ý thức, thật sự có ý thức, trong một vũ trụ được tạo nên bởi trên hết là tình yêu thương, ý thức, và *thực* tại. (Lại một lần nữa, từ này được nói đến.) Đối với tôi, điều này *thực* đến mức không có gì để bàn cãi. Tôi biết nó một cách trọn vẹn đến mức cảm thấy nhức nhối.

Những gì mà tôi đã trải qua còn *thực* hơn cả căn nhà mà tôi đang ngồi đây, *thực* hơn cả những khúc củi đang cháy trong lò sưởi kia. Vậy mà chẳng có chỗ nào cho những điều rất *thực* đó trong thế giới quan khoa học mà tôi đã trải qua bao nhiêu năm ở trường y để tiếp thu.

Làm cách nào để tôi có thể tạo ra không gian cho cả hai hiện thực này đồng thời tồn tại?

29

Trải nghiệm của nhiều người

Cuối cùng ngày đó cũng tới - ngày tôi hoàn thành việc viết ra tất cả mọi thứ trong khả năng của mình, mọi ký ức sau cùng mình có thể ghi nhớ về Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất, Lối Vào, và Cốt Lõi.

Bây giờ là lúc dành cho việc đọc. Tôi lao vào ngụp lặn trong một đại dương sách và tài liệu về trải nghiệm cận tử - một đại dương mà trước đó tôi thậm chí chưa bao giờ nhúng một ngón chân vào. Chẳng mất bao lâu để tôi nhận ra rằng có vô số những người khác đã trải qua những điều giống như mình, cả trong những năm gần đây và hàng thế kỷ trước. Những trải nghiệm cận tử không hoàn toàn giống nhau, mỗi trải nghiệm đều có sự khác biệt - nhưng những yếu tố tương tự thì xuất hiện lặp đi lặp lại, và tôi nhận ra nhiều điểm giống với trải nghiệm của mình. Những chi tiết như đi qua một đường hầm hay một thung lũng tối tăm rồi đến một khung cảnh rực rỡ và sống động - siêu thực - đã có từ thời Hy Lạp và Ai Cập cổ đại. Những sinh vật thiên thần - ít nhất từ thời Cận Đông cổ đại, đôi khi có cánh, đôi khi không - xuất hiện, giống như niềm tin rằng những sinh vật này là những thiên thần hộ mệnh luôn dõi theo từng hoạt động của con người trên trái đất và chào đón họ khi họ rời bỏ trái đất này. Cảm giác về khả năng nhìn được đồng thời mọi hướng; cảm giác về sự tồn tại bên trên thời gian tuyến tính - tồn tại bên trên *mọi thứ*, về cơ bản, tức là những gì mà trước kia tôi từng nghĩ đến khi định nghĩa toàn cảnh cuộc sống loài người; việc nghe thứ âm nhạc tựa như thánh ca, đi thẳng vào bên trong toàn bộ thân thể và tâm thức mình thay vì chỉ đi vào đôi tai; sự lĩnh hội trực tiếp và tức thì, không cần chút nỗ lực nào, những khái niệm mà thông thường phải mất một thời gian rất lâu và rất nhiều sự học hỏi mới có thể hiểu được; cảm nhận sức mạnh của tình yêu vô điều kiện...

Trong những ghi chép về trải nghiệm cận tử thời hiện đại cũng như những bài viết về tâm linh từ thời xa xưa, tôi thường nhận thấy người viết luôn phải đánh vật với những giới hạn của ngôn ngữ thế gian, trong nỗ lực mang toàn bộ những gì họ thu nhận được từ đại dương lên con tàu ngôn ngữ và ý tưởng hạn hẹp của con người, và kết quả là… họ luôn thất bại, không nhiều thì ít.

Thế nhưng, với mỗi nỗ lực ngày một xa rời đích đến, với mỗi người viết đánh vật với từ ngữ và ý tưởng hầu mong có thể truyền tải sự vô giới hạn này đến với người đọc, tôi lại hiểu được mục đích của những người kể chuyện cùng với tất cả sự rực rỡ, huy hoàng của những gì họ mong muốn truyền đạt, nhưng đành bất lực.

Tuyệt quá, tuyệt quá, tuyệt quá! Tôi vừa đọc vừa thốt lên với chính mình. *Mình thấy ra rồi.*

Những quyển sách, những tài liệu này, dĩ nhiên, đều đã tồn tại trước khi tôi có trải nghiệm đặc biệt này. Nhưng tôi đã không khi nào chịu nhìn đến chúng. Không nhất thiết là đọc, mà là quan tâm theo một cách nào đó. Rất đơn giản là bởi tôi chưa bao giờ chịu mở lòng ra để suy ngẫm rằng liệu có điều gì đó xác thực hay không trong ý tưởng cho rằng phần nào đó trong chúng ta vẫn tiếp tục tồn tại sau cái chết của thể xác. Tôi là một bác sĩ có bản tánh thiện lương dù phần nào có xu hướng hoài nghi. Và vì là người như vậy, tôi có thể nói với bạn rằng hầu hết những người mà bạn gọi là kẻ hoài nghi thật ra chẳng phải là kẻ hoài nghi thật sự. Để là kẻ hoài nghi đích thực, bạn phải thật sự tìm hiểu về thứ gì đó, và tìm hiểu một cách nghiêm túc về nó. Và tôi, cũng như phần lớn các bác sĩ, chưa bao giờ dành thời gian để nghiên cứu về trải nghiệm cận tử. Tôi đơn giản chỉ "biết" rằng những điều đó là không khả dĩ.

Tôi cũng đọc lại toàn bộ những ghi chép y khoa về khoảng thời gian hôn mê của tôi - một khoảng thời gian được ghi chép lại kỹ lưỡng, gần như ngay từ đầu. Xem lại những bản chụp phim của chính mình, như tôi thường làm cho bệnh nhân của mình, cuối cùng tôi cũng thấy rõ rằng mình đã trải qua một trận ốm kịch liệt đến thế nào.

Viêm màng não do vi khuẩn là căn bệnh có một không hai trong các loại bệnh, bởi cách mà nó tấn công vào phần mặt ngoài của bộ não nhưng vẫn để cho những cấu trúc ở sâu hơn bên trong được nguyên vẹn. Trước tiên, các vi khuẩn tàn phá một cách hữu hiệu phần "người" của bộ não, và cuối cùng tung đòn sát thủ bằng cách

tấn công vào những cấu trúc "nội cung" nằm sâu hơn bên trong - phần tương tự với các loài động vật khác, ở sâu bên dưới phần "người". Những chứng bệnh khác, có thể gây tổn thương vỏ não và khiến bệnh nhân bất tỉnh - như chấn thương đầu, đột quỵ, chảy máu não hay u não, không thể sánh với các vi khuẩn viêm màng não về sức công phá, làm tổn thương hoàn toàn bề mặt vỏ não. Những chứng bệnh này có xu hướng chỉ tập trung vào một phần của vỏ não, những phần khác của vỏ não không bị tổn thương và vẫn có khả năng hoạt động. Tuy nhiên, thay vì chỉ xâm hại riêng phần vỏ não, các chứng bệnh này cũng thường có xu hướng phá hoại cả những phần sơ khai nằm sâu hơn bên trong bộ não. Xét về tất cả những mặt này, bệnh viêm màng não do vi khuẩn có thể được coi là căn bệnh tốt nhất ta có thể tìm được nếu muốn mô phỏng cái chết của con người mà không thật sự gây ra nó. (Mặc dù dĩ nhiên là bệnh này thường gây tử vong. Sự thật đáng buồn là hầu hết những người bị bệnh viêm màng não do vi khuẩn và bị ốm nặng như tôi đều không bao giờ hồi tỉnh để có thể kể lại câu chuyện của họ.) (Xem Phụ lục A.)

Mặc dù đã có từ thuở sơ khai của lịch sử, cụm từ "trải nghiệm cận tử" (dù trải nghiệm này được xem là thực hay chỉ là một ảo tưởng vô căn cứ) chỉ được sử dụng rộng rãi cách đây không lâu. Vào những năm 1960, nhờ những kỹ thuật mới được phát triển, các bác sĩ có thể hồi sức cho những bệnh nhân bị ngưng tim. Các bệnh nhân mà trước đó chắc hẳn là sẽ tử vong giờ đây được kéo trở lại về miền đất sống. Các bác sĩ này không biết rằng chính qua những nỗ lực cứu sống bệnh nhân của mình, họ đang tạo ra một loạt những nhà thám hiểm ra ngoài thế gian: những người đã được hé nhìn ra bên ngoài bức màn và quay trở về để kể lại những gì mình nhìn thấy. Ngày nay, con số những người này đã lên đến hàng triệu. Sau đó, vào năm 1975, một sinh viên y khoa tên là Raymond Moody đã xuất bản một quyển sách có tên là *Life After Life* (tạm dịch: Cuộc sống sau khi chết), miêu tả trải nghiệm này của một người đàn ông tên là George Ritchie. Ritchie đã "chết" vì bị ngưng tim do biến chứng của bệnh viêm phổi và đã ra khỏi cơ thể của mình trong chín phút. Ông ta đi xuống một đường hầm, đến thăm những cõi giới thiên đường và địa ngục, gặp gỡ một sinh vật tỏa ra ánh sáng mà ông ta nhận ra đó là Chúa Jesus, và trải qua những cảm giác bình an và hạnh phúc sâu đậm đến nỗi ông thấy khó mà dùng từ ngữ để miêu tả. Một kỷ nguyên của trải nghiệm cận tử hiện đại đã được khai sinh.

Tôi không thể nói là mình chưa từng biết gì về quyển sách của Moody, nhưng chắc chắn là trước đây tôi chưa từng đọc nó. Tôi cũng không cần phải đọc nó vì trước nhất, tôi biết ý tưởng cho

rằng tình trạng ngưng tim đại diện cho một kiểu trạng thái cận tử là vớ vẩn. Hầu hết các tài liệu viết về trải nghiệm cận tử đều đề cập đến việc bệnh nhân bị ngưng tim trong vài phút - thường là sau một tai nạn hay trên bàn mổ. Ý tưởng cho rằng ngưng tim là chết đã lỗi thời trong khoảng năm mươi năm trở lại đây. Nhiều người bình thường vẫn tin rằng nếu ai đó sống lại sau khi bị ngưng tim thì có nghĩa là họ đã "chết" và sống lại, nhưng cộng đồng y khoa từ lâu đã sửa đổi lại định nghĩa về cái chết - định nghĩa này xoay quanh bộ não, chứ không phải trái tim (ngay từ khi các tiêu chuẩn về chết não được thiết lập vào năm 1968, trên cơ sở những phát hiện quan trọng có được từ những quan sát hệ thần kinh của bệnh nhân). Tình trạng ngưng tim chỉ liên quan đến cái chết khi nó có tác động tới não. Trong vòng vài giây kể từ khi tim ngừng đập, máu ngừng chảy lên não, dẫn đến sự gián đoạn trên diện rộng hoạt động điều phối thần kinh và dẫn đến việc mất ý thức.

Trong suốt một nửa thế kỷ, các bác sĩ giải phẫu vẫn thường cho tim ngừng đập trong từ vài phút cho đến hàng giờ trong các cuộc giải phẫu tim và thỉnh thoảng trong các cuộc giải phẫu thần kinh, bằng cách sử dụng máy bơm tim phổi, và đôi khi làm lạnh bộ não để tăng sức sống cho nó dưới những áp lực đó. Việc chết não hoàn toàn không xảy ra. Ngay cả trong trường hợp một người bị tim ngừng đập khi đang đi trên đường, nếu ai đó thực hiện hồi sức tim phổi cho họ trong vòng bốn phút cho đến khi tim họ được khởi động lại, thì não của người đó vẫn có thể không bị tổn thương. Miễn là dòng máu mang theo ôxy vẫn còn chạy lên não, thì bộ não - và như vậy, bản thân người đó - vẫn còn sống, mặc dù họ sẽ ở trong trạng thái bất tỉnh tạm thời.

Chỉ một kiến thức nho nhỏ này thôi đã đủ để tôi gạt quyển sách của Moody sang một bên, thậm chí không mở nó ra. Nhưng bây giờ thì tôi đã mở nó ra, và việc đọc được những câu chuyện Moody kể lại, vừa đối chiếu với những gì bản thân mình đã trải qua, đã khiến tôi hoàn toàn thay đổi quan điểm. Tôi gần như không nghi ngờ gì về việc có ít nhất một vài người trong những câu chuyện này đã thật sự rời bỏ cơ thể vật lý của họ. Những gì họ đã trải qua đơn giản là quá giống với những trải nghiệm của tôi bên ngoài cơ thể mình.

Những phần nguyên sơ hơn của bộ não của tôi - những phần "nội cung" - vẫn hoạt động trong toàn bộ hay phần lớn thời gian tôi hôn mê. Nhưng về phần não của tôi mà mọi nhà khoa học nghiên cứu về não đều sẽ nói với bạn là chịu trách nhiệm cho phần "người": ừ thì, cái phần đó đã đi xa. Tôi có thể nhìn thấy được điều này trên phim chụp, trong những thông số xét nghiệm, trên các

kết quả kiểm tra thần kinh của tôi - trong tất cả dữ liệu về tình trạng của tôi được ghi lại sát sao trong một tuần tôi ở bệnh viện. Tôi nhanh chóng nhận ra rằng trường hợp của tôi là một ví dụ gần như hoàn hảo của trải nghiệm cận tử, có lẽ là một trong những trường hợp có tính thuyết phục nhất trong lịch sử hiện đại. Điều thật sự quan trọng trong trường hợp của tôi không phải là những gì đã xảy đến cho cá nhân tôi, mà là sự bất khả dĩ, hoàn toàn không thể tranh cãi, từ góc độ y khoa, của nhận định cho rằng nó chỉ là ảo tưởng.

Việc miêu tả một trải nghiệm cận tử vốn là một thách thức, nhưng làm điều này khi đối diện với những chuyên gia của ngành y vốn luôn từ chối tin rằng những việc đó có thể xảy ra thì còn khó hơn. Nhờ vào sự nghiệp của tôi trong lĩnh vực khoa học thần kinh và trải nghiệm cận tử của chính mình, đây là cơ hội có một không hai để tôi làm cho việc bàn luận đến vấn đề này được dễ dàng đón nhận hơn.

30

Trở về từ cõi chết

"Và trải nghiệm đến gần Cái Chết, san bằng tất thảy, thuyết phục tất thảy bằng lời mặc khải cuối cùng, chỉ tác giả nào trở về từ cõi chết mới có thể kể lại trọn vẹn."

- Herman Melville (1819-1891)

Bất kỳ nơi đâu tôi đến trong những tuần đầu tiên sau đó, mọi người đều nhìn tôi như thể tôi mới bước ra từ nấm mồ. Tôi tình cờ gặp một vị bác sĩ đã có mặt ở bệnh viện vào cái ngày mà tôi được đưa tới. Ông ấy không trực tiếp tiếp nhận tôi, nhưng đã kịp nhìn thấy rõ tôi khi tôi được đẩy xe đưa vào phòng cấp cứu vào buổi sáng ngày đầu tiên đó.

"Làm sao anh lại có thể ở đây được?", ông ấy hỏi, câu hỏi tóm gọn lại câu hỏi cơ bản của cả cộng đồng y khoa về trường hợp của tôi. "Anh là anh em sinh đôi của Eben phải không, hay là gì?"

Tôi mỉm cười, đưa tay ra và bắt tay ông ấy thật chặt, để ông ấy biết rằng tôi thật sự là tôi.

Mặc dù rõ ràng là ông ấy đang đùa khi hỏi có phải tôi có một người anh em sinh đôi hay không, vị bác sĩ này thật ra đang đưa ra một luận điểm quan trọng. Xét về mọi phương diện và mục đích, tôi vẫn là hai người, và nếu muốn làm điều mà tôi đã nói với Eben IV là tôi muốn làm - sử dụng kinh nghiệm của mình để giúp những người khác - thì tôi sẽ phải dung hòa giữa trải nghiệm cận tử của mình với những hiểu biết khoa học của mình, và đan kết hai con người này lại thành một.

Ký ức tôi trở lại thời điểm tôi nhận được một cuộc điện thoại vào một buổi sáng cách đây vài năm, từ mẹ của một bệnh nhân, khi

tôi đang nghiên cứu bản đồ số của một khối u mà tôi sẽ cắt bỏ trong ngày hôm ấy. Tôi tạm gọi người phụ nữ này là Susanna. Người chồng quá cố của Susanna, tôi tạm gọi là George, từng là một bệnh nhân bị u não của tôi. Mặc dù chúng tôi đã làm mọi điều có thể, ông ấy đã qua đời trong vòng một năm rưỡi sau ngày được chẩn đoán. Bây giờ thì đến lượt con gái của Susanna bị nhiều khối u di căn lên não từ căn bệnh ung thư vú. Hy vọng sống được lâu hơn vài tháng chỉ là mong manh. Tôi thật sự không mong nhận được một cuộc điện thoại nào vào lúc đó - tâm trí tôi hoàn toàn tập trung vào hình ảnh điện tử ở trước mặt và vào việc vẽ ra một cách thật chính xác chiến lược thâm nhập vào bên trong não rồi cắt bỏ những khối u di căn mà không làm tổn thương phần mô não ở xung quanh. Nhưng tôi vẫn lắng nghe Susanna qua điện thoại bởi tôi biết rằng bà ấy đang cố nghĩ về điều gì đó - bất kỳ điều gì - có thể giúp mình vượt qua chuyện này.

Tôi vẫn luôn tin rằng khi ai đó đang chịu một gánh nặng từ một căn bệnh có thể gây chết người, thì nói giảm nhẹ sự thật là điều nên làm. Ngăn cản một bệnh nhân ở giai đoạn cuối đang cố bấu víu vào một chút ảo tưởng để giúp họ đương đầu với nguy cơ đi đến cái chết chẳng khác nào không cho họ uống thuốc giảm đau. Gánh nặng này là quá lớn, và tôi có trách nhiệm phải dành thời gian và sự chú ý cho Susanna bất cứ khi nào bà ấy muốn.

“Thưa tiến sĩ A”, Susanna nói, “con gái tôi vừa có một giấc mơ lạ lùng. Cha của con bé xuất hiện trong giấc mơ. Ông ấy nói với con bé rằng mọi chuyện rồi sẽ ổn, rằng con bé không phải lo lắng về cái chết.”

Đây là điều mà tôi đã nghe từ bệnh nhân không biết bao nhiêu lần - tâm trí họ đang làm tất cả những gì có thể để tự trấn an mình trong một hoàn cảnh đau đớn quá sức chịu đựng. Tôi nói với bà ấy rằng đó là một giấc mơ thật tuyệt.

“Nhưng tiến sĩ A ạ, điều lạ lùng nhất là những thứ mà ông ấy mặc trên người. Một cái áo sơ mi màu vàng, và một cái mũ phớt!”

Tôi nói một cách hiền hòa: “Chà, bà Susanna à, tôi đoán là ở trên Thiên đường chẳng có quy định nào về chuyện ăn mặc đâu nhỉ”.

“Không phải”, Susanna nói. “Ý tôi không phải vậy. Thuở chúng tôi mới bắt đầu tìm hiểu nhau, trong buổi hẹn lần đầu, tôi đã tặng George một chiếc áo sơ mi màu vàng. Ông ấy thích mặc nó cùng với một chiếc mũ phớt mềm - cũng là một món quà do tôi tặng. Nhưng cả chiếc áo và cái mũ đó đều bị mất cùng với mớ hành lý bị

thất lạc của chúng tôi khi chúng tôi đang đi nghỉ tuần trăng mật. Lúc đó, ông ấy đã biết là tôi thích nhìn thấy ông ấy mặc và mang hai món đồ ấy biết chừng nào, nhưng chúng tôi chưa bao giờ mua lại hai thứ ấy."

"Tôi chắc là Christina đã được nghe kể nhiều lần câu chuyện tuyệt vời về cái áo sơ mi và chiếc mũ đó, bà Susanna ạ", tôi nói. "Và về những khoảng thời gian khi ông và bà mới quen nhau."

"Không", bà ấy cười thành tiếng, "và đó chính là điều kỳ diệu. Câu chuyện là bí mật nho nhỏ giữa hai chúng tôi. Chúng tôi biết câu chuyện có thể nghe kỳ cục nếu mang ra kể cho một người nào khác. Chúng tôi đã chẳng lần nào nhắc đến cái áo và chiếc mũ phớt đó nữa sau khi chúng bị mất. Christina chưa từng nghe chúng tôi hé răng nửa lời về chuyện này. Christina đã rất sợ phải chết, nhưng giờ đây con bé cảm thấy không có gì phải sợ nữa, hoàn toàn không."

Trong quá trình đọc và tìm hiểu, tôi biết được rằng điều mà bà Susanna kể với tôi là một kiểu xác nhận giấc mơ vẫn thường xuyên xảy ra. Nhưng vào thời điểm tôi nhận được cuộc gọi ấy, tôi vẫn chưa trải qua trải nghiệm cận tử của mình, và lúc ấy tôi hoàn toàn tin vào hiểu biết của mình nên cho rằng những gì Susanna đang kể với tôi là một ảo tưởng phát xuất từ nỗi đau. Trong suốt những năm trong nghề, tôi đã điều trị cho nhiều bệnh nhân có những trải nghiệm khác thường trong thời gian hôn mê hay trong quá trình phẫu thuật. Bất cứ khi nào tôi nghe một ai trong số đó kể lại một trải nghiệm khác thường của họ, giống như của Susanna, tôi luôn lắng nghe và hoàn toàn thông cảm. Và tôi cảm thấy khá chắc rằng những trải nghiệm đó đã thật sự xảy ra - trong tâm trí của họ. Bộ não là cơ quan tinh vi nhất, và thất thường nhất, mà chúng ta có. Thử nghịch với nó một chút, giảm mức ôxy chạy vào bên trong nó chỉ một vài torr (một đơn vị đo áp suất) thôi, chủ nhân của nó sẽ nếm trải ngay sự biến đổi trong thực tại của mình. Hay chính xác hơn, sự biến đổi trong trải nghiệm cá nhân của họ về thực tại. Xét đến những đau đớn về thể xác mà một người bị bệnh não đang phải chịu và các loại thuốc men họ được chỉ định dùng, bạn hầu như có thể đoan chắc rằng, nếu một bệnh nhân có chút ký ức nào khi họ hồi tỉnh, những ký ức này sẽ khá kỳ quặc. Với một bộ não bị tấn công bởi một căn bệnh nhiễm khuẩn chết người và các loại thuốc có khả năng ảnh hưởng đến trí não, bất kỳ điều gì cũng có thể xảy ra. Bất cứ điều gì - ngoại trừ trải nghiệm siêu thực mà tôi đã có khi bị hôn mê.

Tôi bị sốc - kiểu sốc khi ta nhận ra điều gì đó mà lẽ ra đã quá rõ

ràng để không nhận ra - khi nhận ra rằng Susanna đã gọi điện cho tôi lúc đó không phải để được an ủi. Thật ra, và đúng như vậy, bà ấy đang cố an ủi tôi. Nhưng tôi đã không thể nhìn ra được điều này. Tôi đã nghĩ rằng mình đang làm một điều tốt cho Susanna bằng cách giả vờ, một cách yếu ớt và lơ đễnh, tin vào câu chuyện của bà ấy. Nhưng tôi đã không thật sự tin. Và khi nhớ lại cuộc trò chuyện đó và hàng chục cuộc trò chuyện khác tương tự, tôi nhận ra mình sẽ phải đi một quãng đường dài đến thế nào để có thể thuyết phục được các bác sĩ đồng nghiệp tin rằng những điều tôi đã trải qua là *thực*.

31

Ba trường phái tâm linh

"Tôi vẫn giữ quan điểm cho rằng bí ẩn của nhân loại bị hạ thấp đến mức không tưởng bởi chủ nghĩa giản lược khoa học, với lời tuyên bố theo tư tưởng của chủ nghĩa duy vật hứa hẹn, rằng toàn bộ thế giới tâm linh cuối cùng sẽ có thể được lý giải dưới dạng các mô thức hoạt động thần kinh. Niềm tin cần phải được xem là một dạng mê tín... chúng ta cần phải nhận ra chính mình là những sinh vật tâm linh tồn tại trong một thế giới tâm linh, đồng thời cũng là những sinh vật vật chất với cơ thể và bộ não tồn tại trong một thế giới vật chất."

- Sir John C. Eccles (1903-1997)

Nói đến trải nghiệm cận tử, có ba trường phái cơ bản. Những người tin: hoặc là những người đã từng trải qua trải nghiệm cận tử, hoặc những người chỉ đơn giản là dễ dàng chấp nhận những trải nghiệm như thế. Kế đến, dĩ nhiên, là những người kiên quyết không tin (như tôi trước kia). Tuy vậy, những người này lại thường không tự xếp mình vào loại không tin. Họ chỉ đơn giản "biết" rằng bộ não sản sinh ra ý thức và sẽ không chịu ngồi yên để nghe những ý tưởng điên rồ về tâm trí bên ngoài cơ thể (trừ khi họ có thiện ý muốn an ủi ai đó, như suy nghĩ của tôi khi nhận cuộc gọi của Susanna ngày hôm đó).

Rồi đến nhóm trung dung. Nhóm này bao gồm những người đã từng nghe về trải nghiệm cận tử qua đủ mọi phương thức khác nhau, qua sách báo, tài liệu về trải nghiệm cận tử, hoặc qua một người bạn hay người họ hàng của mình đã từng trải qua trải nghiệm cận tử - vì trường hợp này gần đây đã trở nên cực kỳ phổ biến. Những người ở nhóm trung dung này là những người mà câu chuyện của tôi thật sự có thể hữu ích. Những hiểu biết có

được từ trải nghiệm cận tử có khả năng thay đổi cuộc đời. Nhưng khi một người có tâm thức cởi mở để sẵn sàng lắng nghe chia sẻ về trải nghiệm cận tử hỏi một vị bác sĩ hay một nhà khoa học - những người mà trong xã hội chúng ta là những vị "thần giữ cửa", chính thức quyết định vấn đề liên quan đến những gì có thật và không có thật - thì họ hầu như luôn nhận được câu trả lời, nhẹ nhàng nhưng quả quyết, rằng trải nghiệm cận tử chỉ là những ảo tưởng: là sản phẩm của một bộ não đang nỗ lực để bám víu vào sự sống, ngoài ra chẳng có gì hơn.

Là một bác sĩ đã trải qua những gì mình đã trải qua, tôi có thể kể lại một câu chuyện hoàn toàn khác. Càng nghĩ về điều này, tôi càng cảm thấy mình có nghĩa vụ phải làm như vậy.

Tôi lần lượt rà soát lại những giả thuyết mà tôi biết rằng các đồng nghiệp, và bản thân mình trước kia, sẽ đưa ra để "giải thích" những gì đã xảy ra với tôi. (Để xem chi tiết, xin hãy đọc phần tóm tắt các giả thuyết khoa học thần kinh ở Phụ lục B.)

Phải chăng trải nghiệm của tôi là một chương trình của cuống não sơ khai nhằm xoa dịu cảm giác đau đớn và khổ sở của con người vào phút lâm chung - có thể đây là dấu tích của chiến thuật "giả chết" mà các loài động vật có vú bậc thấp thường sử dụng? Tôi loại bỏ giả thuyết này ngay lập tức. Đơn giản là những trải nghiệm của tôi, ở những mức độ vô cùng tinh vi của thính giác và thị giác, và với khả năng lĩnh hội ý nghĩa ở mức độ cao như thế, không thể nào là sản phẩm của phần bò sát bên trong bộ não của tôi được.

Phải chăng đó là những ký ức sai lệch từ những phần sâu hơn của hệ limbic (hệ viền) - phần não tạo ra nhận thức cảm xúc của tôi? Một lần nữa, câu trả lời cũng là không - nếu không có phần vỏ não mới đang hoạt động, hệ viền của não không có cách nào sản sinh ra được những hình ảnh rõ ràng và logic như những gì tôi đã trải qua.

Phải chăng trải nghiệm của tôi là một dạng ảo giác được gây ra bởi một số (trong nhiều) loại thuốc mà các bác sĩ cho tôi dùng lúc đó? Giả thuyết này cũng không đúng - tất cả những loại thuốc này đều tác động vào các thụ thể ở vỏ não mới. Và nếu vỏ não mới không hoạt động, sẽ chẳng có cơ sở nào để thuốc phát huy tác dụng.

Còn giả thuyết về giấc ngủ REM thì sao? Đây là tên gọi của một hội chứng (REM: viết tắt của Rapid Eye Movement, có nghĩa là "chuyển động mắt nhanh"; giấc ngủ REM là giai đoạn ngủ khi

những giấc mơ xuất hiện). Hội chứng này xảy ra khi các chất dẫn truyền thần kinh tự nhiên như serotonin tương tác với các thụ thể ở vỏ não mới. Rất tiếc, giả thuyết này cũng không đúng. Giấc ngủ REM chỉ có thể xảy ra khi có một vỏ não mới đang hoạt động, mà trong trường hợp của tôi lúc đó thì không.

Kế đến là giả thuyết về hiện tượng được biết đến dưới tên gọi là "nhiễm DMT". Trong tình huống này, tuyến tùng phản ứng với sự căng thẳng khi bộ não nhận biết tình trạng hiểm nguy bằng cách sản xuất ra một chất gọi là DMT (hay N,N-dimethyltryptamine). DMT giống với serotonin về mặt cấu trúc và có thể tạo ra một trạng thái phiêu diêu cực độ. Tôi chưa từng có trải nghiệm nào với DMT, cho đến bây giờ, nhưng tôi không tranh cãi với những ai nói rằng DMT có thể tạo ra những trải nghiệm ảo giác mãnh liệt; có thể là một trải nghiệm ảo nhưng chứa đựng những ngụ ý chân thật, giúp chúng ta hiểu được thực chất của những khái niệm như ý thức, và thực tại.

Tuy vậy, sự thật là phần não mà DMT có ảnh hưởng đến (phần vỏ não mới) trong trường hợp của tôi lại không "có mặt" ở đó để bị ảnh hưởng. Do đó, để "giải thích" những gì đã xảy đến với tôi, giả thuyết nhiễm DMT cũng không đủ căn cứ như các giả thuyết được xem là khả dĩ khác, với cùng một lý do mấu chốt như nhau. Các chất gây ảo giác tác động vào vỏ não mới, và vỏ não mới của tôi lúc đó không hiện diện để có thể bị ảnh hưởng.

Giả thuyết cuối cùng mà tôi xem xét là "hiện tượng khởi động lại". Hiện tượng này giải thích trải nghiệm của tôi như là một tập hợp những hồi ức và suy nghĩ về cơ bản là rời rạc còn sót lại trước khi vỏ não của tôi hoàn toàn bị đánh sập. Giống như một chiếc máy vi tính đang khởi động lại và đang lưu lại dữ liệu nhiều nhất có thể sau khi toàn hệ thống bị lỗi, bộ não của tôi có lẽ cũng đã cố gắng hết sức để lắp ghép những phần rời rạc còn lại này và tạo ra trải nghiệm mà tôi đã có. Điều này có thể xảy đến khi tái khởi động vỏ não để ý thức quay trở lại sau một thời gian ngưng hoạt động kéo dài do lỗi toàn hệ thống, như trong bệnh viêm màng não lan tỏa của tôi. Nhưng giả thuyết này là khó khả dĩ khi xét tới sự đa tình tiết và tương giao giữa những hồi ức rất chi tiết của tôi. Khi đã nếm trải một cách sâu sắc bản chất phi tuyến tính của thời gian trong thế giới tâm linh, giờ đây tôi có thể hiểu được tại sao rất nhiều nội dung viết về khía cạnh tâm linh lại có vẻ lệch lạc hay đơn giản là phi lý khi nhìn từ quan điểm thế gian của chúng ta. Trong những thế giới bên trên thế giới này, cách vận hành của thời gian đơn giản là không giống như nơi này. Trong những thế giới đó, không nhất thiết là mọi thứ xảy ra theo trình tự. Một

khoảnh khắc có thể dài như cả một đời, và một hay vài kiếp sống có thể chỉ như trong khoảnh khắc. Nhưng dù cho thời gian không vận hành theo cách thông thường (theo cách của chúng ta) trong những thế giới bên trên này, điều đó không có nghĩa là nó lộn xộn, và những hồi ức của chính tôi từ thời điểm tôi rơi vào hôn mê đều rất rõ ràng. Sự kết nối gần gũi nhất với trần thế mà tôi có trong trải nghiệm của mình, nói theo thời gian tương đối, là những tương tác của tôi với Susan Reintjes khi cô ấy kết nối với tôi vào đêm thứ tư và thứ năm, và sự xuất hiện của sáu gương mặt ở chặng cuối hành trình của tôi. Bất kỳ sự trùng hợp nào về thời gian giữa các sự kiện trên trái đất và trong hành trình của tôi ở bên trên trái đất là hoàn toàn có tính phỏng đoán, bạn có thể nói như vậy!

Càng tìm hiểu nhiều hơn về trường hợp của mình, và càng tìm cách lý giải những gì đã xảy ra dựa vào những tài liệu khoa học hiện thời, tôi càng thấy giả thuyết này là hoàn toàn không có cơ sở. Mọi thứ - sự sáng tỏ lạ thường trong nhận thức của tôi, sự thông suốt và rõ ràng của suy nghĩ của tôi như một dòng chảy ý niệm thuần khiết - đều cho thấy một sự vận hành của bộ não ở mức cao hơn, hoàn toàn không phải thấp hơn. Nhưng khi đó, phần não cao hơn của tôi lại vắng mặt để có thể tạo ra những thứ này.

Càng đọc những lý giải "có cơ sở khoa học" về trải nghiệm cận tử, tôi càng sốc bởi sự hời hợt rõ rệt của chúng. Và tôi cũng buồn bã nhận ra rằng những lý lẽ này chính xác là những gì mà "tôi" trước đây đã viện đến một cách mơ hồ nếu có ai đó nhờ tôi "giải thích" trải nghiệm cận tử là gì.

Nhưng chúng ta đâu thể trông đợi những người không phải là bác sĩ có thể biết được điều này. Nếu những chuyện xảy đến với tôi lại xảy ra với một người nào khác - bất kỳ người nào - thì bản thân trải nghiệm đó cũng đã là đáng kinh ngạc. Nhưng nó lại xảy ra với tôi… Chà, nói rằng việc này xảy ra "là có lý do" khiến tôi có hơi bối rối. Tôi vẫn còn bên trong đủ nhiều cái phần bác sĩ trước đây để biết rằng điều này nghe kỳ quặc và khó chấp nhận - thật ra là nghe đạo to búa lớn - đến thế nào. Nhưng khi tôi gom góp lại toàn bộ những chi tiết hoàn toàn không khả dĩ đó - và nhất là khi tôi xét đến việc bệnh viêm màng não do vi khuẩn *E. coli* là nguyên nhân hoàn hảo đến thế nào trong việc đánh sập vỏ não của tôi, và sự phục hồi hoàn toàn và nhanh chóng của tôi từ một tình trạng bị hủy hoại gần như chắc chắn - thì tôi chỉ còn có cách là nghiêm túc nhìn nhận khả năng mọi chuyện thật sự đã xảy ra vì một lý do nào đó.

Điều này chỉ khiến tôi càng cảm thấy mình có trách nhiệm hơn trong việc kể lại câu chuyện của mình một cách đúng đắn.

Tôi luôn tự hào về việc mình thường xuyên cập nhật những nghiên cứu y khoa mới nhất trong lĩnh vực của mình, và tham gia đóng góp bằng việc chia sẻ khi tìm thấy điều gì đó có giá trị. Việc tôi đã đi như tên lửa ra khỏi thế giới này và vào trong một thế giới khác là một khám phá - một khám phá y khoa đích thực - và giờ đây khi đã quay trở lại, tôi sẽ không hạ thấp giá trị của nó. Ở khía cạnh y khoa, khả năng tôi hồi phục hoàn toàn là bằng không, là một phép màu trong y học. Nhưng câu chuyện thật sự nằm ở những nơi mà tôi đã đến, và tôi có nhiệm vụ kể lại câu chuyện này, không chỉ với tư cách là một nhà khoa học và một người tôn trọng sâu sắc phương pháp khoa học, mà còn với tư cách một thầy thuốc. Một câu chuyện - một câu chuyện thật sự - có khả năng chữa lành chẳng kém thuốc men. Susanna đã biết được điều đó khi bà ấy gọi điện đến văn phòng tôi ngày hôm ấy. Và bản thân tôi đã thật sự trải nghiệm điều này khi tôi nhận được tin tức từ gia đình ruột của mình. Những gì đã xảy đến với tôi cũng là những tin tức chữa lành. Tôi sẽ là loại thầy thuốc như thế nào nếu tôi không chia sẻ nó chứ?

Chỉ sau hơn hai năm kể từ khi tôi hồi tỉnh khỏi cơn hôn mê, tôi đến thăm một người bạn thân và cũng là một đồng nghiệp đang là trưởng khoa của một trong những trung tâm khoa học thần kinh học thuật hàng đầu trên thế giới. Tôi đã biết John (không phải là tên thật của anh ấy) cả mấy chục năm và xem anh ấy là một con người tuyệt vời, một nhà khoa học ưu tú nhất.

Tôi kể cho John nghe một phần câu chuyện về hành trình tâm linh của mình khi đang bị hôn mê sâu, và anh ấy trông vô cùng kinh ngạc. Không phải vì sự điên rồ của tôi, mà như thể cuối cùng anh ấy cũng hiểu được một điều gì đó mà anh ấy đã thắc mắc trong suốt một thời gian dài.

Hóa ra là cách đây khoảng một năm, cha của John cận kề cái chết sau suốt năm năm bệnh tật. Ông nằm một chỗ, loạn trí, đau đớn, và chỉ mong được chết.

“Làm ơn đi con”, cha của John đã cầu xin John khi đang hấp hối. “Hãy cho cha vài viên thuốc, hay thứ gì đó. Cha không thể tiếp tục như thế này được nữa.”

Rồi đột nhiên cha anh ấy trở nên minh mẫn hơn bất cứ lúc nào trong vòng hai năm trở lại đó, khi ông ấy bàn luận về những

chiêm nghiệm sâu sắc về cuộc đời mình và về gia đình. Rồi ông ấy đưa mắt nhìn sang bên và bắt đầu nói vào khoảng không, ở phía cuối giường mình. Lắng nghe những gì ông ấy nói, John nhận ra rằng cha mình đang nói chuyện với người mẹ quá cố của ông. Bà nội của John đã mất sáu mươi lăm năm trước, khi cha anh chỉ mới là một thiếu niên. Ông hiếm khi nhắc về bà từ khi John còn nhỏ, nhưng giờ thì ông lại đang trò chuyện rôm rả và vui vẻ với bà. John không thể nhìn thấy bà nhưng hoàn toàn tin rằng linh hồn của bà đang ở đó để đón linh hồn của cha anh về nhà.

Sau vài phút như thế, cha của John trở lại nhìn vào anh ấy, với ánh mắt hoàn toàn khác hẳn. Ông mỉm cười, và rõ ràng ông đang rất thanh thản, hơn bất cứ lúc nào mà John có thể nhớ được về ông trước kia.

“Ngủ đi, cha”, John nói. “Cha chỉ cần thả lỏng. Mọi việc ổn cả.”

Cha của John làm đúng như vậy. Ông nhắm mắt, thả mình trôi đi với nét mặt hoàn toàn bình an. Một lúc sau đó, ông qua đời.

John cảm thấy sự gặp gỡ giữa cha và người bà đã khuất của mình xảy ra rất thật, nhưng anh không biết phải nhìn nhận việc đó như thế nào, bởi, là một bác sĩ, anh biết rằng những điều như vậy là “không thể”. Nhiều người khác cũng chứng kiến những người già bị lẫn bỗng trở nên minh mẫn chưa từng có ngay trước khi họ qua đời, như John đã nhìn thấy ở cha mình (một hiện tượng được biết đến với tên gọi là “hồi quang phản chiếu”). Không có một sự lý giải nào trong lĩnh vực khoa học thần kinh cho điều này. Nghe câu chuyện của tôi, anh ấy dường như vừa được cấp tờ giấy phép mà anh ấy đã mong ước bấy lâu, đó là được phép tin vào những gì mình tận mắt chứng kiến - để biết cái chân lý sâu sắc và đầy an ủi ấy: rằng bản thể tâm linh vĩnh cửu của chúng ta thật hơn bất cứ thứ gì chúng ta nhận thức được trong thế giới vật chất này, và nó có một sự kết nối thiêng liêng với tình yêu vô tận của Đấng Sáng Tạo.

32

Trở lại nhà thờ

"Chỉ có hai cách để sống cuộc đời của bạn. Một là sống như thể không có gì gọi là phép màu. Hai là sống như thể mọi thứ đều là phép màu."

- Albert Einstein (1879-1955)

Mãi đến tháng Mười Hai năm 2008, tôi mới có dịp quay lại nhà thờ, khi Holley nài nỉ tôi đi lễ vào Chủ nhật thứ hai của Mùa Vọng. Tôi vẫn còn yếu, đi đứng còn chưa vững và vẫn thiếu cân. Holley và tôi ngồi ở dãy ghế đầu. Ngày hôm đó, Michael Sullivan chủ trì buổi lễ, và ông ấy lại gần tôi và hỏi tôi có muốn thắp cây nến thứ hai trên vòng hoa Mùa Vọng không. Tôi không muốn, nhưng có điều gì đó thôi thúc tôi nhận lời. Tôi đứng dậy, đặt một bàn tay lên cái trụ bằng đồng, rồi bước đi về phía tiền sảnh dễ dàng đến không ngờ.

Ký ức về khoảng thời gian ở bên ngoài cơ thể của tôi vẫn còn trần trụi và tươi nguyên, và ở đây, bất cứ chỗ nào tôi nhìn vào, tôi đều nhìn thấy thứ nghệ thuật và nghe thấy thứ âm nhạc mà ngay lập tức đưa tôi trở về với những ký ức đó, cho dù trước kia, ở chính nơi này, tôi lại không có cảm xúc gì đặc biệt. Những nốt trầm đều đặn của bài thánh ca khiến tôi lại như nghe thấy tiếng gầm thô ráp, đau khổ ở Cảnh Giới Tầm Nhìn Của Giun Đất. Những ô cửa sổ bằng kính có hình những áng mây và các thiên thần mang tâm trí tôi trở lại với vẻ đẹp thiên đường của Lối Vào. Một bức tranh vẽ Chúa Jesus đang bẻ bánh phân phát cho các môn đệ gợi lên sự tương thông ở Cốt Lõi. Tôi rùng mình nhớ lại phúc lành của tình yêu vô điều kiện và vô biên mà tôi đã biết đến ở chốn ấy.

Cuối cùng, tôi đã hiểu được tôn giáo thật sự là gì. Hay ít ra, tôn

giáo chân chính nên là gì. Tôi không chỉ tin vào Chúa; tôi biết Ngài. Khi tôi khập khiễng đi về phía bệ thờ để được ban Thánh Thể, nước mắt chảy dài xuống hai má tôi.

33

Bí ẩn về ý thức

"Nếu bạn muốn trở thành một người đi tìm chân lý đích thực, thì ít nhất một lần trong đời, bạn cần phải hoài nghi, hoài nghi nhiều nhất có thể, về tất thảy mọi thứ."

- René Descartes (1596-1650)

Phải sau khoảng hai tháng thì mọi kiến thức về giải phẫu thần kinh mới trở lại trọn vẹn trong trí tôi. Tạm thời chưa đề cập đến việc kiến thức quay trở lại là một sự thật kỳ diệu ở khía cạnh cơ bản (cho đến hiện giờ vẫn chưa có tiền lệ y học nào cho trường hợp não bị tấn công trong một thời gian dài ở một mức độ nghiêm trọng như thế bởi vi khuẩn gram âm như *E. coli* lại có thể hồi phục hoàn toàn mọi khả năng hoạt động như trong trường hợp của tôi), nhưng một khi mọi thứ đã trở lại, tôi lại tiếp tục vật lộn với việc những gì tôi đã học được trong bốn thập niên nghiên cứu và làm việc về bộ não con người, về vũ trụ, và những gì tạo nên thực tại mâu thuẫn với những gì tôi đã trải qua trong suốt bảy ngày bị hôn mê. Vào thời điểm rơi vào hôn mê, tôi là một bác sĩ sống trong thế giới này, và đã dành trọn sự nghiệp của mình làm việc tại một số những viện nghiên cứu uy tín nhất trên thế giới, cố gắng tìm hiểu những mối tương quan giữa bộ não con người và ý thức. Không phải là tôi không tin vào ý thức. Chỉ là tôi hiểu hơn hầu hết mọi người rằng khả năng ý thức có thể tồn tại một cách độc lập là hoàn toàn không có cơ sở - hoàn toàn không!

Vào những năm 1920, nhà vật lý Werner Heisenberg (và những nhà sáng lập ngành cơ học lượng tử khác) đã có một khám phá kỳ lạ đến nỗi thế giới đến nay vẫn chưa hoàn toàn chấp nhận được nó. Khi quan sát các hiện tượng hạ nguyên tử, việc chia tách hoàn toàn người quan sát (ở đây là nhà khoa học đang thực hiện thí

nghiệm này) khỏi đối tượng được quan sát là không thể được. Trong thế giới đời sống hằng ngày của mình, chúng ta dễ dàng bỏ qua sự thật này. Chúng ta nhìn thấy vũ trụ như một nơi đầy ắp những vật thể tách biệt (bàn và ghế, con người và các hành tinh), đôi khi tương tác với nhau, nhưng về cơ bản là vẫn tồn tại riêng rẽ. Tuy nhiên, trên bình diện hạ nguyên tử, vũ trụ gồm những vật thể riêng rẽ này hóa ra lại hoàn toàn là ảo tưởng. Trong thế giới của những vật thể siêu-siêu-nhỏ, mọi vật thể trong thế giới vật chất đều kết nối một cách mật thiết với mọi vật thể khác. Thật ra là không hề có những cái được gọi là "vật thể" trong thế giới này, mà chỉ có các rung động về năng lượng và các mối quan hệ.

Ý nghĩa của điều này đáng ra là rất hiển nhiên, dù không nhiều người thấy như vậy. Việc theo đuổi thực tại cốt lõi của vũ trụ mà không dùng đến ý thức là hoàn toàn không thể. Ý thức không hề là một sản phẩm phụ và thứ yếu của các quá trình vật chất (như quan điểm của tôi trước khi hôn mê); ý thức không chỉ rất *thực* - thật ra nó còn *thực* hơn toàn bộ sự tồn tại vật chất còn lại, và rất có thể là thứ cơ bản nhất trong mọi thứ. Nhưng những sự thật này vẫn chưa bao giờ thật sự được xem là điều cốt yếu trong cái nhìn của khoa học về thực tại. Nhiều nhà khoa học vẫn đang cố gắng làm như thế, nhưng cho đến lúc này vẫn chưa có một "thuyết vạn vật" thống nhất có khả năng kết hợp các quy luật của cơ học lượng tử với những quy luật của thuyết tương đối theo một cách mà có thể bao hàm cả ý thức.

Mọi vật thể trong vũ trụ vật chất được tạo thành từ các nguyên tử. Đến lượt các nguyên tử lại được tạo thành bởi các proton, electron, và neutron. Và đây là các hạt cơ bản (theo khám phá của các nhà khoa học vào những năm đầu của thế kỷ 20). Và các hạt thì được tạo thành bởi... Chà, thật tình thì các nhà vật lý cũng không thật sự biết. Nhưng có một điều chúng ta biết về các hạt, đó là mỗi hạt đều được kết nối với tất cả các hạt khác trong vũ trụ. Ở tầng sâu nhất, tất cả chúng đều liên kết với nhau.

Trước khi tôi trải nghiệm được những gì ở bên trên thế giới này, tôi đã có nhận thức khái quát về tất cả những ý niệm khoa học hiện đại này, nhưng những ý niệm đó xa vời với tôi. Trong thế giới mà tôi sống và gắn bó - thế giới của những ô-tô, nhà cửa, bàn mổ và những bệnh nhân mà việc họ hồi phục tốt hay không một phần tùy thuộc vào việc ca mổ của tôi có thành công hay không, những sự thật về vật lý hạ nguyên tử nói trên là những chuyện xa vời và tách biệt với thế giới của tôi. Chúng có thể là sự thật nhưng lại chẳng liên quan gì đến thực tại hằng ngày của tôi.

Nhưng khi đã rời khỏi cơ thể vật chất của mình, tôi đã trải nghiệm trực tiếp những sự thật này. Thật ra, tôi có thể tự tin nói rằng, khi ở Lối Vào và Cốt Lõi, tôi cũng đang "làm khoa học", dù lúc đó tôi không biết đến thuật ngữ này. Thứ khoa học dựa trên công cụ nghiên cứu khoa học chân thật nhất và tinh tế nhất mà ta sở hữu:

Chính là ý thức.

Càng đào sâu hơn, tôi càng bị thuyết phục rằng khám phá của tôi không đơn thuần là một khám phá thú vị hay đáng chú ý. Nó là một khám phá khoa học. Tùy vào việc bạn đang nói chuyện với ai, ý thức có thể hoặc là một bí ẩn vĩ đại nhất mà khoa học đang cần chứng minh, hoặc là một thứ hoàn toàn chẳng đáng bận tâm. Điều đáng ngạc nhiên là ngày càng nhiều các nhà khoa học tin vào vế sau. Đối với nhiều, hay hầu hết, các nhà khoa học, ý thức thật sự không đáng bận tâm bởi nó chỉ là một sản phẩm phụ của các quá trình vật chất. Nhiều nhà khoa học còn đi xa hơn khi nói rằng ý thức không chỉ là một hiện tượng thứ yếu, mà hơn nữa, nó thậm chí còn không *thực*.

Tuy vậy, nhiều nhà nghiên cứu hàng đầu trong lĩnh vực khoa học thần kinh về ý thức và triết lý về tâm trí lại không tán thành nhận định này. Trong một vài thập niên qua, họ đã tiến đến việc nhận ra "vấn đề khó khăn về ý thức". Dù ý tưởng này đã được đề cập đến từ hàng thập niên trước, chính David Chalmers mới là người chính thức định nghĩa nó trong quyển sách xuất sắc được xuất bản năm 1996 của mình, có tên là *The Conscious Mind* (tạm dịch: Tâm trí có ý thức). Vấn đề khó khăn này đề cập đến bản thân sự tồn tại của kinh nghiệm ý thức và có thể được chắt lọc lại thành các câu hỏi sau:

Ý thức biểu hiện ra ngoài sự vận hành của bộ não người như thế nào?

Nó liên quan như thế nào đến hành vi mà nó đi kèm?

Thế giới qua nhận thức liên quan như thế nào đến thế giới thực?

Vấn đề khó khăn này khó giải quyết đến nỗi một vài nhà nghiên cứu đã nói rằng câu trả lời hoàn toàn nằm ngoài phạm vi "khoa học". Tuy nhiên, việc hiện tượng ý thức nằm ngoài biên giới của khoa học hiện thời không có nghĩa là nó là thứ yếu; thật ra, đây chính là một manh mối để chúng ta khám phá ra vai trò sâu sắc của nó trong vũ trụ này, một vai trò vượt trên sự hiểu biết của chúng ta.

Sự thống trị của phương pháp khoa học chỉ đơn thuần dựa trên thế giới vật chất trong suốt hơn bốn trăm năm qua đã tạo ra một vấn đề lớn: chúng ta đã mất liên lạc với bí ẩn sâu sắc nằm ở trung tâm của sự tồn tại - ý thức của chúng ta. Ý thức (được nói đến bằng nhiều tên gọi khác nhau và từ những thế giới quan khác nhau) là một ý niệm đã được biết đến rộng rãi và nắm giữ bởi các tôn giáo tiền hiện đại, nhưng nó đã trở nên nhạt nhòa trong nền văn hóa phương Tây thế tục, khi mà chúng ta càng lúc càng mê đắm sức mạnh của công nghệ và khoa học hiện đại.

Cùng với tất cả những thành công của nền văn minh phương Tây, thế giới đã phải trả giá bằng phần quan trọng nhất của sự hiện hữu - phần tâm linh của con người. Mặt tối của công nghệ cao - chiến tranh hiện đại, việc giết người và tự sát, sự thoái hóa của đời sống đô thị, sự hỗn loạn của hệ sinh thái, nguy cơ thảm họa do biến đổi khí hậu, sự phân cực của các nguồn tài nguyên kinh tế - đã đủ tệ hại. Tệ hơn nữa là, việc chúng ta quá chú trọng vào phát triển khoa học và công nghệ theo cấp số nhân đã khiến cho nhiều người trong chúng ta gần như bị tước đoạt đi niềm vui và ý nghĩa cuộc sống; bị tước đoạt đi sự hiểu biết rằng cuộc sống của mỗi chúng ta là một mảnh ghép hoàn hảo trong sự tồn tại bao la và vĩnh hằng.

Chúng ta đều thấy rằng những câu hỏi liên quan đến linh hồn, kiếp sau, sự đầu thai, Thượng đế, và Thiên đường là những câu hỏi khó có thể được trả lời thông qua các phương tiện khoa học thông thường - các phương tiện vốn đã luôn hàm ý rằng những ý niệm trên có lẽ là không tồn tại. Cũng tương tự như vậy, các hiện tượng ý thức mở rộng hơn, chẳng hạn như khả năng nhìn xa, ngoại cảm, di chuyển đồ vật từ xa, thần nhãn, thần giao cách cảm, và khả năng dự cảm về tương lai, dường như ngoan cố kháng cự với việc hiểu biết thông qua những nghiên cứu khoa học "đúng chuẩn". Trước khi trải qua thời gian hôn mê, tôi đã luôn hoài nghi tính xác thực của những ý niệm trên, chủ yếu là do tôi chưa từng có trải nghiệm về chúng ở một mức độ sâu sắc, và vì thế giới quan khoa học giản đơn của tôi không dễ dàng lý giải được chúng.

Cũng giống như nhiều người theo xu hướng hoài nghi khác trong giới khoa học, tôi thậm chí từ chối xem xét những dữ liệu về các câu hỏi liên quan đến những hiện tượng này. Tôi xét đoán các dữ liệu này và những người cung cấp chúng, bởi góc nhìn hạn hẹp của tôi không có một ý niệm dù là mờ nhạt nhất về khả năng những điều như vậy có thể xảy ra. Những ai khẳng định rằng không hề có bằng chứng về những hiện tượng cho thấy có sự tồn tại của ý thức mở rộng, bất chấp việc có vô số bằng chứng chứng

minh điều ngược lại, đều là những kẻ cố tình ngu dốt. Họ tin rằng mình biết sự thật mà không cần phải nhìn vào những dữ kiện.

Với những ai còn bị kẹt trong cái bẫy của chủ nghĩa hoài nghi khoa học, tôi xin giới thiệu quyển sách *Irreducible Mind: Toward a Psychology for the 21st Century* (tạm dịch: Tâm trí bất khả quy giản: Hướng về tâm lý học cho thế kỷ 21), được xuất bản vào năm 2007. Bằng chứng cho thấy ý thức tồn tại bên ngoài cơ thể được trình bày một cách rành mạch trong quyển sách này, với những phân tích tuân thủ phương pháp khoa học một cách nghiêm ngặt. *Irreducible Mind* là một tác phẩm cột mốc của một nhóm tác giả rất có uy tín, làm việc ở Phân hiệu Nghiên cứu về Nhận thức (the Division of Perceptual Studies), có trụ sở tại trường Đại học Virginia. Các tác giả đưa ra những xem xét thấu đáo về các dữ liệu có liên quan, và kết luận không thể tránh khỏi là: những hiện tượng này là có thật, và chúng ta phải tìm cách để hiểu bản chất của chúng nếu chúng ta muốn hiểu được thực tế sự tồn tại của mình.

Chúng ta đã bị cám dỗ theo lối suy nghĩ cho rằng thế giới quan khoa học đang nhanh chóng tiến đến Thuyết Vạn Vật, và như vậy thì có lẽ sẽ không còn chỗ cho linh hồn hay đời sống tâm linh của chúng ta, hay Thiên đường, hay Thượng đế. Hành trình đi sâu vào trong cơn hôn mê của tôi, ra khỏi thế giới vật chất ở tầng thấp này và đi vào nơi trú ngụ cao cả của Đấng Tạo Hóa toàn năng, đã cho tôi thấy được rằng có một vực thẳm bao la mà ngôn từ không thể diễn tả tồn tại giữa tri thức của loài người chúng ta và cõi giới lớn lao diệu kỳ của Thượng đế.

Mỗi người trong chúng ta đều quen thuộc với ý thức hơn bất kỳ điều gì khác, thế nhưng chúng ta lại hiểu biết về những phần còn lại của vũ trụ nhiều hơn rất nhiều so với những gì chúng ta hiểu về cơ chế vận hành của ý thức. Ý thức quá gần gũi và mật thiết với chúng ta đến nỗi nó gần như mãi mãi vượt quá khả năng lĩnh hội của chúng ta. Tính chất vật lý của thế giới vật chất (hạt quark, electron, hạt photon, nguyên tử...) và đặc biệt là cấu trúc tinh vi và phức tạp của bộ não không cho chúng ta một manh mối nào, dù là mờ nhạt nhất, về cơ chế vận hành của ý thức.

Thật ra, manh mối lớn nhất để chúng ta nhận thức được thực tại của thế giới tâm linh chính là bí ẩn sâu sắc này về sự tồn tại của ý thức của chúng ta. Bí ẩn này hoàn toàn vượt khỏi khả năng khám phá của các nhà vật lý học hay các nhà khoa học thần kinh, và chính sự thất bại này của họ đã gây ra tình trạng mối quan hệ mật thiết giữa ý thức và cơ học lượng tử, tức thực tại vật chất, bị che

mờ.

Để thật sự nghiên cứu vũ trụ ở một mức độ sâu sắc, chúng ta phải thừa nhận vai trò nền tảng của ý thức trong việc tạo nên bức tranh thực tại. Những thử nghiệm trong cơ học lượng tử đã gây sửng sốt cho chính những người thông thái là cha đẻ của lĩnh vực này, và nhiều người trong số đó (đơn cử một vài cái tên như Werner Heisenberg, Wolfgang Pauli, Niels Bohr, Erwin Schrödinger, Sir James Jeans) đã tìm đến với thế giới quan thần bí để tìm kiếm câu trả lời. Họ đã nhận ra rằng chúng ta không thể nào tách người làm thí nghiệm khỏi thí nghiệm và lý giải thực tế mà không thông qua ý thức. Khi ở thế giới bên ngoài cơ thể, tôi đã khám phá ra sự bao la và phức tạp vô cùng của vũ trụ, ngoài khả năng diễn đạt của mọi ngôn từ, và rằng ý thức chính là nền tảng của toàn thể vũ trụ đang hiện hữu đó. Tôi và thế giới mà tôi đang di chuyển trong đó đã hoàn toàn kết nối đến mức thường xuyên không có sự phân biệt thật sự nào giữa "tôi" và nó. Nếu phải tóm gọn lại tất cả những điều này, thì điều đầu tiên tôi sẽ nói là, vũ trụ này rộng lớn hơn nhiều so với những gì người ta nhìn thấy được tức thời ở hình tướng bên ngoài của nó. (Đây thật ra chẳng phải là một phát hiện có tính cách mạng gì, bởi khoa học thường thức cũng công nhận rằng 96% vũ trụ được tạo thành từ "vật chất và năng lượng tối". Những thực thể tối này là gì vậy?[1] Cho đến giờ vẫn chưa ai biết. Nhưng điều khiến cho trải nghiệm của tôi khác thường chính là việc tôi đã được trải nghiệm vai trò cơ bản của ý thức, hay linh hồn, một cách tức thời đến choáng ngợp. Điều tôi học được ở thế giới trên kia không phải là lý thuyết, mà là một thực tế tức thời và choáng ngợp, như đang ở Bắc cực và bị một luồng không khí giá rét táp vào mặt.) Điều thứ hai là: chúng ta - mỗi chúng ta - đều kết nối, một cách vi tế và không thể tách rời với vũ trụ rộng lớn hơn. Đó mới chính là ngôi nhà thật sự của chúng ta, và việc nghĩ rằng thế giới vật chất này là tất cả những gì quan trọng chẳng khác nào tự nhốt mình vào trong một cái tủ nhỏ hẹp rồi tưởng tượng rằng chẳng còn gì khác ở bên ngoài không gian nhỏ hẹp đó nữa. Và điều thứ ba là: sức mạnh chủ chốt của *niềm tin* trong việc tạo điều kiện cho "tâm trí-thắng-vật chất". Khi còn là một sinh viên y khoa, tôi vẫn thường bị bối rối bởi sức mạnh của hiệu ứng giả dược - rằng các nghiên cứu y học phải xử lý đến khoảng 30% sai lệch trong kết quả nghiên cứu do niềm tin của bệnh nhân về lợi ích có được từ loại thuốc mà họ được cho dùng, dù loại thuốc này chỉ đơn giản là một chất trơ. Thay vì nhìn thấy được sức mạnh tiềm ẩn của niềm tin và ảnh hưởng của nó đến sức khỏe của chúng ta, ngành y lại có góc nhìn "chiếc ly vơi nửa" - rằng hiệu ứng giả dược là một trở ngại đối với việc chứng

minh hiệu quả của một phương thức điều trị.

---

[1] 70% vũ trụ là "năng lượng tối". Nguồn lực đầy huyền bí này đã được các nhà thiên văn học phát hiện vào giữa những năm 1990 khi họ tìm thấy bằng chứng không thể chối cãi căn cứ vào siêu tân tinh loại Ia, rằng trong suốt năm tỷ năm qua, vũ trụ đang rơi lên - rằng tốc độ mở rộng của toàn thể không gian đang càng lúc càng tăng. 26% còn lại là "vật chất tối", là thứ lực hấp dẫn "vượt quá mức" một cách bất thường mà hơn một vài thập niên qua đã bộc lộ ra trong sự xoay của các thiên hà và cụm thiên hà. Người ta có thể đưa ra các lý giải khác nhau, nhưng những bí ẩn của các thế giới bên trên sẽ không bao giờ dừng lại.

Bên trong cốt lõi của bí ẩn cơ học lượng tử, ta tìm thấy sự sai lầm trong ý niệm của chúng ta về vị trí trong không gian và thời gian. Phần còn lại của vũ trụ - tức phần chiếm đại đa số rộng lớn vô cùng của nó - thật ra không ở quá xa chúng ta về mặt không gian. Đúng vậy, không gian vật lý dường như có vẻ thật, nhưng nó vẫn có giới hạn. Toàn bộ chiều dài và chiều cao của vũ trụ vật chất không là gì so với thế giới tâm linh mà từ đó nó biểu hiện ra - cõi giới của ý thức hay tâm thức (một vài người có thể gọi là "nguồn sống").

Phần vũ trụ còn lại rộng lớn vô cùng này chẳng phải "ở nơi nào đó xa xôi" như mọi người vẫn nghĩ. Thật ra là nó ở ngay đây - ngay nơi tôi đang ngồi viết ra những dòng này, và ngay nơi bạn đang ngồi và đọc chúng. Nó không xa xôi về mặt vật lý, nó chỉ đơn giản là tồn tại ở một tần số khác. Nó ở ngay đây, ngay bây giờ, nhưng chúng ta không nhận thức được nó bởi chúng ta đa phần gần với những tần số mà nó biểu hiện ra thành hình tướng. Chúng ta sống trong các chiều không gian và thời gian thân thuộc, bị bó hẹp trong những giới hạn đặc thù của các giác quan và trong phổ nhận thức ở nhiều cấp độ từ hạ nguyên tử cho đến toàn thể vũ trụ. Những chiều không gian và thời gian này, tuy có rất nhiều thứ diễn ra bên trong, nhưng cũng đóng cánh cửa dẫn chúng ta đến các chiều không gian khác đang tồn tại song hành với chúng ta.

Những người Hy Lạp cổ đại đã khám phá ra điều này từ cách đây rất lâu, và tôi cũng chỉ mới tự mình khám phá ra điều mà họ đã khám phá: điều mà chỉ người từng trải qua mới hiểu. Do cấu trúc đặc thù của vũ trụ này với nhiều chiều không gian và cấp độ, cho nên để thật sự hiểu được bất kỳ phần nào, chúng ta phải *trở thành một phần của chiều không gian-thời gian đó*. Hay nói một cách khá chính xác hơn, chúng ta phải mở rộng tâm thức để tự thấy mình thuộc về phần vũ trụ đó, cái phần mà bạn đã sở hữu nhưng vẫn

chưa ý thức được.

Vũ trụ không có bắt đầu và không có kết thúc, và Thượng đế hiện hữu trọn vẹn bên trong mỗi phân tử của nó. Đa số - thật ra là hầu hết - những điều người ta nói về Thượng đế và các thế giới tâm linh bên trên đều có chiều hướng mang những thế giới đó xuống ngang tầng của chúng ta, thay vì nâng nhận thức của chúng ta lên tầng cao của những thế giới đó. Với những miêu tả đầy thiếu sót của mình, chúng ta làm hoen ố bản chất thật sự kỳ diệu của chúng.

Nhưng dù cho nó không bắt đầu và sẽ không bao giờ kết thúc, vũ trụ vẫn có những dấu nghỉ, với mục đích đưa các thực thể vào thế giới hiện hữu và cho phép các hữu thể này hòa nhập vào vùng hào quang của Thượng đế. Vụ nổ Big Bang tạo ra vũ trụ của chúng ta là một trong những "dấu nghỉ" mang tính tạo lập này. Om nhìn mọi thứ từ bên ngoài, tầm nhìn bao trùm tất cả mọi Tạo Vật của Om và thậm chí vượt trên cả những tầm nhìn cao hơn mà tôi đã nhìn thấy. Ở đó, nhìn thấy cũng chính là biết. Với tôi lúc ấy, không có sự phân biệt nào giữa việc trải nghiệm và hiểu một điều gì đó.

Câu nói trong Kinh Thánh - "Con đã mù, nhưng nay con đã thấy" - với tôi giờ đây mang một ý nghĩa mới, khi tôi hiểu được như thế nào là sự "mù lòa" của con người trên trái đất chúng ta khi không nhìn thấy được bản chất toàn vẹn của vũ trụ tâm linh. Trong số những người "mù lòa" đó có những người như tôi trước kia, những người tin rằng vật chất chính là thực tại cốt lõi, còn những thứ khác - như suy nghĩ, ý thức, ý tưởng, cảm xúc, linh hồn - chỉ đơn giản là sản phẩm của nó.

Phát hiện này truyền cho tôi niềm cảm hứng lớn lao, bởi nó cho phép tôi nhìn thấy những đỉnh cao không ngờ của sự hòa hợp và sự hiểu biết mà tất cả chúng ta có thể đạt đến, khi mỗi người trong chúng ta từ bỏ những giới hạn của thân thể và bộ não vật chất.

Khiếu hài hước. Óc châm biếm. Tính xúc cảm. Tôi từng luôn nghĩ đó là những phẩm chất mà loài người chúng ta phát triển để đương đầu với thế giới nhiều bất công và đầy rẫy khổ đau này. Và đúng như vậy. Nhưng ngoài vai trò là những niềm an ủi, các phẩm chất này còn là những *nhận thức* - chóng vánh, thoáng qua, nhưng vô cùng quan trọng - về một sự thật rằng bất kể những thử thách và khổ đau mà chúng ta đã đối mặt và vượt qua được là gì đi chăng nữa, thì chúng ta cũng không thể nào thật sự chạm đến được sự hiện hữu rộng lớn hơn và vĩnh hằng mà vốn là sự hiện hữu đích thực của chúng ta. Tiếng cười và sự châm biếm về bản

chất chính là những lời nhắc nhở rằng chúng ta không phải là những tù nhân trong thế giới này, mà chính là những nhà du hành đi qua thế giới.

Một mặt khác của tin tốt lành này là bạn không cần phải đợi đến khi sắp chết mới có thể hé nhìn ra từ sau bức màn, nhưng bạn phải làm phần việc của mình. Học hỏi về cõi giới đó từ sách vở và các bài thuyết giảng cũng là một sự khởi đầu - nhưng rốt cuộc thì mỗi người trong chúng ta đều phải tự đi sâu vào bên trong ý thức của bản thân mình, thông qua việc cầu nguyện hay hành thiền, để tiếp cận được những chân lý này.

Thiền có nhiều hình thức khác nhau. Hình thức thiền mà tôi thấy là hữu ích nhất đối với mình từ khi tôi bị hôn mê là hình thức được phát triển bởi Robert A. Monroe, giám đốc sáng lập của Viện Monroe ở Faber, Virginia. Sự độc lập khỏi mọi triết lý giáo điều mang lại cho hình thức thiền này một ưu thế rõ rệt. Giáo điều duy nhất đồng hành với hệ thống các bài tập thiền của Monroe là: *Tôi không chỉ là cơ thể vật chất của mình*. Sự thừa nhận đơn giản này có những hàm ý sâu sắc.

Robert Monroe là một nhà sản xuất chương trình radio thành công vào những năm 1950 ở New York. Trong quá trình tìm hiểu công dụng của các bản thu âm như một kỹ thuật hỗ trợ việc học trong khi ngủ, ông bắt đầu có những trải nghiệm bên ngoài cơ thể. Các nghiên cứu đi vào chi tiết trong hơn bốn thập niên của ông đã hình thành nên một hệ thống mạnh mẽ giúp phát huy khả năng khám phá ý thức ở chiều sâu dựa vào kỹ thuật âm thanh mà ông phát triển có tên gọi là "Hemi-Sync".

Hemi-Sync có thể nâng cao ý thức chọn lọc và hiệu suất thông qua việc tạo ra một trạng thái thư giãn. Tuy nhiên, Hemi-Sync còn có nhiều tác dụng hơn thế nữa - các trạng thái ý thức bậc cao cho phép tiếp cận luân phiên các chế độ ý thức khác nhau, trong đó có những trạng thái thiền sâu và thần bí. Hemi-Sync bao hàm khía cạnh vật lý của việc đồng bộ hóa cộng hưởng các sóng não, mối quan hệ của sóng não với tâm lý học hành vi và tâm lý học nhận thức của ý thức, cũng như với hệ sinh lý cơ bản của tâm trí-não và ý thức.

Hemi-Sync sử dụng các mẫu sóng âm stereo đặc biệt (với các tần số hơi khác nhau ở mỗi bên tai) để tạo nên hoạt động sóng não được đồng bộ hóa. Các "nhịp song âm" này được tạo ra ở một tần số nằm trong khoảng chênh lệch toán học giữa hai tần số sóng. Bằng cách sử dụng một hệ thống tính thời gian cổ xưa nhưng có

độ chính xác cao tại phần cuống não vốn thường có khả năng định vị các nguồn âm thanh trên mặt phẳng ngang xung quanh đầu, những nhịp song âm này có thể đồng bộ hóa hệ thống RAS ở gần kề (là hệ thống kích hoạt lưới lọc não bộ, cung cấp các tín hiệu thời gian ổn định cho phần đồi thị và vỏ não để tạo ra ý thức). Các tín hiệu này tạo ra sự đồng bộ cho sóng não trong quãng từ 1 đến 25 hertz (Hz, hay là số vòng trên giây), bao gồm vùng chủ chốt dưới ngưỡng nghe thông thường của con người (20 Hz). Quãng nghe thấp nhất này gắn liền với các sóng não delta (< 4 Hz, thường được tìm thấy trong giấc ngủ sâu không mộng mị), sóng theta (4 đến 7 Hz, thường thấy ở trạng thái thiền và thư giãn sâu, và ở trong giấc ngủ không REM), và các quãng nghe sóng alpha (7 đến 13 Hz, đặc trưng của giấc ngủ REM hay ngủ mơ, trạng thái ngủ gà gật, và trạng thái khi mới tỉnh dậy).

Trong hành trình hiểu biết của tôi sau hôn mê, Hemi-Sync có tiềm năng cung cấp cho tôi một phương tiện để ngừng kích hoạt chức năng lọc của bộ não vật lý bằng cách đồng bộ hóa một cách toàn bộ hoạt động điện tại phần vỏ não của tôi, y như cách mà bệnh viêm màng não đã làm, để giải phóng ý thức bên ngoài cơ thể của tôi. Tôi tin rằng Hemi- Sync đã giúp tôi quay trở lại cõi giới tương tự nơi mà tôi đã ghé thăm khi ở trong trạng thái hôn mê sâu mà không cần phải trải qua một trận ốm thập tử nhất sinh. Nhưng cũng như những giấc mơ thấy mình có thể bay khi còn nhỏ, thử nghiệm này cũng là một quá trình cho phép hành trình khám phá tự diễn ra - vì nếu tôi cố sức, hay nghĩ ngợi quá nhiều về nó, hay cố gắng bảo bọc cho tiến trình này quá mức, nó sẽ chẳng mang lại kết quả.

Tôi cảm thấy dùng từ *toàn trí* là không phù hợp, bởi sự siêu vượt và sức sáng tạo mà tôi đã được chứng kiến là không thể gọi tên. Tôi nhận ra rằng các giới luật của một vài tôn giáo ngăn cấm việc gọi tên Đấng Tối Cao hay mô tả các bậc thánh trí thật ra đều giúp chúng ta có được sự nhận thức đúng đắn thông qua trực giác về họ, bởi thực tại của Đấng Tối Cao thật sự hoàn toàn vượt trên mọi nỗ lực của con người chúng ta khi cố gắng miêu tả Đấng Tối Cao bằng ngôn từ hay hình ảnh trong khi chúng ta vẫn đang ở đây, trên trái đất này.

Cũng như việc mà nhận thức của tôi vừa mang tính cá nhân lại vừa hoàn toàn hợp nhất với vũ trụ, thì biên giới của cái mà tôi cảm nhận là "bản ngã" của mình có lúc thu nhỏ, có lúc lại trải rộng ra để bao trùm tất cả mọi thứ đang hiện hữu cho đến vĩnh hằng. Biên giới mờ nhạt giữa nhận thức của tôi và cõi giới xung quanh tôi có lúc mở rộng ra, xa đến nỗi tôi trở thành toàn thể vũ

trụ. Một cách khác nữa để diễn tả điều này là trong một khoảnh khắc, tôi thấy mình chính là vũ trụ, và điều này từ trước đến giờ vốn đã luôn như thế mà trước kia tôi đã không nhìn thấy được.

Một phép so sánh tôi vẫn thường dùng để miêu tả ý thức của mình ở tầng sâu nhất ấy là nó tương tự như một quả trứng gà. Khi tôi ở trong Cốt Lõi, thậm chí tôi là một với Quả Cầu Ánh Sáng và toàn thể vũ trụ ở chiều cao hơn và vĩnh hằng, và hòa mình vào với Chúa một cách mật thiết, tôi có một cảm nhận mạnh mẽ rằng phương diện nguyên thủy sáng tạo ra vạn vật (nguyên động lực) của Chúa chính là cái vỏ bao quanh phần bên trong của quả trứng, gắn kết mật thiết và xuyên suốt (vì ý thức của chúng ta là một phần mở rộng trực tiếp của Đấng Thiêng Liêng), nhưng mãi mãi vượt lên trên khả năng đồng nhất hoàn toàn với ý thức của vật mà Chúa sáng tạo ra. Thậm chí khi ý thức của tôi đã trở nên đồng nhất với cái toàn thể và bất diệt, tôi vẫn cảm thấy rằng tôi không thể hoàn toàn là một với động lực nguồn sáng tạo ra mọi thứ. Ngay ở nơi cốt lõi của sự hiện hữu hòa hợp mà ta gọi là nhất thể vĩnh hằng, tính nhị nguyên vẫn tồn tại. Có thể tính nhị nguyên được biểu hiện ra để có thể nhìn thấy được như thế, đơn giản là do sự cố gắng đưa nhận thức ấy về lại với thế giới này.

Tôi chưa bao giờ trực tiếp nghe được giọng của Om, hay nhìn thấy gương mặt của Om. Như thể Om đã nói với tôi bằng ý nghĩ, những ý nghĩ như những "bức tường sóng" ào tới xuyên qua tôi, lay chuyển mọi thứ xung quanh tôi và cho tôi thấy rằng ở sâu bên dưới có một cấu trúc của sự tồn tại - một cấu trúc mà tất cả chúng ta vốn vẫn luôn là một phần của nó, nhưng nhìn chung chúng ta đều không nhận biết được điều này.

Vậy có phải là tôi đang giao tiếp trực tiếp với Chúa không? Hoàn toàn đúng như vậy. Diễn tả theo cách này nghe có vẻ to tát. Nhưng khi việc đó đang diễn ra thì tôi không cảm thấy như vậy. Thay vào đó, tôi cảm thấy mình đang làm điều mà mọi linh hồn đều có khả năng làm khi họ rời bỏ thân xác của mình, và là điều mà tất cả chúng ta đều có thể làm ngay bây giờ thông qua nhiều phương pháp như cầu nguyện và thiền định sâu. Giao tiếp với Đấng Tối Cao là trải nghiệm phi thường nhất mà ta có thể tưởng tượng được, nhưng đó lại cũng là điều tự nhiên nhất, bởi Chúa hiện diện trong chúng ta mọi lúc, mọi nơi. Toàn trí, toàn năng, hiện hữu cho mỗi chúng ta - *và yêu thương chúng ta vô điều kiện. Chúng ta đều kết nối với nhau trong Nhất Thể thông qua sợi dây liên lạc thiêng liêng với Chúa.*

34

Vướng mắc sau cùng

"Tôi phải sẵn lòng từ bỏ tôi trong hiện tại để trở thành tôi trong tương lai."

- Albert Einstein (1879-1955)

Einstein là một trong những thần tượng đầu tiên của tôi trong nghiên cứu khoa học và câu trích dẫn trên của ông vẫn luôn là một trong những câu châm ngôn mà tôi yêu thích nhất. Nhưng đến bây giờ tôi mới thật sự hiểu được ý nghĩa của câu nói này. Mỗi lần tôi kể lại câu chuyện của mình cho một trong những đồng nghiệp trong giới khoa học nghe, mặc dù tôi biết là câu chuyện của tôi nghe có vẻ điên rồ đến thế nào - qua gương mặt không đổi sắc hoặc thoáng biểu hiện lên vẻ chịu đựng của họ - nhưng tôi biết rằng mình đang chia sẻ với họ một điều có giá trị khoa học thật sự. Và rằng điều này mở cánh cửa để nhìn ra một thế giới hoàn toàn mới - một vũ trụ hoàn toàn mới - của hiểu biết khoa học. Sự nhìn nhận một cách trân trọng bản thân ý thức như là thực thể vĩ đại nhất trong toàn thể những gì đang hiện hữu.

Nhưng có một sự kiện phổ biến trong các trải nghiệm cận tử mà lại không xảy đến với tôi. Hay nói một cách chính xác hơn, có một nhóm nhỏ những sự việc mà tôi chưa trải qua, và tất cả những sự việc đó đều xoay quanh một thực tế:

Khi đang ở thế giới ở bên ngoài thân xác, tôi không nhớ được danh tính thế gian của mình.

Dẫu rằng không có hai trải nghiệm cận tử nào là giống hệt nhau, nhưng tôi đã sớm khám phá ra trong quá trình đọc các tài liệu rằng có một danh sách nhất quán những đặc điểm tiêu biểu mà

nhiều trải nghiệm cận tử đều có. Một trong những đặc điểm này là việc gặp gỡ với một hay nhiều người đã khuất mà người trải qua trải nghiệm cận tử đã từng quen biết trong đời. Tôi đã không gặp bất kỳ người thân hay người quen biết nào của mình. Nhưng phần này không làm tôi bận tâm lắm, bởi tôi đã khám phá ra rằng việc quên mất danh tính trước kia của mình đã cho phép tôi di chuyển sâu vào "bên trong" hơn so với nhiều người có trải nghiệm cận tử khác. Điều này tất nhiên là không có gì đáng phàn nàn. Điều khiến tôi bận tâm là có một người mà tôi vô cùng mong muốn được gặp. Cha tôi đã mất bốn năm trước khi tôi rơi vào hôn mê. Nếu ông đã biết được rằng trong suốt những năm lạc lối của mình, tôi đã luôn cảm thấy mình không xứng đáng với những kỳ vọng của ông như thế nào, thì lẽ nào ông lại không xuất hiện ở đó để nói với tôi rằng mọi chuyện đều ổn? Bởi thật tình là, điều mà những người bạn hoặc người thân quá cố thường muốn truyền đạt nhất tới người có trải nghiệm cận tử khi chào đón họ ở đó là cảm giác được an ủi. Tôi ước ao có được niềm an ủi đó. Nhưng tôi đã không nhận được nó.

Tất nhiên, chẳng phải là tôi đã không nhận được bất kỳ lời an ủi nào. Tôi đã nhận được điều này từ Cô Gái Trên Cánh Bướm. Nhưng cho dù cô gái ấy rất tuyệt vời và giống như một thiên thần, cô ấy vẫn không phải là một *người mà tôi từng biết*. Bởi mỗi lần bước vào thung lũng thơ mộng trên cánh bướm đó, tôi đều nhìn thấy cô ấy, nên tôi nhớ như in khuôn mặt của cô ấy - đến mức tôi biết chắc rằng mình chưa từng gặp cô ấy trước đây trong đời, ít ra là trong cuộc đời trên trái đất. Và trong các trải nghiệm cận tử, thường là chính những cuộc hội ngộ với một người từng là bạn hay người thân ở thế gian sẽ làm công việc an ủi đó cho những người trải qua kinh nghiệm này.

Tuy tôi cũng cố gắng gạt chuyện này ra khỏi tâm trí, nhưng nó mang một yếu tố hoài nghi mới vào trong suy nghĩ của tôi về ý nghĩa của toàn bộ trải nghiệm cận tử này. Không phải là tôi nghi ngờ về những gì đã xảy đến với tôi. Điều này là không thể, chẳng khác nào tôi lại đi nghi ngờ về cuộc hôn nhân của mình với Holley hay tình yêu tôi dành cho các con của mình. Nhưng việc tôi đã đi đến tầng thế giới bên trên, không hội ngộ với cha mình mà gặp người bạn đồng hành xinh đẹp trên cánh bướm, người mà tôi chưa từng quen biết, vẫn khiến tôi bận lòng. Xét đến tình cảm dạt dào trong mối quan hệ của tôi với gia đình mình và nỗi mặc cảm vì đã bị cho đi của tôi, tôi vẫn thắc mắc tại sao cái thông điệp tối quan trọng ấy - rằng tôi được yêu, rằng không phải tôi từng bị vứt bỏ - lại không được mang đến cho tôi từ một người thân hay người mà tôi biết? Ai đó như là... cha tôi chẳng hạn?

Bởi sự thật là, ở tận sâu bên trong, "bị ruồng bỏ" là điều mà tôi đã thật sự cảm thấy trong suốt cuộc đời mình - bất chấp mọi nỗ lực hết sức của gia đình tôi nhằm chữa lành sự thương tổn ấy bằng tình yêu của họ. Cha tôi vẫn thường khuyên tôi không nên quá ưu tư về bất cứ chuyện gì đã xảy ra trước khi cha và mẹ nhận nuôi tôi từ Mái nhà cho trẻ. "Dù sao thì con cũng chẳng thể nhớ bất kỳ điều gì đã xảy ra khi con còn quá nhỏ như vậy", ông nói. Về điều này thì ông đã sai. Trải nghiệm cận tử của tôi đã khiến tôi tin rằng có một phần bí mật bên trong mỗi chúng ta vẫn luôn ghi nhớ lại mọi phương diện trong đời mình ở thế gian, và rằng quá trình ghi nhớ này bắt đầu ngay từ giây phút đầu đời, ngay từ khoảnh khắc đầu tiên nhất của cuộc đời ta. Chính vì vậy mà ở cấp độ tiền nhận thức và tiền ngôn ngữ, tôi vẫn đã luôn biết trong suốt cuộc đời mình là tôi đã bị cho đi, và ở thẳm sâu bên trong, tôi vẫn luôn chật vật tranh đấu để tha thứ cho việc này.

Một khi câu hỏi này vẫn còn để ngỏ, thì bên trong tôi vẫn luôn có một giọng nói phản bác trong đầu. Giọng nói ấy, dai dẳng và thậm chí ranh ma, liên tục nói với tôi rằng dẫu cho trải nghiệm cận tử của tôi có hoàn hảo và tuyệt vời đến đâu chăng nữa, thì vẫn còn thiếu điều gì đó, vẫn có điều gì đó "bị lờ đi".

Về bản chất, một phần bên trong tôi vẫn hoài nghi tính chân thực của trải nghiệm này, trải nghiệm trong hôn mê sâu nhưng thật đến ngỡ ngàng, và do đó cũng hoài nghi về sự tồn tại thật sự của toàn bộ cõi giới ấy. Cái phần đó bên trong tôi vẫn tiếp tục nói rằng những chuyện này "nghe vô lý" từ góc nhìn khoa học. Và tiếng nói hoài nghi vừa đủ nghe nhưng dai dẳng ấy đang bắt đầu đe dọa cái thế giới quan hoàn toàn mới mà tôi đang chậm rãi xây dựng nên.

35

Bức ảnh

"Lòng biết ơn không chỉ là phẩm hạnh vĩ đại nhất, mà còn là cha đẻ của mọi phẩm hạnh khác."

- Cicero (106-43 TCN)

Bốn tháng sau khi tôi xuất viện, em ruột của tôi là Kathy cuối cùng cũng tìm và gửi được cho tôi một bức ảnh của em gái Betsy. Khi ấy, tôi đang còn thức trong phòng ngủ của tôi và Holley, nơi cuộc phiêu lưu của tôi bắt đầu, và tôi mở cái bì thư khổ lớn, rồi lấy ra một bức ảnh màu sáng bóng được đóng khung của cô em gái mà tôi chưa từng gặp mặt. Em ấy đang đứng ở nơi mà sau này tôi phát hiện ra là ở gần cầu tàu ở bến phà đảo Balboa, gần nhà em ấy ở Nam California. Phía sau lưng em là cảnh hoàng hôn tuyệt đẹp ở vùng Bờ Tây. Em ấy có mái tóc nâu dài và đôi mắt màu xanh sâu thẳm, nụ cười sáng ngời tình yêu thương và lòng nhân ái của em dường như xuyên thấu qua tôi, khiến con tim tôi vừa thổn thức vừa nhói đau.

Kathy còn kèm thêm một bài thơ trên bức ảnh. Bài thơ của David M. Romano, được viết vào năm 1993, có tựa đề là "Khi ngày mai bắt đầu không có anh".

Nếu ngày mai bắt đầu không có anh,

Và anh chẳng còn ở đây để chứng kiến,

Nếu mặt trời hiện ra và nhìn thấy

Mắt em ngấn lệ vì anh;

Thì anh tha thiết ước ao, rằng em sẽ không khóc

Như em đã khóc hôm nay,

Khi anh nghĩ về biết bao điều,

Mà ta chưa kịp nói.

Anh biết tình em dành cho anh lớn bao nhiêu,

Nhiều như tình anh đối với em,

Và anh biết em sẽ không khỏi nghĩ về anh,

Và sẽ không khỏi nhung nhớ anh;

Nhưng nếu ngày mai bắt đầu không có anh,

Thì hãy cố hiểu, em yêu dấu,

Rằng một thiên thần đã đến gọi tên anh,

Cầm lấy tay anh,

Và nói rằng nơi anh cần đến đang sẵn đợi,

Ở Thiên đường trên cao

Và rằng anh phải bỏ lại sau lưng

Những gì anh yêu quý.

Vậy mà khi anh quay lưng bước đi,

Từ mắt anh, dòng lệ rơi xuống

Cả đời mình, anh luôn nghĩ

Mình nào có muốn ra đi

Bao điều cần trao đi

Bao việc còn dở dang

Và điều dường như không thể,

Là anh phải rời xa em.

Anh nghĩ về tất cả những ngày hôm qua,

Những ngày sáng tươi và ngày u ám,

Về tình yêu ta đã trao cho nhau,

Những niềm vui mà ta đã có

Nếu có thể sống lại ngày hôm qua

Dù chỉ trong thoáng chốc,

Anh sẽ chào và hôn em lần cuối

Và có lẽ sẽ được thấy em cười.

Nhưng rồi anh bỗng hiểu ra

Điều này chẳng bao giờ thành sự thật,

Bởi nỗi trống trải và những hoài niệm,

Sẽ đến thế chỗ anh.

Rồi anh nghĩ về những điều của thế gian anh từng bỏ lỡ

Ngày mai anh sẽ nhớ

Anh nghĩ về em và khi ấy

Nỗi u sầu lấp trọn trái tim anh.

Nhưng khi anh bước qua cổng Thiên đường

Con tim anh bỗng nhiên thật ấm áp

Khi Chúa mỉm cười thật dịu dàng,

Từ ngai vàng của Người ở trên cao,

Nói với anh:"Đây là cõi vĩnh hằng,

Và những gì ta đã hứa trao,

Từ hôm nay, trần gian là quá khứ,

Nhưng ở đây mọi thứ sẽ bắt đầu mới mẻ

Ta không hứa hẹn ngày mai,

Nhưng hôm nay sẽ là mãi mãi,

Và cứ thế, mỗi ngày đều như vậy,

Nên chẳng còn những tiếc nhớ về hôm qua.

Con đã sống thật chân thành,

Chính trực và đáng tin.

Dù đã có những lúc

Con làm những điều

Mà tự con biết mình chẳng nên.

Nhưng giờ con đã được thứ tha

Và cuối cùng, sự tự do dành cho con cũng đã đến.

Vậy hãy đến và nắm lấy tay ta

Sẵn sàng dâng cho ta cuộc đời của con nhé?".

Vậy nên,

Khi ngày mai bắt đầu không có anh,

Em chớ nghĩ rằng đôi ta xa cách,

Bởi bất cứ lúc nào em nghĩ đến anh,

Anh sẽ ở ngay đây, trong tim em.

Mắt tôi hoen mờ vì nước mắt khi tôi cẩn trọng đặt bức ảnh trên chiếc tủ nhỏ cạnh giường và tiếp tục chăm chú nhìn vào nó. Em gái tôi trông quen đến kỳ lạ, khiến tôi không rời mắt được. Nhưng dĩ nhiên, cô ấy trông quen như thế là phải. Giữa chúng tôi là quan hệ máu mủ và chúng tôi có chung nhiều ADN hơn tất thảy những con người khác trên hành tinh này, ngoại trừ hai người em ruột

còn lại của tôi. Bất kể chúng tôi đã gặp nhau hay chưa, Betsy và tôi vẫn có sự kết nối mật thiết với nhau.

Sáng hôm sau, tôi ở trong phòng ngủ và đọc tiếp quyển sách *On Life After Death* (tạm dịch: Thế giới bên kia) của Elisabeth Kübler-Ross. Tôi đọc đến đoạn nói về một cô bé mười hai tuổi đã trải qua trải nghiệm cận tử. Ban đầu, cô không kể cho cha mẹ mình nghe về trải nghiệm đó. Nhưng cuối cùng, cô bé không thể giữ bí mật này mãi trong lòng được nên đã quyết định tâm sự cùng cha. Cô bé kể với cha về chuyến đi đến một khung cảnh ngập tràn tình yêu và đẹp đến khó tin, và cuộc hội ngộ giữa cô bé với anh trai mình và đã cảm thấy được an ủi.

"Con chỉ có một thắc mắc", cô bé nói với cha mình, "là con làm gì có anh trai."

Đôi mắt người cha nhòe đi. Ông trả lời cô bé rằng thật ra cô có một anh trai, nhưng anh trai cô đã chết chỉ ba tháng trước khi cô chào đời.

Tôi ngừng đọc. Trong một khoảnh khắc, tôi bước vào một không gian choáng ngợp, lạ lùng; tôi không thật sự đang suy nghĩ và hầu như cũng không suy nghĩ gì, chỉ là… tôi đang cảm nhận một điều gì đó. Một ý nghĩ nào đó đang ở ngay bên rìa ý thức của tôi nhưng cũng chưa sẵn sàng bứt phá để vào bên trong.

Rồi mắt tôi hướng sang chiếc tủ, vào bức ảnh mà Kathy đã gửi cho tôi. Bức ảnh của người em gái mà tôi chưa từng biết mặt. Người mà tôi chỉ biết qua lời kể của những người trong gia đình ruột của tôi - rằng em ấy là một người vô cùng nhân hậu và luôn quan tâm đến người khác. Một người, họ thường nói, tốt đến nỗi có thể gọi là một thiên thần.

Không có chiếc váy màu thiên thanh pha màu chàm, không có ánh sáng thiên đường của Lối Vào tỏa ra xung quanh khi cô gái ngồi trên chiếc cánh bướm tuyệt đẹp nên thoạt nhìn, tôi khó mà nhận ra được đó là ai. Nhưng điều này cũng tự nhiên. Tôi chỉ mới thấy hình hài trên Thiên đường của cô ấy - một thiên thần sống ở thế giới bên trên, không phải ở thế giới trần tục với đầy rẫy những bi kịch và nỗi ưu tư này.

Nhưng giờ thì không thể nào nhầm cô ấy với ai được nữa, không thể nào nhầm được nụ cười chan chứa yêu thương, cái nhìn tự tin và là nguồn an ủi bất tận, và đôi mắt xanh lấp lánh.

Đó chính là em ấy.

Trong một khoảnh khắc, hai thế giới gặp nhau. Thế giới trên trái đất này của tôi, nơi tôi là một bác sĩ, một người cha, một người chồng. Và thế giới ngoài kia, một thế giới rộng lớn đến nỗi khi bạn du hành trong nó, bạn có thể mất đi cảm giác về bản ngã trần thế của mình và trở thành một phần thuần khiết của vũ trụ, của bóng tối thấm đẫm sự hiện hữu của Chúa Trời và ngập tràn tình yêu.

Trong giây phút ấy, trong căn phòng ngủ ở nhà chúng tôi, vào một buổi sáng mưa thứ Ba, hai thế giới bên trên và bên dưới gặp nhau. Nhìn thấy bức ảnh ấy khiến tôi có cảm nhận thoáng qua rằng mình giống như một cậu bé trong truyện thần thoại, trở về sau một chuyến du hành đến thế giới khác để nhận ra rằng tất cả chỉ là một giấc mơ, cho đến khi cậu nhìn vào trong túi áo của mình và tìm thấy một nắm đất diệu kỳ lấp lánh mang về từ những cõi giới ở trên kia.

Cho dù tôi cố gắng chối bỏ đến đâu, nhưng đã nhiều tuần nay bên trong tôi vẫn diễn ra một cuộc chiến. Cuộc chiến giữa phần tâm trí đã đi đến thế giới ở bên ngoài cơ thể, và phần tâm trí của một bác sĩ - một người chữa lành nguyện trọn đời trung thành với khoa học. Tôi nhìn vào khuôn mặt của em gái tôi, thiên thần của tôi, và tôi biết, hoàn toàn chắc chắn, rằng hai con người khác nhau của tôi trong vài tháng vừa rồi, kể từ khi tôi trở lại, thực chất chỉ là một. Tôi cần phải đón nhận hoàn toàn các vai trò của mình - bác sĩ, nhà khoa học và người chữa lành, và đồng thời cũng là người đã có một hành trình trải nghiệm rất khó tin, rất thật, và cũng rất quan trọng vào thế giới của Sự Hiện Hữu Thiêng Liêng. Nó quan trọng không phải bởi vì bản thân tôi, mà bởi những chi tiết vô cùng thuyết phục và không thể phủ nhận đằng sau nó. Trải nghiệm cận tử này đã chữa lành tâm hồn rạn vỡ của tôi. Nó đã cho tôi biết rằng mình luôn được yêu thương, và cũng giúp tôi nhận ra rằng mọi sinh linh khác trong vũ trụ này cũng đều được yêu thương. Và hành trình này đã diễn ra khi cơ thể vật lý của tôi được đưa vào trong một trạng thái mà, nói theo ngôn ngữ của y học đương đại, tôi không có khả năng trải nghiệm bất kỳ điều gì.

Tôi biết là thế nào cũng sẽ có những người tìm cách bác bỏ trải nghiệm của tôi, và nhiều người sẽ từ chối nhận định về nó, bởi họ cương quyết không tin rằng những gì tôi đã trải qua có thể có cơ sở khoa học - có thể chỉ là một giấc mơ điên khùng của một người đang mê sảng.

Nhưng bản thân tôi biết rõ điều này. Và vì lợi ích của cả những người đang sống trên trái đất lẫn những người tôi đã gặp ở bên trên thế giới này, nghĩa vụ của tôi - vừa với vai trò là một nhà

khoa học, tức là người tìm kiếm sự thật, vừa là một bác sĩ dành trọn đời mình để giúp đỡ những người khác - là giúp cho nhiều người nhất có thể biết rằng những gì tôi đã trải qua là thật, là đúng, và vô cùng quan trọng. Không chỉ đối với tôi, mà tất cả chúng ta.

Hành trình của tôi không chỉ là về tình yêu thương, mà còn về việc chúng ta là ai và tất cả chúng ta được kết nối với nhau ra sao - chính là ý nghĩa của tất cả mọi sự hiện hữu. Tôi đã học được điều này ở thế giới bên trên, và khi tôi trở lại, tôi đã nhận ra rằng những mảnh vỡ sau cùng của con người trần thế của tôi đã được hàn gắn lại.

Anh luôn được yêu thương. Những lời nói đó là tất cả những gì tôi cần được nghe với tư cách là một đứa trẻ mồ côi, một đứa trẻ bị cho đi. Nhưng đó cũng là điều mà mỗi người chúng ta, sống trong thời đại vật chất này, đều cần được nghe, bởi khi đề cập đến việc ta thật sự là ai, thật sự đến từ đâu và thật sự đang đi về đâu, tất cả chúng ta đều cảm thấy (một cách sai lầm) rằng mình là những đứa trẻ mồ côi.

Nếu không khôi phục được trí nhớ về sự kết nối vốn dĩ rộng lớn hơn của mình, và về tình yêu vô điều kiện của Đấng Sáng Tạo của mình, chúng ta sẽ luôn cảm thấy lạc lối trên trái đất này.

Chính vì vậy mà bây giờ tôi đang ở đây. Tôi vẫn là một nhà khoa học, vẫn là một bác sĩ, và như vậy tôi có hai nhiệm vụ cơ bản: tôn vinh sự thật và giúp chữa lành. Điều này có nghĩa là kể lại câu chuyện của tôi. Một câu chuyện mà qua thời gian, tôi càng cảm thấy chắc chắn rằng nó đã xảy ra vì có lý do. Không phải bởi vì tôi là một ai đó đặc biệt. Mà chỉ là với tôi, hai sự kiện xảy ra thống nhất và đồng thời này đã cùng nhau phá bỏ những nỗ lực cuối cùng của thứ khoa học theo chủ nghĩa quy giản, nói với thế giới rằng cõi giới vật chất là cõi giới duy nhất tồn tại, và rằng ý thức, hay linh hồn - của bạn và của tôi - không phải là bí ẩn trung tâm và lớn lao của vũ trụ.

Tôi là một bằng chứng sống.

Eternea

Trải nghiệm cận tử của chính tôi đã truyền cho tôi cảm hứng để giúp cho thế giới này trở thành một nơi tốt đẹp hơn cho tất cả mọi người, và Eternea là phương tiện để tôi thực hiện sự thay đổi nền tảng ấy. Eternea là một tổ chức từ thiện phi lợi nhuận, hoạt động dựa trên sự đóng góp của cộng đồng, mà tôi là người đồng sáng lập cùng với người bạn và đồng nghiệp của mình, John R. Audette. Eternea đại diện cho nỗ lực đầy nhiệt huyết nhằm phục vụ cho một mục đích cao cả hơn, giúp tạo dựng một tương lai tốt đẹp nhất có thể cho trái đất và những cư dân của nó.

Sứ mệnh của Eternea là thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, giáo dục, và các chương trình ứng dụng liên quan đến kinh nghiệm chuyển hóa tâm linh, cũng như phương diện vật lý của ý thức và mối quan hệ tương tác giữa ý thức và thực tại vật chất (chẳng hạn như vật chất và năng lượng).

Đây là một nỗ lực có hệ thống nhằm không chỉ áp dụng những hiểu biết thu nhận được từ các trải nghiệm cận tử bằng những phương pháp thực tế, mà còn thực hiện vai trò là một kho lưu trữ cho tất cả các loại trải nghiệm tâm linh có tính chuyển hóa.

Hãy ghé thăm trang web www.Eternea.org để tăng cường sự thức tỉnh tâm linh của chính bạn, hoặc chia sẻ câu chuyện của cá nhân bạn về một trải nghiệm tâm linh có tính chuyển hóa từng xảy ra với bạn (hay nếu bạn đang đau đớn vì sự ra đi của một người thân yêu, hoặc nếu bạn hay một người mà bạn yêu quý đang phải đối diện với một căn bệnh ở giai đoạn cuối). Eternea cũng sẽ cung cấp một nguồn tham khảo có giá trị cho các nhà khoa học, học giả, nhà nghiên cứu, nhà thần học, và các tu sĩ có quan tâm đến lĩnh vực nghiên cứu này.

Eben Alexander, tiến sĩ y khoa.

Lynchburg, Virginia, ngày 10 tháng Bảy năm 2012

Lời cảm ơn

Tôi muốn đặc biệt cảm ơn gia đình thân yêu của tôi vì họ mới là những người phải gánh chịu phần gian nan nhất của trải nghiệm này, khi tôi đang chìm trong cơn hôn mê sâu. Cảm ơn Holley, người vợ đã đồng hành cùng tôi trong suốt ba mươi mốt năm, và các con trai tuyệt vời của tôi, Eben IV và Bond, những người đóng vai trò then chốt trong việc mang tôi trở lại, và giúp tôi thấu hiểu những gì mình đã trải qua. Tôi muốn chuyển lời cảm ơn đến tất cả mọi người trong gia đình thân yêu và bạn bè tôi - cha mẹ yêu quý của tôi, Betty và Eben Alexander, Jr., cùng các chị em của tôi, Jean, Betsy, và Phyllis, những người đã cùng nhau hợp sức (với Holley, Bond, và Eben IV), luân phiên nắm tay tôi trong 24/24 trong bảy ngày tôi bị hôn mê, để đảm bảo rằng tôi luôn cảm nhận được tình yêu từ họ. Betsy và Phyllis đã thay nhau túc trực vào ban đêm bên tôi bất chấp mệt mỏi trong suốt thời gian tôi đánh vật với chứng rối loạn ý thức ở phòng ICU (khi tôi không ngủ một phút nào) và trong những giờ phút rất mong manh khi tôi mới được chuyển xuống Khu Chăm sóc Thần kinh Giảm nhẹ. Peggy Daly (chị của Holley) và Sylvia White (người bạn ba mươi năm của Holley) cũng tham gia vào việc túc trực bên tôi trong phòng tôi ở khoa ICU. Tôi sẽ chẳng thể nào quay về lại với thế giới này nếu không nhờ vào những nỗ lực đầy tình thương yêu của từng người để đưa tôi trở lại. Tôi muốn gửi lời cảm ơn đến Dayton và Jack Slye, các cháu tôi, đã tự chăm sóc bản thân trong khi mẹ Phyllis của các cháu dành thời gian cho tôi. Holley, Eben IV, Mẹ, và Phyllis cũng đã giúp tôi biên tập và đưa ra những lời nhận xét cho câu chuyện của tôi.

Tôi muốn cảm ơn gia đình ruột đã được Chúa đưa đến cho tôi, và đặc biệt cảm ơn người em gái quá cố, cũng tên là Betsy, người tôi chưa bao giờ gặp mặt trong thế giới này.

Tôi muốn cảm ơn các bác sĩ đầy tài năng và phước lành tại Bệnh viện Đa khoa Lynchburg, đặc biệt là bác sĩ Scott Wade, Robert

Brennan, Laura Potter, Michael Milam, Charlie Joseph, Sarah và Tim Hellewell, và nhiều người khác nữa.

Cảm ơn các y tá và nhân viên tuyệt vời ở Bệnh viện Lynchburg: Rhae Newbill, Lisa Flowers, Dana Andrews, Martha Vesterlund, Deanna Tomlin, Valerie Walters, Janice Sonowski, Molly Mannis, Diane Newman, Joanne Robinson, Janet Phillips, Christina Costello, Larry Bowen, Robin Price, Amanda Decoursey, Brooke Reynolds, và Erica Stalkner. Tôi đã bị hôn mê và phải hỏi lại tên các bạn từ gia đình mình, vì vậy xin thứ lỗi cho tôi nếu bạn đã có mặt ở đó và chăm sóc tôi nhưng tôi lại không nhắc đến tên bạn.

Cảm ơn Michael Sullivan và Susan Reintjes, những người đã đóng vai trò không thể thiếu trong việc đưa tôi trở về.

Tôi muốn cảm ơn John Audette, Raymond Moody, Bill Guggenheim, và Ken Ring, những người tiên phong trong cộng đồng cận tử, những người có ảnh hưởng vô cùng lớn đối với tôi (chưa kể sự giúp đỡ vô cùng tuyệt vời của Bill trong công việc biên tập).

Cảm ơn các nhà lãnh đạo tư tưởng của phong trào "Ý thức Virginia", những người như tiến sĩ Bruce Greyson, tiến sĩ Ed Kelly, các tiến sĩ Emily Williams Kelly, Jim Tucker, Ross Dunseath, và Bob Van de Castle.

Cảm ơn người đại diện xuất bản được Chúa gửi đến với tôi, Gail Ross, và những cộng sự tuyệt vời của cô ấy, Howard Yoon và những người khác ở Ross Yoon Agency.

Tôi muốn cảm ơn Ptolemy Tompkins về những đóng góp uyên bác xuất phát từ sự hiểu biết khó ai sánh kịp về những tài liệu viết về cuộc sống sau cái chết trong nhiều thiên niên kỷ, và tôi cũng cảm ơn Ptolemy Tompkins bởi kỹ năng viết và biên tập xuất sắc mà anh ấy đã sử dụng để khéo léo đưa những trải nghiệm của tôi vào quyển sách này, thật sự làm cho trải nghiệm đó có một vị trí xứng đáng trong quyển sách.

Xin cảm ơn Priscilla Painton, phó chủ tịch kiêm tổng biên tập, và Jonathan Karp, phó chủ tịch điều hành kiêm giám đốc xuất bản của Simon & Schuster, bởi tầm nhìn phi thường và lòng nhiệt huyết để làm cho thế giới này trở thành một nơi thật sự tốt đẹp hơn.

Xin cảm ơn Marvin và Terre Hamlisch, những người bạn tuyệt vời; sự nhiệt tình và tâm huyết của họ đã giúp tôi vượt qua một

giai đoạn quan trọng trong đời.

Cảm ơn Terri Beavers và Margaretta McIlvain về sự kết nối giữa việc chữa lành và khía cạnh tâm linh tuyệt vời của họ.

Cảm ơn Karen Newell về việc đã chia sẻ những khám phá vào sâu bên trong các trạng thái ý thức và dạy cho tôi làm thế nào để chính mình "là tình yêu vốn dĩ là mình đích thực", và tôi xin cảm ơn những nhân viên tuyệt vời ở Viện Monroe tại Faber, Virginia, đặc biệt là Robert Monroe vì đã luôn theo đuổi sự thật, chứ không phải sự thật mà mình mong muốn; cảm ơn Carol Sabick de la Herran và Karen Malik, những người đã tìm thấy tôi; và cảm ơn Paul Rademacher và Skip Atwater, những người đã chào đón tôi vào với cộng đồng đầy yêu thương nằm giữa những cánh đồng cỏ trên ngọn núi cao thanh khiết ở Trung Virginia. Đồng thời, tôi cũng cảm ơn Kevin Kossi, Patty Avalon, Penny Holmes, Joe và Nancy "Scooter" McMoneagle, Scott Taylor, Cindy Johnston, Amy Hardie, Loris Adams, và tất cả những người bạn cùng nhóm Những Nhà Thám Hiểm Lối Vào với tôi ở Viện Monroe vào tháng Hai năm 2011, những người hướng dẫn (Charleene Nicely, Rob Sandstrom, và Andrea Berger) và những người bạn cùng tham gia vào nhóm Lifeline (cùng hai người hướng dẫn là Franceen King và Joe Gallenberger) vào tháng Bảy năm 2011.

Xin cảm ơn những người bạn và các nhà phê bình - Jay Gainsboro, Judson Newbern, tiến sĩ Allan Hamilton, và Kitch Carter, những người đã đọc những bản đầu tiên của bản thảo quyển sách này và thấu hiểu khó khăn của tôi trong việc tìm thấy sự nhất quán giữa trải nghiệm tâm linh với kiến thức khoa học thần kinh của mình. Judson và Allan đóng vai trò không thể thiếu trong việc giúp tôi ghi nhận giá trị thật sự của trải nghiệm của mình từ góc độ một nhà khoa học/kẻ hoài nghi, và Jay cũng dành cho tôi sự giúp đỡ tương tự từ góc nhìn của một nhà khoa học/nhà thần bí học.

Xin cảm ơn những người bạn đồng hành cùng tôi khám phá ý thức sâu và Nhất Thể, Elke Siller Macartney và Jim Macartney.

Xin cảm ơn những người bạn cùng có trải nghiệm cận tử như tôi, Andrea Curewitz, với những lời khuyên xuất sắc về biên tập của cô ấy, và Carolyn Tyler, với sự hướng dẫn rất chân thành giúp tôi tăng thêm hiểu biết của mình.

Cảm ơn Blitz và Heidi James, Susan Carrington, Mary Horner, Mimi Sykes, và Nancy Clark, những người mà lòng can đảm và niềm tin của họ trước những mất mát quá lớn lao đã giúp tôi hiểu

và trân trọng món quà mình may mắn được nhận.

Cảm ơn Janet Sussman, Martha Harbison, Shobhan (Rick) và Danna Faulds, Sandra Glickman, và Sharif Abdullah, những người bạn đồng hành mà tôi đã gặp lần đầu tiên vào ngày 11 tháng Mười Một năm 2011 (11/11/11), khi bảy chúng tôi tụ hội và cùng nhau chia sẻ bảy tầm nhìn lạc quan của mình về một tương lai tỉnh thức xán lạn cho toàn thể nhân loại.

Còn rất nhiều người khác mà tôi muốn gửi tới lòng biết ơn, trong đó có nhiều người bạn mà những nghĩa cử của họ trong quãng thời gian khó khăn nhất đó của tôi và những lời nhận xét và quan sát thấu đáo của họ đã giúp đỡ gia đình tôi và hướng dẫn cho việc chia sẻ câu chuyện của tôi mang lại nhiều kết quả: đó là Judy và Dickie Stowers, Susan Carrington, Jackie và tiến sĩ Ron Hill, tiến sĩ Mac McCrary và George Hurt, Joanna và tiến sĩ Walter Beverly, Catherine và Wesley Robinson, Bill và Patty Wilson, DeWitt và Jeff Kierstead, Toby Beavers, Mike và Linda Milam, Heidi Baldwin, Mary Brockman, Karen và George Lupton, Norm và Paige Darden, Geisel và Kevin Nye, Joe và Betty Mullen, Buster và Lynn Walker, Susan Whitehead, Jeff Horsley Clara Bell, Courtney và Johnny Alford, Gilson và Dodge Lincoln, Liz Smith, Sophia Cody, Lone Jensen, Suzanne và Steve Johnson, Copey Hanes, Bob và Stephanie Sullivan, Diane và Todd Vie, Colby Proffitt, gia đình Taylor, Reams, Tatom, Heppner, Sullivan, Moore, và nhiều người khác nữa.

Lòng biết ơn của tôi với tất cả, đặc biệt là với Đấng Tối Cao, là vô biên.

Phụ lục A
Xác nhận của tiến sĩ Scott Wade

Với tư cách là một chuyên gia về bệnh truyền nhiễm, tôi được yêu cầu kiểm tra cho tiến sĩ Eben Alexander khi anh ấy được đưa đến bệnh viện vào ngày 10 tháng Mười Một năm 2008, và chẩn đoán được đưa ra là bệnh viêm màng não do vi khuẩn. Tình trạng của tiến sĩ Alexander nhanh chóng trở nặng với các triệu chứng giống như bệnh cúm, đau lưng, và đau đầu. Anh ấy ngay lập tức được chuyển đến phòng cấp cứu. Tại đây, anh ấy được chụp cắt lớp vùng đầu, được chọc dò tủy sống ở thắt lưng và dịch tủy cho thấy anh ấy có thể đã bị viêm màng não do vi khuẩn gram âm. Chúng tôi nhanh chóng truyền kháng sinh đặc trị vào tĩnh mạch của anh ấy và cho đặt máy thở vì anh ấy đang ở trong tình trạng nguy kịch và hôn mê. Trong vòng hai mươi bốn giờ, vi khuẩn gram âm trong dịch tủy được xác định là *E. coli*. Bệnh viêm màng não do khuẩn *E. coli* thường gặp ở trẻ sơ sinh nhiều hơn và rất hiếm gặp ở người lớn (ít hơn 1 phần 10 triệu ca mỗi năm trên toàn nước Mỹ), đặc biệt là không có bất kỳ chấn thương nào ở não, chưa trải qua phẫu thuật thần kinh, hay mắc các bệnh khác như đái tháo đường. Tiến sĩ Alexander ở trong tình trạng sức khỏe rất tốt vào thời điểm được chẩn đoán và chúng tôi không xác định được nguyên nhân tiềm ẩn nào dẫn đến bệnh viêm màng não của anh ấy.

Tỷ lệ tử vong của bệnh viêm màng não do vi khuẩn gram âm ở trẻ em và người lớn là khoảng từ 40% đến 80%. Tiến sĩ Alexander được đưa đến bệnh viện trong trạng thái co giật và trạng thái tâm thần biến đổi rõ rệt; cả hai triệu chứng này đều là nhân tố nguy cơ dẫn đến các biến chứng thần kinh hay tử vong (nguy cơ tử vong là trên 90%). Mặc dù đã được điều trị tức thời bằng kháng sinh mạnh được chỉ định để đối phó với bệnh viêm màng não do khuẩn *E. coli* và được theo dõi liên tục ở khu chăm sóc tích cực, nhưng anh ấy vẫn hôn mê trong sáu ngày liên tiếp và hy vọng về khả

năng phục hồi nhanh chóng càng lúc càng mong manh (nguy cơ tử vong là trên 97%). Sau đó, vào ngày thứ bảy, một phép lạ đã xảy ra - anh ấy mở mắt, trở nên tỉnh táo, và nhanh chóng được tháo máy thở. Việc anh ấy hồi phục hoàn toàn từ căn bệnh này sau khi chìm vào hôn mê trong gần một tuần là thật sự đáng kinh ngạc.

- Tiến sĩ Scott Wade

Phụ lục B

Các giả thuyết khoa học thần kinh đã được tôi xem xét để lý giải trải nghiệm của mình

Trong khi xem xét lại những hồi ức của mình cùng với một vài nhà giải phẫu thần kinh học và nhà khoa học khác, tôi đã tìm đọc một vài giả thuyết mà có thể lý giải được những hồi ức của mình. Nói một cách thẳng thắn, tất cả những giả thuyết đó đều không giải thích được sự tương tác phong phú, mạnh mẽ, sống động và phức tạp của những trải nghiệm tại Lối Vào và Cốt Lõi (cõi giới "siêu thực"). Các giả thuyết đó như sau:

1. Một chương trình của cuống não sơ khai nhằm xoa dịu sự đau đớn và khổ sở của con người vào giờ phút lâm chung ("lập luận theo thuyết tiến hóa" - có thể chăng là một dấu tích của chiến thuật "giả chết" của các loài động vật có vú bậc thấp?). Điều này không lý giải được bản chất tương tác phong phú và mãnh liệt của các hồi ức.

2. Những hồi ức sai lệch từ những phần sâu hơn của hệ Limbic (hệ viền) (chẳng hạn như hạch hạnh nhân bên) vốn được bao bọc đủ bởi nhiều phần não để được bảo vệ một cách tương đối khỏi sự viêm nhiễm ở phần màng não, vốn chủ yếu chỉ diễn ra ở phần bề mặt não. Điều này không lý giải được cho bản chất tương tác phong phú và mãnh liệt của các hồi ức.

3. Tắc nghẽn glutamate nội sinh xảy ra cùng với trạng thái kích thích do nhiễm độc, gây ra những hiệu ứng giống với tác dụng của thuốc gây tê tạo ảo giác như ketamine (thỉnh thoảng được dùng để giải thích các trải nghiệm cận tử nói chung). Tôi đã đôi lần chứng kiến hiệu ứng của ketamine khi nó được dùng để gây mê

vào khoảng thời gian tôi mới bắt đầu công việc trong lĩnh vực giải phẫu thần kinh ở Trường Y khoa Harvard. Trạng thái ảo giác nó gây ra là vô cùng hỗn loạn và khó chịu, hoàn toàn không giống chút nào với những gì tôi trải qua trong cơn hôn mê.

4. Nhiễm chất thức thần N,N-dimethyltryptamine (DMT) (từ tuyến tùng hay phần nào đó của bộ não). DMT, một chất đồng vận serotonin có trong tự nhiên (đặc biệt là với các thụ thể 5-HT1A, 5-HT2A và 5-HT2C), tạo ra những ảo giác sống động và trạng thái mộng mị. Cá nhân tôi quen thuộc với những trải nghiệm gây ra do các loại thuốc liên quan đến chất đồng vận/chất đối kháng serotonin (tức là chất gây ảo giác LSD, mescaline) khi tôi ở tuổi niên thiếu vào đầu những năm 1970. Tôi chưa từng có kinh nghiệm cá nhân nào với DMT nhưng tôi đã từng nhìn thấy nhiều bệnh nhân dưới ảnh hưởng của nó. Cái siêu thực sinh động mà tôi trải qua vẫn đòi hỏi phần vỏ não mới chịu trách nhiệm về âm thanh và hình ảnh phải tương đối nguyên vẹn để có thể tạo ra những trải nghiệm nghe-nhìn sống động và phong phú như trải nghiệm mà tôi đã có khi đang hôn mê. Tình trạng hôn mê kéo dài của tôi, gây ra bởi bệnh viêm màng não do vi khuẩn, đã làm tổn hại đáng kể phần vỏ não, nơi mà toàn bộ serotonin từ nhân raphe trong cuống não (hay DMT, một chất đồng vận serotonin) lẽ ra đã có thể tác động đến trải nghiệm âm thanh và hình ảnh. Nhưng phần vỏ não của tôi không hoạt động vào thời gian đó, và chất DMT đã chẳng có nơi nào trong não để tác động vào. Giả thuyết về DMT thất bại do tính siêu thực của trải nghiệm nghe-nhìn này, và sự thiếu vắng phần vỏ não để nó có thể tác động vào.

5. Giả thuyết cho rằng có một số vùng vỏ não được bảo tồn riêng biệt có thể giải thích phần nào trải nghiệm của tôi, nhưng khả năng xảy ra điều này rất thấp nếu căn cứ trên độ nghiêm trọng của bệnh viêm màng não của tôi và sự kháng cự của nó đối với các phương pháp điều trị trong cả một tuần: số lượng tế bào bạch cầu ngoại biên lên đến hơn 27.000/mm^3, 31% là những "dải" có hạt độc, lượng bạch cầu ngoại biên trong dịch não tủy (DNT) lên đến hơn 4.300/mm^3, lượng glucose trong DNT xuống còn 1,0 mg/dl, protein trong DNT là 1.340 mg/dl, ảnh hưởng lan rộng tại màng não cùng với những bất thường kèm theo trong não thể hiện trên ảnh chụp CT có tiêm thuốc cản quang, và các kết quả kiểm tra thần kinh cho thấy những biến đổi nghiêm trọng về chức năng ở vỏ não và sự rối loạn chức năng vận nhãn, chứng tỏ có sự tổn thương ở phần cuống não.

6. Trong nỗ lực lý giải tính chất "siêu thực" của trải nghiệm của mình, tôi đã xem xét giả thuyết này: Có khả năng là những mạng

lưới neuron ức chế có thể đã là đối tượng bị ảnh hưởng chủ yếu, và điều này cho phép tạo ra mức độ hoạt động cao bất thường của các mạng lưới neuron kích thích, tạo ra trải nghiệm rõ ràng là "siêu thực" của tôi không? Thường thì bệnh viêm màng não sẽ ưu tiên phá hoại phần bề mặt vỏ não, và như vậy các tầng sâu hơn vẫn hoạt động được phần nào. Đơn vị tính toán của vỏ não mới là "cột chức năng" gồm sáu lớp, mỗi lớp có đường kính ngang là 0,2-0,3 mm. Có sự đan xen chặt chẽ theo chiều ngang giữa các cột liền kề sát nhau để phản ứng với các tín hiệu kiểm soát điều biến phần lớn bắt nguồn từ các vùng dưới của vỏ não (đồi thị, hạch nền, và cuống não). Mỗi cột chức năng có một thành phần ở bề mặt (các lớp từ 1-3), cho nên bệnh viêm màng não có thể làm gián đoạn hoạt động của mỗi cột một cách hiệu quả chỉ bằng việc phá hủy các lớp bề mặt của vỏ não. Sự phân bố về cấu trúc của các tế bào kích thích và ức chế, một sự phân bổ khá đồng đều trong cả sáu lớp, cho thấy giả thuyết này không đúng. Tình trạng viêm màng não lan tỏa ở phần bề mặt não làm vô hiệu hóa toàn bộ phần vỏ não mới bởi chính lối kiến trúc theo cột này. Sự hủy hoại toàn bộ bề dày là không nhất thiết để có thể tạo ra sự gián đoạn hoàn toàn về chức năng. Xét đến tình trạng tệ hại kéo dài của chức năng thần kinh của tôi (bảy ngày) và mức độ nhiễm trùng nghiêm trọng, rất khó có khả năng là những lớp sâu hơn trong vỏ não của tôi vẫn còn có thể hoạt động.

7. Một vài đồng nghiệp của tôi đã đưa ra định đề rằng phần đồi thị, hạch nền, và cuống não là những cấu trúc não sâu hơn ("các vùng dưới vỏ não") có thể đã góp phần vào quá trình tạo ra các trải nghiệm siêu thực đó. Trong thực tế, không cấu trúc nào nói trên có thể đóng vai trò như thế nếu không có ít nhất một vài phần của vỏ não mới còn nguyên vẹn. Cuối cùng thì tất cả đều đồng ý rằng chỉ riêng những cấu trúc dưới vỏ não này thôi thì không thể xử lý các tính toán thần kinh phức tạp cần phải có để có thể dệt nên tấm thảm trải nghiệm tương tác phong phú đến vậy.

8. Một "hiện tượng khởi động lại" - một sự tổng hợp ngẫu nhiên những hồi ức kỳ quặc và rời rạc, gây ra bởi các hồi ức cũ trong phần vỏ não mới bị tổn thương. Điều này có thể xảy ra trong quá trình khởi động lại vỏ não để ý thức hoạt động trở lại sau một thời gian kéo dài toàn hệ thống bị lỗi, như trong căn bệnh viêm màng não lan tỏa của tôi. Đặc biệt là khi xét đến tính phức tạp của các hồi ức đầy tình tiết của tôi, giả thuyết này gần như không thể xảy ra.

9. Sự phát sinh ký ức bất thường thông qua một đường dẫn truyền đến trường thị giác cũ đi qua vùng trung não, thường được

ghi nhận chủ yếu ở các loài chim và hiếm khi được thấy ở người. Hiện tượng này có thể được minh họa ở người bị mù vỏ não, do phần vỏ não thị giác bị tổn thương. Giả thuyết này không cung cấp chút manh mối nào dẫn đến trải nghiệm siêu thực mà tôi đã chứng kiến, và cũng không thể giải thích được sự xen kẽ giữa hình ảnh và âm thanh trong đó.

Tài liệu tham khảo

Atwater, F. Holmes. *Captain of My Ship, Master of My Soul.* Charlottesville, VA: Hampton Roads, 2001.

Atwater, P. M. H. *Near-Death Experiences: The Rest of the Story*. Charlottesville, VA: Hampton Roads, 2011.

Bache, Christopher. *Dark Night, Early Dawn*: *Steps to a Deeper Ecology of Mind*. Albany, NY: State University of New York Press, 2000.

Buhlman, William. *The Secret of the Soul: Using Out-of- Body Experiences to Understand Our True Nature*. New York: HarperCollins, 2001.

Callanan, Maggie, và Patricia Kelley. *Final Gifts: Understanding the Special Awareness, Needs, and Communications of the Dying.* New York: Poseidon Press, 1992.

Carhart-Harris, RL, và cộng sự. "Neural correlates of the psychedelic state determined by fMRI studies with psilocybin," *Proc. Nat. Acad. Of Sciences* 109, số 6 (tháng Hai, 2012): 2138-2143.

Carter, Chris. *Science and the Near-Death Experience: How Consciousness Survives Death.* Rochester, VT: Inner. Traditions, 2010.

Chalmers, David J. *The Conscious Mind: In Search of a Fundamental Theory.* Oxford: Oxford University Press, 1996.

Churchland, Paul M. *The Engine of Reason, the Seat of the Soul.* Cambridge, MA: MIT Press, 1995.

Collins, Francis S. *The Language of God: A Scientist Presents Evidence for Belief.* New York: Simon & Schuster, 2006.

Conway, John, và Simon Kochen. “The free will theorem.” *Foundations of Physics* (Springer Netherlands) 36, số 10 (2006): 1441-73.

Conway, John, và Simon Kochen. “The strong free will theorem.” *Notices of the* AMS 56, số 2 (2009): 226-32.

Dalai Lama (Đức Đạt-lai Lạt-ma). *The Universe in a Single Atom: The Convergence of Science and Spirituality*. New York: Broadway Books, 2005.

Davies, Paul. *The Mind of God: The Scientific Basis for a Rational World.* New York: Simon & Schuster, 1992.

D’Souza, Dinesh. *Life After Death: The Evidence*. Washington, DC: Regnery, Inc., 2009.

Dupré, Louis, và James A. Wiseman. *Light from Light: An Anthology of Christian Mysticism*. Mahwah, NJ: Paulist Press, 2001.

Eadie, Betty J. *Embraced by the Light*. Placerville, CA: Gold Leaf Press, 1992.

Edelman, Gerald M., và Giulio Tononi. *A Universe of Consciousness*. New York: Basic Books, 2000.

Fox, Matthew, và Rupert Sheldrake. *The Physics of Angels: Exploring the Realm Where Science and Spirit Meet.* New York: HarperCollins, 1996.

Fredrickson, Barbara. *Positivity*. New York: Crown, 2009.

Guggenheim, Bill và Judy Guggenheim. *Hello from Heaven!* New York, NY: Bantam Books, 1995.

Hagerty, Barbara Bradley. *Fingerprints of God*. New York: Riverhead Hardcover, 2009.

Haggard, P, và M Eimer. “On the relation between brain potentials and conscious awareness.” *Experimental Brain Research* 126 (1999): 128-33.

Hamilton, Allan J. *The Scalpel and the Soul.* New York: Penguin Group, 2008.

Hofstadter, Douglas R. *Gödel, Escher, Bach: An Eternal Golden Braid*. New York: Basic Books, 1979.

Holden, Janice Miner, Bruce Greyson, và Debbie James., các biên tập viên. *The Handbook of Near-Death Experiences: Thirty Years of Investigation*. Santa Barbara, CA: Praeger, 2009.

Houshmand, Zara, Robert B. Livingston, và B. Alan Wallace., các biên tập viên. *Consciousness at the Crossroads: Conversations with the Dalai Lama on Brain Science and Buddhism.* Ithaca, NY: Snow Lion, 1999.

Jahn, Robert G., và Brenda J. Dunne. *Margins of Reality: The Role of Consciousness in the Physical World.* New York: Harcourt Brace Jovanovich, 1987.

Jampolsky, Gerald G. *Love Is Letting Go of Fear.* Berkeley, CA: Celestial Arts, 2004.

Jensen, Lone. *Gifts of Grace*: *A Gathering of Personal Encounters with the Virgin Mary.* New York: HarperCollins, 1995.

Johnson, Timothy. *Finding God in the Questions: A Personal Journey.* Downers Grove, IL: Inter Varsity Press, 2004.

Kauffman, Stuart A. *At Home in the Universe: The Search for the Laws of Self-Organization and Complexity.* New York: Oxford University Press, 1995.

Kelly, Edward F., Emily Williams Kelly, Adam Crabtree, Alan Gauld, Michael Grosso, và Bruce Greyson, *Irreducible Mind: Toward a Psychology for the 21st Century*. Lanham, bác sĩ y khoa: Rowman & Littlefield, 2007.

Koch, C., và K. Hepp. "Quantum mechanics and higher brain functions: Lessons from quantum computation and neurobiology." *Nature* 440 (2006): 611-12.

Kübler-Ross, Elisabeth. *On Life After Death*. Berkeley, CA: Ten Speed Press, 1991.

LaBerge, Stephen, và Howard Rheingold. *Exploring the World of Lucid Dreaming*. New York: Ballantine Books, 1990.

Lau, HC, R. D. Rogers, P. Haggard, và R. E. Passingham. "Attention to intention." *Science* 303 (2004): 1208-10.

Laureys, S. "The neural correlate of (un)awareness: Lessons from the vegetative state." "Trends in Cognitive Science," trong

Cognitive Science 9 (2005): 556-59.

Libet, B, C. A. Gleason, E. W. Wright, và D. K. Pearl. "Time of conscious intention to act in relation to onset of cerebral activity (readiness-potential): The unconscious initiation of a freely voluntary act." *Brain* 106 (1983): 623-42.

Libet, Benjamin. *Mind Time: The Temporal Factor in Consciousness.* Cambridge, MA: Harvard University Press, 2004.

Llinás, Rodolfo R. *I of the Vortex: From Neurons to Self*. Cambridge, MA: MIT Press, 2001.

Lockwood, Michael. *Mind, Brain & the Quantum: The Compound 'I'.* Oxford: Basil Blackwell, 1989.

Long, Jeffrey, và Paul Perry. *Evidence of the Afterlife: The Science of Near-Death Experiences*. New York: HarperCollins, 2010.

McMoneagle, Joseph. *Mind Trek: Exploring Consciousness, Time, and Space Through Remote Viewing.* Charlottesville, VA: Hampton Roads, 1993.

McMoneagle, Joseph. *Remote Viewing Secrets: A Handbook*. Charlottesville, VA: Hampton Roads, 2000.

Mendoza, Marilyn A. *We Do Not Die Alone*: *"Jesus Is Coming to Get Me in a White Pickup Truck."* Duluth, GA: I CAN, 2008.

Monroe, Robert A. *Far Journeys.* New York: Doubleday, 1985.
Monroe, Robert A. *Journeys Out of the Body.* New York: Doubleday, 1971.

Monroe, Robert A. *Ultimate Journey.* New York: Doubleday, 1994.

Moody, Raymond A., Jr. *Life After Life: The Investigation of a Phenomenon - Survival of Bodily Death*. New York: HarperCollins, 2001.

Moody, Raymond, Jr., và Paul Perry. *Glimpses of Eternity: Sharing a Loved One's Passage from this Life to the Next.* New York: Guideposts, 2010.

Moorjani, Anita. *Dying to Be Me: My Journey from Cancer, to Near Death, to True Healing*. Carlsbad, CA: Hay House, Inc., 2012.

Morinis, E. Alan. *Everyday Holiness: The Jewish Spiritual Path of*

Mussar. Boston: Shambhala, 2007.

Mountcastle, Vernon. "An Organizing Principle for Cerebral Functions: The Unit Model and the Distributed System." Trong *The Mindful Brain*, biên tập bởi Gerald M. Edelman và Vernon Mountcastle, tr. 7-50. Cambridge, MA: MIT Press, 1978.

Murphy, Nancey, Robert J. Russell, và William R. Stoeger, các biên tập viên. *Physics and Cosmology - Scientific Perspectives on the Problem of Natural Evil*. Notre Dame, IN: Vatican Observatory and Center for Theology and the Natural Sciences, 2007.

Neihardt, John G. *Black Elk Speaks: Being the Life Story of a Holy Man of the Oglala Sioux.* Albany: State University of New York Press, 2008.

Nelson, Kevin. *The Spiritual Doorway in the Brain: A Neurologist's Search for the God Experience.* New York: Penguin, 2011.

Nord, Warren A. *Ten Essays on Good and Evil*. Chapel Hill: University of North Carolina Program in Humanities and Human Values, 2010.

Pagels, Elaine. *The Gnostic Gospels*. New York: Vintage Books, 1979.

Peake, Anthony. *The Out-of-Body Experience: The History and Science of Astral Travel*. London: Watkins, 2011.

Penrose, Roger. *Cycles of Time: An Extraordinary New View of the Universe*. New York: Alfred A. Knopf, 2010.

Penrose, Roger. *The Emperor's New Mind*. Oxford: Oxford University Press, 1989.

Penrose, Roger. *The Road to Reality: A Complete Guide to the Laws of the Universe*. New York: Vintage Books, 2007.

Penrose, Roger. *Shadows of the Mind*. Oxford: Oxford University Press, 1994.

Penrose, Roger, Malcolm Longair, Abner Shimony, Nancy Cartwright, và Stephen Hawking. *The Large, The Small, and the Human Mind*. Cambridge: Cambridge University Press, 1997.

Piper, Don, và Cecil Murphey. *90 Minutes in Heaven: A True Story of*

Life and Death. Grand Rapids, MI: Revell, 2004.

Reintjes, Susan. *Third Eye Open - Unmasking Your True Awareness*. Carrboro, NC: Third Eye Press, 2003.

Ring, Kenneth, và Sharon Cooper. *Mindsight: Near-Death and Out-of-Body Experiences in the Blind*. Palo Alto, CA: William James Center for Consciousness Studies at the Institute of Transpersonal Psychology, 1999.

Ring, Kenneth, và Evelyn Elsaesser Valarino. *Lessons from the Light: What We Can Learn from the Near-Death Experience*. New York: Insight Books, 1998.

Rosenblum, Bruce, và Fred Kuttner. *Quantum Enigma: Physics Encounters Consciousness*. New York: Oxford University Press, 2006.

Schroeder, Gerald L. *The Hidden Face of God: How Science Reveals the Ultimate Truth*. New York: Simon & Schuster, 2001.

Schwartz, Robert. *Your Soul's Plan: Discovering the Real Meaning of the Life You Planned Before You Were Born*. Berkeley, CA: Frog Books, 2007.

Smolin, Lee. *The Trouble with Physics*. New York: Houghton Mifflin, 2006.

Stevenson, Ian. *Children Who Remember Previous Lives: A Question of Reincarnation*. Jefferson biên tập, NC: McFarland, 2001.

Sussman, Janet Iris. *The Reality of Time*. Fairfield, IA: Time Portal, 2005.

Sussman, Janet Iris. *Timeshift: The Experience of Dimensional Change*. Fairfield, IA: Time Portal, 1996.

Swanson, Claude. *Life Force, the Scientific Basis: Volume Two of the Synchronized Universe*. Tucson, AZ: Poseidia Press, 2010.

Swanson, Claude. *The Synchronized Universe: New Science of the Paranormal*. Tucson, AZ: Poseidia Press, 2003.

Talbot, Michael. *The Holographic Universe*. New York: HarperCollins, 1991.

Tart, Charles T. *The End of Materialism: How Evidence of the*

Paranormal Is Bringing Science and Spirit Together. Oakland, CA: New Harbinger, 2009.

Taylor, Jill Bolte. *My Stroke of Insight: A Brain Scientist's Personal Journey.* New York: Penguin, 2006.

Tipler, Frank J. *The Physics of Immortality.* New York: Doubleday, 1996.

Tompkins, Ptolemy. *The Modern Book of the Dead: A Revolutionary Perspective on Death, the Soul, and What Really Happens in the Life to Come.* New York: Atria Books, 2012.

Tononi, G. "An information integration theory of consciousness." *BMC Neuroscience* 5 (2004): 42-72.

Tucker, J. B. *Life Before Life: A Scientific Investigation of Children's Memories of Previous Lives.* New York: St. Martin's, 2005.

Tyrrell, G. N. M. *Man the Maker: A Study of Man's Mental Evolution*. New York: Dutton, 1952.

Van Lommel, Pim. *Consciousness Beyond Life: The Science of Near-Death Experience.* New York: HarperCollins, 2010.

Waggoner, Robert. *Lucid Dreaming: Gateway to the Inner Self.* Needham, MA: Moment Point Press, 2008.

Wegner, D. M. *The Illusion of Conscious Will*. Cambridge, MA: MIT Press, 2002.

Weiss, Brian L. *Many Lives, Many Masters.* New York: Fireside, 1988.

Whiteman, J. H. M. *The Mystical Life: An Outline of Its Nature and Teachings from the Evidence of Direct Experience*. London: Faber & Faber, 1961.

Whiteman, J. H. M. *Old & New Evidence on the Meaning of Life: The Mystical World-View and Inner Contest.* Tập 1, *An Introduction to Scientific Mysticism*. Buckinghamshire: Colin Smythe, 1986.

Wigner, Eugene. "The Unreasonable Effectiveness of Mathematics in the Natural Sciences." *Communications in Pure and Applied Mathematics* 13, số 1 (1960).

Wilber, Ken., biên tập. *Quantum Questions*. Boston: Shambhala,

1984.

Williamson, Marianne. *A Return to Love: Reflections on the Principles of a Course in Miracles*. New York: HarperCollins, 1992.

Ziewe, Jurgen. *Multidimensional Man*. Tự xuất bản, 2008. Zukav, Gary. *The Dancing Wu Li Masters: An Overview of the New Physics.* New York: William Morrow, 1979.